

TẠ NGỌC ÁI (BIÊN DỊCH)

TÍNH CÁCH QUYẾT ĐỊNH THÀNH BẠI

TẬP I



Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

LỜI NÓI ĐẦU

Số phận con người không do trời định đoạt, thành bại do chính con người làm nên, tính cách quyết định hết thảy, Có rất nhiều người thường oán trách số phận bất công, thường chỉ vì một vài thất bại mà đấm ngực, giậm chân nhưng họ đâu có biết được rằng, những người suốt ngày ngồi than thân trách phận, chắc sẽ khó lòng có được thành công trong cuộc sống.

Tính cách là đặc trưng tâm lý được thể hiện ở thái độ và hành vi của con người trước những sự việc khác nhau, như những tính cách: nguyên tắc, dũng mãnh, hòa nhã, nhu nhược, bộc trực, hào phóng, ngang ngược, kiên nhẫn, hẹp hòi, cô độc... Có điều tính cách không chỉ đơn giản như vậy. Tính cách không chỉ chia thành các tầng thứ khác nhau mà nó còn chịu ảnh hưởng của môi trường xung quanh. Thí dụ nhà văn và nhà chính trị có sự hào phóng khác nhau, điều này cũng sẽ liên quan đến trình độ tiếp thu giáo dục văn hóa của mọi người, tổ dưỡng văn hóa khác nhau sẽ tạo ra những tính cách khác nhau.

Mọi người chúng ta chỉ cần tỉnh táo nhận thức được mối quan hệ giữa tính cách và thành bại, hiểu được tính cách quyết định thành bại, hiểu được điều đó tức là bạn đã thành công được một nửa.

Văn hào nổi tiếng người Anh Charles Dickens từng nói: "Một tính cách lành mạnh sẽ có sức mạnh hơn một trăm loại trí tuệ". Câu danh ngôn bất hủ này cho chúng ta một chân lý: tính cách như thế nào sẽ có cuộc đời như thế.

Lịch sử văn minh mấy ngàn năm của nhân loại cho chúng ta thấy: Tính cách tích cực có thể cho con người sức khỏe, hạnh phúc và của cải; còn tính cách tiêu cực sẽ lấy đi của con người những thứ có ý nghĩa trong cuộc sống, cho dù con người đã đạt tới đỉnh cao, nó vẫn có thể đẩy chúng ta xuống vực sâu.

Chúng ta thường nói phải làm chủ vận mệnh của mình, nhưng nếu chúng ta trước hết không thể hoàn thiện được tính cách của mình, biến trái tim yếu đuối trở nên mạnh mẽ thì chúng ta làm sao nói đến chuyện làm chủ vận mệnh?

Xin hãy nhớ rằng, vận mệnh không phải là không thể lựa chọn hay làm chủ được. Nếu chúng ta lấy tính cách của mình làm gốc, lấy sự sinh tồn và phát triển làm động lực để đi tìm cuộc sống tích cực và vui vẻ, thì cuộc sống có thể chọn lựa được, có thể làm chủ được vận mệnh của mình. Cho dù trong hoàn cảnh bất lợi, đứng trước tình hình khó khăn, chúng ta vẫn có thể tìm kiếm và sáng tạo ra trạng thái sinh tồn mà mình mong muốn. Tính cách có sức mạnh chiến thắng bất cứ gian nan, trắc trở và áp lực nào.

Cuốn sách này có chữ viết đẹp, ngôn ngữ trong sáng, trôi chảy, giàu triết lý, hàm chứa những tình cảm mãnh liệt. Trong từng mục nhỏ của mỗi trang đều sử dụng những câu chuyện ngắn sinh động giúp người xem giải thích những nghi hoặc trong lòng hoặc sử dụng những kiến thức lý luận mới nhất, trình bày chi tiết và đầy đủ, phân tích một cách sâu sắc các biểu hiện của bản tính con người. Cuốn sách có dàn ý chi tiết, nội dung sâu sắc, giúp người đọc dễ hiểu và lý giải.

Tin rằng, sau khi bạn đã để tâm đọc và lĩnh hội nội dung cuốn sách này, bạn sẽ hiểu ra rằng: không có sự đồng ý của bạn, không ai có thể khiến bạn cảm thấy tự ti và đau khổ. Chúng ta có đầy đủ các tính cách tốt đẹp, chúng ta sẽ thành công trong suốt cuộc đời, vì chúng ta tin tưởng chắc chắn rằng: tính cách quyết định hết thảy.

Tác giả

LÀM NGƯỜI CÓ TÍNH CÁCH THẮNG THẮN, CƯƠNG TRỰC

Ưu điểm lớn nhất của người có tính thẳng thắn cương trực là một lòng một dạ tin vào chân lý, không bị tác động bởi hoàn cảnh bên ngoài, như đoá sen giữa bùn lầy, như cành mai kiêu ngạo trước sương gió. Người thẳng thắn vô tư, nói thẳng không e ngại, ghét thói đồ kị, luôn tạo nên tính cách riêng của mình, họ suy nghĩ độc lập và thích tự do, được mọi người tôn sùng và tin cậy, trở thành chỗ dựa tinh thần cho người khác trong mọi hoàn cảnh khó khăn.

Mọi người ai cũng khen ngợi tính ngay thẳng, song tính ngay thẳng cũng có nhược điểm của nó: quá thẳng thắn khó tránh khỏi khoe tài. Quá cố chấp lại đề cao cái tôi, quá chân thực thì thiếu lý trí, vì thế người ngay thẳng thường long đong, lận đận, thường rơi vào hoàn cảnh nguy hiểm, đồng hành cùng với sự đau khổ, thậm chí còn gặp vận đen.

1- Nói thẳng không e ngại, không cho phép tà ác

Trong lịch sử cận đại của Trung Quốc, Hà Hương Ngưng là người phụ nữ nổi tiếng ngang với Tống Khánh Linh. Xét về tổng thể, bà là người yêu nước, tích cực hợp tác với những người cộng sản trong nước.

Cả cuộc đời bà phấn đấu cho sự nghiệp cách mạng Trung Quốc và cho sự nghiệp giải phóng phụ nữ.

Hà Hương Ngưng tính tình bộc trực, ngay thẳng; không hề tàn ác, gian xảo quyết. Trong phe Quốc dân Đảng hỗn loạn, cho dù đối phương có quyền lực lớn thế nào bà cũng nói thẳng bất kể người đó là ai, trong đó có cả Tưởng Giới Thạch.

Một cây mai bên cây thủy tiên, gió bắc thổi mạnh cây vẫn đứng vững, sương tuyết dập vùi cây vẫn xanh tốt; chiến thắng cái giá lạnh mùa đông, cành cây càng vững chắc hơn. Cây mai được ví như tấm lòng của Hà Hương Ngưng nó cũng lột tả được tính thẳng thắn của bà. Bà tự ví mình như cây mai, thể hiện phẩm chất đạo đức của một phụ nữ vĩ đại, thẳng thắn, cao thượng và luôn bảo vệ chính nghĩa.

Mặc dù là nhân vật lão thành trong Quốc dân Đảng, nhưng tính bộc trực và tinh thần yêu nước của Hà Hương Ngưng trái ngược hoàn toàn với Tưởng Giới Thạch. Hà Hương Ngưng luôn nghiêm khắc và dám đấu tranh với Tưởng Giới Thạch - kẻ phản bội ước nguyện của Tôn Trung Sơn. Năm 1926, khi Tưởng Giới Thạch gây ra sự kiện "Tàu chiến Trung Sơn" phản bội Đảng Cộng sản, bà đã từng quở trách trước mặt Tưởng: "Thì thế của tiên sinh Tôn và Trọng Khải còn chưa lạnh, Bắc phạt cũng mới bắt đầu, kẻ thù lớn còn ở trước mặt, các ông làm loạn trong hàng ngũ cách mạng, tôi biết nói gì với tiên sinh Tôn? Nói gì với Trọng Khải đây?".

Người trong Quốc dân Đảng, không ai dám nói như thế với Tưởng Giới Thạch, nhưng bà dám nói, dám mắng chửi, không hề e sợ, tính thẳng thắn của bà ngay cả Tưởng Giới Thạch cũng phải khiếp sợ.

Tháng 11/1927 vào lúc hoa mai mới nở, Tưởng Giới Thạch và Tống Mỹ Linh chuẩn bị làm đám cưới ở Thượng Hải. Báo chí lúc đó thổi phồng với hàng loạt tiêu đề bắt mắt Trung - Mỹ hợp tác. Tưởng Giới Thạch xảo quyết muốn tăng thêm phần long trọng cho buổi hôn lễ, nghĩ rằng Hà Hương Ngưng là người tuổi cao, có địa vị và danh vọng trong Quốc dân Đảng đã mời bà làm chứng cho hôn lễ. Hà Hương Ngưng mượn dịp này khuyên Tưởng Giới Thạch ngừng ngay việc tàn sát chiến sĩ cách mạng, từ bỏ chính sách chống cộng. Tưởng Giới Thạch mượn cớ biện minh, Hà Hương Ngưng cảm thấy bất đồng, giữ áo bỏ về, từ chối làm người chứng hôn cho hắn, làm Tưởng khó xử. Nhiều người trong Quốc dân Đảng nịnh bợ bà cũng không được, huống hồ Tưởng Giới Thạch chủ động mời, Hà Hương Ngưng lại không hề để ý đến, coi thường quyền uy của Tưởng Giới Thạch, điều này đáng trân trọng biết bao! Hà Hương Ngưng tính cương trực, dũng cảm, không sợ bất cứ điều gì. Trong Quốc dân Đảng, bà là người duy nhất và cũng là

người đầu tiên nghiêm nghị chất vấn Tưởng Giới Thạch, từ chối làm người chứng hôn, dám công khai làm nhục Tưởng.

Sau "sự biến 18 tháng 9", Tưởng từ chối kháng Nhật, vẫn duy trì sách lược phản động "muốn chống giặc ắt phải dẹp yên trong nước trước sẵn sàng nhẫn nhục nhường bước cho quân xâm lược, bành trướng thế lực tìm diệt người trong cộng sản Đảng. Hà Hương Ngưng vô cùng phẫn nộ với hành động của Tưởng Giới Thạch. Bà gửi cho Tưởng một chiếc váy kèm theo bài thơ:

"Uống tự xưng nam nhi, cam thụ ca nô khí,

Bất chiến tổng sơn hà, vạn thế đồng tu nhục

Ngô sai phụ nữ môn, nguyện vãng sa trường tử,

Tương ngã cân quốc thường, hoán nhĩ chinh y khứ

Tạm dịch là:

Uống phí tự xưng mình là nam nhi, cam chịu làm tay sai cho Nhật, ?

Không chiến đấu đã dâng tặng giang sơn, muôn đời nhục nhã

Chị em cùng trang lứa, nguyện chết trên sa trường

Lấy chiếc váy của ta, đổi cho áo quân phục của người.

Hà Hương Ngưng không kìm nén nổi, trút hết giận dữ trong lòng, chỉ e Tưởng Giới Thạch nhìn thấy váy đàn bà và bài thơ lại không thản nhiên như Tư Mã Ý khi nhận được bộ y phục phụ nữ mà Gia Cát Lượng gửi cho. Bà đã làm Tưởng khóc dở, mếu dở. Điều đó thể hiện tính ngay thẳng của bà. Gia Cát Lượng là một thánh nhân hoàn toàn phù hợp với phong thái của một nho gia, Ông trung thành, thẳng thắn với Lưu Bị. Nhưng Hà Hương Ngưng đứng về phía chính nghĩa, bà trung thành với đạo nghĩa làm người.

Hà Hương Ngưng tính tình ngay thẳng, không ác ý, ghét thói xảo quyệt. Bà là người sắc sảo, đối với Tưởng Giới Thạch bà đã tố thái độ như vậy, đối với phu nhân của các nhân vật cấp cao trong Quốc dân Đảng bà cũng không hề nể nang.

Vì phản đối Tôn Trung Sơn đưa quân lên phía Bắc, Trần Quýnh Minh đã cất quân đánh Tôn Trung Sơn và bỏ tù Liêu Trọng Khải, vào thời điểm quan trọng tìm cách cứu Liêu Trọng Khải, vợ của Ông Tinh Vệ là Trần Bích Quân lấy dạ kẻ tiểu nhân để đo lòng quân tử, nói bừa là Hà Hương Ngưng mong đợi kế hoạch của Tôn Trung Sơn thất bại, Liêu Trọng Khải có thể được tự do. Hà Hương Ngưng tức giận tát một cái vào mặt Trần Bích Quân, quát: "Tại sao ta lại phải ích kỷ như vậy, ta không đến nỗi phải hy sinh Tôn Trung Sơn để cứu Trọng Khải".

Chiến tranh kháng Nhật, bước vào thời điểm cam go, Hà Hương Ngưng đã đem toàn bộ số tiền bán các bức tranh mà bà sưu tầm trong nhiều năm dùng vào việc chi tiêu cho kháng chiến. Bà còn động viên phu nhân các quan chức trong Quốc dân Đảng quyên góp tiền cho kháng chiến. Trong một lần quyên góp, người đầu tiên nhận quyên góp là vợ của Tổng Tử Văn. Hà Hương Ngưng thấy bà ta miến cưỡng viết số tiền quyên góp ít ỏi liền chỉ thẳng vào mặt bà ta và nói: "Chống Nhật cứu nước, ai có tiền góp tiền, chị có nhiều tiền nhất, lại quyên góp số tiền thế này, hỏi còn ai muốn góp nhiều hơn chị?" Vợ Tổng Tử Văn xấu hổ không biết giấu mặt vào đâu. Đó chính là tính cách của Hà Hương Ngưng. Mặc dù đối phương là ai, bà cũng không nể nang, chỉ làm theo chân lý chính nghĩa.

Chính vì thế, Hà Hương Ngưng trở thành số ít "người ngoại tộc" trong Quốc dân Đảng, bảo vệ chân lý, vô tư, quang minh chính đại, lại dũng cảm, nói lời ngay thẳng. Trong mắt mọi người bà là người nóng nảy mà lại giàu tình cảm. Hà Hương Ngưng là người có tài năng lớn về hội họa, suốt cuộc đời bà thích vẽ tùng, trúc, mai. Vẽ đẹp thanh cao của cây tùng, vẽ kiên cường của cây mai và vẻ khí tiết của cành trúc thể hiện sinh động trên từng trang giấy. Những nét vẽ bộc lộ được phẩm chất đạo đức và tính cách của bà. Bà cũng thích vẽ sư tử, mãnh hổ, ngụ ý lấy "sư tử bình tĩnh, hổ uy phong dữ dằn" để phác họa một cách chân thực khát vọng giải phóng Tổ quốc

và dân tộc. Những bức vẽ đó cũng thể hiện khí phách uy phong và tinh thần chiến đấu của bà.

Tính ngay thẳng của Hà Hương Ngưng hoà trộn trong tình mẹ con, bà gắn việc giáo dục con cái với trách nhiệm đối với quốc gia và dân tộc. Bà đặt tên con gái là Mộng Tĩnh, nghĩa là dân tộc Trung Hoa bừng tỉnh sau giấc ngủ dài hàng ngàn năm; con trai Thừa Trí, nghĩa là kế thừa ý chí cách mạng. Các con của bà đều là đảng viên Đảng Cộng sản Trung Quốc, tham gia đấu tranh bí mật chống lại bọn phản động Quốc dân Đảng. Con trai bà - Liêu Thừa Trí vì hoạt động cách mạng nhiều lần bị bắt giữ. Bà dựa vào uy danh là lão thành trong Quốc dân Đảng, tìm mọi cách cứu con trai. Mặc dù Quốc dân Đảng nhiều lần yêu cầu bà "quản giáo con cái nghiêm khắc hơn", "không cho phép tham gia hoạt động chính trị", nhưng Hà Hương Ngưng vẫn làm theo ý mình, ủng hộ việc làm của các con.

Chúng ta có thể thấy vào thời điểm khó khăn đó, Trung Quốc rất cần những người như Hà Hương Ngưng - một người mang khí phách của một đại trượng phu, luôn có trách nhiệm với dân tộc, "lấy áo phụ nữ đổi cho áo quân phục", cùng nam nhi vượt qua khó khăn của đất nước, đây lẽ nào không phải là lý do để Hà Hương Ngưng là người kiệt xuất sao! Thử hỏi thiên hạ có mấy người phụ nữ tính tình thẳng thắn như Hà Hương Ngưng?

2- Kiên trì chân lý, có sao nói vậy

Mã Diễn Sơ là nhân vật nổi tiếng lừng lẫy trong giới học thuật ở Trung Quốc. Vào những năm 50 của thế kỷ XX, "Thuyết dân số mới của ông" từ chỗ bị phê bình về lý luận học thuật được nâng lên bị phê bình về quan điểm chính trị; Mã Diễn Sơ vẫn không thay đổi, không hề dao động, luôn giữ vững tinh thần tự do của một trí thức, ông được mệnh danh là "Trí thức đầu tiên trong thiên hạ".

Tính ngay thẳng không a dua, không khiếm sợ quyền uy của Mã Diễn Sơ đã quyết định phong cách sống của ông: "Trong lòng nghĩ thế nào, nói ra thế ấy". Thời kỳ Quốc dân Đảng, ông căm ghét Tưởng Giới Thạch, lăng mạ Tưởng là "anh hùng gia tộc", ông lấy thể xác chống lại đạn lửa của Quốc dân Đảng; thể hiện lòng yêu nước nồng nàn, thật oanh liệt xiết bao. Vào thời kỳ đó đã có nhân dân cả nước làm hậu thuẫn cùng chống Tưởng. Nhưng vào những năm 50, trên dưới đã tách biệt rõ ràng, những người có địa vị thấp, thường thấp cổ bé họng.

Lúc đó, Thủ tướng Chu Ân Lai cũng ngạc nhiên về việc này. Để mâu thuẫn không đến mức quá căng thẳng, Thủ tướng Chu thực lòng muốn hai người đối xử với nhau như những người bạn cũ, gần gũi và hiểu nhau. Nhưng Mã Diễn Sơ vì sự cao quý của học thuật lần đầu tiên đã từ chối ý tốt của Thủ tướng mà ông hằng kính trọng. Thủ tướng Chu cho rằng để Mã Diễn Sơ kiểm điểm bản thân không khó, nhưng bắt chân lý học thuật phải cúi đầu trước cường quyền, ông ta khó có thể chấp nhận được.

Việc Mã Diễn Sơ đoạn tuyệt quan hệ, khiến chúng ta nhớ ngay câu nói nổi tiếng của Arisstotle: "Ta yêu thầy ta, ta càng yêu chân lý". Về điểm này, Mã Diễn Sơ viết trên cuốn Tạp chí "Kiến thiết mới": "Nói mấy câu thể hiện sự cảm ơn tận đáy lòng đến người yêu quý và bảo vệ tôi."

Cuối cùng tôi phải cảm ơn và xin lỗi một người bạn tốt khác. Khi tôi gặp nạn ở Trùng Khánh, anh ấy bằng mọi kế cứu tôi. Năm 1949, tôi từ Hồng Kông lên phía Bắc hoạt động chính trị, cũng là lúc nhận được điện anh ấy gọi tôi đi. Tất cả điều này khiến tôi vô cùng xúc động, đến bây giờ tôi vẫn chôn chặt trong lòng. Nhưng lần này đối với vấn đề học thuật, tôi không nghe lời khuyên chân thành tâm huyết của anh ấy. Trong lòng thực sự rất buồn, nhưng tôi nắm chắc lý luận của tôi, không thể không kiên trì. Sự tôn nghiêm của học thuật không thể không được bảo vệ, nên tôi đành từ chối kiểm điểm. Hy vọng người bạn của tôi tha thứ, không coi việc tôi từ chối kiểm điểm giống như hành động phản cách mạng.

Vì cuộc tranh luận gay gắt về học thuật mà Thủ tướng của một nước đích thân làm người hoà giải, điều đó chứng tỏ, phạm vi và mức độ đề cập của vấn đề tranh luận do Mã Diễn Sơ đưa ra rất rộng và sâu.

Mã Diễn Sơ là một học giả tiến bộ. Cương trực trở thành một phần tính cách của ông. Lúc còn

trẻ ông từng du học ở Mỹ, am hiểu tiếng Anh, Đức, Pháp, tinh thông Trung - Tây Âu. Nhưng, để nghiên cứu kinh tế chủ nghĩa xã hội của Liên Xô cũ, năm 69 tuổi, ông lấy lại "sức trẻ thời thanh xuân", chuyên tâm nghiên cứu tiếng Nga trong vòng 3 năm. Vào thời gian rỗi - ông có thể thoải mái đọc sách báo tiếng Nga. Thành tích này cũng thật đáng trân trọng đối với một học giả phong thái tài hoa. Năm 1916 ông giảng dạy tại Trường Đại học Bắc Kinh, là một giáo sư đảm nhiệm chức chủ nhiệm khoa, trưởng ban giáo vụ. Mười năm ông tham gia kháng chiến, sau 25 năm ông bất chấp mình đã ở tuổi "xưa nay hiếm", vui vẻ trở lại nghề dạy học, đứng ra làm hiệu trưởng đầu tiên của Trường Đại học Bắc Kinh. "Đến già ông vẫn nghèo. Ở tuổi già ông càng khoẻ mạnh, làm việc trong nhà trường, trong lòng ông luôn nghĩ đến mọi người, suy nghĩ về lý luận, chú ý thực tế, suy ngẫm về Trung Quốc, chiêm nghiệm thế giới, tìm về lịch sử, nhìn thấu được tương lai.

Sau khi nghiên cứu sâu về kinh tế học, vấn đề dân số Trung Quốc luôn là điểm nóng gây sự chú ý của Mã Diễn Sơ. Người đi theo chủ nghĩa xã hội nghĩ rằng Trung Quốc hoàn toàn không tồn tại vấn đề dân số. Còn người theo chủ nghĩa duy tâm tin tưởng con người có thể chiến thắng tự nhiên, lại xem dân số Trung Quốc trở thành vấn đề khó khăn mang tính toàn cầu. Là một nhà học thuật, lời tiên đoán của Mã Diễn Sơ đã trở thành hiện thực. Nhưng một người Trung Quốc, một người đi đầu về tư tưởng, thì ông lại chìm sâu vào nỗi đau khổ không tài nào thoát ra được.

Lời tiên đoán đã trở thành sự thật, Trung Quốc gặp tai hoạ nặng nề phải trả cái giá quá đắt, cả dân tộc phải nhớ lời khuyên chân thành mang tính lịch sử của Mã Diễn Sơ. Từ đây ông là một nhân vật sáng chói trên vũ đài lịch sử. Ông được xếp vào danh sách những nhân vật thế kỷ, nổi tiếng với lý luận về dân số. Trong xã hội, ông luôn cẩn thận trong tri thức, ông tin tưởng vào quan điểm của mình và có dự định chính xác. Ông cho rằng: thậm chí khi người khác không đồng ý với cách giải quyết của ông, ông cũng không thể thay đổi phương án của mình. Nhiều người giận dữ với ông vì ông quá tự tin, nhưng ông vẫn mặc nhiên và tiếp tục điều tra nghiên cứu; từng bước bổ sung hoàn thiện quan điểm mới. Thế hệ trẻ đời sau vẫn còn nhắc đến ông.

Mã Diễn Sơ tính tình ngay thẳng, không bị khuất phục trước cường quyền, hơn một năm đi điều tra, đào sâu nghiên cứu; tháng 3 năm 1957, ông trực tiếp đưa vấn đề dân số ra nói tại phiên họp Quốc hội ở Trung Nam Hải. Ông nói: "dân số đông là đòn chí mạng đánh vào chúng ta". "Chúng ta chỉ cần nghiên cứu tình hình gia tăng dân số ở Trung Quốc một chút, sẽ nhận ra vấn đề dân số rất nghiêm trọng.

Theo cuộc tổng điều tra dân số cả nước năm 1953, cho thấy số dân Trung Quốc đã vượt qua 600 triệu người, 4 năm tới ít nhất tăng 50 triệu. Tôi tính đại khái thế này, 50 năm sau lên tới 1600 triệu người, nếu tỉ lệ gia tăng dân số hàng năm là 3%, 15 năm sau là 930 triệu, 50 năm sau sẽ là 1600 triệu người..."

Nói đến điểm mấu chốt vấn đề, Mã Diễn Sơ không bỏ mất thời cơ chiếu tướng các đại biểu dự hội nghị: "Nền kinh tế xã hội chủ nghĩa của chúng ta là kinh tế kế hoạch, nếu không đặt vấn đề dân số trong kế hoạch, thì không thể khống chế được số dân; không thực hiện sinh đẻ có kế hoạch, thì nền kinh tế đó sẽ không phải là nền kinh tế kế hoạch!"

Những quan điểm tiến bộ này khiến các vị lãnh đạo cấp cao cũng phải suy nghĩ. Nghe nói, Chủ tịch Mao Trạch Đông đã phát biểu tại hội nghị: có khả năng thực hiện sinh đẻ có kế hoạch không? Chúng ta hoàn toàn có thể nghiên cứu và thể nghiệm. Hôm nay đồng chí Mã Diễn Sơ nói rất hay! Ngày trước, ý kiến của đồng chí khi chưa được đưa ra và chuẩn bị đưa ra đã bị mọi người phản đối, không để cho đồng chí nói, hôm nay coi như đồng chí được nói thoải mái những điều cần nói rồi"...

Được vị lãnh đạo tối cao chấp thuận, rõ ràng đây là nguồn động viên ủng hộ lớn đối với lý luận học thuật của Mã Diễn Sơ, nhưng vị học giả này vẫn có thái độ thờ ơ trước cục diện chính trị. Mã Diễn Sơ như mở cờ trong bụng. Cuối tháng 4, ông quyết định công khai diễn thuyết tại Trường Đại học Bắc Kinh. Đây là báo cáo học thuật đầu tiên của ông từ sau ngày giải phóng đất nước, ông không nghĩ mình đang là hiệu trưởng mà tự mình đi dấn các tờ áp phích. Sau đó, ông

lấy bài diễn thuyết lần trước làm cơ sở, thu nhận ý kiến của mọi người. Trải qua hơn 1 tháng chuyên tâm sửa chữa, cuối cùng ông hoàn thành cuốn luận văn học thuật nhiều tập. Để phân biệt với Thomas Robert và các học giả thuyết dân số khác, ông đặt tên "Thuyết dân số mới" cho cuốn sách của mình.

Tính tình cương trực vô tư, tấm lòng ngay thẳng của Mã Diễn Sơ giúp ông có được sức mạnh vô biên theo đuổi chân lý. Nhìn lại từ trước đến nay, xung quanh chúng ta, có mấy người cương trực như ông? Trong hoàn cảnh khó khăn như vậy, ông đã thọ 101 tuổi, thực sự là một con số lẽ khó đạt được. Là một người quang minh chính đại, ông mới có thể ngâm câu thơ "Sông lớn chảy về phía Đông, mãi mãi không quay trở lại! Chuyện cũ như mây khói, phấn đấu viết lên những trang sách mới!" Bởi vì Mã Diễn Sơ vô tư không sợ hãi, coi khinh cường quyền, phong cách sống độc đáo, Mã Diễn Sơ làm được bước này, cái chết cũng không thể cận kề ông.

Vào những năm tuổi cao, Mã Diễn Sơ gặp nhiều điều không may mắn. Tác giả của cuốn "Thuyết dân số mới" phải rời vị trí hiệu trưởng và diễn đàn chính trị huyên náo, sống ở tạp viện nhỏ trong ngõ ở kinh thành. "Dòng sông phẳng lặng, con thuyền đơn chiếc trôi ra xa". Tuy xa rời bụi trần của cuộc sống bên ngoài, nhưng không thể ngăn nổi tinh thần làm việc hăng say của ông. Bằng ý chí mãnh liệt, ông trở lại làm việc ở độ tuổi hơn 100, khiến cho mọi người phải kinh ngạc. Điều này ngay cả đối thủ của ông nằm mơ cũng không nghĩ đến, người nhà và bạn bè ông cũng khó có thể tin được. Tiếng tăm của ông một phần nhờ vào việc ông đào sâu nghiên cứu thuyết dân số, một phần quyết định bởi tính ngay thẳng của ông.

3- Vinh nhục một đời đều vì sống ngay thẳng

Kiên trì nguyên tắc là một đặc trưng lớn của tính thẳng thắn, cương trực. Tuy nhiên trong xã hội phong kiến, xung đột giữa nguyên tắc, lệnh nước và Hoàng quyền có thể nhận biết được. Người tính tình ngay thẳng khó thích ứng với những thay đổi của xã hội, luôn bị thất bại, cuộc sống không được như ý.

Cả cuộc đời Châu Á Phu, một vị tướng anh minh Triều Hán là như vậy.

Năm 158 trước công nguyên, hung nô tiến quân xâm lược theo hai đường. Quân tiên phong trực tiếp bao vây quân Thái Nguyên, Châu Á Phu tiếp chỉ đóng quân ở Tế Liễn. Hán Văn Đế vì cẩn thận, đích thân đi thị sát quân Tây và quân Bắc. Những nơi đã đến, tất cả đều chuẩn bị nghênh giá Hoàng thượng. Văn Đế thấy tình hình này rất lo lắng, không biết một khi hung nô tập kích đến, họ sẽ phản công thế nào. Nhưng khi đến doanh trại của Châu Á Phu, lại là cảnh tượng khác. Xe của Thái thượng chạy đến Tế Liễn, chỉ thấy binh lính sĩ tốt tay cầm đao sắc, mình khoác áo giáp; mũi tên đầy nỏ. Viên quan dẫn đầu của Hoàng thượng đến cửa doanh trại, lập tức bị quân sĩ chặn lại, không làm sao tiến vào được. Viên quan liền nói với quân sĩ canh gác cửa doanh trại: "Thái thượng sắp đến Viên quan". Đô úy canh giữ cửa doanh trại nói: "Tướng quân đã căn dặn cẩn thận, trong doanh trại chỉ nghe hiệu lệnh của tướng quân, khi có chiếu thư của Thái thượng. Một lát sau, xe ngựa của Hoàng thượng đến, nhưng quân sĩ vẫn không mở cửa, Văn Đế cũng không làm thế nào được, đành phái người cầm lệnh bài của Hoàng thượng đi gặp Châu Á Phu nói: "Thái thượng đích thân thăm doanh trại". Châu Á Phu lúc này mới truyền lệnh mở cửa doanh trại.

Quân sĩ canh giữ cả doanh trại còn nói với tùy tùng của Hoàng thượng "Tướng quân có quy định, không cho phép xe ngựa của ai chạy trong doanh trại, kẻ nào trái lệnh chém đầu". Thế là, Hoàng thượng đành phải để người hầu giữ dây cương đi chậm lên trước. Vào trong doanh trại, Châu Á Phu cũng không quỳ lạy nghênh tiếp Hoàng thượng. Ông đội mũ giáp sắt, vòng tay thi lễ Văn Đế. "Thần đội mũ giáp sắt, không thể cúi lạy; muốn dùng lễ trong quân tiếp kiến Thái thượng". Hán Văn Đế thấy vậy rất cảm động, ông đứng dậy nhắc thanh gươm trước xe, thay đổi sắc mặt nghiêm nghị lúc đầu và sai người nói với Châu Á Phu: "Hoàng thượng gửi lời thăm hỏi đến tướng quân". Hỏi thăm xong, xe ngựa của Hoàng thượng rời khỏi doanh trại. Trên đây là những dòng thuật lại chân thực tình cảnh xảy ra lúc bấy giờ.

Lúc đó, không ít đại thần phải toát mồ hôi vì lo cho Châu Á Phu, mặc dù họ đều biết ông trị quân nghiêm khắc, nhưng hành động như vậy khó tránh hiềm khích coi khinh Hoàng thượng.

Hán Văn Đế cũng hiểu Châu Á Phu vì nước vì quân, xuất phát từ đại cục nước nhà, nhưng trong lòng cũng cảm thấy ông ta làm như vậy quá mức, cảm thấy sự tôn trọng nghiêm, vinh dự của vị Hoàng đế ít nhiều bị tổn hại.

May mà Hán Văn Đế là một vị minh quân, nên mặc dù không vui vẻ với cách xử sự của Châu Á Phu, nhưng vì suy nghĩ đến đại sự nước nhà nên mới không bộc lộ ra bên ngoài, thậm chí trước lúc lâm chung còn dặn dò Thái tử Lưu Khải (tức Hán Cảnh Đế sau này): "Nếu sau này giang sơn xảy ra loạn lạc, nhất là khi có kẻ phản loạn, Châu Á Phu có thể gánh vác trọng trách".

Đúng như Hán Văn Đế dự liệu, Hán Cảnh Đế lên ngôi chưa lâu, xảy ra loạn 7 nước, Hán Cảnh Đế nhớ lại lời dặn dò của Văn Đế lúc lâm chung, liền phong Châu Á Phu là thái uý, dẫn quân đi dẹp loạn. Châu Á Phu là người cương trực, vừa không cao giọng hô thánh nhân quang minh vạn tuế, cũng không từ chối sự sắp đặt của Hán Cảnh Đế làm Hán Cảnh Đế cảm thấy Châu Á Phu quá ngạo mạn, coi khinh Hoàng thượng mới lên ngôi, nên đối xử với ông không lạnh nhạt, cũng không nồng nhiệt, tư tưởng bất mãn bắt đầu nảy sinh.

Châu Á Phu quả nhiên không phụ sự uỷ thác của Hoàng thượng, mưu cao trí lớn, nhiều lần xuất binh kỳ lạ, không đầy 3 tháng giành chiến công lớn.

Vì có công dẹp loạn, vào thời Hán Cảnh Đế Tiền Văn năm thứ 7, Châu Á Phu được phong là Thừa tướng. Châu Á Phu sống uy phong, ngay thẳng thấu hiểu đạo lý, không xử trí theo tình cảm, vì thế ông không biết xu nịnh lấy lòng người khác, khắp nơi đều có kẻ thù ghét ông.

Ban đầu là Lương Vương Lưu Vũ - em trai của Hán Cảnh Đế gây hiềm khích với Châu Á Phu. Khi Châu Á Phu dẫn quân dẹp loạn 7 nước, ông đưa quân chủ lực đến vùng Hà Nam, lúc đó, liên quân Ngô, Sở tấn công ồ ạt người ngựa của Lương Vương Lưu Vũ; Lưu Vũ xin Hán Cảnh Đế cứu viện, Cảnh Đế ra lệnh cho Châu Á Phu đến cứu viện, nhưng Châu Á Phu cho rằng Ngô, Sở còn rất mạnh chỉ bằng trước hết tránh va chạm này rồi sẽ hành động sau. Ông chỉ phái quân chặn đường viện trợ lương thực của liên quân, để tránh được mối họa, về sau phải quay trở lại tìm quan Hán tác chiến, rồi Châu Á Phu luyện binh giỏi, chuẩn bị vũ khí tinh nhuệ chờ cho kẻ thù mệt mỏi quay lại tấn công, phá dỡ phòng tuyến của liên quân Ngô, Sở, đánh bại quân chủ lực của chúng và giành toàn thắng. Nhưng Lương Vương lại bất mãn với cách làm của ông.

Châu Á Phu chỉ biết mưu lược cho nước nhà, không mưu lợi cho bản thân, cuối cùng lại gây thù oán với Lương Vương. Vì thế, Lương Vương mỗi lần vào triều, đều tìm mọi cơ hội gây khó dễ cho Châu Á Phu. Thời gian dài lời giả dối cũng thành thật, huống hồ Lương Vương nói sai sự thật về ông.

Cảnh Đế Tiền Nguyên năm thứ 4 (năm 153 trước công nguyên), lập con trai trưởng Lưu Vinh làm Hoàng Thái tử, nhưng vì mẫu thân của Lưu Vinh dần dần không được sủng ái, Cảnh Đế muốn phế truất thái tử, lập Lưu Triệt - con trai của Vương Thái Hậu làm thái tử. Nhưng trong xã hội phong kiến, không cho phép phế truất con trưởng để lập con thứ. Châu Á Phu mới làm thừa tướng: cho rằng thái tử vẫn xứng đáng, tùy ý phế truất và lập ngôi thứ khiến triều đình hỗn loạn. Châu Á Phu tính tình ngay thẳng không giỏi khuyên can người khác, vì vậy nảy sinh tranh cãi với Cảnh Đế. Về sau, Cảnh Đế nói: Phế tập thái tử là việc gia đình, không cần người ngoài nhúng tay vào lúc đó mới chịu thôi. Châu Á Phu không những không thể thuyết phục Cảnh Đế, trái lại Cảnh Đế nghĩ ông ta quá lỗ mãng, quá coi khinh Hoàng thượng nên vô cùng phẫn nộ.

Năm 147 trước công nguyên, tức thời Hán Cảnh Đế Trung Nguyên năm thứ 3, Đại Thái Hậu muốn Cảnh Đế phong anh trai của Vương Hoàng Hậu là Vương Tín làm hầu, phong họ ngoại làm hầu là trái với phép tắc của tổ tiên. Vì thế Cảnh Đế lệnh cho Châu Á Phu vào triều thương lượng việc này. Quả nhiên Châu Á Phu tính tình thẳng thắn dùng lời của cao tổ Hoàng đế Lưu Bang đối đáp với Hán Cảnh Đế: "Không phải họ Lưu mà xưng vua, không lập công mà được phong hầu, thiên hạ sẽ đá kích". Vì Châu Á Phu nói theo điển cố, làm Cảnh Đế không có lý do nổi giận, vừa phải tuân theo lệ nước, chán ngấy vì bị bề tôi khiển trách ngay trước mặt, Cảnh Đế có thành kiến càng sâu sắc với Châu Á Phu. Lần này ông không được Cảnh Đế tin yêu, lại mắc tội với Vương Tín, nhưng Lương Vương quan hệ mật thiết với Vương Tín, vì thế đều coi ông như

kẻ thù. Bên cạnh Hoàng thượng là hai hoàng thân quốc thích thân cận, cấu kết với nhau hãm hại Châu Á Phu.

Ít lâu sau, 6 thủ lĩnh Hung nô đến đầu hàng. Hán Cảnh Đế cho rằng đây là kết quả văn trị và công của ông ta, trong lòng rất phấn khởi; liền phong cho người này làm Liệt Hầu. Nhưng trong số đó có một người là con của tên tướng làm phản triều Hán, Châu Á Phu cho rằng đời cha của hắn phản bội nhà Hán đầu hàng Hung nô, nay hắn lại phản bội Hung nô mà quy hàng Hán, là kẻ tiểu nhân không thể phong làm hầu. Châu Á Phu nhiều lần gặp trở ngại, bức bối trong lòng, vì thế ông dâng sớ cầu xin Hoàng thượng cho phép được cáo lão về quê.

Do Châu Á Phu cả đời làm tướng, có danh vọng, Hán Cảnh Đế sinh lòng ngờ vực, thường tìm mọi cách thăm dò ông.

Một hôm, Hán Cảnh Đế lấy danh nghĩa ban thưởng đồ ăn để triệu Châu Á Phu vào cung, muốn thăm dò ông, mặc dù ông thôi làm quan, vẫn hết lòng trung với vua, nghe xong thánh chỉ, ông lập tức vào triều. Ông bước vào cung, chỉ thấy Cảnh Đế ngồi một mình ở đó, hành lễ yết kiến. Cảnh Đế nói với ông vài câu, liền lệnh cho người hầu bày tiệc.

Cảnh Đế muốn ông cùng ăn cơm, ông cũng khó từ chối, chỉ có một vua một thần, ông thấy lo ngại, khi đến chỗ ngồi, thấy trước mặt chỉ có một tách rượu, không có đĩa, món ăn chỉ là một miếng thịt to, không thể ăn được. Châu Á Phu nghĩ Cảnh Đế đang đùa ông, định nổi giận, quay đầu ra lệnh cho viên quan hầu hạ: "Mang cho ta đôi đĩa!" Nhưng quan hầu hạ làm theo lời dặn của Cảnh Đế, giả vờ điếc, đứng yên không đáp lời.

Châu Á Phu tính tình ngay thẳng không đa nghi. Ông không nghĩ đây là âm mưu của Cảnh Đế. Lúc này Cảnh Đế bỗng ngắt lời: "Từ nay vẫn chưa làm người vừa ý sao?" Châu Á Phu nghe xong vừa hối hận vừa giận dữ, đứng ra quỳ lạy tạ tội với Hoàng thượng.

Mấy ngày sau, Hoàng thượng truyền thánh chỉ thông báo có người tố cáo ông và lệnh cho ông vào cung đối chất. Châu Á Phu nghe xong biết đã xảy ra việc không hay; đại hạn của ông sắp đến. Quả nhiên Hán Cảnh Đế vốn ghen ghét ông, lấy việc bé xé ra to, vu cáo ông mưu làm phản; Châu Á Phu biết rõ không thể biện minh gì, đành thở dài không nói. Hán Cảnh Đế ra lệnh quân lính giam giữ ông trong phòng kín để tra hỏi. Dò xét mãi sự việc cũng chưa ra đầu đuôi chân tướng ngọn ngành. Nhưng Hán Cảnh Đế rắc tâm muốn ông phải chết; mặc dù ông không chịu khai báo nhưng biết Hoàng thượng muốn lấy đầu ông, ắt phải mượn cớ. Thế rồi Hoàng thượng bất ngờ phán tội ông: "Bây giờ ngươi chưa làm phản, hay ở dưới tuổi vàng lại có mưu đồ tạo phản!"

Hoàng thượng tìm mọi cớ hãm hại ông. Sau khi bị nhốt trong nhà lao, Châu Á Phu 5 ngày không ăn rồi chết. Cả đời làm tướng lại rơi xuống vực sâu, quá ngay thẳng, quá giữ phép tắc mà không xét xem thời thế, đoán ý người qua sắc mặt, sẽ động chạm đến nỗi khổ của người khác, làm cả hai phải bối rối khó xử. Người như vậy khó sống được trong xã hội phức tạp.

4- Nói thẳng, dám khuyên can, làm việc chính nghĩa, dẹp tà ác.

Trong xã hội những người tính tình thẳng thắn vô tư, dám khuyên, dám chịu phạt không nhiều. Từ cổ đến kim, Ngụy Trưng được coi là một trong những đại thần khuyên gián hàng đầu. Nếu nói Ngụy Trưng dám khuyên can là vì ông gặp vị vua anh minh - Đường Thái Tông. Tỉ Cẩn tuy biết rõ chủ của mình là ông vua hồ đồ tàn bạo mà cũng dám khuyên nhủ, vậy Tỉ Cẩn đã khuyên vua Tru như thế nào?

"Gián" nghĩa là gì? "Gián" tức là khuyên nhủ, làm việc nghĩa, dẹp tà ác. Trong cách cư xử, "khuyên can" và "tiếp nhận lời khuyên" nên là phẩm chất đạo đức tốt đẹp. Bất luận thế nào, nghe theo lời khuyên chân thành của người khác vẫn tốt hơn làm việc theo ý mình. Nhưng khuyên nhủ cũng phải xem xét đối tượng, nếu là một vị vua anh minh còn biết nghe lời khuyên, nhưng nếu là một ông vua hồ đồ, nhẹ thì mất chức quan, nặng thì gia tộc bị chu di. Trong mắt những đại thần tính tình ngay thẳng dám khuyên nhủ, phép tắc và chuẩn mực đạo đức hành vi còn lớn hơn uy nghiêm của thiên tử.

Nguy Trưng đời Đường xuất thân trong gia đình nhà nho. Ông ôm hoài bão lớn, muốn lập nên sự nghiệp; vì vậy ông chăm chỉ đèn sách, dùi mài kinh sử. Tài năng lớn về học vấn và chính trị của ông đã tạo dựng cho ông cơ sở tốt đẹp. Chính lúc đó Hoàng đế Tuỳ Dạng hoang dâm vô đạo, anh hùng hào kiệt trong thiên hạ đứng lên khởi nghĩa chống Tuỳ. Nguy Trưng ban đầu gia nhập quân khởi nghĩa Nguyễn Bảo Tàng, nhưng thấy không có tương lai, hoang mang không biết theo ai, nên đã rời quê làm đạo sĩ để tránh thời buổi loạn lạc.

Sau đó, Nguy Trưng rời núi, làm thuộc hạ của Lý Kiến Thành, đảm nhiệm chức quan Tiến Mã chuyên trông coi kinh thư. Nguy Trưng mặc dù có học vấn, nhưng vẫn chưa làm được việc gì lớn lao, ông chỉ đề nghị Lý Kiến Thành để ông dẫn quân tấn công tên Lưu Hắc Thát bắt trị một trăn, vừa có thể lập công, lại có thể bí mật quy tụ hào kiệt. Thái tử tin tưởng ông, cuối cùng giành thắng lợi hoàn toàn.

Sau khi Lý Đường nắm quyền thống trị thiên hạ, Lý Thế Dân phát động "sự biến cửa Huyền Vũ", giết chết anh trai - Thái tử Lý Kiến Thành, em trai Tề Vương Nguyên Cát, đưa mình lên làm Thái tử. Lý Thế Dân cũng biết Nguy Trưng là tâm phúc của Lý Kiến Thành, lại không muốn bỏ phí nhân tài nên đã lập tức triệu kiến ông. Lý Thế Dân chất vấn ông: "Vì sao người công kích quan hệ giữa huynh đệ ta". Không dùng lời hoa mỹ Nguy Trưng nói lý với Lý Thế Dân: "Mỗi người đều có chủ. Nếu Thái tử sớm tin cậy ta sẽ không có kết cục ngày hôm nay. Ta trung thành với Lý Kiến Thành, thế có cái gì sai? Quản Trọng không phải ám chỉ đến thuộc hạ của Hằng Công Trung Tề sao?

Nguy Trưng nhắc lại câu chuyện lịch sử Quản Trọng ám chỉ Tiểu Bái. Nghe ông ta nói thản nhiên lại có lý, Thái tử không muốn tỏ ra mất phong thái, liền miễn tội cho ông và phong ông làm chủ bạ (trông coi sổ sách), từ đó Nguy Trưng chấm dứt cuộc đời vô chủ.

Lý Thế Dân lên ngôi Hoàng đế không lâu sau liền, phong ông làm quân sư, điều đó thật phù hợp với ông! Đường Thái Tông biết tiếp thu ý kiến của người khác, tạo dựng tiếng tăm cho Nguy Trưng, Nguy Trưng dám mạo phạm uy nghiêm của quân chủ mà thẳng thắn khuyên can, rèn cho Đường Thái Tông có thói quen nghe lời khuyên của mọi người, Nguy Trưng khuyên can và Đường Thái Tông nghe lời khuyên của ông, trở thành tấm gương hiếm có lưu truyền trong sử sách Trung Quốc.

Quân sư chuyên góp ý kiến với Hoàng thượng, là viên quan rất đặc biệt không đáng kể gì nhưng vô cùng quan trọng. Quân sư như cán cân không có vạch nhưng có quyền lực lớn, Hoàng thượng nghe hay không còn phụ thuộc vào ý kiến của quân sư. Đường Thái Tông phong Nguy Trưng làm quân sư, chứng tỏ Đường Thái Tông công nhận tài năng, tin tưởng và tôn trọng ông. Sau đó Đường Thái Tông lại tiến cử ông làm quan Thượng Thư, luôn ở bên cạnh nhắc nhở khuyên can Hoàng thượng.

Về chiến lược cai trị giang sơn, Nguy Trưng chủ trương giảm lao dịch thuế má. Ông cho rằng, Triều Tuỳ diệt vong đều vì sách nhiễu dân quá nhiều, thuế má nặng, lao dịch nhiều khiến dân chúng căm phẫn, yên ổn thì thiên hạ bình an, quấy nhiễu dân thì thiên hạ loạn lạc. Vì thế, vào thời Lý Thế Dân, triều đình giảm thuế, bớt lao dịch. Thiên hạ có yên ổn mới phát triển kinh tế vững chắc.

Trong toàn bộ chiến lược cai trị đất nước, nhất là sau khi dẹp yên loạn lạc, Nguy Trưng chủ trương phải làm nhanh không được chậm, gấp gáp không được trì hoãn.

Về thi hành luật nước, Nguy Trưng chủ trương mềm mỏng, khoan hồng rõ ràng. Ông kiên quyết phản đối triều Trần thi hành nhục hình tàn bạo, tàn sát dân chúng, nhưng ông cũng kiên quyết chủ trương xét xử theo luật nước, phản đối những kẻ vì tình riêng làm sai lệch nước.

Nguy Trưng còn chú trọng tạo lòng tin của dân chúng, ông cho rằng: chính sách không nên thay đổi xoành xoạch, bởi vì như vậy dân chúng không thể làm theo được. Dẫu biết rằng không được làm hại đến uy nghiêm của Hoàng thượng, nhưng Nguy Trưng vẫn phạm phải, điều này do tính tình thẳng thắn, cương trực của ông quyết định. Cuộc sống hằng ngày là chuyện riêng tư của vị Hoàng đế, nhưng suy nghĩ về sách lược trị nước an dân, Nguy Trưng lại cho rằng mọi

hành động cử chỉ của Hoàng thượng liên quan đến sự an nguy của nước nhà, họa phúc của dân chúng, vì thế ông khuyên can Hoàng thượng mọi việc.

Về việc dùng người, ông chủ trương chọn người có tài, có đức. Ông nói với Đường Thái Tông: "Khi thiên hạ chưa yên ổn, triều đình nên trọng người có tài; không cần quá xem xét hành vi đạo đức của người đó. Sau khi bình định thiên hạ, ắt phải trọng người có tài và đức". Chịu ảnh hưởng của ông, Đường Thái Tông chủ trương: "Trong triều không trốn tránh người thân; ngoài triều không trốn tránh kẻ thù". Có một lần, Đường Thái Tông còn chủ động nói với Ngụy Trưng: "Tuyển chọn quan lại, không được lơ là qua loa, dùng một người quân tử, sẽ lựa chọn trong nhiều quân tử, dùng một kẻ tiểu nhân, bọn tiểu nhân sẽ chui luồn đục khoét triều đình".

Đặc biệt là cách hưởng thụ, Ngụy Trưng luôn theo sát Đường Thái Tông, thường xuyên khuyên can cho dù có mạo phạm uy nghiêm của Hoàng thượng. Ông không muốn Hoàng thượng xây dựng cung điện lớn. Một lần, Đường Thái Tông muốn đi săn ở núi Nam; xe ngựa đều đã chuẩn bị sẵn sàng, cuối cùng lại không đi. Ngụy Trưng hỏi vì sao Hoàng thượng không xuất phát. Đường Thái Tông nói: "Ta đầu tiên muốn đi săn, nhưng lại e người nhắc đến "phòng bị" nên không dám đi".

Đường Thái Tông năm thứ 12 (năm 638), các đại thần đều muốn Thái Tông lên núi Thái Sơn tế trời đất, chỉ có Ngụy Trưng nghĩ bây giờ chưa phải lúc tổ chức lễ tế trời đất. Thái Tông hỏi ông: "Ta hy vọng người nói ra hết suy nghĩ của mình. Lễ nào công lao của ta không lớn? Đức hạnh không tốt? Giang sơn vẫn chưa yên ổn? Các bộ lạc ở nơi xa không ngưỡng mộ đại nghĩa của đại Đường sao? Cát tường vẫn chưa đến? Hay nông nghiệp chưa bội thu? Vì sao ta không thể lên núi tế trời đất?" Ngụy Trưng nói: "Công lao của bệ hạ lớn lao vô cùng, nhưng dân chúng vẫn chưa nhận được ân huệ của bệ hạ. Bệ hạ nhân từ nhưng dân chúng cả nước vẫn chưa thấy sự nhân từ của bệ hạ. Giang sơn mặc dù yên ổn nhưng chưa có đủ tiền để chi tiêu việc lớn. Các bộ lạc ngưỡng mộ đại nghĩa của bệ hạ, nhưng triều đình lại không có khả năng thu phục họ. Điềm lành mặc dù đã xuất hiện, nhưng luật nước quá chặt chẽ. Nhiều năm công nghiệp liên tục bội thu, nhưng kho lương vẫn trống. Đó là những nguyên nhân thần nghĩ rằng trước mắt không thích hợp làm lễ tế trời. Thần không lấy cái gì xa xôi, tạm thời ví với con người, một người bây giờ mắc bệnh nặng đã 10 năm, đến khi sắp khỏi bệnh, gầy gò, chỉ còn da bọc lấy xương, nếu bắt anh ta gánh ngay gánh thóc; mỗi ngày phải đi 100 dặm, chắc chắn anh ta không thể làm được. Triều Tuỳ thiên hạ đại loạn đã hơn 10 năm, bệ hạ dẹp yên loạn lạc, mặc dù bây giờ thiên hạ đã yên ả, nhưng quốc khố vẫn chưa đầy. Trong hoàn cảnh này, thần hoài nghi việc tế trời đất, báo cáo nghiệp lớn đã thành vào lúc này có hợp hay không? Huống hồ Hoàng thượng tế trời đất trên núi Thái Sơn, sứ giả các nước đều tụ họp ở nơi này; người ở các nước láng giềng cũng đến. Phía Đông có lưu vực sông Y Thủy, Lạc Thủy; phía Đông là núi Thái Sơn, Đông Hải, bãi cát hoang và đầm lầy, mệnh mông vô tận, không chút hơi người, không nghe thấy tiếng chó sủa gà kêu đường đi gập ghềnh, đi lại khó khăn, há chẳng phải gọi người bộ lạc khác đến, phơ bày điểm yếu của triều ta sao? Cho dù dùng châu báu ban thưởng cho họ, cũng không thể thỏa mãn nguyện vọng. Dù là 2 năm liên tục miễn lao dịch, nhưng cũng không thể bù đắp nỗi khổ của dân chúng trăm họ. Nếu xảy ra hạn hán lũ lụt, khó khăn, những kẻ hống hách bắt dân ta phục dịch, lúc đó hối cũng không kịp, không chỉ một mình thần khẩn cầu Hoàng thượng không lên núi? Hàng nghìn hàng vạn dân chúng chờ đợi bệ hạ ân chuẩn". "Thái Tông nghe xong, nghĩ rằng mặc dù giang sơn mới yên bình, nhưng chưa phát triển, quốc khố vẫn còn trống, liệu có thể tế trời đất tuyên bố công lao vào hoàn cảnh khó khăn này không? Thế là việc lên núi tế trời đất gác lại về sau.

Nổi tiếng nhất là Ngụy Trưng phân biệt Trung thần và Lương thần. Một lần, Đường Thái Tông tin lời gièm pha của kẻ khác, khiển trách Ngụy Trưng bao che người thân của mình. Nghe xong lời giải thích của ông, Đường Thái Tông biết mình đã sai. Ngụy Trưng thừa lúc nói: "Thần hy vọng bệ hạ để thần làm một Lương thần, không để thần làm Trung thần". Đường Thái Tông nghe xong rất ngạc nhiên, liền hỏi: "Lễ nào Lương thần khác Trung thần?" Ngụy Trưng đáp lại: "Khác nhau rất lớn, Lương thần có tiếng tốt để đời, quân chủ cũng được thơm lây, con cháu tương truyền; lưu truyền đến nghìn năm. Trung thần mắc tội bị giết, quân chủ cũng mang tiếng xấu hồ đồ, ngu xuẩn, nước mất nhà tan; trung thần cũng chỉ vô danh". Đường Thái Tông nghe

xong rất cảm động, ông liên tục tán thưởng Ngụy Trưng nói rất đúng và ban tặng cho Ngụy Trưng 400 xấp lụa.

Đương nhiên, Đường Thái Tông là người chứ không phải là thần, không phải lúc nào cũng vui vẻ nghe lời khuyên của Ngụy Trưng. Có lúc Đường Thái Tông vừa hận vừa sợ thậm chí còn muốn giết ngay ông. Có lần, Đường Thái Tông bắt được một con điều hâu đẹp, thích thú để nó lên cánh tay chơi. Nhìn thấy Ngụy Trưng từ xa đến, Đường Thái Tông vội vã che kín con điều hâu vào lòng, sợ Ngụy Trưng nhìn thấy hoặc nghe thấy. Thực ra thì Ngụy Trưng sớm đã nhìn thấy, ông không muốn Hoàng thượng quá ham chơi động vật, nên cố tình tấu trình nhiều việc nước, cố ý làm cho con điều hâu sắp ngạt thở, ông mới rút lui. Đợi ông đi xa, Đường Thái Tông vội vàng lấy con điều hâu ra. Nó đã bị chết. Đường Thái Tông vô cùng phần nộ nhưng không nói ra.

Ngụy Trưng tuổi già mắc bệnh nặng, Thái Tông lệnh thái y đến khám bệnh bốc thuốc. Sứ giả từ nơi xa đến tới tập, cùng với Thái tử đến nhà thăm ông, gả công chúa Hằng Sơn cho con trai của ông. Sau khi ông qua đời, Thái Tông lệnh cho quan lại từ cửu phẩm trở lên đến chia buồn, khắc lời chia biệt trên bia đá. Thái Tông nhớ ông vô cùng, Thái Tông nói một câu nổi tiếng với các đại thần: "Con người lấy đồng làm gương; có thể chỉnh ngay ngắn mũ áo; lấy thơ làm gương, có thể thấy thịnh suy; lấy người làm gương, có thể biết cái được cái mất. Ngụy Trưng qua đời, ta vỡ mất một tấm gương rồi!" Đây có lẽ là vinh dự đặc biệt lớn nhất đối với các đại thần.

Có câu: "Trung thần không thờ hai chủ, gái tốt không lấy hai chồng". Nói như vậy, Ngụy Trưng không phải là "Trung thần", nhưng ông lại là Lương thần lưu truyền thiên cổ! Bởi vì trong suy nghĩ của ông có một chuẩn mực hành vi: "Trên trung với vua, nước, dưới báo hiếu với thiên hạ, tính tình thẳng thắn cương trực khiến ông là "người trung thần", chứ không phải là "kẻ hèn nhất". Mạnh Tử nói: "Văn chu nhất phụ trụ hỉ, vị văn thí quân dã", tức là trung với nước không phải trung với vua, trung thành với nhân dân không phải là trung thành với một người. Sự trung thành của Ngụy Trưng do tính cách của ông quyết định!

LÀM NGƯỜI CÓ TÍNH CÁCH TINH TẾ NHẠY BÉN

Người có tính cách tinh tế, nhạy bén thường có óc tưởng tượng rất phong phú, có tính tư duy sáng tạo và khả năng quan sát rất nhạy cảm. Họ thích ứng với sự thay đổi tốt hơn mọi người, giỏi nắm bắt cơ hội, khi đã xác định chính xác mục tiêu họ ngoan cường không chịu từ bỏ, quyết giành được thắng lợi cuối cùng. Họ tỏ ra là người vững vàng, chín chắn. Những người này tính tình vui vẻ, cởi mở, phóng khoáng, khả năng chịu đựng tương đối tốt và sẵn sàng đối mặt với hiện thực. Nói và làm cẩn thận; suy nghĩ chu toàn, chín chắn trước khi làm việc, họ luôn nghĩ về người khác trước khi nghĩ đến công việc, tiến hay rút lui đều phải suy tính vẹn toàn. Loại người này sống rất có trách nhiệm, làm việc tháo vát nhanh nhẹn, nếu giao cho việc lớn, không lo xảy ra sai sót.

Đương nhiên bất kỳ một tính cách nào cũng có nhược điểm và ưu điểm. Người tinh tế nhạy cảm cũng không ngoại lệ. Họ suy nghĩ quá cẩn thận, việc gì cũng suy đi tính lại, không dám mạo hiểm, nhiều cơ hội dễ dàng tuột khỏi tầm tay. Họ cảnh giác cao, không tin tưởng mọi người, vì hoài nghi nên việc gì cũng đích thân làm họ luôn ngò vực, sống khép kín bản thân.

1- Làm người hoàn mỹ, khó làm nên sự nghiệp hoàn mỹ

Khắp nơi trên đất nước Trung Hoa, từ trẻ em đến người già đều biết đến Gia Cát Lượng - một người tinh thông thiên văn, tỏ tường địa lý, đọc nhiều thơ ca sách vở, tài trí mưu lược, và đối xử nhân ái, rộng rãi độ lượng với mọi người. Cuối cùng, ông phò giúp Lưu Bị lập nên nhà Thục, cùng chung hưởng thiên hạ. Gia Cát Lượng là hoá thân của trí tuệ lớn, có biệt tài đoán trước sự việc và tâm hồn tinh tế nhạy cảm đã làm nên cuộc đời truyền kỳ của ông.

Cuối thời Đông Hán, các chư hầu đánh nhau lộn xộn, Gia Cát Lượng đang "ở ẩn" ở Long Trung (cách phía Tây thành Tương Dương hơn 20 dặm), ông được coi là "nhân tài không ra khỏi cửa, lại biết mọi chuyện trong thiên hạ". Ở Long Trung ông chăm chỉ học kinh điển nho gia và sách sử đời trước và cũng đọc nhiều sách khác. Ông đọc cuốn "quan kỳ đại lược", chú ý nhiều nhất đến bài học kinh nghiệm thành bại thịnh suy của các vương triều trong lịch sử; ông tìm ra sách lược trị nước, trị dân có hiệu quả từ đó đúc kết thành quan điểm chính trị của ông. Ông còn để ý đến tình thế phát triển của đất nước và áp ủ hoài bão chính trị của mình. Ngoài việc học, Gia Cát Lượng không quên tự tuyên truyền cho bản thân. Bởi vì ông ôm ấp chí lớn, muốn làm nên sự nghiệp cho nên suốt 10 năm "ở ẩn" ở Long Trung, nhờ vào các mối quan hệ xã hội và quan hệ họ hàng, ông đã giao lưu với người có tiếng tăm ở Tương Dương. Đặc biệt ông qua lại mật thiết với các danh sĩ để học hỏi tri thức, mở rộng ảnh hưởng chính trị, giúp ông dần dần đứng trong hàng các nhân vật nổi tiếng ở Kinh Châu.

Lưu Bị - hậu duệ của Hán Thất luôn khao khát làm nên nghiệp lớn trong thời loạn lạc, vì thế ông đi khắp nơi chiêu mộ nhân tài. Lúc này, Từ Thúc - một danh sĩ ở Dĩnh Xuyên tiến cử Gia Cát Lượng cho ông. Lưu Bị hơn Gia Cát Lượng 20 tuổi, nhưng ông tin Gia Cát Lượng là nhân tài kiệt xuất, liền dẫn theo Quan Vũ, Trương Phi đích thân đến Long Trung mời Gia Cát Lượng trợ giúp ông.

Gia Cát Lượng được tin Lưu Bị đến chơi, cố tình tránh mặt để thử lòng quyết tâm và thành ý của Lưu Bị. Lưu Bị sau lần đầu đến không gặp được Gia Cát Lượng thấy hẫng hụt, lần thứ hai vẫn không gặp được, Quan Vũ, Trương Phi đều hết kiên nhẫn, nhưng Lưu Bị nhớ kỹ lời của Từ Thúc: "Phải thành tâm thành ý đi mời Gia Cát Lượng". Tháng 1 năm đó, Lưu Bị đến gặp Gia Cát Lượng lần thứ ba. Gia Cát Lượng cuối cùng cũng cảm kích trước thành tâm của Lưu Bị ra lễ đón Lưu Bị.

Lưu Bị để Quan Vũ, Trương Phi ở bên ngoài, một mình ở trong phòng nói chuyện với Gia Cát Lượng, Lưu Bị nói: "Ngày nay, nhà Hán suy tàn, giang sơn rơi vào tay bè lũ thống trị ngang ngược. Ta thấy mình kém hiểu biết, lại rất muốn làm yên nhà Hán, nhưng không biết làm như

thể nào, xin tiên sinh chỉ giáo".

Gia Cát Lượng thấy Lưu Bị là người khiêm tốn, là người có thể nương tựa và hợp tác, liền nói ra hết những nhận định nhiều năm của ông về thế cục và nghĩ mưu kế cho Lưu Bị. Ông nói: "Bây giờ, Tào Tháo đã thắng Viên Thiệu ở phía Bắc, thống lĩnh trăm vạn quân, bức hiếp thiên tử ra lệnh cho các chư hầu; tướng quân không thể dùng vũ lực độ cao thấp với hắn. Tôn Quyền chiếm giữ Giang Đông, bố con anh em đã đóng quân ba đời ở đó. Ông ta có sông Trường Giang (đầu mối giao thông quan trọng) làm tấm bình phong, lại được dân chúng và các nhân sĩ ở Giang Đông ủng hộ. Tướng quân chỉ có thể liên hợp với ông ta".

Tiếp theo đó, Gia Cát Lượng phân tích tình thế của Kinh Châu và Ích Châu, chỉ ra điểm trọng yếu của Kinh Châu và vị trí chiến lược quan trọng. Vùng Ích Châu phì nhiêu trăm dặm, được mệnh danh là "thiên phủ chi quốc. Nếu Lưu Bị có thể chiếm được Kinh Châu, Ích Châu, bên trong chinh đồn nội bộ, bên ngoài liên kết với Tôn Quyền, nhất định sẽ thắng lợi. Một khi có cơ hội sẽ ra quân theo hai đường Kinh Châu, Ích Châu, tiến về Bắc đánh vùng Trung Nguyên.

Sự phân tích tỉ mỉ và tài trí mưu lược kiệt xuất của Gia Cát Lượng khiến Lưu Bị hiểu ra vấn đề, trầm trồ tán thưởng ông và Gia Cát Lượng cũng tin phục cách cư xử của Lưu Bị, từ đó ông xuống núi, phò giúp Lưu Bị khôi phục nhà Hán.

Sau trận Quan Độ, Tào Tháo thống trị phương Bắc, muốn thôn tính Kinh Châu và Giang Đông. Gia Cát Lượng nhận lệnh đi sứ Giang Đông, cùng Tôn Quyền bàn bạc mưu kế.

Gia Cát Lượng phân tích cụ thể cho Tôn Quyền nghe tình hình ta và địch; chỉ ra điểm yếu mà quân Tào không thể khắc phục nổi, và điều kiện cơ bản để liên quân Tôn Lưu giành thắng lợi. Kiên định quyết tâm, Tôn Quyền liên kết với Lưu chống Tào. Tôn Quyền phong Chu Du làm đại đô đốc; phối hợp với quân của Lưu Bị, cùng đánh quân Tào.

Đa số quân Tào là người phương Bắc, không chịu được sóng gió trên sông nước, say thuyền nôn mửa; quân Tào dùng xích sắt nối các thuyền với nhau, lát phản gỗ lên trên; tạo thế "liên hoàn thuyền". Lúc đó, Gia Cát Lượng và Chu Du đều nghĩ đến phóng hỏa. Thuộc hạ của Chu Du - Hoàng Cái giả vờ đầu hàng Tào, trên thuyền lại chất đầy cây lau sợi khô đã tẩm dầu, khi cách quân Tào khoảng 2 dặm mới châm lửa đốt. Đúng lúc đó gió Đông Nam thổi mạnh sức gió trợ giúp thế lửa; lửa trợ giúp hướng gió, lúc này hàng loạt thuyền lửa lao về phía quân Tào. Quân Tào bị thương, chết, không sao đếm xuể; Tào Tháo kéo theo bọn tàn binh bại tướng hoảng hốt tháo chạy.

Lưu Bị ở Hạ Khâu tác chiến với Viên Thuật, chiếm giữ vùng Tương Châu; Từ Châu; giành lấy vùng đất Thục, tiếp đó chiếm đóng toàn bộ vùng Ích Châu. Sau đó, Lưu Bị đánh chiếm Hán Trung. Năm 221 công nguyên, Lưu Bị lên ngôi Hoàng đế ở Thành Đô, nhà Thục Hán chính thức được thành lập.

Tôn Quyền giành lấy Kinh Châu sau khi giết chết Quan Vũ; Lưu Bị vì muốn báo thù nên xuất quân tiến đánh Đông Ngô. Gia Cát Lượng nhiều lần khuyên Lưu Bị không nên xuất quân đánh Ngô mà nên kết hợp với Đông Ngô đánh Tào, nhưng Lưu Bị vẫn không nghe. Lưu Bị giữ Gia Cát Lượng ở lại bảo vệ Thành Đô, phò tá Thái tử, đích thân dẫn quân tiến về phía trước. Lưu Bị thua trận, khiến chính quyền Thục Hán ngày càng suy tàn.

Sau khi bại trận Lưu Bị trở về thành Bạch Đế và ốm, vội vàng cho mời Gia Cát Lượng đến dặn dò gửi gắm việc sau này.

Thái thú Hoàng Nguyên trấn giữ vùng Giang Gia, vì Gia Cát Lượng không thích ông ta, sợ Gia Cát Lượng nắm quyền hành sẽ bất lợi cho mình nên dẫn quân làm phản, quân làm phản của Hoàng Nguyên bị đánh bại.

Ở Ích Châu, Ung Diêm xúi giục các thủ lĩnh dân tộc thiểu số như Mạnh Hoạch, dấy binh làm phản. Lúc mới đầu làm phản thế lực còn chưa mạnh, nhưng Ung Diêm liên tục bịa ra lời gièm pha đến các thủ lĩnh dân tộc ít người, kích động xúi giục họ. Như vậy, sau mấy năm, Ung Diêm uy hiếp lộng quyền, quân phiến loạn dần dần chiếm giữ toàn bộ khu vực Nam Trung. Chỉ có

mấy năm quận quy thuộc về quyền thống trị của nhà Thục Hán.

Gia Cát Lượng nhảy bén, hiểu rằng chỉ dựa vào cách chinh phục bằng vũ lực sẽ không thể thu phục lòng người, thế là theo như kế sách đã định: "Hoà giải, vỗ về dân Mân Di, ổn định hậu phương", sử dụng kế chiêu hàng về chính trị để dẹp những cuộc phản loạn của Nam Trung, nhưng không thu được kết quả mong đợi. Gia Cát Lượng muốn nhanh chóng dẹp yên quân phản loạn ở Nam Trung, để tấn công quân Tào Ngụy đã chi viện càng nhiều sức người, sức của. Cho nên kết tốt với Ngô, cắt đứt quan hệ giữa Ung Diêm và Đông Ngô.

Hai năm sau, Gia Cát Lượng quyết định dẫn quân bình định Nam Trung. Lần này ông sử dụng chiến lược có hiệu quả: dẫn binh mã xuống phía Nam tấn công Ung Diêm theo ba đường Hữu, Trung, Tả. Đầu tiên Gia Cát Lượng tấn công quân vua Cao Định ở khu vực Bi Thủy, giết chết Cao Định. Tiếp đó, các cánh quân từ 3 đường dẫn đầu giao chiến với Mạnh Hoạch ở Bàn Đông. Mạnh Hoạch là người dũng mãnh thiện chiến, rất được lòng dân ở đó. Gia Cát Lượng muốn hấn tâm phục khẩu phục, lệnh cho quân lính phải bắt sống Mạnh Hoạch. Sau khi bắt làm tù binh để Mạnh Hoạch nhìn thấy thể trận của nước Thục, sau khi xem xong, Mạnh Hoạch rất không phục, nói với Gia Cát Lượng: "Đầu tiên ta chưa biết thực hư của ông, nên mới mắc lừa và thua trận, hôm nay được cho phép quan sát cách bố trận của ông; chỉ có điều, nếu có thể giao chiến lại tôi nhất định đánh bại ông".

Gia Cát Lượng thả Mạnh Hoạch về, để hấn chỉnh đồn quân, giao chiến lại. Cuối cùng sau 7 trận liên tiếp, ông đều bắt sống được Mạnh Hoạch, Lần cuối cùng ông thả hấn về, hấn mới chịu thua. Thế rồi Gia Cát Lượng dẫn quân tiến vào Điền Trì (tên gọi của Vân Nam) bình định vùng Nam Trung.

Gia Cát Lượng muốn các tộc người xung quanh tin phục nên cho họ quyền tự trị, từ đó dẹp yên vùng Nam Trung, phía Bắc bình định Trung Nguyên sẽ không phải lo mối họa sau này.

Năm 226 công nguyên, Ngụy Văn Đế ốm chết, con trai là Tào Duệ lên kế vị, Gia Cát Lượng cho rằng thời cơ tiến về Bắc diệt Trung Nguyên đã đến. Thế là, ông dẫn quân chiếm đóng Hán Trung. Trước lúc lên đường ông đưa cho quân chủ Lưu Thiện 1 bản văn phong (bản xuất binh đánh trận) ghi lại điều kiện xuất binh, thể hiện quyết tâm lên phía Bắc bình định vùng Trung Nguyên, khôi phục nhà Hán.

Năm 228 công nguyên, Gia Cát Lượng ở Nam Định bàn bạc sách lược tiến quân, quyết định "giành chiếm dẹp yên vùng Cam Túc"; lại tiến lên Quan Trung. Thế là, Triệu Vân dẫn một đội quân chiếm giữ Cơ Cốc để thu hút sự chú ý của quân Ngụy, Gia Cát Lượng đích thân dẫn quân chủ lực đi theo hướng Tây Bắc rồi Kỳ Sơn, đánh chiếm Cam Túc. Quân Thục đánh một đòn bất ngờ, liên tiếp chiếm được 3 vùng Nam An, Thiện Thủy, An Định của Cam Túc, tướng Ngụy là Khương Duy phải đầu hàng Gia Cát Lượng.

Nhưng khi ngựa chạy nghìn dặm cũng có lúc mất móng. Gia Cát Lượng đã phạm một sai lầm lớn, khi quân Tào tiến đến Nhai Đình, ông giao cho Mã Tốc một kẻ khoác lác trần thủ vị trí xung yếu Nhai Đình. Mã Tốc vừa không tuân theo cách bố trận của ông, vừa không nghe lời khuyên của phụ tướng Vương Bình, bỏ thành không giữ; rời vùng sông nước lên núi. Quân Tào sau khi đến lập tức bao vây quân Thục ở trên núi, ban đầu chặn nguồn nước rồi tấn công ồ ạt lên núi. Mã Tốc đại bại, đám tàn binh kéo về doanh trại Kỳ Sơn.

Nhai Đình thất thủ, quân Thục mất hết khí thế, quân chủ lực "tiến cũng không có chỗ đóng quân" cơ hội tiếp tục giành chiếm Cam Túc đã mất, Gia Cát Lượng đoán trước được tình thế rút quân về Hán Trung.

Tháng 11, Gia Cát Lượng được 10 vạn quân Ngụy bị Đông Ngô đánh bại phải rút quân ở Quan Trung xuống phía Đông chống Ngô; vùng Quan Trung trống rỗng; ông thấy thời cơ lại đến, quyết định xuất binh lần thứ hai. Gia Cát Lượng nhanh chóng điều mấy vạn binh mã rời Tản Quan; bao vây Trần Thương. Nhưng ý trời khó tránh. Quân Ngụy đã chuẩn bị sẵn sàng từ trước, quân Thục tấn công suốt hơn 20 ngày, vẫn không công phá được Trần Thương. Quân tiếp viện của Tào đến kịp, Gia Cát Lượng đành phải ra lệnh rút quân.

Mùa xuân năm sau, lần thứ ba Gia Cát Lượng dẫn quân đánh về phía Bắc. Ông dùng thế "tiến dần dần, tấn công gần". Quân Thục rời cửa ải Dương Bình tấn công hai quận Vũ Đô, Âm Bình; hai quận nhanh chóng bị đánh chiếm, trở thành đất Thục.

Một năm sau, Gia Cát Lượng lần thứ tư dẫn quân rời Kỳ Sơn. Ông dẫn theo Ngụy Diên đội nghênh với Tư Mã Ý. Tư Mã Ý nhân lúc Thục vận chuyển lương thực rất khó khăn, khó có thể đánh lâu dài được; kiên trì chiếm cứ phòng thủ, không ra giao chiến. Mấy tháng sau; lương thực của quân Thục sắp cạn kiệt, đành phải rút quân về Hán Trung.

Gia Cát Lượng rút ra bài học sau 4 lần thất bại mới thấm thía "lương thực là thiết yếu nhất" vì thế ông có kế hoạch tập trung quân về trấn Hoàng Sa để chinh quân. Dùng gỗ cây và ngựa chế tạo "lưu mã" (xe 4 bánh người kéo) vận chuyển lương thực. Năm 234 công nguyên, Gia Cát Lượng thống soái 10 vạn quân xuất binh lần thứ năm, và hẹn Tôn Quyền cùng lúc tấn công Ngụy.

Gia Cát Lượng đóng quân ở Ngũ Trượng Nguyên bờ phía Nam sông Vị Thủy, một mặt là cầm cự với quân Ngụy, một mặt là chia quân đồn điền tại chỗ, đợi Đông Ngô hành động. Vào tháng 5, Tôn Quyền kéo 10 vạn quân tấn công Ngụy, thấy không thể thắng, ông đã nhanh chóng rút quân.

Tư Mã Ý và Gia Cát Lượng cầm cự nhau hơn 100 ngày, cuối cùng vẫn chưa giao chiến. Gia Cát Lượng từng cho người mang tặng Tư Mã Ý cái váy đàn bà để xỉ nhục, kích động nhưng Tư Mã Ý vẫn án binh bất động. Khi biết tin Gia Cát Lượng ngày đêm vất vả, mọi việc đều đích thân làm, ăn ít việc lại nhiều, Tư Mã Ý nghĩ Gia Cát Lượng không thể sống lâu hơn nữa, vẫn kiên quyết phương án tránh quyết chiến. Đến tháng 8, Gia Cát Lượng vì vất vả cả lâu ngày, ngã bệnh và đã qua đời trong doanh trại ở Ngũ Trượng Nguyên.

Gia Cát Lượng trí tuệ hơn người, cẩn thận tỉ mỉ, cả cuộc đời lo cho dân, cho nước, trung thành phò giúp Lưu Bị, công lao của ông khó có thể tính nổi. Mưu trí, tài thao lược của ông lưu truyền muôn đời. Nhưng cả đời, vì quá cẩn thận, làm mất đi nhiều cơ hội quý báu. Cũng vì cẩn thận mà đích thân ông làm mọi việc kể cả những việc nhỏ nhất, làm ông làm việc vất vả, ngã bệnh: sớm quá đời, quả là đáng tiếc. Vì thế, Đỗ Phủ đã từng làm một bài thơ khóc thương ông: "Xuất sư vị tiếp thân tiên tử, trưởng sứ anh hùng lệ mãn khâm" (xuất binh đánh trận chưa thắng lợi mà đã qua đời; tiền bối làm các anh hùng tuôn trào nước mắt).

2- Cả đời cẩn thận, tránh họa làm quan

Lưu Bá Ôn là người túc trí đa mưu, văn võ song toàn, am hiểu thiên văn địa lý, hiểu việc như thần, nhiều năm được người đời xem là một nhân tài kiệt xuất như Gia Cát Lượng.

Ông tên thật là Lưu Cơ, nhưng tên thường gọi thời đó là Lưu Bá Ôn, được lưu danh hậu thế; cuối thời Nguyên ông cáo quan về quê. Nhưng về ở ẩn lại không phải là chí hướng ban đầu của ông. Đúng lúc ông về ở ẩn, khởi nghĩa nông dân nổ ra ở khắp nơi của Trung Quốc như đốm lửa lan thành ngọn lửa lớn. Ông ở trong núi rừng nhưng tấm lòng nghĩ đến thiên hạ. Ông quan sát tỉ mỉ những diễn biến của tình thế đất nước. Ông phân tích và nhận ra nguyên nhân thiên hạ đại đoạn đều do bè lũ thống trị nhà Nguyên bắt tài thối nát. Ông còn tự ví mình như Tiêu Hà thời Tần Hán, như Trương Lương, hy vọng có thể "đè bẹp kẻ mạnh, nâng đỡ kẻ yếu", gây dựng thành công "sự nghiệp thái bình".

Sau khởi nghĩa của quân khản đỏ, triều đình nhà Nguyên lung lay sắp đổ. Chu Nguyên Chương nhân lúc quân khản đỏ đang giao chiến ác liệt với quân triều đình đã dần vượt đoàn người xuống Giang Nam, áp sát vùng Chiết Đông. Lưu Bá Ôn tinh thông thao lược, chớp thời cơ lôi kéo các anh em trong quê. Lúc đầu ông định tự bảo vệ, rồi từ đó mở rộng địa bàn hoạt động. Nhưng cuối cùng do thể cô độc, lực lại mỏng; ông không thể địch nổi Chu Nguyên Chương thế lực hùng hậu mạnh mẽ, đành ẩn nấp trong rừng sâu.

Chu Nguyên Chương có hoài bão cao xa, luôn muốn là Lưu Bang thứ hai để làm nên nghiệp lớn. Ông tìm mọi cách chiêu mộ nhân tài, đặc biệt ông rất coi trọng những nhân sỹ ở khắp các vùng. Lúc này, Lưu Bá Ôn tiếng thơm đồn đại khắp tỉnh Chiết Đông, thậm chí mọi nhà đều biết

đến ông. Chu Nguyên Chương rất muốn được Lưu Bá Ôn giúp sức.

Chu Nguyên Chương cho người đem lễ vật đến núi Thanh Điền để mời Lưu Bá Ôn. Lúc đó, Lưu Bá Ôn chưa biết gì về Chu Nguyên Chương, quân của ông đã từng giao chiến với quân của Chu Nguyên Chương. Ông không muốn vội vàng xuống núi, cũng không muốn mắc tội với Chu Nguyên Chương nắm trong tay binh quyền mạnh. Chính vào lúc này ông mới bộc lộ tính cách nhạy cảm sắc bén làm việc cẩn thận của mình. Ông tiếp đãi sứ giả chu đáo, từ chối khéo Chu Nguyên Chương, mong sứ giả trở về bẩm báo với Chu Nguyên Chương.

Chu Nguyên Chương biết Lưu Bá Ôn văn thao võ lược đều rất tốt, không muốn để tuột mất Lưu Bá Ôn. Ông biết Lưu Bá Ôn vẫn chưa hiểu về ông và quân của ông, lập tức chỉ dụ cho Hồ Đại Hải đang chỉ huy chiến sự ở Chiết Đông; bảo ông ta đối xử tốt với các nhân sĩ ở Chiết Đông để lấy lòng người.

Sau đó, ông phái sứ giả lại đi một chuyến mời Lưu Bá Ôn cùng nghĩ mưu kế lớn.

Sứ giả lại một lần nữa đến núi Thanh Điền, nói với Lưu Bá Ôn: "Nguyên soái chúng tôi khao khát làm nên nghiệp lớn, từ lâu đã nghe danh của tiên sinh. Vì thế, lại phái tôi đến, mời tiên sinh xuống núi, cùng gây dựng nghiệp lớn".

Lưu Bá Ôn vẫn chưa dám nhận lời, ông nói: "Ta là người của núi rừng thích tự do phóng khoáng. Hơn nữa ta đã 50 tuổi rồi, chẳng mong điều gì khác, chỉ mong sống những tháng ngày an nhàn. Ngoài ra, những tin đồn về ta đều không đúng sự thật. Ta tài thấp, học vấn nông cạn, không thể đảm nhận trọng trách này, hãy thay ta cảm tạ nguyên soái!"

Sứ giả không chịu đi, ở lại trên núi mấy ngày. Thấy Lưu Bá Ôn vẫn không đổi ý ông ta mới chịu xuống núi. Ông ta không dám về gặp Chu Nguyên Chương ngay, mà đi Sở Châu tìm gặp Hồ Đại Hải. Hồ Đại Hải nghe xong nổi cơn tam bành, tức giận nói: "Còn có kẻ rệu mòi không uống, để ta đưa quân đi bắt ông ta".

Sứ giả nói rõ ý đồ của Chu Nguyên Chương cho Hồ Đại Hải nghe. Hồ Đại Hải cảm kích nói: "Những võ tướng vào sinh ra tử như chúng ta vẫn không bằng một lão già". Hồ Đại Hải lại cho thuộc hạ lần thứ ba đi mời Lưu Bá Ôn xuống núi.

Vài ngày sau phó tướng của ông ta trở về và nói: "Tiểu nhân mới đến đã bị ông ta chặn họng; nói là ở trên núi dựng mấy gian lều cỏ; khai phá đất hoang, để chuẩn bị cuối đời ở trong rừng núi".

Lúc đó, Tôn Viêm- quan tri huyện mới nhận chức ở Sở Châu hăng hái nói, để ông ta viết thư cho Lưu Bá Ôn, nhất định sẽ mời được Lưu Bá Ôn xuống núi. Hồ Đại Hải cho người đi đưa thư, như vậy lần thứ năm họ đến mời Lưu Bá Ôn xuống núi.

Trong thư, trước tiên Tôn Viêm làm uy với Lưu Bá Ôn: "Nguyên soái đem đại quân áp sát biên giới nếu không muốn xuống núi, sẽ là kẻ thù của Chu Nguyên Chương, kết quả cả hai đều tan nát cả thôi". Cuối thư Tôn Viêm lại an ủi, nhắc lại lời hứa của Nguyên soái: "Ông xuống núi vừa không mắc tội lại được đi lại tự do. Nếu thấy hợp thì ở lại được Nguyên soái giao phó trọng trách, có thể bảo toàn tính mạng gia đình, hơn nữa có thể hưởng thụ vinh hoa phú quý; tại sao ông lại không thử?" Lưu Bá Ôn thấy tình hình như vậy, không đi không được, huống hồ cũng muốn làm nên sự nghiệp, vì thế ông quyết định xuống núi.

Đến đúng 20 năm, Lưu Bá Ôn đi cùng sứ giả đến Ứng Thiên. Chu Nguyên Chương lập tức triệu kiến. Chu Nguyên Chương đối đãi ông chân thành, khiến Bá Ôn rất cảm động. Ông thấy Chu Nguyên Chương mặc dù xuất thân từ dân thường nhưng ôm ấp chí lớn, là vị minh chủ đáng để đi theo.

Sau đó, ông hiến cho Chu Nguyên Chương 18 kế trị nước bình thiên hạ mà ông đã suy nghĩ kỹ càng. Ông phân tích tường tận tình thế đất nước, đưa ra hàng loạt đối sách.

Từ đó, Chu Nguyên Chương càng tôn trọng ông; cho người đến tu sửa phủ ở Ứng Thiên, lấy tên là "lễ hiền quán" luôn kính trọng xưng ông là lão tiên sinh, còn ví ông với Trương Lương

trong chiến tranh Sở Hán.

Lưu Bá Ôn thật đúng là một nhân tài lúc bấy giờ. Ông có học vấn uyên bác và can đảm, dũng cảm. Sau khi tham dự vào việc cơ mật của triều đình, ông liên tiếp hiển sách lược đặc biệt và nhanh chóng trở thành người hiền tài hiển kế cho Chu Nguyên Chương. Ông là người có công lao lớn lập ra nhà Minh.

Sau khi triều Minh được thành lập, ông được phong làm ngự sử trong triều phụ trách duy trì trật tự quan lại, cai quản bộ binh.

Sau khi lên ngôi, Chu Nguyên Chương ngày càng đa nghi. Ông ta có sức mạnh hơn người, ham vọng quyền lực, không khoan dung cho những kẻ coi thường quyền uy của Hoàng thượng. Chu Nguyên Chương cho rằng thừa tướng Lý Thiện Trường có công lao sinh ra ngạo mạn, muốn đem chém cổ ông ta, nên hỏi ý kiến của Lưu Bá Ôn.

Lưu Bá Ôn nói: "Lý Thiện Thành là công thần lập quốc, lại cư xử tốt với mọi người".

Chu Nguyên Chương nói: "Ông ta mấy lần hại lão tiên sinh, Người còn nói bênh vực ông ta sao?".

Lưu Bá Ôn nói: "Ông ta và thần là quan hệ cá nhân. Thay thừa tướng giống như cây thay cột trong nhà. Trước tiên cần tìm được cột nhà mới có thể thay. Nhưng hiện giờ không có ai có thể thay ông ta, vì thế không dễ thay đổi".

Chu Nguyên Chương hỏi ông: "Dương Hiến, Ôn Quảng Tường, Hồ Duy Dung không phải là rường cột của triều đình đó sao?"

Ông đáp lại: "Dương Hiến mặc dù có tài, nhưng thiếu độ lượng. Mọi người thường nói: "Trong bụng tế tướng có thể đẩy thuyền, ông ta không thể làm được".

Chu Nguyên Chương lại hỏi: "Ôn Quảng Tường thế nào?"

Ông đáp: "Ôn Quảng Tường lòng dạ hẹp hòi, cũng chẳng hơn gì Dương Hiến".

Chu Nguyên Chương lại hỏi tiếp: "Hồ Duy Dung thế nào?"

Lưu Bá Ôn: "Làm tế tướng ví như tay lái để Hoàng thượng điều khiển, e rằng khung xe của Hồ Duy Dung không tốt, còn có thể làm hỏng xe".

Chu Nguyên Chương lại nói: "Hay là lão tiên sinh tự mình ra tay vậy!"

Ông thành khẩn đáp lại: "Hạ thần tính tình khí khái, hay nóng giận, sức khoẻ lại yếu, cũng không có đủ tài, nên không thể đảm nhiệm trọng trách tế tướng. Xin Hoàng Thượng yên tâm, nhân tài tất sẽ có".

Từ lần nói chuyện đó, ông biết Chu Nguyên Chương không những không yên tâm tế tướng Lý Thiện Trường mà còn có tâm lý cảnh giác các quần thần khác, trong đó có cả ông. Ông hiểu rõ làm bạn với vua như chơi với hổ, cùng vua vượt qua hoạn nạn thì dễ, nhưng cũng hưởng phú quý lại khó. Hơn nữa, ông tính tình ngay thẳng cũng đắc tội với nhiều người, một khi có kẻ rắp tâm hãm hại làm Chu Nguyên Chương sinh lòng nghi ngờ ông, lúc đó sẽ gây ra rắc rối. Mặc dù Chu Nguyên Chương hiện tại rất tin tưởng ông, nhưng ông ta ngày càng đa nghi, thật khó bảo đảm về sau lại không nghi ngờ Lưu Bá Ôn. Nên ông dũng cảm rút lui khỏi vòng xoáy nguy hiểm.

Lưu Bá Ôn nhạy bén đối mặt với hiểm nghi, nhìn thấy cái lợi hại trong đó, sau một thời gian đắn đo suy nghĩ, ông quyết định xin nghỉ về quê.

Sau khi ông từ quan, những người ngưỡng mộ danh tiếng của ông liên tục đến thăm hỏi. Ông đối đãi theo lễ nghi với bạn bè và láng giềng rất nhiệt tình. Nhưng ông không bao giờ kể cho họ nghe công trạng và mưu kế kỳ diệu của mình hay chuyện trong triều đình.

Có một lần, một người bạn đến thăm Lưu Bá Ôn, nhắc đến chuyện Chu Nguyên Chương dùng đúng người mà Hồ Duy Dung loại bỏ phe cánh đối lập. Ông không đợi người bạn nói hết, liền nhắc đến thú vui và kỹ xảo câu cá. Người bạn này rất ngạc nhiên, gặp ai cũng kể ông đã cách

biệt với bụi trần. Ông để lại ấn tượng như thế cho người đời, đây cũng là điểm sáng suốt nhậy bén của ông.

Lưu Bá Ôn tránh qua lại với các quan lại. Huyện lệnh Thanh Điền mấy lần muốn được đến thăm ông, đều bị ông từ chối khéo. Sau đó, quan huyện lệnh cứ đòi đến, ông đành ẩn mình trong núi.

Vị huyện lệnh này rất tôn sùng ông, không gặp được một lần không cam tâm. Một hôm, quan huyện lệnh cải trang thành một người dân quê, mặc quần áo nông dân, đội mũ lá, một mình đi lên núi. Ông ta đến trước lều của Lưu Bá Ôn, thấy ông đang rửa chân, Lưu Bá Ôn thấy lảng giềng đến chơi, vội vàng xỏ giày, mời khách vào trong lều, nghe nói khách chưa ăn cơm liền bung cơm ra mời, tiếp đón rất nhiệt tình.

Lúc ăn cơm, Lưu Bá Ôn hỏi họ tên vị khách, huyện lệnh vội vàng đứng dậy nói thật: "Ta là huyện lệnh huyện Thanh Điền, hôm nay đến thăm tiên sinh - Ta mấy lần cầu kiến đều không gặp, đành cải trang như thế này, mong tiên sinh thứ tội".

Lưu Bá Ôn vội vàng đứng dậy, vòng tay thi lễ huyện lệnh, nói mình là dân đen dưới sự cai trị của huyện lệnh, không dám làm phiền quan phụ mẫu, quay mặt bước ra cửa, để huyện lệnh ngồi một mình bên bàn ăn.

Tiếng tăm và tài trí của Lưu Bá Ôn khiến nhiều đồng僚 phải ghen tị. Hồ Duy Dung xúi giục Đảng Vũ cáo ông ở quê tranh đất với nhân dân, nói Lưu Bá Ôn coi đó là đất "vua ban", và chuẩn bị xây lăng mộ cho mình. Thế là Chu Nguyên Chương ra lệnh cắt bổng lộc dưỡng lão của ông.

Sau khi biết chuyện ông vội vàng lên kinh thành tự xin chịu tội. Ông lấy lý do sức khoẻ yếu sống trong phủ ở kinh thành, cả ngày không ra khỏi cửa, không kết giao với chốn quan trường, cũng không quan hệ với bạn cũ, cả ngày ở nhà đọc sách.

Tính cẩn thận, nhậy cảm chỉ có thể tránh được thiệt hại về tính mạng, nhưng không thể xoá được vết thương trong lòng. Cuối năm ông nằm trên giường bệnh, qua đời vào năm thứ 8 Hồng Vũ trong căn nhà ở Nam Kinh.

Lưu Bá Ôn trí tuệ uyên thâm, ông rất nhậy bén và cẩn thận. Trong thời thế loạn lạc đã phát huy tài trí mưu lược hơn người. Ông có đầu óc sáng suốt nhìn thấu đại cục. Mặc dù đã rút lui khỏi vòng xoáy cuộc đời, cách xa chính trị, sống tách biệt với cuộc sống trần thế, nhưng ông vẫn khó tránh khỏi liên lụy. Cuối đời, ông về ở ẩn cũng không được yên. Hơn 3 vạn võ đại thần bị "nhà tù Hồ Lam" đầu triều Minh giết chết. Các vị lão tướng có công lao với triều Nguyên đều gặp nguy hiểm, nhưng Lưu Bá Ôn không bị giết, có thể nói là trong cái rủi cũng có cái may.

3- Một người giỏi tính toán, khẳng khái vì danh dự

Rockefeller là một trong 10 nhà tài phiệt nổi tiếng ở Mỹ, được giới thương nhân Mỹ gọi là "ông vua dầu lửa". Ông là người giỏi tính toán, lập kế hoạch, lạnh lùng nhưng linh hoạt, rất thiết thực, không bao giờ nói lời sáo rỗng. Ông có thể lấy cái nhỏ bảo vệ cái lớn, để tính toán làm chủ tài sản.

Toà nhà 53 tầng cao chọc trời nằm sừng sững giữa trung tâm, trên đường 5 ở New York Mỹ, đó chính là trụ sở chính của Tổng công ty dầu mỏ. Người chủ của nó chính là Rockefeller. Công ty này những ngày đầu thành lập (năm 1870) chỉ có 5 người, hiện nay công ty đã có 30 vạn cổ đông, với số vốn 50 - 60 tỷ đô la Mỹ. Mọi hoạt động của công ty đều ảnh hưởng đến thị trường dầu mỏ quốc tế.

Rockefeller từ nhỏ đã có đầu óc kinh doanh nhậy bén. Năm 12 tuổi, ông lấy số tiền tiêu vặt bố cho rồi đem cho người nông dân vay. Một lần, ông cho người nông dân vay 50 xu, ông tính nợ với bố: "lãi suất 7%; đến năm tới số tiền lãi là 3,75 đô la Mỹ".

Năm thứ hai ở phổ thông, ông đã bỏ học giữa chừng. Ông làm trợ lý kế toán cho một công ty. Trong những ngày tháng này, ông học cách tính nợ và vẫn giữ nghề truyền thống. Sau đó ông

truyền nghề cho con trai, rồi đến cháu trai.

Khi chưa đến 20 tuổi, ông cùng với một người bạn Anh mở một công ty. Vì không đủ tiền vốn, ông đã mượn cha ông 1000 đô la Mỹ với lãi suất 10%. Họ lao đầu vào công việc kinh doanh, cuối năm kiếm được 4000 đô la. Trong kinh doanh họ cố gắng tiết kiệm, giảm mọi chi phí tiêu dùng. Người bạn của ông đã từng khẳng khái nói: "Rockefeller rất ngăn nắp, để ý đến từng chi tiết nhỏ".

Ông luôn có thói quen dành dụm tiền, thói quen này ông không thể bỏ được, khó khăn cũng không thể cản trở ông. Vì thế, ông tự mình dành dụm một số vốn nhất định, do có uy tín nên ông vay được một khoản tiền lớn.

Năm 1864, ông kết hôn với Lola. Cha của bà là người có địa vị và danh vọng, điều này rất có lợi cho việc phát triển sự nghiệp của ông.

Khi Rockefeller tròn 26 tuổi, ông tự mở công ty Rockefeller Andrews. Năm 1870, ông chính thức thành lập công ty Standard Oil. Trải qua các cuộc cạnh tranh, dành dụm và đi vay mượn, ông đã tự tạo dựng địa vị ở Mỹ. Năm 1882, tập đoàn Tờ rút dầu tiên ra đời ở Mỹ, ông tổ của tập đoàn này chính là Rockefeller.

Đế quốc Rockefeller ngày càng lớn mạnh, vốn càng hùng hậu, nhưng người đứng đầu tập đoàn Tờ rút - ông Rockefeller vẫn quản lý giám sát chặt chẽ các mục hạng vốn. Ông có thể đọc chính xác giá thành sản xuất kinh doanh và các khoản chi tiêu, hiểu rõ tình hình tiêu thụ sản phẩm và lợi nhuận của công ty Rockefeller áp dụng chế độ kê khai nghiêm ngặt, kiểm soát và giám sát tình hình sản xuất kinh doanh của các chi nhánh và công ty con. Tập đoàn Tờ rút cứ 3 tháng kiểm tra sổ sách kế toán một lần. Có người đề nghị nửa năm kiểm tra một lần, nhưng cuối cùng Rockefeller không đồng ý. Ông yêu cầu mỗi buổi sáng khi ông đến công ty, bảng báo cáo tiền vốn phải được đặt ngay ngắn trên bàn.

Để tăng thêm lợi nhuận, Rockefeller luôn sử dụng mảnh khoé kinh doanh "lãi ít tiêu thụ nhiều" và chia cắt lợi nhuận của các hạng mục khác. Khi dùng thùng gỗ vận chuyển dầu, ông phải thuê xưởng gia công thùng gỗ. Sau đó, ông thấy chi phí mua thùng gỗ tương đối nhiều nên ông đã mua luôn xưởng này. Trên con đường phát triển, Rockefeller nắm chắc thời cơ, lợi dụng tư bản lũng đoạn đè bẹp các xí nghiệp khác. Nhiều người đứng nhìn sản nghiệp nửa cuộc đời mình đổ công sức gây dựng bị huỷ hoại trong giây lát, không thể chấp nhận sự thật, đã thắt cổ hay dùng súng tự sát. Ông còn kiếm được khoản tiền khổng lồ nhờ cuộc nội chiến của nước Mỹ và chiến tranh Pháp - Phổ.

Cuối thế kỷ 19, công ty của Rockefeller bị dư luận đả kích, khiển trách kịch liệt. Công ty Standard Oil mấy lần bị Chính phủ điều tra, Rockefeller bắt buộc phải ra hầu toà biện hộ cho tập đoàn Tờ rút. Do sức ép của dân chúng hô hào phản đối tập đoàn tư bản lũng đoạn, chính phủ Mỹ đã thông qua điều luật "chống tư bản lũng đoạn". Danh tiếng của ông bị ảnh hưởng lớn. Khi gần 60 tuổi ông quyết định rút khỏi giới thương nhân, chuyển hướng sang hoạt động từ thiện để lấy lại danh dự của mình.

Mặc dù Rockefeller luôn nghiêm khắc, tiết kiệm nhưng lại rộng rãi khi làm hoạt động từ thiện và cũng có nguyên tắc. Ông đưa ra yêu cầu với cách sử dụng số tiền quyên góp. Ví dụ, ông quyên góp cho trường học, từ chối quyên góp cho việc xây dựng và phí dùng hằng ngày của nhà trường mà phải nộp vào quỹ trường học. Ông cũng không muốn bất kỳ trường học hay tổ chức nào chỉ trông mong vào nguồn kinh phí do ông cung cấp. Nếu tiền của ông không được sử dụng tốt, thì ông sẽ chuyển tài khoản cho tổ chức khác. Đây dường như là những nguyên tắc đơn giản, nhưng lại thể hiện đầu óc kinh doanh và ý tưởng làm ăn của ông.

Rockefeller chủ yếu quyên góp cho ngành giáo dục, trong đó ông là người quyên góp chính để thành lập Trường Đại học Chicago. Trong vòng 10 năm, ông đã quyên góp hơn 34 triệu (đô la Mỹ). Năm 1910, khi Trường Đại học Chicago kỉ niệm 23 năm ngày thành lập, số tiền ủng hộ của ông lên tới 45 triệu USD.

Sau đó, ông còn quyên góp cho nhiều ngành khác như giáo dục, y học nghiên cứu khoa học...

Vì thế, ông mở một quỹ hỗ trợ, quản lý đầu ra đẩy số tiền quyên góp và sử dụng nó hợp lý.

Ông còn đem số tiền quyên góp của mình ủng hộ cho các quốc gia khác, chủ yếu ủng hộ cho các khu vực và các nước lạc hậu xây dựng bệnh viện.

Rockefeller đã từng quyên góp vốn cho Trường Đại học Columbia. Cả gia đình ông trưởng thành và gây dựng sản nghiệp trung tâm New York và xây lên toà nhà cao chọc trời - Trung tâm Rockefeller. Có người thống kê, năm 1913, tài sản riêng của ông là 900 triệu USD, mà đến năm 1937, tài sản của ông để lại phải nộp thuế là 25 triệu USD. Ông chuyển số tiền vào quỹ, cũng có mục đích khác. Ông làm như vậy có thể tránh được chính sách: thu nhập cao trả thuế nặng của Mỹ, vừa có thể bảo vệ tài sản, kiểm soát được số tiền này. Khả năng tính toán của ông đạt đến trình độ mảnh khảnh.

Con trai của ông - Rockefeller con cũng như vậy. Khi qua đời ông để lại số tiền 4 tỉ USD. Ông giao cho vợ một nửa, phần còn lại gửi vào quỹ, có thể tránh được thuế di sản ở mức cao. Một mũi tên bắn trúng nhiều đích, với cách này, ông có thể giữ thể diện cho mình, lại bảo vệ số tiền khổng lồ và chăm lo được cho cả gia đình.

Mặc dù rất giàu, nhưng ông sống rất tiết kiệm, ít khi mua quần áo mới cho mình. Ăn uống cũng đạm bạc, ông thích ăn bánh mì, uống sữa, trên bàn ăn bày những món đơn giản, khu vườn nhà ông cũng rất đơn giản sơ sài. Ông không muốn sống cuộc sống xa hoa.

Rockefeller dạy dỗ con cái rất nghiêm khắc, đặc biệt là dạy con quản lý sử dụng tiền bạc càng phải cẩn thận. Hồi các con ông còn học tiểu học, mỗi tuần ông cho con trai 1 đô la tiêu vặt và bắt con ghi rõ tình hình chi tiêu. Ông muốn các con mình ngay từ nhỏ học cách tiêu tiền hợp lý. Con trai ông Rockefeller con và con gái từng học pianô, nhưng chúng phải dựa vào tiền làm thêm để trả học phí. Mọi người thường nói ông thành công, nhưng tiết kiệm không phải là nguyên nhân chính. Từ một trợ lý kế toán nhỏ ông trở thành triệu phú là do nhiều nhân tố thúc đẩy, tiết kiệm chỉ là một mặt. Ông không những giỏi tính toán, mà còn đến mức tính toán chi li từng tí một. Tính nhạy bén của ông, đầu tiên là giúp ông tích lũy vốn, sau đó trở thành ông vua dầu lửa.

4- Tinh tế nhạy bén, nhiệt tình nhưng lại tự tin

Nhìn ra thế giới, quan sát thiên hạ, thế giới này chỉ có Warren Buffett tranh đoạt vị trí đầu tiên trong danh sách tài sản với Bill Gates. Người ta thường nói: Nếu ông bị cảm, thì người trên phố Wall cũng phải hắt hơi.

Giới buôn bán tiền tệ gọi ông là Forrest Gump. Ông được mệnh danh là người mang sứ mệnh của thần thánh xuống Omaha. Nhà tư bản ăn bắp ngô, được mọi người gọi là Jem Warren, được coi là Werdi Josiah. Trong giới thương nhân mọi người coi ông là thượng đế của con đường Frederick Townsend. Mọi người còn coi ông là anh hùng đương đại của nước Mỹ, con quỷ trên thị trường chứng khoán, là vị thánh đáng ngờ. Ông cũng là thần tượng trong lòng Bill Gates.

Một người toả sáng ánh hào quang rực rỡ như vậy chắc chắn phải là một nhân vật rất đặc biệt, một nhà tỉ phú có tính cách sáng tỏ có một không hai, một người thành công hiển hách có đặc trưng tính cách nhạy bén.

Buffett sinh ra trong một gia đình có danh tiếng, luôn mong muốn tìm được chỗ đứng cho mình trên thương trường. Sau khi tốt nghiệp trung học, ông học tại Trường Đại học Pennsylvania, không lâu sau ông rời trường này sang học chuyên ngành khoa học của trường đại học Nebraska. Năm 1951, ông tốt nghiệp khoa kinh tế Trường Đại học Columbia.

Năm 1985, ông sở hữu số tiền 10 tỉ 700 triệu đô la Mỹ, xếp thứ 12 trong bảng thứ tự "Fobes", đến năm 1995, xếp vị trí thứ hai với số vốn 12 tỉ đô la Mỹ. Có thể thấy, sự nghiệp của ông phát triển vững chắc, nhanh như vũ bão, đứng đầu trong giới thương nhân.

Buffet có thể đứng ở địa vị cao như đỉnh Kim Tự Tháp, bởi vì ông có tính cách khá độc đáo. Kiểu tính cách này liên quan mật thiết đến sự thành công của ông.

Thương gia tài giỏi này có được sự nghiệp lớn như vậy, lại không phải là nhờ vào tài sản thừa kế của tổ tiên. Mặc dù cha của ông từng làm nghị sĩ quốc hội Mỹ, cũng là một người thành công, nhưng đối với ông, tất cả những điều này không liên quan nhiều đến ông. Vì sao vậy? Sự nghiệp mà ông lựa chọn hoàn toàn khác cha của ông. Điều này khẳng định, ông tay trắng lập nghiệp bằng chính sức lực của mình.

Từ nhỏ ông đã có trực giác nhạy bén, giỏi tính toán. Trong nhiều cuốn hồi ký viết về ông đều kể: Hồi còn nhỏ ông đã thể hiện cá tính độc đáo của nhà kinh doanh thiên tài. Hồi bé, cha của ông thường đưa ông đến bãi biển nghỉ mát, đưa cho ông tiền lẻ bảo ông đi mua đồ uống. Buffet (lúc đó mới 7 tuổi) không những mua được đồ uống về, mà còn kiếm thêm nhiều tiền lẻ. Hoá ra, trên đường đi đến cửa hàng giải khát, ông phát hiện thấy du khách trên đoạn đường này đông, thời tiết lại nóng; trong đầu loé lên suy nghĩ. Đây sẽ là cơ hội tốt kiếm một chút tiền tiêu vặt. Ông chạy đến cửa hàng giải khát, mua toàn bộ CocaCola và đem những chai nước ngọt này chạy từ đầu bãi cát này đến bãi cát khác bán, rồi thu tiền về túi. Lần buôn bán đầu tiên của ông đã thành công thuận lợi. Câu chuyện lợi dụng bán lẻ với giá rẻ để kiếm tiền mặc dù có rất nhiều bài viết, nhưng mỗi bài viết đều thể hiện Buffett là nhà kinh doanh có năng lực cảm thụ nhạy bén.

Khi học trung học, ông cùng bạn của mình mua một chiếc máy trò chơi tiền xu cũ với giá rẻ 25 đôla và giả mạo là một điểm phân phối của một công ty sản xuất máy trò chơi, rồi đặt nó trong quán cắt tóc. Ông phát hiện mọi người đợi cắt tóc không biết làm gì để giết thời gian, nên nghĩ ra cách kiếm tiền này. Ngày đầu kinh doanh, ông cùng bạn mình mở hòm tiền thu được 4 đô la. Lúc này, ông đã nói một câu mà sau này rất nổi tiếng: "Tớ nghĩ, việc kinh doanh của chúng ta đi vào nề nếp rồi". Mỗi tuần ông kiếm được 50 đô la từ máy trò chơi tiền xu.

Khi tốt nghiệp trung học, Buffett đã có tài khoản trị giá 9000 đô la Mỹ gửi ngân hàng. Số tiền này lúc đó cũng coi là một khoản tiền lớn.

Ngay từ khi Buffett còn trẻ, chúng ta thấy ông có tính cách rất độc đáo. Ông là người nhạy bén, thích tự do, yêu đời, yêu cuộc sống bất chấp tất cả để thực hiện được ước vọng khẳng định giá trị bản thân.

Sự nhạy bén, tinh tế đã tạo cơ hội cho ông trở thành một người làm nên nhiều kỳ tích.

Nhà doanh nghiệp lớn người Mỹ đã từng nói: "Buffett là một điều bí mật của thời đại của chúng ta, một bí mật rất hấp dẫn. Bạn càng tiếp cận ông càng phát hiện ra những điểm khác biệt ở ông. Nếu bạn nói cho ai biết ông là người thế nào, chứng tỏ bạn đã bị mê hoặc". Ông ta không phải là nhà doanh nghiệp công thương, không như Bill Gates; ông chỉ là người kinh doanh chứng khoán. Nhưng ông lại là một trong những tỷ phú hạng nhất nhì trên thế giới. Ông giỏi hơn người khác ở điểm nào? Đương nhiên ông không phải là một tên trộm. Vậy ông là ai?

Nếu nhìn Buffett ở góc độ khác, mọi người sẽ rất ngạc nhiên phát hiện ra ông là nhà nghệ thuật biết chi phối tiền bạc.

Ông là ông vua đầu tư lớn trên thế giới, hiểu vấn đề đầu tư khác hẳn với mọi người. Theo ông, đầu tư vừa là sự nghiệp, là môn thể thao, cũng là trò giải trí.

Ông cực kỳ mê tính biến đổi phức tạp của bài Brit, thêm ăn bắp ngô, mỗi ngày uống 5 lon Côca- Cola. Ông thích uống Coca, Pepsi. Điều thú vị là ông lại là một trong những người đứng đầu quan trọng trong việc chơi cổ phiếu của hãng CôcaCola.

Ông có rất nhiều bạn. Vì ông khảng khái, nhiệt tình, thành thật với mọi người (điều này thật không thể hiểu nổi đối với một thương nhân). Các bạn của ông rất tin tưởng ông. Họ không chỉ tin nhiệm năng lực kiếm tiền mà còn tin tưởng cách cư xử của ông. Hồi trẻ ông đã bắt đầu kinh doanh chứng khoán. Nhiều người bạn tin tưởng giao tiền cho ông làm kinh doanh, cuối cùng nhiều người cũng kiếm được tiền, trở thành triệu phú. Họ dựa vào trí tuệ của ông mà phát tài, được mọi người mệnh danh là "nhà triệu phú Buffett".

Mọi người quen xem ông là kẻ quê mùa đến từ Omaha, bản thân ông cũng như mọi người

đều nghĩ thế, nhưng sự thật không phải như vậy. Ông là một người cực kỳ phức tạp, rất khó đoán trước. "Sự thực ông là người nhạy bén. Người có tính cách nhạy bén, rõ ràng trong cuộc sống dễ khiến người khác bị mê hoặc".

Người nhạy bén rất nhạy cảm và người nhạy cảm thì tính tình rất phức tạp. Người viết cuốn "Bậc thầy tiền tệ mới" - John Telei nói: "Xét từ góc độ nghề nghiệp, Buffett lựa chọn làm con chim ung đầu đàn, nhưng ông đích thực là con chim ung mọi người muốn ăn, nhưng đồng thời ông lại là con chim ung làm mọi người vui vẻ".

Có thể nói trong cuộc sống, ông là một người sâu sắc và đáng mến. Ông nhạy cảm đến mức tinh tế sâu sắc, nhưng không nhạy bén lắm. Tuy nhiên trong công việc, tính nhạy bén nổi bật ở ông thể hiện rất rõ ràng.

Buffett từng nói, ông không bao giờ mất niềm tin trong việc kiếm tiền. Ông sớm xác định chỉ hướng cuộc đời cho mình. Ông thẳng thắn nói, không cần làm tốt những việc không đáng làm. Một câu nói đơn giản đã tiết lộ bí mật trong lòng ông: chỉ làm những việc bản thân cho rằng nên làm nhất.

Người cố chấp, luôn cố tình theo đuổi mục tiêu của cuộc đời, luôn là người không bao giờ chịu khuất phục. Trong mấy chục năm làm nghề kinh doanh, ông cho rằng thành công thực sự của ông không phải là việc ông sở hữu hơn 10 tỉ đồng, mà là ông đã theo đuổi và thực hiện được mục tiêu của cuộc đời. Ông chính là người như vậy. Tính cố chấp, nhạy bén đưa ông từ cuộc đời nghèo khổ leo lên đỉnh núi tài sản một nơi cao lạnh lẽo.

Xã hội hiện đại là xã hội số hoá, dường như tất cả đều dựa vào con số, trên thương trường là như vậy, hoạt động tiền tệ cũng như vậy.

Buffett là ông vua đầu tư, vì vậy càng có lý do để nói ông dựa vào con số. Nhưng sự thật không phải như vậy.

Ông dựa nhiều vào trực giác, nhìn thấu được bản chất con người chứ không phải ai ai trong xã hội hiện đại đều phong những con số làm thần thánh. Điều này chính là do tính cách của ông quyết định ông rất thích những con số, nhưng ông lại không đồng ý khi nhiều nhà đầu tư đầu tư quá nhiều vào việc xây dựng biểu đồ, đường cong, hay công thức để lại ấn tượng sâu sắc cho mọi người.

Ông kịch liệt phản đối nhiều nhà đầu tư tin mù quáng vào hệ thống con số và máy tính. Ông nghĩ đây là một sai lầm. Ông từng nói mỉa mai: "Thật không sao hiểu nổi có nhiều người thích lãng phí thời gian vào những con số, cứ hoang đường lưỡng lự một ngày một đêm giữa số 87 và 88". Nhưng Buffett, người giàu có vào hàng đầu thế giới, ông vua đầu tư, thượng đế của phố Wall, lại ngày càng coi trọng những thứ vô hình.

Ông thường chê bai cuốn Giáo trình Kinh tế học của bậc đại học. Ông cho rằng những tri thức đó thực sự rất cao siêu, nhưng lại không được sử dụng. Bởi vì biện pháp càng đơn giản càng có hiệu quả đối với thực tiễn. Đương nhiên, ông có tư cách để nói câu này.

Ông bắt đầu mua bán cổ phiếu từ năm 11 tuổi, mấy chục năm sau ông trở thành một tỷ phú. Điều này có sức thuyết phục nhất. Tính nhạy cảm tinh tế giúp ông có con mắt sắc bén như chim ung nhìn thấy bản chất sự vật, mà không dựa dẫm vào bất kỳ thứ gì. Đây chính là mẫu chốt để ông thành công.

5- Uyển Nhi - người phụ nữ thông minh, nhanh nhạy

Thượng Quan Uyển Nhi được coi là người phụ nữ có tài ở thời chuyên chính của Võ Tắc Thiên, được Võ Tắc Thiên sủng ái, nhưng cuộc đời bà cũng gặp nhiều nguy hiểm và trắc trở.

Ông nội của bà là Thượng Quan Uyển Nhi vì bất mãn với sự chuyên quyền của Võ Tắc Thiên mà cả gia tộc bị chu di. Thượng Quan Uyển Nhi là thi nhân nổi tiếng đầu đời Đường, lập ra "Thượng Quan thể", nhưng vị thi nhân nổi tiếng này lại chết dưới lưỡi dao tàn sát của Võ Tắc Thiên. Lúc đó, bà còn đang được ẵm bế, đã cùng mẹ Trịnh Thị bị giáng vào cung làm nô tì.

Sau khi vào cung, nhờ sự dạy dỗ của mẹ, Thượng Quan Uyển Nhi được đọc nhiều thơ văn, giỏi làm thơ. Khi mẹ bà dạy đọc sách, cũng dần dần cho bà biết sự thật về thảm cảnh của gia đình. Trong lòng bà ấp ủ nỗi thù hận. Lúc 12 tuổi, bà bị điều đến làm thị nữ hầu hạ bên cạnh Thái Tử.

Thượng Quan Uyển Nhi là người thông minh, nhanh nhạy. Nghĩ đến cái chết thê thảm của ông nội và cha mình, bà vô cùng đau lòng, uất ức muốn báo thù. Nhưng không có quyền hành và thế lực, báo thù đâu dễ dàng. Việc trước mắt quan trọng nhất là bảo vệ tính mạng hai mẹ con.

Cung cấm đầy rẫy nguy hiểm, đã tạo cho bà tính cẩn thận, nhanh nhạy và sắc sảo. Bà hiểu rõ muốn đứng vững trong cung, bảo vệ được tính mạng, buộc phải tìm chỗ dựa vững chắc.

Hiện giờ, nếu có thể cần phải làm rung động trái tim của Thái tử Lý Hiền, kết cục sau này như thế nào là việc không thể nói chắc chắn.

Khi đã có suy nghĩ như vậy, bà gắng lấy lòng Thái tử Lý Hiền. Vào một đêm mùa thu, Thái tử đọc sách mệt, ra ngoài đi dạo. Chợt Thái tử nghe thấy tiếng đàn ai văng vẳng bên tai. Thái tử hỏi ai đang gảy đàn. Người hầu trả lời là Thượng Quan Uyển Nhi. Thái tử liền truyền gọi bà vào thư phòng chơi một bản nhạc.

Một lát sau, Uyển Nhi đến, quỳ lạy Thái tử rồi ngồi xuống. Hôm nay, bà thực sự khó có thể bình tĩnh được. Chính ngày này 13 năm trước, bà vào cung. Mỗi khi nhớ đến cái chết oan uổng của ông nội và cha mình, mỗi khi nghĩ đến cảnh ngộ bi thương của mẹ và bà, trong lòng bà cuộn cuộn dâng trào. Bà muốn nói nhưng lại không thể nói, muốn dốc hết nỗi lòng nhưng lại không thể. Thế là bà quyết định gảy điệu "Quảng lăng oán" thổ lộ tâm sự của mình.

Bà nhắm mắt chăm chú một lát, dùng móng tay gảy dây đàn, bật lên một tiếng. Đất trời cùng đồng cảm, sông núi cũng buồn lặng thui, sắc trời tối đen càng phủ dày một lớp đen ngịt. Khi bà mới gảy khúc nhạc âm thanh vang xa mang nỗi buồn đau cảm phần, hoà vào không gian đất trời; giống như một chú ngựa hoang bị trúng tên phi nước đại giữa vùng rộng mênh mông. Cái âm thanh đó làm tâm hồn người nghe rung động dào dạt. Lúc này, chim cất bay lượn trên trời cao mà không thể hạ cánh, hổ báo trong rừng sâu quẩn quanh một chỗ không yên, hoa cỏ héo rũ, côn trùng và cá dưới nước như ngủ đông. Bi ai là nỗi đau xót khiến con người sợ hãi. Nó giống như mũi tên sắc, cắt đứt sự sống và niềm vui. Có thể trong lòng chất chứa oán hận quá sâu sắc, cách bày tỏ tình cảm quá mãnh liệt, mà cuối cùng réo lên tiếng vang đánh như tiếng sét kinh hoàng làm "đứt một dây đàn".

Thái tử rất kinh ngạc. Ông sớm đã hiểu ra gia cảnh của bà, ông cũng cảm nhận rõ tâm trạng bất bình trong điệu "Quảng lăng oán", vì điệu "Quảng lăng oán" mà ông nhớ đến khúc nhạc "Quảng lăng tán", nghĩ đến Kê Khang bị Tư Mã Chiêu xử tử hình. Thượng Quan Uyển Nhi không phải lấy chuyện này để ngụ ý gia thế của mình sao? Tuổi nhỏ đã dám hành động như vậy, thì thật là dũng cảm! Nhưng Lý Hiền lại không giận dữ. Ông đoán được Uyển Nhi còn ám chỉ đến mẫu hậu, việc này khiến ông nảy sinh tình cảm rất phức tạp. Trong lòng, ông sớm bất mãn với sự chuyên quyền của mẫu hậu, bí mật về cái chết của Ca ca càng làm ông thêm nghi ngờ, vì thế ông rất đồng cảm với bà.

Thượng Quan Uyển Nhi sau khi tránh được kiếp nạn này, càng trưởng thành, càng lão luyện và cẩn thận hơn. Làm thơ cũng tiến bộ hơn.

Lại vào một đêm mùa thu, đang ngồi trước bàn, trong lúc mơ màng, bà dường như đi đến một cánh đồng hoang. Bà cưỡi ngựa phi đến trước một hồ nước, nghe thấy tiếng ca của Khuất Nguyên, rồi bà giật mình tỉnh lại.

Vì sao bà mơ thấy Khuất Nguyên? Từ trong suy nghĩ sâu thẳm của bà, tiềm ẩn lòng căm hận Trịnh Tự - người đàn bà khốn nạn đã gièm pha hãm hại Khuất Nguyên, thế thì Võ Tắc Thiên không phải là Trịnh Tự thời bấy giờ sao? Sâu trong đáy lòng, bà so sánh ông nội Thượng Quan Nghi và Khuất Nguyên, họ đều không phải là nhà thơ sao? Cho dù thế nào, cũng nên ghi lại giấc mơ này, nhưng không thể viết quá thẳng thắn (viết toạc ra chỉ tự rước họa giết mình). Bà suy

nghĩ rất lâu. Cuối cùng bà dùng ngòi bút hàm súc, sáng tác ra bài thơ "Thái Thư Oán".

Bài thơ nói rằng:

"Diệp hạ động Đình Sơ, tư quân vạn lý dư

(Khi lá cây rơi xuống hồ Động Đình là lúc ta nhớ đến người ở nghìn dặm xa)

Lộ nồng hương bị lãnh, nguyệt lạc cấm bình hư

(Sương rơi dày đặc chiếc áo của ta rất lạnh, trăng đã buông xuống, rèm cửa phòng ta vẫn mở)

Dục tấu "Giang Nam Khúc", tham phong Kế Bắc thư

(Ta muốn giương điệu nhạc của Giang Nam, viết thư gửi tới kế Bắc)

Thư trung vô biệt ý, duy trưởng cửu li cư"

Trong thư không có ý gì khác, chỉ là buồn ta, người ly biệt.

Không biết tại sao, bài thơ này lại truyền đến tay Thái tử Hiền, ông đọc rất xúc động, liền cho gọi Uyển Nhi đến hỏi: "Thượng Quan Uyển Nhi, ta hỏi ngươi, bài thơ "Thái thư oán", người viết cho ai?" Bà giật mình liền nói: "Là nô tì viết cho mình đấy ạ", Thái Tử Hiền hỏi tiếp: "Trong lòng ngươi gửi gắm điều gì, đúng không? Lúc này, bà định thần lại, rồi đáp: "Nô tì lấy danh nghĩa của một người con gái Hồ Nam nhớ đến vua Thuấn". Thái tử Hiền cười, và nói: "Quả thật không tồi: "Diệp hạ Động Đình Sơ, tư quân vạn lý dư". ở đây xem ra là chỉ vua Thuấn. Vua Thuấn đi tuần thú ở phương Nam không trở về, đã qua đời ở Thương Ngô. Nhưng từ ngữ trong bài thơ rất khắc nghiệt, không phải giọng điệu của con gái phương Nam, đúng là người gửi gắm ở bài thơ ý gì khác?"

Đúng lúc đó, Võ Tắc Thiên đến, Thái tử Hiền chuẩn bị nghênh giá, đành để Uyển Nghi tạm thời tránh mặt".

Võ Tắc Thiên đến thư phòng của Thái tử, tiện tay giở cuốn "Lý Kinh" trên mặt bàn ra đọc, lại lật được bài thơ "Thái thư oán" ở trong đó. Đọc xong bà ta phần nộ: "Đây là bài thơ do ai sáng tác?" Thái tử hoảng hốt đáp: "Bẩm tâu mẫu hậu, đó là bài thơ do Thượng Quan Uyển Nhi viết ạ". Võ Hậu càng nghiêm nghị: "Thượng Quan Uyển Nhi? Cô ta là ai?" "Khởi bẩm mẫu hậu, Thượng Quan Uyển Nhi là cháu gái của Thượng Quan Nghi 14 năm trước, sau khi Thượng Quan Nghi và con của ông ta chịu hình phạt, Thượng Quan Uyển Nhi đã cùng mẹ là Trịnh Thị vào cung làm nô tì". Khi Võ Tắc Thiên truyền gọi Thượng Quan Uyển Nhi đến, được biết Thượng Quan Uyển Nhi năm nay mới 14 tuổi, bà ta rất ngạc nhiên, khó có thể bình tĩnh được. Bản thân bà ta cũng vào cung lúc 14 tuổi.

14 tuổi, đây là tuổi đáng nhớ biết bao! Nghĩ đến đây, Võ Tắc Thiên nhìn chăm chú người thiếu nữ trước mắt. Dáng người thon thả, nhanh nhẹn, khuôn mặt xinh đẹp, đuôi khoé mắt thể hiện sự kiên cường. Võ Tắc Thiên trong lòng cũng thích Uyển Nhi. Bà ta biết, nội dung bài thơ "Thái thư oán" rất sâu xa, nó không chỉ viết về người thiếu nữ Hồ Nam nhớ thương vua Thuấn. Câu thơ đầu "Diệp hạ Động Đình Sơ" không phải dễ dàng làm người ta nhớ đến Khuất Nguyên sao? Thượng Quan Nghi là thi nhân đầu đời Đường, viết ra "Thượng quan thế", Uyển Nhi có phải đang hoài niệm về ông nội không? Hay trong bài thơ còn ý đồ gì khác? Võ Tắc Thiên quyết định đích thân kiểm tra Thượng Quan Uyển Nhi, rồi nói: "14 tuổi đã có thể sáng tác bài thơ như thế này, quả thật không dễ gì. Ngươi có thể làm ngay một bài thơ khác không?"

"Xin Hoàng hậu bệ hạ ra đề".

Võ Tắc Thiên nhìn khắp phòng, thấy hoa Tiễn Thái, bà ta liền quyết định lấy nó làm đề tài: "Ngươi lấy "Hoa Tiễn Thái" làm đề, sáng tác một bài thơ theo thể ngũ ngôn, cùng vần với "Thái thư oán".

Thượng Quan Uyển Nhi dải trang giấy, chuẩn bị bút, suy ngẫm một lúc rồi, múa nét bút làm bài thơ:

"Mật điệp nhân tài thổ, tân hoa trực tiến thư.

(Lá tươi tốt nhờ có đất màu mỡ, hoa nở nhờ cây chăm cắt tỉa).

Phán điều tuy bất mâu, trích nhụy cư tri hư

(Xuân đến là do có hoa nở, thu về hoa không chịu giảm bớt được).

Tạ vấn đào tương lý, tương loạn dục hà như?"

(Thử hỏi đào lý, đánh nhau để làm gì?)

Võ Tắc Thiên đọc xong, trong lòng cũng phải kinh ngạc tán thưởng. Bài thơ này viết rất hay. Bà ta đọc lại bài thơ một lần nữa, đột nhiên có một cảm giác khác lạ. Bà ta đọc đi đọc lại hai câu cuối cùng: "Tạ vấn đào tương lý, tương loạn dục hà như?" Bà ta nghiêm nghị hỏi "Thượng Quan Uyển Nhi, hai câu này của người có ý gì vậy?"

"Thưa, nghĩa là hoa giả có thể trông như thật".

"Người ý đồ ngầm nói xấu hại người, đúng không?".

"Thưa Hoàng hậu bệ hạ, cổ nhân nói: "thơ không giải thích từng từ, phải xem tâm trạng của người đọc thơ như thế nào. Nếu bệ hạ nói nô tì đang ngầm nói xấu người khác, nô tì cũng không dám giảo biện".

"Thượng Quan Uyển Nhi, ta giết ông nội và cha của người, ta và người có mối thù không đội trời chung, đúng không?"

"Nếu bệ hạ cho là như vậy, nô tì cũng không dám phủ nhận".

Trả lời rất hay! Nói và làm tự nhiên, thích hợp với hoàn cảnh, có nhu mà có cả cương; tính cảnh giác, quyết đoán của bà thực sự đã chinh phục được Võ Tắc Thiên, bà ta cũng phải thực sự thích người thiếu nữ này.

Mọi người luôn lo sợ cho Thượng Quan Uyển Nhi. Nếu bà không phải là người cảnh giác, thông minh, nhanh trí nắm bắt được tâm trạng của Võ Tắc Thiên và trả lời thích đáng thì bà cũng trở thành con ma dưới lưỡi dao. Bà thoát khỏi miệng hùm, có thể thành công, hoàn toàn là nhờ tính nhạy bén, cẩn thận của bà.

LÀM NGƯỜI CÓ TÍNH CÁCH PHẢN NGHỊCH

Tính cách phản nghịch là tính cách trái ngược lại mọi người. Loại người này tư tưởng cấp tiến; dũng cảm thách thức với hoàn cảnh sống của họ vì thế trong mắt mọi người, họ luôn là kẻ lạc loài. Họ trực tiếp chống lại cuộc đời, không vòng vo. Họ là những người phấn đấu dũng cảm. Họ dám phá vỡ lệ thường, không chịu ép mình vào tập tục lễ thói xưa cũ của xã hội, luôn hành động trái với đạo lý của nó. Người tính phản nghịch dám chất vấn, căn vặn những tồn tại trong xã hội, họ có cảm giác lang thang phiêu bạt mãnh liệt với ngoại cảnh.

Nhưng nếu tính phản nghịch dẫn đến quá tải và mất đi lý trí, khi làm việc họ dễ bị kích động, nóng nảy hấp tấp. Khi ước mơ, mục tiêu và tình hình thực tế có khoảng cách nhất định, họ sẽ dễ dàng nảy sinh thái độ ghen ghét, phủ nhận những quan niệm giá trị và chuẩn mực văn hoá xã hội hiện có, từ đó mà căm ghét bản thân và xã hội, có lúc cam tâm sa ngã. Hơn nữa, mọi người không hiểu được hành vi của họ, quan hệ xã hội của họ cũng không rộng, vì thế họ luôn thấy cô đơn.

1- Một nữ hoàng âm nhạc ngang bướng, mạnh dạn trên sân khấu ca nhạc.

Madonna chắc chắn thành công nhờ vào tính cách. Tính cách phản nghịch và táo bạo của cô khiến mọi người kinh ngạc. Cô khuấy động lên từng làn sóng lớn trong biểu diễn nghệ thuật, nhanh chóng trở thành thần tượng trên thế giới.

Madonna sinh ra trong một đại gia đình Thiên chúa giáo. Cha cô là kiến trúc sư. Hồi nhỏ cuộc sống của cô yên ả và hạnh phúc. Năm cô 6 tuổi, mẹ cô đột ngột qua đời, hạnh phúc của cô cũng bị tan vỡ theo. Về sau cha cô lấy một người quản gia làm vợ kế. Điều này khiến cô rất đau lòng. Trước tiên, là việc cha cô dần dần đối xử không tốt với cô; thứ hai, trong gia đình cô là người có cũng như không. Hơn nữa, mẹ kế lại rất nghiêm khắc, Madonna vô cùng căm ghét bà ta. Có lẽ những nguyên nhân này đã khiến cô có tính phản kháng. Sau này cô nhớ lại: "Gia đình chúng tôi là gia đình rất cổ hủ, khi tôi còn rất nhỏ, bà nội muốn tôi không được ra ngoài với con trai, phải yêu Cơ đốc, làm một người con gái tốt. Vì thế trong mắt tôi có hai kiểu đàn bà: Hoặc là gái trinh, hoặc là kỹ nữ". Đây là những lời bộc bạch về cá tính của Madonna.

Lúc học phổ thông, cô là đội trưởng đội cổ động viên của trường thường lái chiếc xe đồ đến khắp nơi làm náo loạn. Cô thẳng tính, mau miệng, trong bụng nghĩ gì thì nói ra như thế, không quan tâm tới hậu quả như thế nào.

Cô cũng thường xuyên tham gia các tiết mục diễn thử của trường nữ sinh Thiên chúa giáo.

Do bản tính không an phận và tinh thần phản kháng, cô đã kết bạn với các cô gái da đen ở quê. Các cô gái đó thường nhảy theo nhạc Soul của người da đen trên các đường phố. Điệu nhạc Soul có ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển âm nhạc của cô sau này.

Năm 1977, Madonna chỉ dành dụm được 35USD, trong lòng ôm ấp ước mong được đến New York để phát triển tài năng, muốn giành được danh và lợi trong giới vũ đạo. Cô học đồng thời hai lớp vũ đạo, thời gian nghỉ học cô lại làm thêm ở quán rượu. Số tiền kiếm được chi trả cho những nhu cầu cần thiết cho cuộc sống. Cô thuê căn hộ chung cư hạ giá ở nơi tồi tàn nhất của New York, ở đó chỗ nào cũng có con gián. Trong ngõ, những con quỷ say rượu thường nằm ngổn ngang, không khí bao trùm bởi mùi bia rượu nồng nặc. Cô thường đến lớp muộn, ăn mặc khác với mọi người. Trang điểm theo kiểu Punk làm các bạn nữ trong lớp không dám nhìn thẳng vào mắt cô. Madonna thích tạo ra những hiệu quả làm mọi người kinh ngạc, thói quen này đến nay vẫn có thể nhận ra ở cô. Cô thường phô ra những bộ phận cơ thể gợi cảm của mình cho người khác nhìn.

Sau khi chưa đạt được thành công trên sân nhảy, Madonna cho rằng tính cách của cô thích hợp trong lĩnh vực giải trí. Thế là, cô tập trung sự chú ý vào âm nhạc: "Ban đầu tôi học đánh đàn ghita, sáng tác bài hát, lúc đầu tôi cảm thấy rất sợ sệt, không biết mình đang làm cái gì. Nhưng khi tôi bắt đầu học đàn ghi ta, các bài hát cứ tuôn ra từ trong trái tim tôi. Ô! nó giống

như có sức lôi cuốn kỳ lạ. Sau đó, tôi cũng không cảm thấy buồn vì không nhảy múa nữa".

Người đưa Madonna thực sự bước lên sân khấu ca nhạc là ca sĩ kiêm nhà soạn nhạc Don Gilro. Ban đầu, quan hệ giữa cô và Don trải qua thời gian rất ngắn. Cô rất quan tâm đến tiền đồ của mình, muốn tìm một con đường có thể phối hợp giữa việc sáng tác nhạc và các điệu nhảy. Cô vẫn chuyên tâm vào các vũ điệu, liên tục tham dự kỳ thi vũ điệu. Cuối cùng có một lần, cô đã nắm được cơ hội làm chân nhảy chính trong ban nhạc biểu diễn nhạc Rock Hernandez. Nhờ đó Madonna bỗng nhiên được cất nhắc lên đỉnh cao trong giới giải trí, nhưng không phải ở Mỹ.

Hernandez là ca sĩ nổi tiếng chơi nhạc disco. Đúng lúc đó, bài hát (Bom-to be alive) được lưu hành khắp thế giới. Hai nhà đạo diễn chính đến từ Paris sang Mỹ giúp anh ta tổ chức chương trình đến châu Âu du lịch, biểu diễn. Họ nhất trí cho rằng Madonna có phong cách của một minh tinh và dự định giúp cô thành danh chỉ trong một đêm diễn, giống như điện ảnh Hollywood mà hồi nhỏ cô thích xem, chỉ trong chốc lát đã được mọi người mến mộ nên cô cảm thấy kinh ngạc. Cô lập tức hay sang Paris bắt đầu giảng dạy thanh nhạc ở đó. Lúc này, cô như leo lên 9 tầng mây, tất cả mọi việc làm cô vô cùng phấn khởi không còn nghi ngờ gì nữa, tính cách của cô thích hợp với công việc này, cách sống này.

Nhưng sự việc không hoàn toàn được như ý muốn của con người. Cô bị đạo diễn đưa đi đây lại, phơi bày trước mắt mọi người đồ vật nhỏ mà họ khai quật được từ đám dân nghèo ở New York. Madonna đành làm ra vẻ phớt lờ mọi việc, cô đến khắp nơi gây chuyện, cũng mượn cơ này để giải nỗi sầu, nỗi cô đơn và nhớ nhà tràn ngập trong lòng cô. Cô thường đến một nhà hàng cao cấp, không gọi món ăn chính, không món khai vị, chỉ cần 3 đĩa đồ ăn ngọt.

Cô không bao giờ rập khuôn, làm mọi việc theo suy nghĩ về cách làm của mình mà mọi người không thể ngờ được.

Vừa đến New York, cô đến ngay nhà thờ. Don tiếp tục dạy cô âm nhạc, lần này Don dạy cô đánh trống. Madonna cũng rất quyết tâm. Anh em nhà Gilmour cùng người bạn nhảy của cô - Ange Schmidt lập ra một ban nhạc, định kỳ diễn tập trong nhà thờ. Ban ngày họ đi làm thêm, để Madonna ở nhà một mình sắp xếp tất cả các dụng cụ. Cô học được cách kéo đàn phong cầm, chơi ghita và đánh trống. Cô ôm ấp hoài bão trở thành tay chơi nhạc cụ giỏi, làm các bạn khác cũng bị quấy rầy vì cô. Họ thường xuyên tập dượt suốt đêm, lúc kết thúc vừa vặn ăn bữa sáng. Vì thế, họ đặt tên là câu lạc bộ bữa sáng. Thời gian này là những ngày tháng vui vẻ nhất của cô, cô cũng thực sự cảm nhận được hương vị của yêu thương. Hoàn cảnh sống không gò bó, tự do tự tại đem lại cho cô không gian rộng lớn.

Madonan một cô gái phóng đãng, ương bướng, thích tự do, khi tham gia buổi biểu diễn nhạc Rock trên quảng trường ở New York, một vạn khán giả yêu âm nhạc tụ hội ở đó muốn nhìn thấy phong thái của cô. Cũng vào năm đó, trong một công viên ở phía Nam Paris, 13 vạn bạn yêu âm nhạc hát vui cùng Madonna, tiếng hát làm cả thành phố không thể chìm trong giấc ngủ. Buổi biểu diễn này đã phá kỷ lục số khán giả đông nhất trong lịch sử nhạc Rock ở Pháp.

Madonan công thành danh toại, lúc này đã tìm được con đường đi mới. Số lượng băng đĩa âm nhạc suy cho cùng hơi ít. Cô muốn làm minh tinh điện ảnh. Một lần ngã là một lần bót đại, cô hiểu ra chỉ dựa vào lòng quyết tâm thì không hữu hiệu, muốn đạt đến đỉnh cao sự nghiệp, cần phải có trợ lý giỏi.

"Tôi nghĩ, ai là người thành công nhất trong giới âm nhạc? Ai là người quản lý của anh ta? Tôi sẽ cần người đó". Madonna nhắm trúng người quản lý của Michael Toesph Jackson - ông Fitergon. Cô đi theo ông ta đến Los Angeles; xông vào phòng làm việc của ông ta, cho ông ta biết dự định của mình. Fitergon bị khuấy phục bởi tính táo bạo của cô, nhận lời làm người quản lý. Michael Jackson xứng đáng là ngôi sao Rock sáng nhất trên thế giới. Cô chọn đúng người quản lý của ngôi sao sáng nhất trên thế giới làm người quản lý của mình. Có thể thấy Madonna, có con mắt độc đáo và khả năng quan sát sâu sắc. Mọi cử chỉ hành động của Madonna đều thể hiện cá tính của cô. Để gặp mặt Fitergon, cô không cần bất kỳ lời chỉ dẫn của người nào, mà trực tiếp xông thẳng vào văn phòng của ông ta, cũng chỉ có Madonna mới làm được như vậy.

Chính vào lúc sự nghiệp của cô có những bước tiến lớn, cô lại may mắn thắng ông vua chơi nhạc Disco, người này đã từng hợp tác với các ngôi sao nổi tiếng như Bill Joel, Michael Jackson.

Thành công không làm mất đi tính hào phóng, ngang bướng của Madonna, nhưng chắc chắn làm thay đổi cuộc đời cô. Đầu tiên là thay đổi phong cách ăn mặc của cô. Sau đó là thái độ của mọi người đối với cô. Bởi vì cô tự tạo hình tượng gợi cảm, khiến một số kẻ thần kinh không bình thường, xuất hiện xung quanh cô. Khi cô đi trên đường, bọn đàn ông không quen biết đột nhiên chạy lên trước hôn, vuốt ve cô. Madonna đành phải thuê vệ sĩ hộ tống, để được an toàn.

Marilyn Monroe là minh tinh gợi cảm, Madonna là ca sĩ Rock nổi tiếng, cả hai người giống nhau ở cá tính ương bướng, ngang ngược và mạnh mẽ. Madonna trong cuộc sống cũng khác với mọi người, cô thể hiện là người ngang ngược, hào phóng, nếu không thì cô ấy không phải là Madonna.

Bobby Martainis và Madonna quen biết nhau năm 16 tuổi. Một hôm anh ta đến nhà bạn chơi, tình cờ gặp Madonna. Cô vừa mới gặp Martainis đã rất thích anh ta, cho là anh ta vừa trẻ vừa gợi cảm, đặc biệt cô biết được anh ta cũng có sở thích ăn các món thú rừng giống mình, và Martainis cũng mê cô. Hai người vừa gặp mặt đã bắt đầu ôm nhau nhảy, hết điệu này đến điệu khác. Suốt buổi tối hôm đó họ không muốn rời nhau.

Rất nhanh chóng, Madonna và Martainis đã sống chung với nhau. Họ sống hoà thuận được 4 năm. Trong 4 năm đó, hai người yêu nhau thắm thiết, chưa bao giờ thờ ơ lạnh nhạt với nhau.

Người đàn ông đã từng qua lại với Madonna đâu chỉ có một mình Martainis; có thể nói là rất nhiều người như vậy, như cô từng bộc bạch: Có người nói tôi là người phụ nữ buông thả. Điều này chứng tỏ Madonna cuồng nhiệt theo đuổi nghệ thuật, ương bướng, phóng đãng, có tư tưởng cấp tiến; sống theo kiểu việc tôi tôi làm, không để ý đến thái độ bên ngoài.

Tên các bài hát của cô như "Cô gái Material"; "Bố đừng thuyết giáo" "Giống nàng trinh nữ"... đều thể hiện sự bất mãn, phản lại truyền thống. Cô đã đóng bộ phim "đi tìm SuSan" và được gọi là "kỹ nữ Alince dạo chơi trên xứ sở điệu kỳ", đã xuất bản "tình dục" với đầy rẫy tình dục đồng tính, thú tính, thủ dâm, đa chủng tộc và kèm theo bức ảnh kỹ thuật số. Thái độ phản kháng của cô không giới hạn, cô miệt thị tất cả các quan niệm giá trị truyền thống và tập tục. Cô xuất hiện trước mọi người với tư thế không gò ép, vì thế năm 1994, cô được "Forbes" xếp vào "nữ kiệt trong giới thương nhân năng nổ nhất nước Mỹ" "người phụ nữ giàu có nhất trong giới âm nhạc nước Mỹ". Những người yêu mến cô, yêu cô hết mực, những người hận cô, hận đến xương tủy. Nhưng ai cũng phải công nhận, minh tinh sáng chói nhất thế kỷ 20 nhất định thuộc về cô. Vì thế, cô vừa là thánh nhân, chúa Giêsu, lại là kẻ có tội, quỷ cái; vừa là trinh nữ, là kỹ nữ, đi ngược lại truyền thống khiến mọi người không sao đánh giá nổi.

Madonna có chí hơn người, đương đầu với mọi áp lực và đả kích từ bên ngoài. Cô thể hiện tính nhẫn nại bền bỉ khiến mọi người kinh ngạc. Mặc dù cô bị sức ép nặng nề, nhưng không bị ngã gục vì nó, trái lại, cô đợi thời cơ để phản công, đây chính là tính ương bướng của cô.

Chỉ có không câu nệ với quy tắc thì mới có những đột phá. Trong vòng biểu diễn nghệ thuật, các minh tinh hội tụ, ẩn giấu tài năng, muốn khác người phải được bạn yêu âm nhạc, điện ảnh công nhận, chỉ dựa vào thực lực thôi vẫn không đủ. Tính cách mới là thứ hấp dẫn nhất, chính tính phản nghịch của cô giúp sự nghiệp của cô thịnh vượng.

Mấy năm gần đây, Madonna lại một lần nữa phủ định toàn bộ những gì của bản thân cô ngày trước. Thứ nhất, cô thay đổi hình tượng ngày trước, sống cuộc sống bình thường, giúp chồng dạy con. Phong cách biểu diễn của cô cũng thay đổi, trở về với truyền thống. Những cử chỉ của cô thậm chí còn hiền lành hơn những phụ nữ hiền hành, cô sống có đạo đức và trách nhiệm. Cô hoàn toàn quay trở về truyền thống, làm bạn yêu âm nhạc trên toàn thế giới một lần nữa tiếp nhận sự "phản bội" của cô, cô lại trở thành điểm nóng của các phương tiện truyền thống đại chúng.

2- Puskin (1799 - 1837): hành động và tình cảm lạ đời, phấn đấu cho đến chết vì danh dự

Puskin thi nhân vĩ đại trong lòng thơ ca lãng mạn thế kỷ 19. Ông là người sáng lập ra văn học chủ nghĩa lãng mạn, cũng là người đặt nền móng cho trào lưu văn học hiện thực phê phán. Nhờ tính cách phản nghịch và thơ hoá mà ông có sức hấp dẫn kỳ lạ.

Puskin sinh ngày 6 tháng 6 năm 1799, trong một gia đình quý tộc ở Mátxcova. Từ nhỏ ông đã có tính phản nghịch, khác với người. Năm 13 tuổi, ông theo học Trường Lixê ở Hoàng Thôn", chuyên đào tạo nô bộc cho triều đình Nga. ở ngôi trường này mọi việc từ biên soạn giáo trình, đến quản lý hàng ngày đều quán triệt nghiêm khắc mọi tôn chỉ của bọn thống trị Nga Hoàng. Puskin không hợp với những điều này, ông cùng các bạn học đấu tranh với người quản lý, Phó hiệu trưởng trường - đại diện của thế lực phong kiến. Năm 1813, mới 14 tuổi ông đã hoàn thành tập thơ "Tu sĩ", châm biếm chế giễu bọn tu sĩ giả dối.

Hồi học trung học, ông chịu ảnh hưởng của tư tưởng dân chủ của Tây Âu, hướng về nền tự do dân chủ của giai cấp tư sản. Dịp ông làm việc ở Bộ Ngoại giao, ông đã qua lại rất thân mật với tổ chức cách mạng lúc bấy giờ, và tham gia tổ chức tiến bộ "Lục đẳng xã" (đèn màu xanh). Dưới ảnh hưởng của tư tưởng cách mạng dân chủ thời đó, ông viết những bài thơ trữ tình chính trị bóc trần chính sách chuyên chính bạo ngược và hướng về tự do, như "ca ngợi tự do", "đồng thoại", "quê nhà" v.v... Thơ của Puskin đả kích sự thống trị đen tối của Chính phủ Sa Hoàng, nên được lưu truyền rộng rãi trong quần chúng. Bọn thống trị căm giận ông đến tận xương tuỷ. Sa Hoàng lúc bấy giờ là Aleksander lớn tiếng kêu gào, phải đưa ông đi đày đến Xibêri tránh không để thanh niên trong nước học thuộc thơ của ông. Về sau ông bị lưu đày đến phía Nam của Nga.

Đày Puskin xuống phía Nam, với mục đích chủ yếu thông qua thủ đoạn này làm cho các nhà thơ từ bỏ tư tưởng tiến bộ, cam tâm trở thành tôi tớ của Sa Hoàng. Nhưng sự việc và mong muốn lại trái ngược nhau. Phía Nam nước Nga là nơi ở tập trung của những người bị lưu đày. ở đây, ông càng có cơ hội tiếp xúc với nhiều chiến sĩ cách mạng, nên tính phản nghịch vốn có ở ông càng kiên định hơn.

Trong thời gian này, Puskin đã được du lịch đến Caucasus và Crimea. Sau khi trở về, ông sáng tác tập thơ "Những người Txugan". Nhân vật chính của bài thơ Alắcka là một người lưu vong. Nhà thơ thông qua nhân vật này lên án xã hội thượng lưu và cuộc sống thành thị, phê phán cuộc đời ăn bám sa đoạ đó. Alắcka sống hai năm với người Txugan nhưng anh ta không trở thành người Txugan thực sự. Khi vợ ngoại tình, anh ta tàn bạo giết chết hai người đó. Ở đây, nhà thơ phê phán tư tưởng ích kỷ của Alắcka, hình thành trong cái xã hội "văn minh".

Puskin tiếp xúc với người cách mạng tiếp tục sáng tác bài thơ trữ tình chính trị. Sa Hoàng giận dữ, áp dụng những thủ đoạn ngày càng bỉ ổi, áp giải Puskin về quê của ông, bắt cha ông quản lý nghiêm khắc hơn đứa con "bất hiếu" này. Cha ông khuyên ông không nên quan tâm đến chính trị, không sáng tác thơ chính trị nữa, nhưng suy nghĩ của ông vẫn không dao động, cuối cùng mọi người đều xa lánh ông, người thân cũng rời bỏ ông ra đi.

Không lâu sau, nước Nga xảy ra cuộc "Cách mạng tháng 12". Bọn thống trị Sa Hoàng tiến hành đàn áp đẫm máu cuộc cách mạng này. Mấy người bạn của ông ở trường "Hoàng Thôn" không may bị giết. Bản thân ông cũng dự cảm được rằng mình sẽ gặp rắc rối.

Sa Hoàng hỏi Puskin: nếu như người của Đảng tháng 12 khởi nghĩa, ông có thể làm gì ở Pêtecbuga? Ông không chút do dự nói: "Tôi sẽ ở trên quảng trường tham gia chính quyền đứng trong hàng ngũ của quân khởi nghĩa".

Tác phẩm thơ của ông bị giám sát quản lý nghiêm ngặt. Sa Hoàng không bằng lòng với vở kịch lịch sử của ông. Nhưng Puskin vẫn kiên quyết giữ quan điểm của mình, tỏ rõ thái độ không thay đổi: Sa Hoàng ra lệnh cấm biểu diễn vở kịch lịch sử này. Chính quyền quản lý ông chặt chẽ hơn, chưa có lệnh chưa được thả, ông không được rời khỏi Mátxcova, càng không thể dời đến Pêtecbuga. Những biện pháp này của chính quyền Sa Hoàng càng khiến ông kiên định hơn, tính cách phản nghịch của ông càng thể hiện rõ nét.

Puskin coi thường chính quyền Sa Hoàng, tính phản nghịch, độc lập ngang ngạnh, cứng đầu

cứng cổ của ông không được chính quyền Sa Hoàng chấp nhận. Chính quyền Sa Hoàng luôn coi ông như cái gai trong mắt nhưng vì Puskin quá nổi tiếng trong dân chúng, nên chúng chưa hạ thủ ông. Mặc dù ông không sợ Sa Hoàng lạm quyền, nhưng xét cho cùng, ông thế lực mỏng yếu. Sa Hoàng bắt đầu ngầm thai nghén âm mưu lớn hơn.

Năm 1831, ông kết hôn với cô nàng xinh đẹp Cataria trẻ hơn ông mấy chục tuổi. Họ chuyển đến Pêtecbuga, ông làm việc tại Bộ Ngoại giao. Vào chính lúc này, Sa Hoàng sai một sĩ quan tên là Sudeli đi phá hoại cuộc hôn nhân của ông. Một số người lợi dụng việc này, nói lời ác độc làm tổn thương ông.

Puskin không chỉ có tính cách phản nghịch, còn có tính cách thơ hoá. Cả cuộc đời ông luôn phấn đấu vì danh dự của mình, ông thà mất tất cả chứ không muốn mất đi danh dự của bản thân. Đến lúc ông không thể nhẫn nhục được nữa, ông đưa ra thách thức quyết đấu. Các bạn ông không đồng ý, vợ ông đã từng quỳ xuống khuyên can ông, Sudeli chị gái của Catania, người mà ông đã từng theo đuổi cũng lên tiếng.

Nhưng do ý chí phản nghịch bộc phát đến đã không làm ông dao động. Trong trận quyết đấu, đối tượng bị ổi vì phạm nguyên tắc, nổ súng trước nhà thơ vĩ đại, vì thế ông đã đi hết con đường đời của mình.

Tính cách và tác phẩm của Puskin tràn đầy sự phản nghịch đã khiến chuyên chính Sa Hoàng hận ông đến tận xương tủy. Là nhà thơ, hoàn cảnh thơ hoá ông theo đuổi cũng trở thành bộ phận quan trọng trong tính cách và nhân cách con người của ông. Hai mặt hội tụ lại, đã quyết định cuộc đời phản nghịch, không sợ quyền lực của ông, cũng dẫn đến kết cục không may của ông, nhưng hình ảnh ông vẫn còn mãi trong lòng mọi người.

3- Cô độc trong phản nghịch, tính nông cuồng của Van gôc

Van Gôc (1853 - 1890) nhà hoạ sĩ lớn người Hà Lan thuộc phái ấn tượng ở vào cuối thế kỷ 19, là một nhân vật có hành vi hoang đường vô lý, cử chỉ độc đáo khiến người khác phải sợ hãi. Ông theo đuổi nghệ thuật mãnh liệt và phong cách vẽ cũng độc đáo. Sêra gọi ông là "kẻ nông cuồng", nhà bình luận người Ý - Doly cho rằng: Van Gôc có ảnh hưởng cực lớn đến trường phái dã thú và phái biểu hiện sau này. Thành tựu nghệ thuật của ông có tác dụng lớn hơn đối với thế hệ sau như Edonard và Sêra.

Bức tranh tuyệt tác của ông được vẽ trước khi ông tự sát là bức chân dung Ade.zâm, Revosts đã bán với giá rất cao, 13 triệu 750 nghìn USD tại cửa hàng bán đấu giá ở Kristop New York. Nhưng bậc thầy nghệ thuật này khi còn sống lại bị đối xử lạnh nhạt. Những yếu tố như nghèo khổ, bệnh tật, bị kỳ thị một thời gian dài, đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khoẻ của ông. Nỗi ưu phiền sâu muộn quanh quẩn trong đầu làm ông mắc bệnh thần kinh. Ngoài nghệ thuật, ông không nhận được một chút hơi ấm của tình người. Cuối cùng, ông không hề do dự kết thúc cuộc đời mình.

Van Gôc sinh ngày 30 tháng 3 năm 1853 tại một thị trấn nhỏ Prabant miền Bắc Hà Lan. Cha ông là mục sư, muốn ông kế thừa sự nghiệp của cha. Ông tính lầm lì, không thích giao tiếp với người khác, nhưng từ nhỏ ông đã tỏ rõ tài hoa về nghệ thuật. Cha ông dẫn ông đến học tại trường nội trú gần thị trấn. Ở trường ông thích một mình thu tập tiêu bản thực vật và côn trùng.

Năm 1869, vì hoàn cảnh gia đình nghèo túng, ông buộc phải nghỉ học để làm một nhân viên nhỏ trong cửa hàng buôn bán mỹ thuật ở Hague (Hà Lan). Ông thật thà đáng tin, thông minh siêng năng, không lâu sau ông đã trở thành nhân viên kiểu mẫu. Sau khi được cất nhắc, ông được cử đến Luân Đôn làm việc ở chi nhánh.

Ở Luân Đôn, ông yêu con gái của ông chủ - cô Alina. Cô làm việc trong một cửa hàng bán búp bê, kiêm bảo mẫu. Ông có tình cảm sâu sắc với cô ta, cho rằng cô ta là người đẹp tuyệt trần.

Van Gôc mặt mũi xấu xí, tóc đỏ mọc dài, mũi to, gò má cao, dưới hàng lông mày rậm nhẵn là đôi mắt nhỏ xanh lè và sâu, khuôn mặt dữ dằn, trên trán đầy những vết nhăn, khi đi khom lưng,

ông giống như một cụ già. Khuôn mặt như vậy tất nhiên không thể làm các cô gái thích thú. Alinda dùng lời lẽ cười nhạo sự theo đuổi của ông. Mỗi tình đầu của ông tan vỡ, ông rời Luân Đôn mang theo nỗi buồn ghê gớm.

Sau 6 năm làm việc, năm 1876, ông chủ cửa hiệu mỹ thuật nghi ngờ ông bị thần kinh, đã sa thải ông. Điều này càng khiến ông thêm đau khổ. Nhưng mọi sự đả kích càng làm ông kiên định suy nghĩ của mình, càng làm phản lại lẽ thường và không làm việc theo thói đời.

Mùa xuân năm 1876, Van Gôc dạy tiếng Pháp tại trường học ở khu dân nghèo của Luân Đôn. Ông vẫn yêu và tìm Alina. Lúc này Alina đã lập gia đình. Ông tuyệt vọng, không còn tâm trí tiếp tục dạy học nữa, và nhận lời mời của giáo hội đến khu dân nghèo ở Whitechouse làm từ thiện. Ông chứng kiến cảnh ngộ bi thảm của người nghèo, điều đó đã khiến ông lần đầu tiên nảy sinh ý muốn dùng hội họa để thể hiện ước vọng trong lòng mình. Em ông Tivi khuyên ông học vẽ, nhưng đột nhiên ông quyết định làm một mục sư giống cha ông.

Năm 1878, ông làm tuyên giáo ở một khu mỏ phía Nam của Bỉ. Ông đồng cảm với cuộc sống bi thảm của công nhân mỏ, dạy trẻ đọc sách, an ủi người già, chăm sóc bệnh nhân. Lúc đó dịch bệnh đang lan tràn, bất chấp tính mạng bản thân, ông chăm sóc công nhân, ông tự nguyện ngủ trên bao cỏ, và đem quần áo, lương thực của mình phân phát cho người nghèo. Việc làm này của ông vượt ra khỏi khuôn phép, giáo hội phần nộ và sa thải ông.

Năm 1880, Van Gôc 27 tuổi, ông bắt đầu học vẽ. Ông đến bảo tàng mô phỏng bức tranh của nhiều họa sĩ. Lúc đó ông phải dựa vào nguồn tài trợ của người em làm việc tại cửa hàng tranh. Ông cố gắng hạn chế chỉ tiêu, có lúc chỉ ăn hạt dẻ cho đỡ đói. Do một thời gian dài ăn ít, mặc không ấm đã làm cho cơ thể ông ngày càng suy nhược.

Năm 1881, sau nửa năm sống với cha mẹ, ông thổ lộ tình cảm mến mộ với người em họ - người đàn bà mới góa chồng, nhưng bị từ chối. Lúc này, ông đã thay đổi cái nhìn về tôn giáo, ông từ bỏ việc theo đuổi tôn giáo của ông, sau đó cùng người anh họ đến Hauge học vẽ. Nhưng ông không bằng lòng với cách truyền thụ cổ điển về tượng thạch cao của người anh họ này. Cuối cùng ông cũng từ bỏ. Ông gửi thư cho em trai, trong thư ông viết "cái mà anh cần vẽ là nhân tính (tính người), và tình người.

Một hôm, ông gặp một người đàn bà mang thai bất hạnh ở trên đường, liền đưa về nhà, làm người mẫu. Người đàn bà này là kẻ nát rượu, một kỹ nữ dung nhan xấu xí, Van Gôc nhìn ăn, nhìn mặc vì cô ta, và nhận lời khi nào có tiền sẽ lấy cô ta làm vợ, ông quan tâm săn sóc cô ta. Người đàn bà này lại lấy trộm tiền của ông đi uống rượu mua vui. Em trai ông ngăn ông dừng lại, phải bỏ cô ta ngay. Ông viết thư cho cô ta: "Tạm biệt nhé, mặc dù tôi không tin cô có thể cải tà quy chính, nhưng ít nhất cô phải thành thực, thậm chí cô chỉ là một gái điếm bất hạnh, chỉ cần có đứa con cô sẽ là một người mẹ thực sự".

Năm ở 1885, Van Gôc theo học ở Học viện Mỹ thuật Antwerp (Bỉ), nhưng nơi đó lại làm ông rất thất vọng. Có một lần khi vẽ bức tượng Vanera, ông vẽ Vavera có đôi chân to béo, khiến vị giáo sư tức giận, đuổi ông ra khỏi trường.

Đúng lúc này, ông bị thương hàn, Van Gôc nghèo khổ bệnh tật đã bước sang tuổi 33. Thế rồi ông đến Pari, trông chờ em trai giúp đỡ. ở Pari, ông quen biết hàng loạt các họa sĩ theo trường phái ấn tượng. Ông học được những kỹ xảo Paul (1848 - 1903), hấp thụ được gam màu sáng và cách thể hiện ánh sáng bên ngoài của trường phái ấn tượng ông sử dụng gam màu của trường phái lãng mạn biểu đạt tình cảm tư tưởng.

Không lâu sau, ông đến một thành phố miền Nam nước Pháp và sống trong quán trọ, ông lao vào cuộc vẽ tranh. Có những ngày ông vẽ được mười mấy bức tranh sơn dầu. Khi vẽ ông có cảm hứng dào dạt. Ngoài bút vẽ ông còn dùng ngón tay, dao vẽ, có lúc ông phải đổ màu từ trong hộp lên bản vẽ.

Ông cùng sống với tầng lớp dưới đáy xã hội trong một thời gian dài, nên đã đồng cảm sâu sắc với những người bất hạnh nghèo khổ. Ông từng nói: "Tôi nguyện lấy tác phẩm của tôi để thể hiện nỗi xúc động trong lòng của một người bình thường". Ông lại mời Paul đến ở cùng.

Paul ngạo mạn khinh người, rất khó sống hoà thuận với mọi người. Ngay từ đầu ông ta đã liên tục chế giễu hội hoạ của Van Gôc, và thường xuyên cười nhạo chuyện tình của ông. Ông ta cũng đố kỵ với nghệ thuật của Van Gôc. Hai người thường xuyên cãi nhau. Nhưng Van Gôc tính tình lương thiện, thật thà chất phác luôn nhường nhịn, chủ động hoà giải.

Một hôm, Paul xúi ông đi chơi nhà chứa. Ông ta cho tiền những cô gái điếm để họ sỉ nhục ông trước mặt đàn ông. Van Gôc không nhịn được cơn giận, cãi nhau với Paul rồi bực tức bỏ đi. Sau đó, Paul lại mua chuộc một cô gái điếm để trêu chọc ông. Cô ta nói với Van Gôc: "Nếu anh đưa cho em 5 đồng Frăng, em sẽ chiều chuộng anh, nếu không em phải lấy tai của anh tặng em làm quà Giáng sinh".

Trong lúc nửa tỉnh nửa say, Van Gôc dùng dao nhọn sắc cắt mất tai bên phải của mình, sau đó gói vào vải vẽ tranh, sai người đem đến nhà chứa, kỹ nữ nhìn thấy cái tai sợ ngất xỉu ngay tại chỗ. Van Gôc cũng được đưa đến bệnh viện.

Tháng 5 năm 1889, em trai của ông đưa ông đến viện tâm thần San Remo, sau đó lại chuyển ông đến viện an dưỡng tốt hơn. Ông giữ lại những gam màu và bản vẽ mình thích. Trên cánh đồng ở gần bệnh viện, ông đã vẽ 150 bức tranh sơn dầu và hàng trăm bức phác hoạ. Lúc này, phong cách vẽ của ông có thay đổi lớn, màu sắc không mãnh liệt nữa. Ông đặc biệt mê màu vàng óng của cánh đồng lúa mạch dưới ánh mặt trời, cả ngày ông đều vẽ cảnh sắc này. Ông gào thét với người bảo vệ: "Màu vàng óng, một màu vàng óng đẹp biết bao!" Màu vàng óng sáng đẹp đó chiếm hết tâm trí của ông.

Buổi chiều ngày 27 tháng 7 năm 1890, trong hoảng hốt, ông nhìn thấy cha ông và cái cây bên phần mộ của nhà thờ, nhìn thấy công nhân vùng mỏ, ông biết chắc mình bị điên rồi. Ông gào lên: "Điều này không thể!" Ông lấy khẩu súng ngắn bắn vào bụng mình, sau đó dùng tay bịt chỗ bị thương, khó khăn đi về nhà trọ. Đúng lúc nguy cấp đến tính mạng, ông nhìn thấy cô con gái 13 tuổi của ông chủ cửa hàng đang đứng trên sân thượng, dáng vẻ rất đáng thương.

Trở về căn phòng Van Gôc chịu đựng cơn đau, vẽ bức chân dung cô gái này ra. Ông chịu được hai ngày, cơn đau khó có thể kìm nén được, nhưng ông không một lời kêu ca nào. Trước lúc chết, ông còn bàn luận nghệ thuật với em trai.

Lúc sắp tắt thở, miệng ông còn ngậm điếu thuốc đang cháy. Năm đó ông 37 tuổi, ông được chôn ở Oviedo. Bạn thân và bác sĩ của ông trồng một cây hoa hướng dương mà ông thích để an ủi linh hồn vĩ đại này. Người em trai không chịu nổi sự đả kích nặng nề, nửa năm sau ốm và chết ở quê nhà. Sau đó ông ta được mai táng bên cạnh mộ của người anh, mãi mãi nằm bên cạnh anh trai.

Không còn nghi ngờ, Van Gôc là con người đặc biệt của thế giới này, nhưng tính phản nghịch, khác thường của ông chính là do sự lạnh nhạt vô tình thiếu tình yêu và sự lý giải của xã hội gây ra. Van Gôc phản nghịch trong sự cô độc, cô độc trong tính phản nghịch. Ông giày vò tình cảm của mình, đả kích tâm hồn mình. Nhưng những sáng tác của ông đều có nguồn gốc từ sự đau khổ này. Sau khi ông qua đời, tranh của ông được mọi người công nhận. Các bức tranh được bán trên thị trường nghệ thuật với giá cao tuyệt đối. Mọi người nhớ đến "nhà hoạ sĩ ngông cuồng" có hành vi kỳ quặc, cũng công nhận ông, nhưng tất cả vinh dự này đều quá muộn.

4. Diana- cá tính phản nghịch lại gặp phải hiềm khích của hoàng gia

Diana từ một người con gái ngây thơ lãng mạn, trở thành công nương Hoàng gia. Nhưng với tính cách phản nghịch, nàng nguyện làm công nương của nhân dân, chứ không muốn là công nương của Hoàng thất. Tính cách phản nghịch ảnh hưởng đến cuộc đời nàng; cũng chính tính cách phản nghịch dẫn nàng sớm đi hết cuộc đời mình.

Trước khi trở thành công nương nước Anh, không ai biết đến nàng. Sau khi nàng trở thành công nương, người ta không chỉ biết nàng là công nương mà còn biết nàng là người xinh đẹp. Nhưng tính phản nghịch thiên bẩm của nàng thách thức với lễ thói, với "luật lệ" nhà vua.

Đẹp đương nhiên là tốt, có lúc nó đem đến may mắn song cũng có thể gây phiền não cho con

người. Những điều bất hạnh và may mắn, tình cảm bất hoà và vinh hoa phú quý mà cuộc đời ngắn ngủi công nương đã trải qua đều minh chứng rõ điểm này. Sự tôn nghiêm và thần thánh của Hoàng gia, phương tiện thông tin đại chúng đều nhất loại ca ngợi vẻ đẹp vốn có đã tạo nên tất cả mọi thứ ở Diana, đồng thời cũng đem đến cho nàng điều bất hạnh và thất bại mà người khác không thể cảm nhận được.

Công nương Diana từ một thiếu nữ thuần khiết không sành sỏi việc đời, trở thành công nương được dân chúng chú ý tới, cuối cùng ngang nhiên cắt đứt quan hệ với Hoàng gia, ly hôn thái tử Charles.

Chặng đường đời lạ thường này minh chứng rõ ràng tính cách dứt khoát của công nương. Mọi người quá để ý đến tính cách phụ nữ dịu dàng, xinh đẹp, dễ thương của nàng mà coi nhẹ tính phản nghịch của công nương. Tính phản nghịch và vẻ dịu dàng xinh đẹp dường như xung khắc nhau như lửa với nước, lại bộc lộ rõ nét ở con người Diana, tạo nên điểm mấu chốt trong cuộc đời ngắn ngủi của công nương. Chính sự hoà hợp của hai tính cách này mới đưa đến thắng lợi huy hoàng và bất hạnh của công nương. Nếu nàng là "một con vịt xấu xí", "cô gái lọ lem", nhất định sẽ không là công nương, cũng sẽ tránh được nhiều điều bất hạnh và thất bại trong cuộc đời. Là công nương, Diana đích thực được hưởng thụ vinh hoa phú quý mà người khác muốn cũng không được. Nhưng cái giá nàng phải trả thì người bình thường khó có thể tưởng tượng được. Nếu công nương không có tính cách phản nghịch, chịu khuất phục điều nọ luật kia của Hoàng gia mà cúi đầu nhẫn nhục, không tranh đấu với số phận và hiện thực, thì công nương vẫn là nhân vật được cả thế giới chú ý, mọi người hiểu và đánh giá về nàng cũng không thể được như ngày nay.

Hồi nhỏ, công nương là người yếu đuối. Vào lúc còn ấu thơ, cha mẹ ly dị, làm tổn thương lớn trái tim nàng. Lúc đó, công nương mới 6 tuổi. Diana và em trai do cha nuôi dưỡng sống ở trang trại. Nàng và em trai thường xuyên trải qua đêm tối như mực, nàng học cách săn sóc em trai, quan tâm tới người khác. Đoạn hồi ức đau khổ này lưu lại ấn tượng sâu sắc cho công nương Diana. Công nương từng nói với bảo mẫu: sau khi trưởng thành, nàng quyết không ly dị, không để con mình phải chịu đau khổ của cuộc ly hôn. Sự việc trái với mong muốn của nàng, sau khi nàng trưởng thành cũng ly hôn với thái tử, để lại cho hai đứa con ruột thịt trải nghiệm đau khổ thời ấu thơ của công nương. Vì thế có thể nói Diana thừa ấu thơ không có tính cách phản nghịch mạnh mẽ, trái lại nàng là người yếu đuối.

Công nương Diana là người có phẩm chất tốt. Nghĩa cử vui lòng khi giúp đỡ người khác khi công nương còn đi học, cũng đem đến cho công nương sự vinh dự và nhiều lần được trường học biểu dương. Cha công nương thấy nàng thành tích học tập bình thường, nên đưa công nương và chị gái của nàng đến học ở trường lễ nghi của Thụy Sĩ. Nhưng công nương chỉ học ở đó 2 tuần, kỹ năng duy nhất công nương học được là trượt tuyết.

Công nương rời bỏ trường học, trở thành "thanh niên đợi việc" đúng với nghĩa của nó. Nàng thuyết phục cha, một mình đến Luân Đôn kiếm sống. Nàng cố thể giữ được mình, không hút thuốc, không uống rượu, cũng không nhiễm thói quen, thị hiếu xấu trong xã hội. Trong cuộc sống công nương giữ mình trong sạch. Trước khi tiếp xúc với hoàng tử Charles, công nương thậm chí không có một người bạn trai chính thức, càng không hiểu thế nào là cuộc sống vợ chồng. Lúc này nàng vẫn là một cô gái vô tư thuần khiết.

Một dịp ngẫu nhiên, công nương tình cờ gặp hoàng tử Charles, Hoàng tử để lại ấn tượng sâu đậm trong trái tim người thiếu nữ thoát mới biết tình yêu này. Đồng thời công nương 19 tuổi cũng giành được thiện cảm của hoàng tử Charles.

Ngày 29 tháng 7 năm 1981, hoàng tử Charles và Diana tổ chức hôn lễ long trọng chưa từng thấy. "Hôn lễ thế kỷ" đã tiêu tốn gần 1 tỉ bảng Anh. Sau hôn lễ, nàng chính thức trở thành thành viên của Hoàng gia. Một thiếu nữ bình thường trở thành công nương, không chỉ thay đổi thân phận, còn có nghĩa là mọi hành động của nàng không còn là việc riêng tư, mà là hình ảnh của Hoàng gia. Địa vị của công nương trong các thành viên nữ của Hoàng gia Anh rất cao. Trừ Nữ hoàng Elizabeth và Vương thái hậu ra, nàng là vị công nương đứng ở vị trí thứ ba. Mọi việc

nàng làm đều không còn là hành vi cá nhân nữa, đều phải chú ý đến hình tượng, bởi vì nhất cử nhất động của nàng đại diện cho hình ảnh của Hoàng gia Anh. Một thiếu nữ vô tư bỗng nhiên chịu sự gò bó của luật lệ nọ kia, hơn nữa lại còn phải tuân thủ không được sai sót những luật lệ xa lạ, thì thật là khó. Công nương Diana có sắc đẹp, khí chất và cá tính riêng, nàng không tuân thủ luật lệ Hoàng gia chắc chắn sẽ gây mâu thuẫn với Hoàng gia. Trước mắt nàng có hai sự lựa chọn: "Hoặc là từ bỏ cá tính vốn có và thói quen cuộc sống của mình, phục tùng luật lệ Hoàng gia, làm một công nương hợp lệ, cúi đầu nhẫn nhục; hoặc là bảo vệ cá tính riêng, theo đuổi cái tôi thực sự, làm công nương phản loạn.

Ban đầu, trong một thời gian tương đối dài, công nương Diana lựa chọn thích ứng với Hoàng gia, không chế mọi suy nghĩ của mình, học cách thay đổi tính cách, cố gắng làm một công nương như Hoàng gia mong đợi. Nhưng sau khi làm công nương, nàng nhanh chóng trở thành minh tinh được cả thế giới biết đến. Sự chú ý nhiệt tình của báo chí truyền hình đến công nương ra khỏi tính toán của nàng. Mọi hành động của nàng không thể thoát khỏi tầm ngắm của báo chí; cuộc sống kiểu này làm nàng cảm thấy ngột ngạt.

Trước khi trở thành công nương trong mắt nàng, Charles là anh hùng tuần tú lịch sự, rất thánh thiện, có nhiều điều thần bí. Cuộc hôn nhân nàng hướng tới là cuộc hôn nhân trong Vương quốc đồng thoại. Nhưng sau đám cưới, vị hoàng tử mà nàng từng ngưỡng mộ đã trở thành người đàn ông bình thường. Vì thế sau hôn lễ, nàng nhanh chóng phát hiện ra gia đình và cung điện cũng giống nhau, không có cảm giác ấm cúng mà nàng mong đợi. Nhất là tình yêu của vị Hoàng tử lớn tuổi hơn nàng mà nàng đã gửi gắm biết bao hy vọng không sâu đậm và nồng cháy như nàng nghĩ.

Mặc dù như vậy, công nương Diana vẫn cố gắng thích ứng với hàng loạt những luật lệ Hoàng gia, tích cực tham dự hoạt động xã giao, nhưng nàng không thể vứt bỏ suy nghĩ và cách làm việc của mình.

Sự thật minh chứng cách làm việc của công nương không sai. Nàng có thể đứng trước dân chúng, giành được thành công mà các thành viên khác không có được. Điểm này chứng tỏ nàng đã làm trái với cách làm việc do Hoàng gia quy định, Mặt khác, sự không thích ứng với Hoàng gia và cử chỉ lời nói coi thường luật lệ cung điện của nàng không những khiến cho thành viên Hoàng gia "vô cùng thất vọng", mà ngay cả người hầu phục vụ cung đình cũng xôn xao bàn luận. Trừ phi, nàng có thể chấp nhận mọi thứ của Hoàng gia, nếu không thì khó tránh khỏi bị cô lập và chỉ trích. Nhưng với tính cách phản nghịch của nàng, nàng quyết không thể làm trái lương tâm, thuận theo luật lệ Hoàng gia.

Hoàng tử Charles là người thất vọng nhiều nhất với tính nết và cá tính của công nương. Sau khi họ sinh đứa con thứ hai, quan hệ giữa nàng và Hoàng tử đã đến bước không thể hoà giải được. Nàng buộc phải sống trong hai thế giới. Ở Hoàng cung, tất cả mọi thứ đều có điều lệ nghiêm ngặt; lịch trình hàng ngày xếp kín hết, nghĩa là không tự chủ được mọi việc. Diana giống như "chim vành khuyên" trong lồng, cao quý nhưng mất tự do. Còn ở ngoài Hoàng cung, nàng đã trở thành minh tinh chói lóa trên toàn thế giới; nhất là trang phục, cách trang điểm và kiểu tóc của nàng dường như làm rung động tới các cô gái trẻ thích làm đẹp trên thế giới. Công nương Diana cứ như là một trào lưu.

Những hành động, cử chỉ của nàng ngày càng không thích hợp với luật lệ Hoàng gia. Trong Hoàng gia Anh nổi tiếng bảo thủ, hành vi theo nàng là bình thường nhất cũng không được lý giải. Ví dụ như khi con nàng tham dự cuộc thi thể thao, nàng cũng có thể giống như một người mẹ bình thường, lúc bắt đầu gần về đích, nàng đích thân đến cửa hàng quần áo lựa chọn quần áo cho con. Nàng muốn con mình tiếp thu cách giáo dục mà từ trước đến giờ Hoàng gia chưa có, mục đích muốn bọn trẻ thực sự hiểu biết ngoài xã hội và cuộc sống. Tất cả điều này đều đi ngược lại với truyền thống và luật lệ của Hoàng gia. Công nương làm sao có thể giống người bình thường? Hoàng gia không hiểu, càng không thể tha thứ. Hoàng gia không thể bao dung một công nương tính cách phản nghịch như thế này. Nhưng công nương Diana luôn hướng đến tự do, đương nhiên cũng không có cách nào tiếp nhận hàng loạt luật lệ Hoàng gia. Khi những luật lệ này cuối cùng không còn quan trọng đối với nàng, nàng sẽ rời bỏ cung điện mà

theo nàng là "cung điện lạnh lẽo".

Tính cách phản nghịch của công nương Diana ở trong cung điện thể hiện trên nhiều mặt, trong đó nổi bật ở cách ăn mặc. Nàng sớm "gạt bỏ" những quy định bất thành văn về trang phục nữ trong cung điện. Quần áo trang sức của nàng nhiều màu sắc, từ đầu xuống chân đều có màu sắc độc đáo. Nhìn về kiểu dáng quần áo, thì hoàng loạt luật lệ Hoàng gia đã bị nàng vứt bỏ hoàn toàn. Nàng không chỉ có lễ phục khoan thai lỏng lẻo mà còn có nhiều trang phục mới lạ. Nàng không từ chối mặc những bộ phận quần áo gợi cảm mà phụ nữ Hoàng gia không dám mặc hoặc không thể hỏi han đến. Những bức ảnh nàng chụp khi mặc bộ bikini mọi người đã thấy nhiều lần. Điểm cách tân trên trang phục của nàng đã bộc lộ rõ tính phản nghịch; đây không phải là hình ảnh công nương của Hoàng gia Anh. Nhất là thành viên Hoàng gia Anh không thể chấp nhận được bộ quần áo phơi trần, táo bạo. Trong trang phục của nàng, những bộ quần áo kiểu như vậy không bao giờ chỉ dừng ở 1, 2 bộ. Nàng dùng tính cách phản nghịch, hành động thực tế phản nghịch để thách thức với truyền thống, thách thức với Hoàng gia. Cách ăn mặc của công nương toát lên vẻ đẹp dịu dàng, đồng thời cũng bộc lộ tính cách phản nghịch của nàng. Khi lựa chọn cái tôi trước mắt và cá tính, công nương Diana coi thường sự ràng buộc của Hoàng gia. Đối với quyền lực và nghĩa vụ, cuối cùng nàng cũng lựa chọn cái tôi. Tính cách phản nghịch khiến nàng ngày càng xa rời Hoàng gia.

Ngày 28 tháng 2 năm 1996, công nương Diana và thái tử Charles chính thức ly hôn. Buổi hôn lễ thế kỷ rầm rộ vào năm đó, được chấm dứt bởi sự kiện ly hôn gây chấn động lớn cũng như vậy. Sau khi ly hôn, nàng vẫn có sức hấp dẫn mọi người không kém gì ngày trước. Các phương tiện thông tin đại chúng quan tâm đến mọi cử động của nàng. Công nương rời khỏi Hoàng cung, thực hiện giá trị bản thân, có thể tự do điều khiển chính mình, dồn toàn bộ tình yêu thương và sức lực của mình vào sự nghiệp từ thiện và phúc lợi. Trước khi ly hôn, nàng không chỉ là "đại sứ thời trang quốc tế", mà còn là "đại sứ thân thiện" nổi tiếng. Nàng đã từng kiêm chức trong hơn 100 cơ quan từ thiện, đảm nhiệm 13 năm chức Phó hội trưởng Hội Chữ thập đỏ quốc tế. Nhiều nơi trên thế giới còn in đậm dấu ấn của công nương.

Năm 1989, khi đến thăm nước Mỹ, ở một bệnh viện công nương đã ôm chặt một đứa bé 7 tuổi mắc bệnh AIDS vào lòng. Mọi người ở đó đều rất cảm động. Sau khi ly dị, nàng đại diện cho Hội Chữ thập đỏ đến Angola - vùng đất gánh chịu nhiều tai họa sau chiến tranh, đi bộ sâu vào thăm hỏi vùng có hơn 7 vạn người chết vì bom mìn. Hành động dũng cảm của công nương một lần nữa lại gây xôn xao, nàng nhận được lời khen ngợi từ mọi phía. Quỹ giải thưởng Nobel đề cử nàng làm người được chọn cho giải Hoà bình năm đó. Hành động trên đây phải là hành động của một công nương Hoàng gia, càng không phải là những hành động mà các công nương Hoàng gia bảo thủ có thể làm được.

Nếu nói tính cách phản nghịch của công nương Diana thể hiện ở việc nàng ngang nhiên cắt đứt quan hệ với Hoàng gia, thì vẻ đẹp dịu dàng nữ tính nổi bật ở nàng lại tập trung thể hiện ở nhiều mặt như tình yêu thương lương thiện... của nàng. Nàng luôn nở nụ cười xinh đẹp, chân thành với dân chúng, đem tình yêu thương của mình dâng tặng những người cần giúp đỡ. Công nương Diana đã từng giúp đỡ một cháu bé mắc bệnh vô phương cứu chữa. Một lần, cháu bé và bà mẹ đến bệnh viện xét nghiệm, người mẹ quên mang áo lót. Nàng lập tức cho bà mẹ này mượn áo lót của mình và dặn người đem quần áo mà người mẹ thay ra về nhà của bà ấy giặt sạch. Năm 1997, nàng đem bán đấu giá 79 bộ quần áo ngủ lỏng lẻo, dùng toàn bộ 3 triệu 200 nghìn USD thu lại được quyên góp cho Hiệp hội chống AIDS và bệnh ung thư. Những hành động như vậy, khó có thể kể ra hết được, vì thế mọi người gọi nàng là "công nương dân chúng", để thể hiện sự thành công của nàng. Từ "công nương Hoàng gia" đến "công nương của dân chúng", xem ra chỉ là sự thay đổi đơn giản trong cách xưng hô, thực chất nói rõ một vấn đề hàm ý sâu sắc. Dân là dân Hoàng gia là Hoàng gia, là hai tầng lớp khác biệt. Sự thay đổi trong cách xưng hô này bộc lộ tính cách của công nương Diana.

Công nương Diana mãi là tiêu điểm gây sự chú ý của mọi người, điều này không thể tự điều khiển nổi. Công nương xinh đẹp vẫn như thời trẻ trung, có nhiều người theo đuổi. Nhưng nàng và chuyện tình cảm nam nữ của nàng gặp nhiều phiền toái. Sau khi nàng yêu con trai nhà tỉ phú, để thu thập tin tức đưa tin nóng hổi về người nổi tiếng, một số nhà báo đã bao vây chặn đi

theo đôi tình nhân này. Nàng gần như cùng đường bí lối, chấp thêm cánh cũng khó thoát được.

Ngày 31 tháng 8 năm 1997, vì tránh các nhà báo làm phiền, công nương Diana và người yêu lái xe chạy với tốc độ cao, kết quả xảy ra tai nạn, công nương không may mắn đã tử vong.

Công nương Diana từ một thiếu nữ ngây thơ lãng mạn trở thành công nương Hoàng gia. Nhưng tính phản nghịch của nàng đã khiến nàng không phải là công nương của Hoàng gia, mà là công nương của công chúng. Cũng chính tính phản nghịch dẫn nàng đi hết cuộc đời, nhưng cuộc đời của nàng thật vĩ đại và hoàn mỹ.

5 - "Quái nhân" lại không kỳ quái, nói thật quyết không nể mặt

Mỗi khi nhắc đến Cô Hồng Minh, trong óc mọi người luôn nghĩ đến một hình ảnh: Một người kết bím tóc dài, mặc áo dài nam, khoác áo đi trên đường trong vườn hoa Trường Đại học Bắc Kinh, giữa bầu không khí của phong trào văn hoá mới thời kỳ Ngũ tứ. Ông luôn là người phát ngôn những danh từ như "bảo thủ", "phản đối văn hoá mới". Nhưng thực tế, ông am hiểu Trung Tây, ông có cách riêng của mình và luôn bảo vệ ý kiến của mình. Đây chính là một mặt của tính cách phản nghịch, kiên trì của ông.

Trước và sau thời kỳ "Ngũ tứ", Đại học Bắc Kinh là lãnh địa sống đông nhất của giới văn hoá, giáo dục, các thể loại học thuật của Trung Quốc và phương Tây cũng sôi động khác thường ở đây. Lúc đó, hiệu trưởng Trường Đại học Bắc Kinh là Thái Nguyên Bồi. Ông ta chủ trương tự do học thuật, "dung nạp các thể loại", không ngoại trừ thể loại nào. Lúc đó, mọi người từ khắp nơi nườm nượp kéo đến, có những nhân vật của trường phái mới tham gia giảng dạy như Hồ Thích, Trần Độc Thủ, Lỗ Tấn, Châu Tác Nhân, cũng có người theo chủ nghĩa phục cổ bảo vệ tinh hoa văn hoá của Trung Quốc như Lưu Sư Bồi, Cô Hồng Minh...

Lúc đó rõ ràng lực lượng của phái mới chiếm ưu thế, nhưng Cô Hồng Minh không vì thế mà lo sợ. Ông vẫn giữ ý kiến, cho dù cả đám người phản đối, ông cũng vẫn kiên quyết, hoàn toàn không hợp với cuộc vận động văn hoá mới.

Cô Hồng Minh trở thành nhân vật tranh luận mạnh nhất, làm xôn xao kinh thành đầu năm 20 của thế kỷ 20 với những say mê kỳ cục của ông. Ông viết cuốn "Tinh thần của người Trung Quốc" bằng tiếng Anh, cuốn sách đã từng ảnh hưởng sâu sắc đến thế giới phương Tây, Roman Rolan nói "ông rất nổi tiếng ở phương Tây", Braoninh nói ông "là nhà văn quan trọng nhất của Trung quốc hiện đại".

Cô Hồng Minh sinh năm 1956 trong một gia đình Hoa Kiều nghèo khổ ở Tân Lang. Khi 8 - 9 tuổi, ông đi theo một mục sư đến nước Anh học. Năm 23 tuổi, ông nhận bằng Thạc sĩ văn học của Trường Đại học Edinburgh. Sau đó, ông tiếp tục đến Đức, Pháp, Ý, Áo học ông giành được hơn 13 học vị tiến sĩ ở các lĩnh vực như văn học, triết học, vật lý học, thần học và công nghiệp, điều này rất hiếm có trong rất nhiều các học giả Trung Quốc đa tài, kiến thức uyên bác. Ông tinh thông tiếng Anh, Pháp, Ý, Nhật, Nga, Hy Lạp và La Tinh. Việc nghiên cứu văn hoá phương Tây của ông đã đạt đến trình độ rất sâu.

Không chỉ là thiên tài ngôn ngữ, ông còn là học giả bậc thầy am hiểu Trung Tây. Ông đã có một bài diễn giảng bằng tiếng Anh tại khách sạn Lục Dân ở ngõ Đông Giao Dân với đề tài là "Tinh thần người Trung Quốc"; có giá vé vào cửa 2 đồng/1 vé, phá vỡ kỷ lục cũ (trước kia học giả diễn thuyết không bán vé). Rất nhiều người nước ngoài ở Bắc Kinh đều đến ngồi chật ghế hội trường, tham dự buổi diễn giảng của ông.

Ông giảng dạy văn học Anh ở Trường Đại học Bắc Kinh. Khi ông giảng thơ nước Anh, ông không phải nghĩ ngợi gì, nói ra một tràng các tác phẩm của các nhà thơ được nhắc đến; khi đối chiếu với toàn tập thơ, không hề bị sai sót chút nào. Trí nhớ phi thường của ông khiến nhiều người, ngay cả người phản đối ông cũng phải khâm phục. Theo lời kể lại của nữ nhà văn Lăng Thúc Hoa, Cô Hồng Minh đến cuối đời vẫn đọc thuộc không sai một chữ nghìn câu thơ trong bài thơ "Công viên buồn" của Milton John.

Trên bục giảng, ông nói, viết rất tự nhiên, mở rộng nhiều vấn đề, đưa ra nhiều luận cứ dẫn

chứng, tràn đầy tính khôi hài, vui buồn phần nộ tất cả đều thành bài văn. Ông dùng tiếng Trung Quốc trả lời về văn học Anh, trả lời về văn học Trung Quốc bằng tiếng Anh, đôi khi ông còn chen lẫn tiếng La Tinh, tiếng Pháp, Đức. Kiến thức của ông uyên bác, đọc nhiều sách vở, kiến giải độc đáo, lập luận sắc bén làm nhiều người kinh ngạc. Bài giảng của ông có nhiều người nghe, trong phòng học luôn chật cứng người.

Ông cũng là người quái gở. Điều đầu tiên nhắc đến ông sau thời Dân quốc là cái kẹp tóc được coi là tuyệt nhất trong giới tri thức Bắc Bình. Trong công viên Trường Đại học Bắc Kinh, ông đội mũ chòm, mặc áo dài nam, tóc kết, chân đi giày. Cách trang điểm như vậy khi giảng văn học Anh khó tránh khỏi sự khôi hài, đến thời nay, cách trang điểm như vậy chắc chắn bị coi là lập dị. Điều đó càng khiến mọi người vô cùng khâm phục.

Một lần, một giảng viên người Anh mới về nhận công tác ở Trường Đại học Bắc Kinh. Trong phòng nghỉ của giáo viên; ông ta nhìn thấy một người cổ hủ mặc áo dài nam và áo khoác, chống ba toong, đang ngồi trên ghế nghỉ ngơi. Giảng viên xem người Anh hỏi thăm người phục vụ phòng nghỉ giáo viên xem ông già có bím tóc bị người Anh miệt thị là "pintal" là ai?

Cô Hồng Minh nói chuyện với người giảng viên, nghe nói ông ta dạy văn học Anh, lên nói chuyện với ông ta bằng tiếng La Tinh. Vị giáo sư vô cùng lúng túng, bởi vì ông ta thực sự không thể trả lời được. Cô Hồng Minh tức giận nói: "Ngay cả tiếng La Tinh ông cũng không thể nói được, thì làm sao ông dạy được văn học Anh", không nể mặt vị giáo sư, ông liền giũ áo bước đi.

Những quan điểm của ông đi ngược lại làn sóng văn hoá mới được đẩy lên vào lúc đó, vì thế ông luôn bị mọi người cho là "kỳ quặc". Một phu nhân nước ngoài phản đối chủ trương lấy thê thiếp, trách vấn ông. "Nếu ngài nghĩ rằng đàn ông có thể lấy 5 bà vợ thế thì một người phụ nữ cũng có thể có 4 chồng phải không? Ông nói với vị phu nhân: "Thưa phu nhân tôn kính! Chỉ có một ấm trà mới rót được bốn tách trà, không có lí nào một tách trà rót được 4 ấm trà".

Ông đã từng nói, Thái Nguyên Bồi sau khi làm quan Hàn Lâm thời nhà Minh trước thời cách mạng, đến khi thành lập dân quốc, đến ngày nay, vẫn tham gia cách mạng, thật tài giỏi. Ông nói, bản thân ông từ khi làm quan trợ tá cho Trương Chi Động đã trung thành với chủ cho đến cách mạng Tân Hợi, đến bây giờ, vẫn tận trung tận nghĩa với chủ, cũng rất tài giỏi. Vì thế ông nói, ở Trung Quốc chỉ có hai người họ là tấm gương tốt.

Ông luôn sống trong sự phản nghịch. Điều mọi người công nhận, ông lại phản đối; thứ mọi người thích, ông không thích. Ông coi thường những sự vật được sùng bái. Cái mà mọi người không thèm để ý, ông lại muốn thử. Theo đuổi khác với mọi người trở thành niềm vui và niềm tự hào của ông.

Từ Hy Thái hậu mừng thọ, vạn dân cùng chúc, ông lại công khai chỉ trích "vạn thọ vô biên, bách tính gặp hạn". Ông đề ra tiêu chuẩn thiện, ác rõ ràng, nhưng ông hoàn toàn là người trung thành với chủ, cũng như "tấm gương tốt" mà ông từng nói.

Sau cách mạng Tân Hợi thắng lợi, triều đình nhà Thanh sụp đổ, Hoàng đế triều Thanh thoái vị, ông lại giữ cái bím tóc, làm kẻ trung thành với chủ. Sau khi Trương Huân ngóc đầu dậy, ông làm quan mấy ngày ở Bộ Ngoại vụ; Trương Huân sụp đổ, ông tiếp tục giữ quan hệ mật thiết với Trương Huân, ông từng tặng Trương Huân một đôi câu đối "Hà tận kỉ vô kinh thiên cái, tàn cục do hữu ngao sương chi".

Thời kỳ phong trào Ngũ Tứ, ông cùng với người của phái phục cổ như Lâm Cầm Nam trở thành người tiên phong phản đối làn sóng văn hoá và văn bạch thoại.

Rất nhiều thứ bị mọi người cho là cận bã của văn hoá Trung Quốc, nhưng lại được ông tán thưởng mạnh mẽ. Ông công khai chủ trương lấy thê thiếp. Ông nói, "thiếp do hai chữ "lập" và "nữ" tổ hợp thành như cái ghế để dựa lưng, để mọi người nghỉ ngơi, kết luận của ông là phải lấy vợ bé. Ông công khai ca ngợi vẻ đẹp của bàn chân nhỏ: Vẻ đẹp của chân nhỏ không thể được phát biểu hay viết thành văn, mỗi khi nhắc đến chân nhỏ, tâm hồn trở nên dào dạt. Nhưng những điều này, lúc đó đều là tư tưởng cận bã của thời phong kiến cần phải đả kích. Hành động bảo vệ của ông ngay cả bản thân ông phải thừa nhận ông là lão "Cô điên".

Cách nói năng cười đùa, trách mắng của ông khiến người nghe phải kinh sợ. Hành động của ông vừa buồn cười và quái đản. Ông trở thành đề tài nói chuyện sau bữa cơm, vào lúc dùng trà, là một người kỳ quái mọi người cùng biết đến, nhưng đây chỉ là thể hiện vẻ bề ngoài của ông.

Cô Hồng Minh rất phần nộ trước cảnh nhiều người trước kia tự cao tự đại quá đáng, đến thời dân quốc cuối nhà Thanh trở nên tự ti hèn nhát, thậm chí sùng bái nước ngoài. Ông đành hành động trái ngược với tình cảnh xã hội. Ông sùng bái văn hoá Trung Quốc, bôi nhọ văn hoá phương Tây: "Người Anh cao to nhưng không sâu sắc uyên bác, người Đức uyên bác nhưng không to lớn, chỉ có Trung Quốc vừa to lớn vừa uyên bác". Ông còn nói: "Người Mỹ tìm hiểu văn hoá Trung Quốc, có thể cảm thụ được tính sâu sắc; người Anh tìm hiểu văn hoá Trung Quốc, có thể thấy được vẻ hùng vĩ; người Đức nghiên cứu văn hoá Trung Quốc, có thể cảm nhận tính giản dị; người Pháp nghiên cứu văn hoá Trung Quốc, sẽ thấy sự tinh vi".

Vì thế, ông nỗ lực truyền bá văn hoá Trung Quốc sang phương Tây, và phản bác tư tưởng sùng bái nước ngoài. Cuốn "Trung Dung", "Luận ngữ" và tác phẩm nổi tiếng "Tinh thần của người Trung Quốc" (lại dịch cuốn "Xuân Thu đại nghĩa") mà ông đã dịch có ảnh hưởng rất lớn ở nước ngoài; nước Đức, Anh thậm chí còn có những câu lạc bộ chuyên tìm hiểu về ông, có thể nói đây là sự cống hiến của ông cho nền văn hoá Trung Hoa. Đầu tiên ông phản đối phong trào văn hoá mới phủ định quá mức tinh thần truyền thống của Trung Quốc, hành động phản bác của ông càng làm thế giới biết đến Trung Quốc. Ông dám liếc nhìn mọi vật với vẻ kiêu ngạo, dám chống chọi, gìn giữ những thứ mà các học giả thuộc trường phái mới xem thường. Thật đáng ngưỡng mộ và kính trọng!

LÀM NGƯỜI CÓ TÍNH CÁCH NGHI KỶ, NGỜ VỰC

Người có tính cách này có lẽ không có điểm nào đáng tán thưởng. Người có tính cách này vốn đa nghi, thần hồn nát thần tính trước mọi việc. Lấy cái tôi làm trung tâm, không tin tưởng bất cứ cái gì, thường "lấy bụng tiểu nhân đo lòng quân tử", lấy oán báo ân. Nếu trong quan hệ giao tiếp cứ giữ tính hoài nghi, có nghĩa là đi tới khởi đầu của thất bại. Nghi kỵ chính là ích kỷ, sẽ có thể mất hết bạn bè, mất đi sự tín nhiệm của người khác.

Bản thân người đa nghi cũng không thoải mái, luôn cảm thấy ức chế, thần kinh căng thẳng cao độ. Họ hay có khuynh hướng sống khép mình, tách rời tập thể. Đến mức độ này họ sẽ ra sức bài xích người khác, bỏ đi cả những cơ hội.

1 - Đa nghi, đổ kỵ hại chính mình.

Tào Tháo (155- 220 Công nguyên) còn gọi là Ngụy Vũ Đế. Ông là nhà chính trị, nhà quân sự, nhà thơ thời Tam Quốc, quyền thần cuối thời Đông Hán. Tự là Mạnh Đức, là người huyện Tiều nước Bái (nay là thành phố Bách Châu tỉnh An Huy); cha là Tào Tung, con nuôi của hoạn quan Tào Đẳng, tuy làm quan đến chức Thái úy vẫn bị sỹ tộc khinh rẻ. Ban đầu Tào Tháo là người thanh liêm, hiếu thuận, nhậm chức ở Bắc Lạc Dương, rồi lại được điều đến Khâu Lăng. Về sau trong cuộc chiến đàn áp khởi nghĩa Hoàng Cân (khăn vàng) và đánh dẹp Đồng Trác, ông được phong làm một trong tám hiệu úy Tây Nguyên, từng bước mở rộng lực lượng quân sự. Sau đó, vì Đồng Trác chuyên quyền, Tào Tháo rời bỏ Lạc Dương đến Trần Lưu (nay là đông nam Khai Phong tỉnh Hà Nam) phát tán gia tài, tập hợp 5000 binh lính, cùng với quân sư Đông Quan do Viên Thiệu đứng đầu đi chinh phạt Đồng Trác. Lúc quân lính sợ hãi, Đồng Trác không dám tiến lên, chỉ Tào Tháo dám xuất chiến, Đồng Trác phải chạy về phía Tây, Viên Thiệu phong Tào Tháo làm thái thú quận Đông.

Giữa thời Kiến An, Tào Tháo "cưỡng ép thiên tử ra lệnh cho chư hầu", giành thế chủ động về chính trị, trong trận Quan Độ nổi tiếng lấy ít thắng nhiều, đánh bại Viên Thiệu, thu hồi Ô Hoàn, về cơ bản đã thống nhất được phía Bắc.

Năm Kiến An thứ 13, Tào Tháo thăng lên chức Thừa tướng, dẫn quân xuống phía Nam. Vừa lúc Lưu Biểu bị bệnh chết ở Kinh Châu, Lưu Tông con trai ông ta quy hàng. Tào Tháo tiến quân vào Giang Lăng, xuôi theo dòng Trường Giang xuống phía Đông, liên quân với Tôn Quyền, Lưu Bị trong trận Xích Bích. Khi đó điều kiện thống nhất Nam- Bắc chưa chín muồi, quân đội phương Bắc lẫn lộn đường xa, bất chấp gió mưa, nhiều binh lính bệnh tật. Quân Kinh Châu quy hàng trong lòng còn đắn đo, chưa muốn dốc sức chiến đấu, lại thêm Tào Tháo kiêu ngạo khinh địch nên bị đại bại dưới sức mạnh của liên quân (trận Xích Bích). Từ đó ông ta chuyển sang củng cố sự thống trị ở phương Bắc, trấn áp lực lượng đối địch trong triều đình, và tiếp tục tiêu diệt lực lượng ở các cát cứ tàn dư phương Bắc. Năm Kiến An thứ 16, bình định Mã Siêu, Hàn Toại ở vùng đất Quan Lũng, bốn năm sau lại hàng phục Trương Lỗ theo Hán, giúp Hán chuẩn bị đầy đủ mọi việc. Trong thời gian này, Tào Tháo đã nhiều lần tấn công Tôn Quyền, Lưu Bị nhưng phải quy về không. Năm Kiến An thứ 18, Tào Tháo phong làm Ngụy Công lập nên nước Ngụy, định đô ở Lâm Chương (Hà Bắc). Nước Ngụy có 10 quận ở đất Ký Châu, dưới trướng thừa tướng còn có trăm quan. 3 năm sau Tào Tháo được phong tước Ngụy Vương, chơi cờ của thiên tử, đội vương miện thiên tử, tác phong khí thế phi thường; trên danh nghĩa ông ta vẫn là Hán thần nhưng thực tế đã là Hoàng đế, lớn mạnh át Hán, theo đuổi hiệu Ngụy Vũ Đế.

Đánh giá về Tào Tháo, từ xưa đến nay người đời vẫn nửa chê nửa khen, mỗi người một ý. Không thể phủ định sự thực lịch sử là Tào Tháo đã bình định phương Bắc, khởi công xây dựng công trình thủy lợi, đã đọc thuộc binh pháp, yêu mến trọng dụng người tài, tinh thông văn học..., nhưng con người ông xảo trá đa nghi, từng sát hại bao nhiêu văn nhân và danh sĩ đương thời, bản tính hung hãn, tàn bạo khiến cho người đời sau phỉ nhổ.

Khi Đồng Trác lộng quyền làm loạn, Tào Tháo dùng kế mưu đồ ám sát Đồng Trác, không ngờ bị Đồng Trác phát giác, hoảng hốt chạy ra ngoài thành, nào ngờ lại bị huyện lệnh huyện Trung Mậu, Trần Cung bắt giữ. Trần Cung nghe đồn đại về Tào Tháo, cho rằng ông ta là vị anh hùng thời loạn, nên quyết không làm quan nữa, tháo chạy cùng ông ta.

Họ đến Thành Cao, trời đã sẩm tối, Tào Tháo giơ roi chỉ về hướng rừng sâu và nói với Trần Cung: "ở đây có người họ Lã, tên là Lã Bá Xa, là anh em kết nghĩa của cha tôi, chúng tôi hãy đến nhà ông ta xin tá túc". Hai người đến gần làng, xuống ngựa, vào trong thấy Lã Bá Xa, nói rõ ý định của mình. Lã Bá Xa liền nói: "Các ông cứ yên tâm ở lại lều cỏ của tôi". Nói xong, Lã Bá Xa vào phòng trong hồi lâu mới ra, nói với hai người: "Nhà tôi không có rượu ngon, đợi tôi đi kiếm chút gì về khoản đãi các ông". Nói rồi ông liền cười lừa ra khỏi nhà.

Tào Tháo và Trần Cung ngồi đợi mãi, bỗng nhiên nghe có tiếng mài dao ở sau làng, Tào Tháo sinh nghi: "Lã Bá Xa không phải bạn chí thân của ta, lần này đi lâu rồi mà chưa quay lại, chúng ta nên đi nghe lén xem người ta bàn cái gì". Hai người rón rén đến Thảo Đường, chỉ nghe thấy trong đó có người nói: "Trời lại rồi giết, được không?" Tào Tháo sùng sốt: "Đúng rồi, bây giờ nếu không ra tay trước, chắc chắn sẽ bị bắt". Thế là xông thẳng vào phòng, vung gươm chém chết 8 mạng người. Lần mò xuống bếp mới phát hiện ra một con lợn bị trói, sắp bị giết. Trần Cung nói: "Ngài đã nghi rồi, đã giết nhầm người tốt!" Hai người vội cưỡi ngựa rời làng, bỏ chạy. Ai dè đúng lúc đó gặp Lã Bá Xa cười lừa quay lại, trên yên lừa treo rượu và thức ăn, vừa thấy hai người Lã Bá Xa vội vã hỏi: "Sao lại vội đi thế?" Tào Tháo đáp: "Chúng tôi là người có tội, không dám lưu lại lâu". Lã Bá Xa tiếp: "Tôi đã nhờ người giết lợn, khoản đãi hai anh, các anh không lưu lại một đêm được sao". Tào Tháo tâm địa xấu xa, kiên quyết quay đi nhưng chưa được mấy bước lại quay lại rút kiếm chém Lã Bá Xa.

Trần Cung sùng người, thắc mắc: "Vừa nãy anh giết người là do hiểu lầm, bây giờ lại giết người là vì đâu?" Tào Tháo trả lời: "Ông ta về nhà thấy người nhà bị giết, chắc chắn không bỏ qua nhất định sẽ dẫn người truy sát chúng ta, chi bằng ra tay trước". Trần Cung: "Làm như vậy, quả là không trọng nghĩa". Tào Tháo nói: "Ta thà phụ người thiên hạ, chứ không để người thiên hạ phụ mình". Những lời này khiến Trần Cung không còn gì để đối đáp. Về sau, rốt cuộc Trần Cung nhận rõ bộ mặt thật của Tào Tháo, liền sang đầu quân cho Lã Bố. Với tâm địa đa nghi, Tào Tháo không những giết nhầm người tốt, còn mất đi một người bạn, đây là tính cách nghi kỵ điển hình, cũng vì thế mà Tào Tháo được mệnh danh là gian hùng.

Còn rất nhiều người chết dưới tay Tào Tháo, có cả danh y Hoa Đà. Một ngày kia, Tào Tháo bỗng nhiên mắc bệnh lạ, đầu đau dữ dội, tìm kiếm danh y khắp nơi đều không có hiệu quả. Hoa Hâm bộ hạ của Tào Tháo bẩm tấu: "Đại vương có biết thần y Hoa Đà không?" Tào Tháo: "Là người Chu Thái, Giang Đông hả?" Hoa Hâm thưa đúng, rồi tâu bẩm: "Người tài giỏi thế khó kiếm! Hiện ông ta đang ở Kim Thành, cách đây không xa, sao Đại vương không triệu ông ta nhỉ?". Tào Tháo lập tức cho người đến Kim Thành ngay trong đêm, mời Hoa Đà đến chữa bệnh cho mình.

Hoa Đà là một thầy thuốc nổi tiếng, đồng hương với Tào Tháo, từ nhỏ đã đọc thuộc kinh thư, đặc biệt tinh thông y học. Bất kể bệnh tật nguy hiểm thế nào, đến tay ông đều có thuốc chữa. Quan viên địa phương và thái úy triều đình nghe danh Hoa Đà, mời gọi ông làm quan nhưng ông đều từ chối. Ông chẩn đoán bệnh cực kỳ chuẩn xác. Một lần có hai viên quan đau đầu, phát sốt, lần lượt tìm Hoa Đà khám bệnh. Sau khi hỏi rõ bệnh tình, ông kê một đơn thuốc cho bệnh tả, một đơn cho bệnh đố mô hội. Có người lấy là lạ hỏi vì sao bệnh tình giống nhau mà thuốc lại khác nhau, Hoa Đà giải thích rằng: loại bệnh này biểu hiện giống nhau, thực chất là khác nhau, chứng bệnh ở bên trong phải dùng thuốc tả, chứng bệnh ở bên ngoài có thể phát ra. Quả nhiên sau khi uống thuốc, hai bệnh nhân đều khỏi hẳn.

Hoa Đà giỏi nội khoa, đã bào chế ra Ma phi tán (thuốc tê) dùng khi mổ. Ông còn tìm ra "Ngũ Cầm hí" được xem là bài tập sớm nhất của Trung Quốc. Ông có những cống hiến quan trọng đối với sự phát triển của y học Trung Quốc.

Có một lần, một người bị đau bụng quằn quại. Sau khi khám, Hoa Đà cho rằng tì vị hư, cần

phẫu thuật cắt bỏ đi, hồi đó phẫu thuật kiểu đó chưa từng có, Hoa Đà cho bệnh nhân uống Ma phi tán rồi mổ khoang bụng, cắt bỏ đi tì hư. Chưa đầy một tháng bệnh nhân đã khoẻ trở lại. Từ đó có thể thấy y thuật của Hoa Đà rất cao siêu, một lòng chỉ biết hành nghề y cứu thế.

Hoa Đà đến doanh trại quân Tào, sau khi bắt bệnh cho Tào Tháo, ông nói: "Đại vương bị đau đầu vì trúng gió. Nguồn bệnh ở trong não bộ, gió không thoát ra được, uống thuốc cũng chỉ phí công. Tôi có một cách: trước hết phải uống thuốc Ma phi tán, sau đó dùng búa bổ tung não ra, lấy gió ra khỏi não, mới chữa được căn bệnh này". Tào Tháo vốn tính hay đa nghi, vừa nghe Hoa Đà muốn bổ não ra để chữa bệnh, thì lòng nổi cơn thịnh nộ, hét lên: "Người muốn giết ta hả!" Hoa Đà điềm tĩnh trả lời: "Đại vương từng biết Quan Công trúng tên độc, bị thương cánh tay phải, thần mỗ cưa xương trị độc, Quan Công không hề sợ hãi; nay Đại vương bệnh nhỏ thế này sao phải đa nghi?" Tào Tháo: "Cánh tay đau có thể cắt bỏ chứ não sao có thể bổ ra? Nhất định là người có thâm tình với Quan Công, nhân cơ hội này muốn báo thù ta!". Thế rồi lập tức sai người tống Hoa Đà vào ngục.

Giả Hủ tiến đến đề nghị: "Lương y thế này, trên đời khó có ai bì kịp, không nên phế bỏ". Tào Tháo chỉ trích: "Người này muốn thừa cơ hại ta, chẳng khác nào Cát Bình!", lại lệnh cho người tra khảo. Hoa Đà biết rõ không thể mong được cứu, may thay có một lính coi ngục họ Ngô ưu đãi Hoa Đà hơn. Vì cảm kích, Hoa Đà đã tặng anh ta cuốn "Thanh Nang thư" do ông biên soạn.

Với bản tính đa nghi Tào Tháo đã hạ lệnh giết hại Hoa Đà. Sau khi Hoa Đà chết, Tào Xung - con trai của Tào Tháo đột nhiên mắc quái bệnh, tìm danh y khắp nơi đều vô hiệu, Tào Xung mất mạng vì căn bệnh này. Vì thế Tào Tháo buồn thương vô hạn, bệnh đau đầu tái phát nặng hơn và chết, tính đa nghi khiến Tào Tháo gieo gió gặt bão.

"Thà ta phụ người thiên hạ chứ không để người thiên hạ phụ ta". Con người như thế ngoài chính bản thân mình ra không thể tin bất cứ ai. Tào Tháo tuy anh hùng, tài cán, mưu lược, rốt cuộc vẫn là kẻ thất bại. Bệnh đa nghi ấy khiến Tào Tháo giết lầm bạn bè, trúng kế của Chu Du, điên cuồng xử tử Hoa Đà để rồi kết liễu luôn cả tính mạng của con trai và của chính mình.

2. Chu Nguyên Chương đa nghi, giết quần thần như nhổ cỏ

Người bình thường có tính đa nghi còn gây ra nhiều bi kịch huống hồ là một Hoàng đế. Nếu có tâm lý này ảnh hưởng của nó sẽ lan tràn đến khắp nơi ông ta thống trị.

Hoàng đế gây dựng triều Minh, Minh Thái tổ Chu Nguyên Chương là người có tính đa nghi ghê gớm. Sau khi lập quốc không lâu, ông ta đã giết hại hàng loạt các công thần, do đó thời đại ông thống trị trở thành thời kỳ đẫm máu trong lịch sử Trung Quốc.

Minh triều mới hình thành, tâm lý ngờ vực đa nghi của Chu Nguyên Chương đã ngày càng lộ rõ. Để củng cố vương triều an định trường tồn của mình, ông mượn tay Hồ Duy Dung, Lam Ngọc soạn những công văn lớn, đốt cháy lầu Khánh Công, giết công thần, loại trừ lực lượng đối địch. Để củng cố quyền lực nhà vua ông lập ra "Pháp luật nhà Minh", thiết lập cơ cấu phục vụ đặc biệt bảo vệ áo gấm: Đông Xưởng, Tây Xưởng. Triều Minh trở thành một trong những vương triều chuyên chế nghiêm trọng nhất trong lịch sử.

Tục ngữ: "Băng dày ba thước, không phải do rét một ngày mang lại". Tính nghi kỵ này xuất phát từ tâm lý tự ti hồi ông tham gia khởi nghĩa nông dân. Ông xuất thân bần nông, sống không ruộng đất, 17 tuổi xuất gia làm hoà thượng, hành khất kiếm ăn. Khi thiên hạ động loạn, ông đầu quân cho Quách Tử Hưng, cũng chỉ làm tên lính thân cận. Xét theo tiêu chuẩn luân lý phong kiến, ông không phải là vây cánh của nhà quyền quý, nếu không có biểu hiện thông minh. Mưu trí nổi bật sẽ không có tư cách thống trị những hậu duệ dòng dõi, văn nhân tao nhã. Cùng với việc mở rộng thế lực chính trị quân sự của mình, ông nỗ lực tìm hiểu văn hoá, hạ mình kết giao với những văn nhân lớn như Tống Liêm, Lưu Cơ... Ông khiêm tốn, ham học, quý trọng bậc hiền sĩ.

Nhưng trên thực tế, ông chỉ muốn lợi dụng sự giúp đỡ của những văn nhân này, lo liệu việc giang sơn cho ông. Sau khi giang sơn đại Minh thống nhất, những người này trái lại sẽ trở thành mối hoạ tâm phúc của ông. Tuy không biết nhiều chữ nhưng ông biết rõ năng lực hoạt

động của những người này. Nếu muốn phản đối ông, chắc chắn chỉ vì là lực lượng không thể coi thường. Từ đó ông luôn đề phòng, cảnh giác họ, sợ có ngày họ biến thành loạn thần, nghịch tặc, phản đối sự thống trị của ông ta.

Một biểu hiện quan trọng của tâm lý hoài nghi của Chu Nguyên Chương là sau khi làm Hoàng đế, ông thích chơi chữ, ban hành các công văn mà động cơ đầu tiên là phô trương tài trị nước bằng văn chương, định quốc bằng võ nghệ của Hoàng đế. Tính hoài nghi của ông biểu hiện trong các án chữ viết đại hưng. Hồi đó những người bị giết vì chữ viết không sao đếm xuể. Có một nhà sư tên là Lai Phục muốn nịnh bợ Chu Nguyên Chương đã viết câu "Thù vực cập tự tâm, vô đức tụng Đào Đường" trong chùa Tạ Ân. Chu Nguyên Chương cho rằng "thù" là "Chu" có ý chửi ông, "Vô đức" nghĩa là chê ông không có biện pháp có lợi cho dân. Thế là nhà sư này mong muốn lấy lòng ông ta đã vô tình đánh mất tính mạng của bản thân và cả gia đình.

Tâm lý hoài nghi của Chu Nguyên Chương được thể hiện rõ nhất là ông bắt đầu hoài nghi mọi thứ, thậm chí ngay cả Tống Liêm- người được ông ta trọng dụng cũng khó tránh khỏi tai vạ. Đại học sĩ Tống Liêm cáo lão về quê, hàng năm đều phải đến yết kiến Chu Nguyên Chương. Có một năm không đến, Chu Nguyên Chương liền giết luôn Tống Liêm và Tống Thận con trai Tống Liêm, đầy Tống Liêm đến Mậu Châu. Nhà văn Cao Khải được tiến cử biên soạn "Lịch sử nhà Minh", sau khi sách viết xong, Chu Nguyên Chương ban cho chức thị lang bộ hộ, Cao Khải kiên quyết từ chối. Chu Nguyên Chương cho rằng ông ta không muốn hợp tác liền chém ngang lưng ông ta ngay ở Nam Kinh. Khi các văn nhân trong thiên hạ chỉ có thể lấy văn chương của ông làm "vỏ bề ngoài", ông ta cũng cảm thấy yên ổn.

Ông hạ lệnh toàn thiên hạ lập trường học, tâm nguyên đầu tiên không phải là chấn hưng văn hoá, mà là thống nhất tư tưởng. Việc làm này cho thấy rõ tính đa nghi, hẹp hòi của ông. Năm Hồng Vũ thứ hai, ông ra chiếu lập các trường học, khắc các quy định của trường học lên bia đá trước cổng, không cho phép các tú tài "Huyền kỳ bí lập dị", không được nói thẳng. Tính đa nghi khiến ông tàn sát mọi thứ, sát hại hết những người giỏi giang hơn mình, đặc biệt là các văn nhân, vì sự ảnh hưởng của họ tới văn hoá vô cùng lớn. Việc này trước tiên là hình thành nếp sống xấu: coi thường và dẫm đạp lên sự giáo dục văn hoá. Hủy thư viện là một biểu hiện của nếp sống xấu này. Thời Minh xảy ra ba vụ phá hủy thư viện. Chính vì không muốn để tri thức tham dự vào chính trị nên Chu Nguyên Chương chỉ sử dụng trong phạm vi nhỏ hẹp. Việc sát hại các phần tử trí thức làm cho giáo dục chỉ phát triển hình thức, thực tế thì khoa học kỹ thuật lạc hậu. Trình độ khoa học kỹ thuật Trung Quốc vào giai đoạn trung kỳ nhà Minh tụt hậu rõ rệt so với trình độ phát triển của thế giới. Đây là sự thật khách quan đã được lịch sử chứng minh.

Sự yếu kém về văn hoá ắt dẫn đến đạo đức suy đồi. Biểu hiện nổi bật của sự suy đồi đạo đức là quan lại tham ô hàng loạt. Hành vi tham ô của gian thần quyền thế đời Minh tới mức điên cuồng, tang vật tham ô nhiều vô kể, làm người đời choáng ngợp. Ngoài ra, sự sa sút văn hoá còn làm cho nhân tài thiếu hụt trầm trọng, gian thần cầm quyền, ngay cả Ngụy Trung Hiền dốt đặc cán mai cũng có thể nắm quyền chủ chốt. Người có tố chất yếu kém thì vừa không thể có cống hiến gì về kinh tế, văn hoá có lợi cho sự phát triển xã hội, vừa không thể trở thành nhân tài trụ cột củng cố chính quyền của vương triều, thậm chí không đủ khả năng làm người lính chống giặc ngoại xâm hoặc dựa vào khởi nghĩa nông dân để thiết lập lãnh tụ chính quyền mới ổn định. Quân Minh tỏ ra vô cùng hèn nhát trong chiến tranh đánh đuổi dân tộc thiểu số phương Bắc xâm lược.

Tính đa nghi của Chu Nguyên Chương còn thể hiện ở việc ông mưu sát những người có công dựng nước, ông xưng đế không lâu đã vội vã giết hàng loạt các đại thần kể cả Hoàng tộc. Các quan trong kinh hồi đó trước khi đi yết kiến Hoàng Thượng đều phải từ biệt vợ con, đến chiều mà bình an trở về, cả nhà mới vui lên được. Có thể thấy sự lo sợ của triều thần lên tới mức độ nào! Ông lấy mọi danh nghĩa sát hại quần thần, trong đó có cả các công thần từng nam chinh bắc chiến với ông, đã lập chiến công rực rỡ. Sau khi triều Minh được xác lập, các lão tướng công thần này không chỉ huênh hoang kể công mà còn không ngừng tăng quyền lực và dục vọng, nhanh chóng bành trướng thế lực quân sự, chính trị, gây xung đột kịch liệt với chính sách chuyên chế độc tài của Chu Nguyên Chương. Trong tình hình đó, Chu Nguyên Chương xưa nay vốn đa nghi đương nhiên sẽ nghi ngờ những người này đe dọa ngôi vị của ông.

Đồng thời, quân quyền và tướng quyền xảy ra xung đột nghiêm trọng. Cùng với sự phát triển của chế độ chuyên chế tập quyền trung ương, mâu thuẫn giữa quân- tướng ngày càng sâu sắc. Sau khi xưng đế, Chu Nguyên Chương lần lượt bổ nhiệm bốn thừa tướng, trong đó Hồ Duy Dung độc đoán nhất. Ông ta là người "lộng hành vô pháp, chuyên tác oai tác quái", thời gian làm thừa tướng còn "tự do sinh sát, hành sự không bấm tấu".

Hồ Duy Dung lần lượt trừ khử những người đối lập như Dư Đạt, Lưu Cơ... trong các văn võ toàn triều không có nổi vài người có thể ngang vai ngang vế với ông ta. Quyền thế của ông ta đã phát triển tới mức khét tiếng, làm càn, tạo ra sự đe dọa nghiêm trọng đối với quyền lực nhà vua; Chu Nguyên Chương đa nghi, hẹp hòi không thể đứng ngoài nhìn. Ông nắm được thóp của Hồ Duy Dung, lấy lí do "Đảng Hồ mưu phản"; dấy lên vụ án Đảng Hồ Duy Dung vào năm Hồng Vũ thứ 13 "Một lời giết hơn 3 vạn người", đại tướng, công hầu bị giết vì liên quan đến Đảng Hồ lên tới hơn 20 nghìn người, là vụ án lớn nhất đầu thời Minh. Chu Nguyên Chương hấp thu giáo huấn, phế bỏ thừa tướng, lập 6 bộ, nắm toàn bộ quyền hành.

Mặc khác quân quyền và tướng quyền cũng xảy ra xung đột. Bản chất Chu Nguyên Chương là một "Hoàng đế trên ngựa" cả đời nam chinh bắc chiến. Biết rõ việc nhờ cậy các võ tướng đoạt lấy thiên hạ đối với tương lai của mình chẳng có nghĩa gì, nên hết sức lo lắng các võ tướng phản loạn. Ngay trước khi triều Minh xác lập, Tạ Tái Hưng và Thiệu Vinh làm phản gây ra những chấn động sâu sắc trong tư tưởng Chu Nguyên Chương. Vì vậy, ông rất không an tâm về các tướng tá. Họ ra trận phải để người nhà ở lại kinh thành làm con tin và còn bị đội tuần tra truy lùng chuyện riêng tư. Chu Nguyên Chương phòng bị công hầu, đại tướng ngày càng nghiêm ngặt, mâu thuẫn ngày càng sâu sắc. Công thần lão tướng không những nắm chắc binh quyền trong tay, mà còn có quan hệ với thống soái quan quân các nơi, rất dễ hình thành lực lượng quân sự đối kháng triều đình, trở thành mối đe dọa tiềm ẩn sẵn sàng lật đổ sự thống trị của triều Minh. Ví dụ đại tướng quân Lam Ngọc, ông là em vợ của Khai Bình Vương Thường Ngô Xuân, tuy hữu dũng thiện chiến nhưng tính tình hung hăng, ngang ngược, trước mặt Chu Nguyên Chương vẫn kiêu căng, ngạo mạn, không giữ lễ bề tôi. Nhiều biểu hiện cho thấy tướng quyền sẽ uy hiếp Hoàng quyền của Chu Nguyên Chương. Đương nhiên ông ta không thể không ít nhiều biết điều này. Thế rồi ông bịa đặt ra tội trạng mưu phản của Lam Ngọc.

Người có tính đa nghi thường cảnh giác rất cao. Họ luôn có thái độ hoài nghi, không tin tưởng những người xung quanh, hơn nữa lại hay suy nghĩ về "cái xấu". Với những nhân vật địa vị hiển hách, tính đa nghi của họ gây nguy hại càng thâm tệ. Xét ở đỉnh cao của quyền lực, địa vị, tính đa nghi của họ có thể lý giải, còn xét ở góc độ luân lý đạo đức thì hành vi của họ là sai lầm không thể tha thứ. Đồng thời, cũng chính vì tâm lý đa nghi của mình mà họ phải trả giá đắt.

3. Bản tính đa nghi, dùng gậy giết con đẻ

Do đa nghi sinh ra tàn bạo, do tàn bạo nên càng đa nghi. Người phải trả giá đắt nhất bởi điều đó không ai khác chính là Ivan IV (Ivan bạo chúa).

Ivan IV trở thành Đại hoàng tử vùng Matxcova khi mới 3 tuổi. Thời thiếu niên, ông thích nhất trò đẩy chó con, mèo con từ đỉnh tháp xuống, thích chí khi thấy chúng giãy chết. Không chỉ thích nhìn động vật giãy chết, ông còn thích nhìn cảnh ngã ngửa của người bị xử tử. Năm 13 tuổi, được ông cậu mớm lời, ông hạ lệnh bắt Vương ông Andre - người bảo hộ của mình - để một con chó cắn chết, sau đó phơi thầy ở cổng cung cho dân chúng biết. Năm 15 tuổi ông hạ lệnh chém đầu một quý tộc vì "ông ta nói thô thiển".

Năm 17 tuổi, Ivan IV được đội vương miện, ông không hài lòng với hiệu "bá tước", sử dụng hiệu "Sa hoàng" (tức hoàng đế, tên hiệu này bắt nguồn từ tên hiệu Caesar của Hoàng đế La Mã cổ) để tỏ rõ quyền lực vô hạn. Ngày được đội vương miện, tự xưng là người kế tục của đế quốc La Mã.

Năm 1547, dân chúng thành phố Mátxcova nhân lúc hoả hoạn lớn dấy quân khởi nghĩa, đánh chết đại quý tộc Glinski - người mà quần chúng căm hận. Ivan IV thừa cơ thâm tóm quyền lực quốc gia, nâng cao địa vị của thương nhân và trung, tiểu quý tộc. Ông ban bố bộ luật mới và chế độ quân dịch, đẩy mạnh ách thống trị chuyên chế.

Để mở rộng lãnh thổ, Ivan IV đích thân cầm đầu 15 vạn đại quân đi viễn chinh các nước công quốc. Đánh thành Kazan, gặp phải sự chống cự ngoan cường. Ông hạ lệnh mấy trăm con tin làm "lá chắn thịt", bắt họ xếp hàng trước đội xung phong của ông, che chắn cho bộ đội tấn công, đợi khi ông sang đến trận địa của địch thì các con tin đều bị đâm chết. Sau đó ông xông vào trong thành. Sau khi thành bị vây hãm ông lại hạ lệnh đoạt thành.

Để tăng thêm quyền lực của Sa Hoàng, Ivan IV xoá bỏ các căn cứ phong kiến, chế độ tổng đốc, chia đất nước thành hai bộ phận, một là khu phổ thông do cơ quan thương nghị địa phương "Duma" do các quý tộc hợp thành quản lý; bộ phận kia là khu quân hạt đặc biệt do Sa Hoàng trực tiếp cai quản. Trong lúc đó đại quý tộc dốc sức phản đối biện pháp này. Để đối phó với sự phản kháng của đại quý tộc, Ivan chọn ra 1000 người trong trung, tiểu quý tộc lập thành "quân đoàn đặc hạt (quân hạt đặc biệt)". Không lâu sau quân đoàn này phát triển lên tới 6000 người, bộ đội ăn mặc đặc thù, họ mặc áo bào đen đặc chế, cưỡi ngựa đen, cổ ngựa đeo đầu chó, trên đuôi buộc một cái chổi, biểu thị họ sẽ trung thành như chó, quyết quét sạch quân địch.

Ivan đích thân dẫn đội vệ binh tắm máu khu Novgored. Trong 6 tuần ném hơn 1000 người xuống sông Vonga, vợ vết sạch trơn tài sản trong hai ba trăm kilômét quanh thành phố.

Trong 7 năm quân đoàn đặc hạt thành lập có 4000 quý tộc phái phản loạn bị xử tử, hàng vạn người dân vô tội bị liên lụy. Về sau, kẻ cầm đầu quân đoàn sợ tình hình mở rộng sẽ nguy đến lợi ích của chính bọn họ, đã kiến nghị ngừng tàn sát. Ivan hoài nghi họ không trung thành, ngày 25 tháng 7 năm 1570, xử phạt họ tại Mátxcova. Nhà sử học đã ghi lại cảnh tượng nghe mà rợn tóc gáy: ở quảng trường bắc đoạn đầu đài bằng gỗ tròn, đốt đồng lửa lớn, trên đồng lửa phùng phùng treo cái nồi sắt to đựng đầy nước. Trong không khí âm u đến ngạt thở, Sa Hoàng Ivan mặc áo giáp trụ uy nghiêm bước vào pháp trường, phía sau là đội quân đặc hạt sát khí đằng đằng; tiếp đó họ tiến hành tra hỏi. Sa Hoàng lệnh liệt kê tội danh của Basnov- tội phạm đầu tiên, một trong những người sáng lập quân đặc hạt, rồi phán ông ta chịu hình phạt tùng xéo, đội quân đặc hạt tay cầm đao sắc tới tấp ra sức chém ông thành các mảnh vụn; phạm nhân thứ hai bị nấu chín trong nước sôi; phạm nhân thứ ba bị hình phạt quất roi... Trong khoảnh khắc, quảng trường ngập tràn mùi máu tánh hôi và nổi khiếp đảm.

Ivan xây dựng khu quân hạt đặc biệt và lợi dụng "quân đoàn đặc hạt" phá tan thế lực cát cứ phong kiến của đại quý tộc. Trong điều kiện hời đó việc làm ấy tuy có tác dụng đẩy mạnh thống nhất nước Nga, nhưng thủ đoạn mà ông áp dụng làm con người kinh sợ. Ivan trị vì 51 năm, cả đời tham gia 25 năm chiến tranh. Đấu tranh cung đình thời gian dài khiến tâm lý nghi kỵ của Ivan thêm trầm trọng, đến lúc đó tính nghi kỵ đã gần như một căn bệnh rồi, ông ta lại còn có một vài biểu hiện mất ổn định về thần kinh.

Ngày 15 tháng 11 năm 1581, Ivan IV bỗng hoài nghi con trai Ewan có ý tranh quyền đoạt vị. Trong cơn thịnh nộ điên rồ, ông từ ngôi báu nhảy xuống, giờ vương trượng đầu sắt đâm loạn xạ về phía con trai, trên góc trán Thái tử lập tức bị chọc thủng một lỗ, máu tươi toé ra, Ewan đổ sập xuống đất như một khúc gỗ.

Ivan IV lúc đó như điên như dại, tay cầm cây trượng đầy vết máu khô, đứng như trời trồng, dường như mọi thứ trước mắt đều do người khác làm. Đột nhiên, ông gầm lên một tiếng, phủ phục lên người con trai, liên tục hôn khuôn mặt xám ngắt của con trai nhưng con trai ông đã chết. Ivan một tay bịt mạnh vết thương chảy máu, một tay ôm chặt tấm thân cứng đờ... Ông sùng sốt, tuyệt vọng, hét lên nghe chói tai: "Bất hạnh thay, ta đã giết chết con trai của ta rồi..."

Nghiệp chướng nặng nề cuối cùng khiến ông ta thần kinh thất thường.

Sau khi Thái tử chết, Ivan bắt đầu sống trong tuyệt vọng và mắc bệnh hysteria (cuồng loạn). Có một lần ông thấy trên trời xuất hiện đám mây quái dị, cho rằng đây là điềm Thượng đế báo hiệu sự chết chóc cho ông. Không lâu sau bệnh tật giày xéo cơ thể ông. Tự biết mình không thể sống được nữa, ông dặn dò giám mục cạo tóc giúp ông ta thành tăng, và lấy danh là Jonah. Từ đó trở đi ông rất sợ chết trong cảnh không có sám hối, không có lễ ban thánh thể. Ông mời đến 60 thầy mo, lang băm phù thủy từ khắp nơi, do đội vệ binh quản. Hàng ngày Sa Hoàng phái thân tín là Belinsky đi tìm hiểu các quẻ bói và lời tiên đoán của những người này rồi về báo

cáo. Nghe nói các bà cốt nói với Belinsky, các vì tinh tú mạnh nhất trên trời đều phản đối Sa Hoàng, họ còn dự đoán cả ngày chết của Sa Hoàng. Sa Hoàng điên cuồng nói, sẽ có một ngày ông phải thiêu chết toàn bộ thầy tử vi tướng số.

Cuối đời, Ivan IV hạ lệnh viết danh sách "nhân viên thất sủng" (tức là những người vô tội bị xử tử) để cứu vớt linh hồn tội lỗi của mình. Tay ông cầm bút, trầm tư suy nghĩ, rà soát xem còn âm hồn nào bị lãng quên, ghi lại các cực hình họ phải chịu, viết tên họ bằng chữ cái to lên giấy da dê, sau đó mang cuốn sách tên tuổi người chết và của bố thí vào tu viện để cầu nguyện siêu độ cho họ. Cuốn sách ghi tên tử vong ấy mở đầu như sau: "Thương đế, xin Người nhớ kỹ, người có 1507 vong linh của các tín đồ ở Novgored... (sau đó là một dãy danh sách tên họ) còn có ba người chết sau khi bị cưa đứt hai tay...).

Danh sách người chết như vậy có mấy bản, trong đó có một bản 3184 người, một bản khác 3750 người.

Rốt cuộc số người bị ông đích thân xử tử là bao nhiêu, chính ông cũng không nhớ nổi. Đến trước khi chết vài ngày, ông vẫn không ngừng lục tìm trí nhớ để bổ sung danh sách "nhân viên thất sủng" ấy.

Ông đã kết liễu đời mình trong buồn bực và đau khổ cực độ.

LÀM NGƯỜI CÓ TÍNH CÁCH NHẠY CẢM, YẾU ĐUỐI

Người có tính cách mềm yếu thường sợ nguy hiểm, nhút nhát, họ kiêng dè quá nhiều. Họ không giỏi xã giao, vì thế đứng trước người khác họ thường tỏ ra kém về xã giao, khó hoà hợp và lạnh lùng. Trong cuộc sống tập thể và cuộc sống xã hội, họ không tranh giành với người khác, nhưng không có nghĩa là họ không có năng lực. Trái lại, là một cá thể họ có tài năng hơn người, tài hoa nổi bật, chỉ vì gặp chuyện sợ hãi họ rút lui, không giành được cơ hội.

Cuộc đời của những người này đầy rẫy nỗi khổ và do dự, trong tâm hồn hết sức nhạy cảm ẩn giấu sự yếu ớt, vì thế họ dễ dàng bị tổn thương. Nhưng đối diện với sự đau thương, họ lại nhẫn nhịn, rút lui, thực ra là họ hiểu bảo vệ cái tôi quá mức. Họ ít gần gũi với mọi người, có hai, ba người bạn tri kỷ hay một số sở thích, đã có thể sống yên ổn một đời. Vì thế cuộc đời họ rất ngẫu nhiên, yên phận. Nhưng thật đau thương là họ yên phận thường vì người khác ép buộc, chứ không phải là họ tự nguyện.

1- Về ngoài lòng lầy không che nổi trái tim mềm yếu.

Michael Jackson - ông vua nhạc rock một thời, tính cách nhạy cảm, yếu đuối. Cuộc sống nhiều năm trên sàn nhảy, đã cải thiện ở một mức độ tính cách của ông để rồi cuối cùng ông trở thành ngôi sao lớn một thời. Nhưng chính việc cải thiện không triệt để, khiến ông luôn sống trong những lời đồn đại và tổn thương.

Michael Jackson sinh ra trong một gia đình người da đen nghèo khổ, cha mẹ và các anh chị em cũng giống như nhiều người da đen nghèo khổ khác, có thể hát hay múa giỏi. Mặc dù gia đình rất nghèo, lại luôn tràn đầy âm nhạc và tiếng hát. Điều này có ảnh hưởng cực kỳ quan trọng đến đường đời sau này của ông.

Năm 5 tuổi, năm anh em nhà Jackson thành lập "Ban nhạc năm anh em Jackson". Michael Jackson nhớ lần đầu tiên trong đời bước lên sân diễn, từ đây bắt đầu cuộc đời ca sỹ suốt đến ngày nay. Ông đã từng là cậu bé sống hướng nội, điềm đạm, ít nói.

Mặc dù ông có tài năng bẩm sinh lớn về âm nhạc và vũ đạo nhưng tính cách lại nhạy cảm yếu đuối, cứ giống như cô bé thẹn thùng.

Những người có tính cách này, nếu để họ bình lặng lớn lên trong một góc nhỏ không gây sự chú ý của người khác, có lẽ mới là phù hợp. Nhưng Michael Jackson sớm đặt chân lên sân khấu. Cuộc sống trên sân khấu và cuộc sống hiện thực hoàn toàn khác nhau. Sân khấu là nơi xây lên những ảo mộng, cũng là nơi tạo nên sự huy hoàng, càng là nơi gây ra điều tàn ác và thương tích.

Những điều này ảnh hưởng sâu sắc đến năm tháng ấu thơ của ông, khiến bước trưởng thành của ông chuyển sang một hướng khác.

Nhiều năm sau khi ông làm cha, đứng trước các phóng viên, ông xúc động nói: "Tôi luôn cầu khẩn Thượng đế, hy vọng Thượng đế che chở cho thằng bé (con trai của Michael Jackson). Tôi sẽ cố gắng hết sức để làm một người cha tốt. Tôi lớn lên trong vòng vây của dư luận, tôi tuyệt đối không muốn tất cả những điều này tái diễn ở con tôi. Xin hãy tôn trọng nguyện vọng của chúng tôi, hãy cho thằng bé một thế giới hoàn toàn thuộc về nó".

Từ trong những lời nói đầy chua xót này, chúng ta có thể nắm bắt được một thông tin. Đó chính là Michael Jackson có hồi ức đau khổ về quá trình trưởng thành của mình, thành danh quá sớm, mình lên sân khấu ca nhạc giải trí sắc sảo từ quá sớm. Áp lực và sự mê hoặc gây ra cho tâm hồn ngây thơ của anh là điều mà một người trưởng thành khó có thể tưởng tượng được.

Trong cuộc sống hiện thực, Michael Jackson luôn suy nghĩ có những trở ngại khiến anh

không tài nào hoà nhịp với thế giới hiện thực.

Trong cuộc sống cũng như trên sân khấu Michael Jackson thường khiến người khác thấy khó hiểu. Mọi người thường nói, tuổi thơ của một người quyết định cuộc đời họ, câu này có thể thích hợp với Michael Jackson. Trong tuổi thơ của anh có một câu chuyện vô cùng quan trọng.

Mùa đông năm 1968, cha anh dẫn ban nhạc "năm anh em nhà Jackson" đến công ty đĩa hát ở Detroit (Mỹ) để tự giới thiệu ban nhạc. Sau khi thu âm, họ đã thành công.

Công ty đĩa hát muốn ban nhạc nhỏ này thành danh, đã bắt đầu lăng xê họ ra thị trường. Sau đó ông đến Los Angeles. Lúc này, cuộc đời của Michael Jackson đã xuất hiện một nhân vật vô cùng quan trọng, người này bất kể trong cuộc sống hay sự nghiệp, đều đó ảnh hưởng không gì sánh kịp đối với ông. Cô chính là Dailana Ross - ca sĩ lớn người da đen lúc bấy giờ.

Sau khi đến thành phố Los Angeles, công ty đĩa hát đặc biệt giao cho Dilana, cho trông nom ông Michael Jackson đã sống trong nhà Dilana gần được hai năm. Dilana - Ross rất thích cậu bé điềm đạm, ít nói, hướng nội và tài hoa nổi bật này. Cô dẫn Michael Jackson nhỏ đi chơi, dạy hát, đọc sách, kể chuyện, còn dạy cho anh nhiều đạo lý làm người.

Thời gian sống hạnh phúc này có ảnh hưởng rất lớn đến cuộc đời của Michael Jackson.

Sau nhiều năm, khi nhớ lại quãng đời này, ông nói đến Dilana Ross một cách sâu nặng: "Cô ta dường như là một người thần kỳ, có lúc cô giống như người mẹ, có lúc lại giống như chị gái, có lúc còn giống người tình... thật kỳ diệu".

Nếu hiểu biết hơn về cuộc sống của ông, mới có thể lí giải hàm ý trong lời nói này.

Đầu năm 1984, cuộc sống riêng tư của Michael Jackson đặc biệt thu hút sự chú ý của khán giả.

Tháng 2 năm đó ông nhận giải thưởng quan trọng nhất của giới âm nhạc thịnh hành ở Mỹ. Ông giành được 8 giải thưởng quan trọng như giải ca sĩ hát nhạc thịnh hành hay nhất, nam ca sĩ hát Rock tuyệt nhất, nam ca sĩ có tiết tấu và Antôn hay nhất, giải âm nhạc hay nhất năm đó, ca khúc hay nhất trong năm, dựng cảnh đẹp nhất và ghi âm ca khúc thiếu nhi hay nhất.

Vào đêm tràn ngập ánh hào quang, người cùng Michael Jackson lên nhận giải là minh tinh điện ảnh gợi cảm - cô Christa Brooke Shields năm đó chỉ 19 tuổi.

Một người là ông vua trên sân khấu âm nhạc thịnh hành, một người là cô gái trẻ trung sáng chói. Trong mắt mọi người đây chắc chắn là một đôi trời sinh, ánh sáng rực rỡ không ai có thể sánh kịp.

Nhưng sự thật lại không như vậy.

Khán giả tinh ý rất nhanh chóng phát hiện Christa Brooke Shields vẫn còn kẻ tình địch mạnh. Điều khiến mọi người kinh ngạc là, kẻ tình địch này lại là một cậu bé 7 tuổi người da đen.

Tại buổi lễ khen thưởng Christa Brooke Shields ngồi bên cạnh Michael Jackson tâm trạng rất không tự tin, thậm chí còn tỏ ra bối rối không sao che giấu được.

Cậu bé ngồi trên đầu gối của Michael Jackson, hai người chốc lát lại thầm thì với nhau, tỏ vẻ thân mật, còn minh tinh Christa Brooke Shields vẫn nổi bật vì vẻ đẹp.

Trước cảnh tượng này, mọi người bắt đầu nghi ngờ Michael Jackson có phải là người mắc bệnh lạm dụng tình dục trẻ em và đồng tính luyến ái không?

Không bao lâu sau, một sự thật càng làm mọi người thêm nghi ngờ, Christa Brooke Shields nhanh chóng chia tay Michael Jackson. Khi trả lời câu hỏi của các nhà báo, cô thản nhiên nói, cô và Michael Jackson đơn thuần chỉ là tình yêu tinh thần theo kiểu Plato⁽¹⁾, thậm chí còn chưa có nộ hôn. Michael Jackson chưa từng hôn cô say đắm. Khi cô lấy dừng khí hôn anh, anh lại quay mặt đi khiến cô bị tổn thương.

Christa Brooke Shields là cô gái hấp dẫn quyến rũ biết bao. Nhưng Michael Jackson lại có thể chống cự cả vẻ quyến rũ của cô, thậm chí vứt bỏ đi như chiếc chổi cùn, lẽ nào không khiến mọi người nghi ngờ sao? Ông rất quý trẻ con, mỗi lần biểu diễn lưu động ở khắp nơi trên thế giới ông chỉ thích ở lại chơi với bọn trẻ. Mọi người ngạc nhiên khi phát hiện bên cạnh ông luôn xuất hiện những cậu bé nhỏ rất xinh trai. Đa số bạn của ông đều là trẻ nhỏ, bạn lớn tuổi rất ít, công nương Diana quá cố là một trong số người bạn của ông, và họ có thể trở thành bạn bè. Nhờ những đứa trẻ đó mà ông coi công nương Diana là người bạn tri kỷ.

Một dạo ông còn để bức tượng trong biệt thự của mình mặc trang phục của công nương Diana. Những lúc đau khổ và cô đơn, ông lại ngồi lặng lẽ trước mặt "cô ấy" thì thầm dốc bầu tâm sự về sự chán ngán và sợ hãi trong cuộc sống, trút hết tình yêu tha thiết về thuần khiết, hoàn mỹ và bọn trẻ. Michael Jackson còn bị kiện cáo, chỉ vì những hành động mà mọi người cho là bất bình thường.

Tháng 6 năm 1992 ông tổ chức biểu diễn lưu động khắp nơi trên thế giới. Trên hành trình lưu diễn lần này có một cậu bé xinh trai, thông minh luôn đi theo ông, điều này khiến mọi người khó chịu.

Tháng 9 năm sau, một đơn khiếu kiện của cha mẹ thằng bé buộc ông phải ra hầu toà, ông bị khởi tố vì tội xâm phạm giới tính, cảnh sát đã lục soát tất cả chỗ ở của ông.

Cuối cùng Michael Jackson phải bỏ ra gần 30 triệu USD mới giải quyết xong chuyện đầu đầu này. Việc này đã giáng đòn nặng nề vào tinh thần của Michael Jackson. Cuối cùng buộc ông phải chọn con đường sống của người dân bình thường - kết hôn và sinh con. Ông có thực sự mắc bệnh "yêu trẻ" hay đồng tính luyến ái hay không chúng ta không cần tìm hiểu sâu. Điều duy nhất chúng ta có thể khẳng định là Michael Jackson thật sự là người sống nội tâm, nhạy cảm, yếu đuối. Mặc dù ông sớm nổi tiếng khắp thế giới, giành được cả danh và lợi, nhưng những vết thương lòng từ thời ấu thơ vẫn không được chữa khỏi. Trong cuộc sống hiện thực ông vẫn là một cậu bé cô độc nhút nhát. Anh luôn ghi nhớ những năm tháng sống cùng với Dilana Ross chính là một ví dụ điển hình.

Năm 1988 ông bỏ ra lượng vàng lớn mua một biệt thự sang trọng ở một ngôi làng hẻo lánh gần thành phố Los Angeles, kèm theo một trang trại có phong cảnh đẹp.

Ông đặt tên cho trang trại là "Vĩnh vô hương". Cái tên này bắt nguồn từ câu chuyện đồng thoại "Piter" mà ông rất thích. Vĩnh vô hương chính là thôn quê mà cậu bé Piter vui mừng không muốn trở về, là vùng thôn quê huyền ảo.

Càng thú vị hơn, bên cạnh nơi ông ở có một ngôi trường nội trú và một nhà mẫu giáo. Bọn trẻ dường như trở thành bùa hộ mệnh của Michael Jackson.

Luôn có một thế giới huyền ảo ẩn nấp ở một góc của tâm hồn. Ông hết sức thận trọng kiểm tìm cảm giác được bảo vệ, đồng thời ông cũng cố gắng theo đuổi sự hoàn mỹ.

Có một chuyện mà dường như tất cả mọi người trên thế giới đã từng biết đến. Đó chính là chuyện ông bỏ ra hơn 100 triệu đô la Mỹ, nhẫn nhục chịu bao đau khổ, để cuối cùng đổi nước da đen của mình thành nước da trắng.

Việc này khiến rất nhiều người bất mãn: Rõ ràng ông là người da đen, càng giấu giếm lại càng lộ ra, "biến" mình thành người da trắng, thật là nực cười và làm trò cười cho thiên hạ! Mặc dù người nhà và bạn bè của anh biện hộ giúp anh, họ nói anh chỉ vì mắc bệnh về da khó có thể chữa khỏi mới quyết định làm như vậy.

Nhưng bản thân ông không hề giải thích về việc này. Thực ra, sau khi đã hiểu tính cách của ông, chúng ta sẽ không quá ngạc nhiên trước những hành động xưa nay chưa từng có của ông. Ông là một người hoàn toàn sống trên sân diễn hay trong thế giới huyền ảo.

Con người như Michael Jackson thực sự không thể dùng con mắt của người bình thường để đánh giá. Michael Jackson là cả một câu đố. Những người đã từng nghe ông hát, những người đã từng xem ông nhảy đều có một tình cảm mãnh liệt hay điên cuồng, say mê, căm ghét hay

mê hoặc.

Michael Jackson đương nhiên không phải là Thượng đế cũng chẳng phải là quỷ, ông chỉ là một người đặc biệt, một người có tính cách khác thường mà người khác không thể hiểu được.

Nếu chỉ nhìn bề ngoài hay hành vi rất khó đánh giá một người, cùng làm một việc như nhau mỗi người đều có ý tưởng khác nhau, hướng chi là cách làm khác nhau. Tính cách quyết định số phận, cũng chi phối niềm vui nỗi buồn của con người. Cuộc đời của chúng ta được bao phủ bởi tính cách của mỗi người.

2- Một cuộc đời mềm yếu, phiền muộn

Giống như nhiều Hoàng đế bị "buông màn nghe chuyện quốc sự". Trong lịch sử, vua Quang Tự cũng là một người mềm yếu. Quyền thế của Từ Hy Thái hậu khiến tia hào quang của Quang Tự như ngọn nến sắp tàn. Nhưng ông cũng là người có ý tưởng và muốn hành động. Điều này và tính cách do dự, mềm yếu của ông đã trở thành giai điệu chính của bi kịch cuộc đời ông.

Hoàng đế Đồng Trị bị bệnh qua đời năm mới 19 tuổi, mẹ ông- Từ Hy Thái hậu lập con trai của Đồng Trị làm Hoàng đế. Bà ta sợ mất quyền lực nên đã chọn con trai 4 tuổi của Thuần thân vương kế vị, đó chính là Hoàng đế Quang Tự. Cha ông là em trai của Hàm Phong- chồng của Từ Hy. Vì vậy Quang Tự chính là cháu trai của Từ Hy, mà thân mẫu của Quang Tự lại là em ruột của Từ Hy, cho nên Quang Tự cũng là cháu ngoại của Từ Hy. Hơn nữa Quang Tự còn nhỏ tuổi, nên quyền hành đương nhiên bị thao túng hoàn toàn trong tay Từ Hy.

Từ Hy kiên nhẫn dạy dỗ Quang Tự. Bà ta chỉ dạy Quang Tự làm hai việc, một là làm cho ông sợ bà ta, hai là bắt ông học. Từ Hy quản giáo Quang Tự rất nghiêm, mưu đồ bồi dưỡng ông trở thành công cụ thuần phục của mình. Bà ta bắt Quang Tự gọi mình là "cha ruột", không cho phép ông xưng hô Thái hậu, và thường xuyên dạy bảo khiến trách ông. Đó cũng là thủ phạm chính gây ra cuộc đời u sầu của Quang Tự. Cơ thể Quang Tự bé nhỏ ốm yếu, vốn sẵn có bệnh lười ăn yếu ớt.

Năm 1887 Quang Tự 16 tuổi, theo truyền thống Quang Tự nên thân chính. Từ Hy thái hậu cũng làm ra vẻ "Buông rèm quy chính". Nhưng thực tế quyền bính trong triều đình vẫn nằm trong tay Từ Hy.

Lúc Quang Tự "thân chính" cũng là thời điểm mấu chốt chủ nghĩa đế quốc âm mưu chia nhỏ Trung Quốc. Triều đình nhà Thanh đã ký một loạt các điều khoản bất bình đẳng. Nhưng chủ nghĩa đế quốc được đà lấn tới, muốn nuốt chửng Trung Quốc, đặc biệt là thảm bại trong cuộc chiến tranh trên biển của Trung Quốc - Nhật Bản, giúp cho các nhân sĩ Trung Quốc hoàn toàn nhìn thấu được thế cục của thế giới và Trung Quốc, nhận ra xu hướng tất yếu: nếu không thay đổi phép trị nước đất nước sẽ bị diệt vong. Thế là lần đầu tiên trong các phần tử tri thức dấy lên phong trào đề xướng biến pháp

"Công xa thương thủ" nổi tiếng chính là một trong số đó. Việc ký kết điều ước "Mã quan" khiến cho các phần tử tri thức cương trực của Trung Quốc vô cùng phẫn nộ. Khang Hữu Vi vì bản "công xa thương thủ" đã liên kết với hơn 1200 cử nhân tham gia kỳ thi khoa cử ở kinh thành, kí tên vào bản sớ, yêu cầu thay đổi phép trị nước, từ chối hoà, dời đô. Bản tấu sớ này lúc đó có ảnh hưởng rất lớn, không chỉ khiến cho các đại thần của nhà Thanh cảm thấy kinh ngạc, mà còn khiến cho các nước đế quốc âm mưu chia nhỏ Trung Quốc thấy được tinh thần thức tỉnh của nhân dân Trung Quốc.

Nhưng vì thứ bậc của triều đình nhà Thanh quá nghiêm ngặt, bản tấu "Công xa thương thủ" không được chuyển đến tay Quang Tự. Nhiều người như Khang Hữu Vi rất phẫn nộ. Hơn 20 ngày sau, ông lại viết một bản tấu trình dài hơn vạn chữ. Trải qua nhiều khó khăn, Quang Tự mới đọc được bản tấu này. Quang Tự rất tán thành với nhiều quan điểm Khang Hữu Vi đưa ra và hạ "chỉ dụ" thực hiện cải cách theo chính sách mới. Đương nhiên, sức mạnh của "chỉ dụ" thực sự rất yếu mỏng, nếu dùng nó để lột bỏ mũ quan hay giết một người thì còn có thể nhưng muốn thay đổi cả thể chế quan liêu phong kiến cũ nát tích tụ nhiều năm, thực hiện chính sách mới, thì lại giống như "gió mát thổi núi Thái Sơn" chẳng có ích gì.

Khang Hữu Vi thấy bản tấu của mình không có bất kỳ tác dụng gì, năm 1897 (năm thứ 23 Quang Tự) lại phẫn nộ dâng tấu. Trong bản tấu trình này ông dùng từ ngữ rất mạnh, cho thấy quốc hội và báo chí Nhật Bản, ngày ngày bàn bạc vấn đề chia nhỏ Trung Quốc như thế nào? Nhưng Trung Quốc lại không hề có động tĩnh gì, lại không có ý định thay đổi phép trị nước, Trung Quốc sẽ có một ngày mất nước. Nhưng bản tấu này bị các đại thần ngoan cố ép không cho bẩm báo, Quang Tự không được nhìn thấy. Sau đó, bản tấu bị lộ ra, dẫn đến phản ứng mạnh mẽ trong giới dư luận, rất nhiều bài báo chí đều trích dẫn giới thiệu. Quang Tự cũng được đọc được bản tấu từ trên bài báo. Ông rất xúc động bèn lập tức cho mời Khang Hữu Vi.

Cung thân vương lại kiên quyết phản đối việc này. Quang Tự không biết làm thế nào, đành phái Ông Đồng Hòa, Lí Hồng Chương và Vinh Lộc thăm vấn Khang Hữu Vi. Trong đó Ông Đồng Hòa là thầy của Quang Tự theo phái chủ trương "biến pháp". Ông bẩm báo lên Quang Tự lời đáp của Khang Hữu Vi, Quang Tự lại một lần nữa xúc động mạnh trước thái độ và lý luận của Khang Hữu Vi. Ông hạ lệnh thu thập các bài văn nổi tiếng của Khang Hữu Vi. Ông cẩn thận, học được rất nhiều điều ở trong các bài văn đó, và kiên định niềm tin biến pháp. Ông hạ lệnh, tất cả các bản tấu của Khang Hữu Vi đến lúc nào phải đưa ngay lúc đó, không được giữ lại.

Quang Tự nóng lòng cách tân biến pháp, nhưng thực quyền lại bị thao túng trong tay Từ Hy, thực sự ông chỉ là một Hoàng đế vô danh. Để có thể tiến hành tân pháp ông nhiều lần đòi quyền lực từ Từ Hy Thái hậu. Thậm chí có lần ông đã nói: "Nếu Thái hậu không cho con quyền lực để con thay đổi phép trị nước, con sẽ không làm Hoàng đế, con cũng quyết không làm ông vua mất nước".

Trong tình thế lúc đó, lời kêu gọi thay đổi hiến pháp dâng cao mạnh mẽ, nhưng phe bảo thủ trong triều lại bu bám quanh Từ Hy Thái hậu, không muốn thay đổi phép trị nước của tổ tông. Vì thế ép buộc, Từ Hy không thể tạm thời không ban một chút quyền lực cho Quang Tự. Vậy là Từ Hy đã đồng ý để Quang Tự thay đổi hiến pháp (biến pháp)

Quang Tự ngây thơ cùng với Lương Khải Siêu, được tin Từ Hy Thái hậu đồng ý biến pháp, vui mừng khôn xiết, nghĩ việc thay đổi hiến pháp sẽ có thể thành công, ngày 11 tháng 6 năm 1898 (năm Quang Tự thứ 24) ông ban bố "Định quốc thị chiếu", đây thực chất là cuốn tuyên ngôn biến pháp, chiếu thư chỉ trích những viên quan bảo thủ ngoan cố, chỉ ra thực chất việc cần phải thay đổi phép trị nước.

Cuốn "Định quốc chiếu thư" là lòng tin kiên định vào việc biến pháp cách tân của ông, điều này khiến cho thế lực bảo thủ do Từ Hy Thái hậu đứng đầu cảm thấy kinh ngạc. Bắt đầu từ lúc này, ông liên tục hạ chỉ dụ tiến hành biến pháp cách tân, Từ Hy Thái hậu lại điều binh khiển tướng, chuẩn vị dùng vũ lực bóp nghẹt cuộc vận động cách tân.

Từ Hy Thái hậu luôn có thái độ nghi ngờ, chống lại việc cải cách. Bà ta luôn muốn cầu hoà, không tiếc cắt đất bồi thường tiền bạc, thể hiện vẻ mềm yếu và an phận của một người phụ nữ. Ngoài ra bà ta cũng không muốn vứt bỏ quyền lực của mình. Nhưng trong bức thư đòi biến pháp của những người như Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu luôn coi Hoàng đế Quang Tự làm trung tâm, nhắm mắt làm ngơ Từ Hy mà điều này động chạm tới lòng tự trọng của Từ Hy, có lẽ chính vì điểm này, bà ta không để việc biến pháp tiến hành thuận lợi.

Từ Hy Thái hậu lúc nào cũng cảnh giác Quang Tự. Bà ta ẩn mình trong Di Hoà Viên, nhưng biết rõ từng cử chỉ hành động của Quang Tự. Trước khi "Định quốc chiếu thư" được truyền đạt, Từ Hy liền hạ ba "Thượng dụ" lột bỏ mũ quan của Ông Đồng Hòa, và lệnh tất cả các quan từ hàng nhị phẩm trở lên bắt buộc phải đến trước mặt Thái hậu tạ ân, việc này giúp Từ Hy nắm chặt đại quyền tổ chức quan lại. Sau "sự kiện quan Lục Đường", Từ Hy thận trọng, chuẩn bị dùng vũ lực khống chế Quang Tự.

Vua Quang Tự vô danh, trong tay không có bất kỳ thực quyền gì, cả ngày chìm đắm trong thế giới hoang tưởng của tư tưởng mới, dựng công lập nghiệp, nhưng không hề biết mình đang ở hoàn cảnh nguy hiểm.

Từ Hy lệnh cho Vinh Lộc - người nắm giữ quyền lực quân đội, điều quân bao vây Bắc Kinh.

Thế là, Vinh Lộc điều mấy cánh quân bộ binh tinh nhuệ nhất của nhà Thanh lúc bấy giờ, bao vây Bắc Kinh; điều quân tinh nguyện của Nhiếp Sĩ Thành đến đóng quân ở Thiên Tân; điều đội quân dũng cảm quyết đoán, đóng quân ở Viên Trường Hạnh. Từ Hy còn phái binh giỏi thân tín bảo vệ nghiêm ngặt Di Hoà Viên. Như thế, Từ Hy lại càng có chỗ dựa.

Từ Hy không chỉ kiểm soát chính trị chặt chẽ, mà còn can thiệp vào cuộc sống hôn nhân và tự do riêng tư của Quang Tự. Bà ta tuyển chọn cháu gái của mình vào cung lập làm Hoàng hậu của Quang Tự, xưng là Hoàng hậu Dụ Long. Cuộc hôn nhân này có thể nói là không có một chút tình cảm và hạnh phúc, ông giống như thứ đồ chơi trong tay Từ Hy.

Cuộc vận động biến pháp duy tân đã thất bại, phái duy tân khắp nơi hoặc bị chết hoặc chạy trốn, Quang Tự cũng bị cầm tù ở Trung Nam Hải. Từ Hy như chim sợ cành cong, tiếp tục dùng vũ lực truy quét nơi ở và thế lực của phái mới. Vua Quang Tự cũng là mối hoạ tử bên trong của bà ta, không trừ khử không thể yên tâm.

Từ Hy chính đốn chính trị không lâu, lập tức tuyên bố Quang Tự đã lâm bệnh nặng, trong và ngoài triều đình truyền tin đồn xấu và bắt đầu chuẩn bị hậu sự cho ông. Mỗi ngày truyền thị "mạch án" (bản ghi chép lệnh tình) của Quang Tự và phương thuốc tới các nha môn, trong chốc lát mọi người náo loạn. Cử động này chỉ nhằm thăm dò lòng người, xem phản ứng của đám dân đối với việc mưu hại Quang Tự.

Vua Quang Tự thông minh, nhạy cảm thấy thời gian của mình không còn nhiều nữa, ông rơi vào nỗi u sầu tuyệt vọng, hết đường xoay sở, hoàn toàn mất hết niềm hy vọng và dũng khí chỉ ngồi yên đợi chết.

Phe ngoan cố không giây phút nào từ bỏ mưu đồ hãm hại ông, tin được truyền đi như Quang Tự bệnh nặng, không thể thân chính, âm cả lên. Nhưng nhờ can thiệp của công sứ ngoại quốc Trung Hoa, kế hoạch mượn cơ bệnh nặng phế truất Quang Tự của phe ngoan cố đã không thực hiện được. Kế hoạch mưu hại và phế truất Quang Tự đã thất bại. Phe ngoan cố vô cùng phẫn nộ, liền "ngày đêm mưu mô bí mật". Cuối cùng Đại học sĩ Vinh Lộc - kẻ đáng tin cậy của Từ Hy đưa ra phương án lập Thái tử, mưu đồ cướp ngôi. Quang Tự đang trẻ tuổi mà mãi chưa sinh Hoàng tử, cần phải chọn em họ hàng gần lập thành "Đại a ca" (Thái tử), đồng thời làm người kế vị của hai vua Đồng Trị và Quang Tự, được dạy dỗ trong cung thừa kế ngôi báu, công sứ ngoại quốc và các tổng đốc sẽ không thể nói được điều gì.

Không ngờ, phe ngoan cố nhượng bộ đến chiều cuối cùng này vẫn gặp phải sự phản đối của một số công sứ ngoại quốc đóng trên đất Trung Hoa. Lúc đó phe ngoan cố do Từ Hy đứng đầu và các nước đế quốc đang có một số hiểu lầm và xa cách. Quân xâm lược dường như nhận ra, sau khi phe ngoan cố bóp nghẹt quân Hoàng đế, thực hiện chính sách bế quan, bài ngoại sẽ không có lợi cho cuộc xâm lược của chúng. Còn phe ngoan cố chỉ sợ người Tây nâng đỡ Quang Tự, sẽ uy hiếp địa vị của mình. Mặt khác, xu hướng thân Nga của phe Từ Hy, cũng làm cho các nước đế quốc như Anh rất bất mãn. Trước cuộc vận động Nghĩa hoà đoàn, sự rạn nứt của hai bên luôn không thể nối liền, thậm chí còn phát triển hơn. Mâu thuẫn này phát triển, thậm chí dẫn đến việc Từ Hy "tuyên chiến" với người Tây muốn lợi dụng Nghĩa hoà đoàn, chiến đấu với quân xâm lược ngoại quốc, mà Quang Tự lại là quả cân kẹp giữa, có thể hiểu được nỗi khổ của ông.

Theo sử sách ghi lại, trong cuộc vận động Nghĩa hoà đoàn, Từ Hy đã từng tuyên chiến với quân xâm lược, nguyên nhân chủ yếu là quân xâm lược ngoại quốc yêu cầu bà "Trao quân triều chính" cho Quang Tự. Đêm 20 tháng 5 năm Quang Tự thứ 26, có người mật báo cho Vinh Lộc một số tin tức trong đó có tin người Tây muốn ủng hộ binh lực "buộc Hoàng thái hậu quy chính". Sáng hôm sau Vinh Lộc cấp báo với Từ Hy. Bà ta vô cùng phẫn nộ. Để bảo vệ địa vị của mình, bà quyết chí lợi dụng Nghĩa hoà đoàn liều mạng với người Tây. Sau cuộc vận động Nghĩa hoà đoàn khoảng cách giữa người Tây và phe ngoan cố dần dần biến mất, hai bên đi đến hiệp thương. Người Tây đồng ý duy trì quyền thống trị của Từ Hy và bà ta cũng thể hiện mong muốn dốc toàn lực phục vụ cho quân xâm lược. Từ đó, triều đình nhà Thanh trở thành công cụ xâm lược của chủ nghĩa đế quốc.

Lúc này Quang Tự dường như không còn quan trọng nữa. Những năm cuối cùng của cuộc đời, ông hoàn toàn trở thành kẻ tù tội trong tay của Từ Hy và đi hết đường đời của mình trong cảnh đề nén tối tăm u ám.

3- Nguyên Linh Ngọc chết vì nhát gan

Người có tính cách mềm yếu, dễ bị tổn thương, cuộc đời sẽ gặp nhiều bi kịch và đau khổ. Nguyên Linh Ngọc là ngôi sao điện ảnh nổi tiếng vào những năm 20, 30; là một người phụ nữ sống trong xã hội cũ. Đối mặt với chế độ xã hội, với con người tốt xấu, nếu không có cá tính kiên cường rất khó đứng vững. Nguyên Linh Ngọc không đứng vững, bà đã ngã xuống. Số phận bà cũng kết thúc cùng thất bại.

Mềm yếu hay do dự, tác phong làm việc lề mề không dứt khoát, chính bi kịch tính cách này đã xuyên suốt cuộc đời bà.

Bà sinh ở Thượng Hải, bố mất lúc bà 5 tuổi, mẹ làm thuê cho một gia đình giàu có, hai mẹ con sống nương tựa lẫn nhau. Từ nhỏ, bà rất xinh đẹp, mầu mực. Chính vì xinh đẹp, dần dần bà trở thành đối tượng sùng bái của mọi người, vào lúc này, cậu ấm nhà họ Trương là Trương Đạt Dân đã để ý đến bà.

Trương Đạt Dân chỉ là chàng công tử bột, chỉ biết chơi gái và cờ bạc, quen sống buông thả. Sau khi ông quen biết Nguyên Linh Ngọc, ông ta thề nhất định sẽ chiếm được bà.

Trương Đạt Dân dùng nhiều mưu kế, đầu tiên ông ta làm vui lòng mẹ bà và sau đó bắt đầu không lạnh lùng cũng chẳng nồng cháy theo đuổi bà. Với dáng vẻ một "chính nhân quân tử" cộng thêm quần áo, giày da và vẻ phong độ của ông ta, để lại cho Nguyên Linh Ngọc, ấn tượng tương đối tốt. Sau đó, bà bắt đầu qua lại nhiều hơn với ông ta.

Ông ta biết bà thích điện ảnh và hài kịch. Lợi dụng hãng phim của anh trai, ông ta thường xuyên đưa bà đi xem phim, và tỏ ra quan tâm chăm sóc bà, sợ bà đói và rét. Những hành động này đã dành được thiện cảm của bà. Bà coi ông ta là người đáng tin cậy.

Nếu như trước đó, Trương Đạt Dân không có việc xấu gì để bà biết, bà nhẹ dạ cả tin trao tình cảm cho ông ta thì lại là một nhẽ. Nhưng chuyện dưới đây chứng tỏ về mềm yếu, thiếu chủ quan trong tính cách của bà.

Lúc Trương Đạt Dân đang theo đuổi bà, ông ta vẫn chơi gái lầu xanh. Một lần ông ta ở kỹ viện gần Đại Thế giới, tranh giành ghen tuông với một công tử khác, và dùng quân lưu manh đánh nhau. Cảnh sát đến tận nhà họ để tìm hiểu tình hình. Sau khi Nguyên Linh Ngọc biết chuyện này, muốn cắt đứt quan hệ với Trương Đạt Dân. Nhưng ông ta sống bừa bãi trong chuyện tình cảm trai gái đã lâu, rất hiểu nội tâm phụ nữ. Ông ta vừa nói lời ngon ngọt vừa khóc nức nở, sụt sùi và thề sửa chữa lỗi lầm trước kia. Vì thế, bà bị mê hoặc bởi những lời đường mật của ông ta và dễ dàng tha thứ.

Nguyên Linh Ngọc đem chuyện này kể cho mẹ nghe và nghi ngờ nhân phẩm của Trương Đạt Dân.

Mẹ bà trước nay quen chịu khổ, nay khó khăn lắm mới có một thần tài chủ động đến tận nhà, há chịu buông tay. Linh Ngọc là con gái, ở mức độ nào đó cũng chấp nhận suy nghĩ của mẹ, liền xóa tan mọi nghi ngờ trong lòng. Đây là điều đau xót nhất trong tính cách mềm yếu của bà. Rõ ràng bà không yên tâm về người đàn ông mà tật xấu đã bày ra tận mắt nhưng lại khó khăn khi quyết định lấy hay bỏ, đủ để thấy được tính cách do dự của bà.

Sau đó bà và Trương Đạt Dân chính thức kết hôn. Anh em nhà họ Trương ai cũng có sự nghiệp, duy nhất có Trương Đạt Dân là chỉ biết chơi bời lêu lổng. Bà đã từng dùng lời ngon ngọt khuyên giải chồng.

Ban đầu vì mới kết hôn tình cảm Trương Đạt Dân còn vương vấn, nghe lời khuyên nhủ xúc động của vợ có vẻ xấu hổ.

Nhưng giang sơn dễ thay đổi, bản tính khó dời. Sau một thời gian bót phóng túng Trương

Đạt Dân lại bắt đầu tìm kiếm hoa liễu ở bên ngoài, làm chuyện xằng bậy. Ông ta thường xuyên đánh bạc. Thói đánh bạc ngày càng nặng, số tiền gom góp ban đầu đã không đủ cho ông ta trả món nợ đánh bạc. Thế rồi ông bắt đầu bán đồ dùng trong nhà, đối xử với Nguyên Linh Ngọc càng ngày càng tồi tệ. Bà rất đau khổ nhưng vẫn nhẫn nhục chịu đựng. Hàng ngày bà đều xem báo quảng cáo tuyển chọn nữ diễn viên. Bà đi dự thi và trúng tuyển. Sau khi bước vào giới điện ảnh, bà dần dần có danh vọng và có thu nhập. Trương Đạt Dân càng coi bà làm cái cây hái ra tiền.

Trương Đạt Dân suốt ngày mơ tưởng phát tài, ông ta bắt đầu bắt chước anh cả đua ngựa đánh bạc. Nhưng ông ta không gặp may như anh cả, chưa đầy 3 tháng ông ta đã thua sạch trơn và mất hết tất cả gia tài, không những thế còn thêm nợ nần. Chủ nợ đến tận nhà, thuê lưu manh đến uy hiếp. Nguyên Linh Ngọc dường như tỉnh ngộ từ trong giấc mơ đẹp mà Trương Đạt Dân dệt lên, bước đầu bà nhìn rõ bộ mặt thật của kẻ mà mình đã từng tin tưởng, phó thác cả cuộc đời. Bởi vì bà có nghề nghiệp chính đáng, đủ sức nuôi sống bản thân và mẹ mình, vì thế một lúc bà thuê hai căn phòng trong thành phố, đưa mẹ rời khỏi Giang Đài. Trước lúc đi, bà nhắc lại cho Trương Đạt Dân, yêu cầu cắt đứt quan hệ với ông ta.

Sau một trận ăn nhậu, chơi gái, cò bạc ở bên ngoài, Trương Đạt Dân lại nghĩ đến Nguyên Linh Ngọc. Sau khi hỏi thăm, cuối cùng ông ta tìm được địa chỉ của bà ở thành phố. Ông ta cố ý chọn một đêm trăng đẹp, gõ cửa nhà bà. Vừa bước vào cửa, ông ta liên tiếp tạ lỗi với Nguyên Linh Ngọc và mẹ vợ hứa sẽ cai không đánh bạc nữa sẽ tìm một công việc ổn định. Bà giữ thái độ cứng rắn, cho rằng cả hai đã cắt đứt quan hệ, yêu cầu ông ta về sau không được đến làm phiền bà nữa. Trương Đạt Dân vẫn chưa từ bỏ suy nghĩ, vẫn trơ tráo trước mắt bà. Cuối cùng ông ta cầu xin mẹ vợ, muốn mẹ vợ đứng ra khuyên con. Buổi tối hôm đó, sau một hồi tranh cãi, ông ta ở lại với bà, lần đầu tiên kế hoạch ra ở riêng thất bại.

Phải nói là lần này bà lại để mất cơ hội tốt, đoạn tuyệt quan hệ hoàn toàn với Trương Đạt Dân. Bà lại do dự, sợ điều này tiếng nọ. Bà biết rõ ông ta có thói xấu khó cải, cuối cùng lại không thể quyết tâm đoạn tuyệt hoàn toàn với ông ta. Đây thực sự là bi kịch của tính cách.

Lần này Nguyên Linh Ngọc vẫn chưa thoát khỏi Trương Đạt Dân, để ông ta giống như một mạng nhện giăng quanh mình, không thể trốn thoát. Tập xấu của ông ta ngày càng nghiêm trọng. Sau khi đánh bạc thua, ông ta về nhà lấy trộm tiền dưỡng lão của bà. Nguyên Linh Ngọc thấy ghê tởm khi nhìn thấy ông ta, nhưng bà lại không dám công khai đăng báo cắt đứt quan hệ. Bà nghĩ rằng nếu làm như vậy, mình là một diễn viên điện ảnh, nhất định sẽ bị giới báo chí trắng trợn bôi nhọ, trở thành nhân vật trung tâm của tin xấu, trở thành đề tài vui cho thiên hạ. Không biết xử lý thế nào, cuối cùng bà lại nghĩ đến cái chết.

Buổi tối hôm đó, sau khi to tiếng với Trương Đạt Dân, bà đã nuốt chửng liều thuốc ngủ, cố không rên rỉ đau khổ. Mẹ bà phát hiện ra, lập tức đưa bà vào bệnh viện, cấp cứu kịp thời bà thoát khỏi cơn nguy hiểm. Lần đầu tiên bà tự sát không thành, vận mệnh của bà cũng không hề thay đổi. Sự việc chưa đến mức để bà phải lấy cái chết kết liễu cuộc đời. Điều này lẽ nào không phải thể hiện tính mềm yếu của bà sao?

Khi bà đến Bắc Bình quay cảnh "Giấc mơ mùa xuân ở cố đô" còn Trương Đạt Dân ở Thượng Hải chơi gái, đánh bạc hết mình, đem tất cả tài sản trong nhà cho gái và đánh bạc thua sạch. Sau khi về nhà, bà cùng mẹ nói lời ngon ngọt khuyên nhủ ông ta, ông ta lại ra dáng người chủ mắng nhiếc chửi bới. Từ khi kết hôn đến giờ, giữa vợ chồng mặc dù cãi nhau, nhưng cả hai vẫn còn chút tôn trọng nhau. Nhưng bây giờ, ông ta lại thô bạo, đánh bà, làm nhục nhân cách của bà!

Từ đó tình cảm giữa bà và Trương Đạt Dân tan vỡ hoàn toàn, không sao bù đắp được. Thời gian này, bà nghĩ đến đoạn tuyệt, ly dị! Mục đích mà Trương Đạt Dân muốn đạt được lại là sự quấy rầy, lừa dối, chiếm đoạt. Cuộc tranh chấp này đã đến giai đoạn căng thẳng kịch liệt, phải cần đến pháp luật giải quyết. Bà không thể chịu đựng được nữa, cuối cùng yêu cầu ly dị, sau đó được bạn bè khuyên giải, hai người lại vẫn miễn cưỡng sống với nhau. Sau sự biến 18/1/1932 ở Thượng Hải, họ cùng đi tiếp đến Hương Cảng. Tháng 4 năm đó, bà quay trở lại Thượng Hải

quay tiếp bộ phim "Giấc mơ mùa xuân ở cố đô". Thời gian này bà thoát khỏi sự quấy rầy vô lý của Trương Đạt Dân.

Nguyên Linh Ngọc bản tính do dự mềm yếu, tính cách này không xấu, nhưng một người con gái không người thân, bạn bè, sống ở Thượng Hải vào những năm 30 - 40 khó tránh khỏi bị mắc lừa. Bóng dáng của Trương Đạt Dân quấy rầy không ngớt nay dần dần tan đi. Hình bóng của một thương nhân giàu có tên là Đường Lý San lại xuất hiện trong viễn cảnh "tương lai của cuộc đời".

Đường Lý San không chỉ giàu có trong kinh doanh trà, mà còn là tay lão luyện trong đường tình, những người con gái quan hệ với ông ta, cuối cùng bị ruồng bỏ, nhiều vô kể. Trương Chức Vân sau bộ phim đã nổi tiếng một thời là một trong những người con gái đó.

Sau khi quen biết Nguyên Linh Ngọc, Đường Lý San lại sử dụng mảnh khoé đã làm với Trương Chức Vân. Ông ta không chỉ bằng mọi cách tỏ ra quan tâm mà còn thể nghiệm quan sát, hiểu rõ những yêu cầu về tình cảm tư tưởng của bà. Ông ta nhiều lần chứng tỏ mình sẽ không đối xử như Trương Đạt Dân, cũng không bao giờ chia tay với bà như đã chia tay với Trương Chức Vân. Nguyên Linh Ngọc ngây thơ tin lời nói dối của ông ta là thật.

Trong tính cách của bà, có mặt yếu đuối của tính cách phụ nữ. Bà thường vì nặng tình cảm mà mất đi lý trí. Bà đã từng nói với một người bạn: "Mình không thể chịu nổi khi người khác đối xử tốt đối với mình, nếu có người đối xử với mình tốt, mình thực sự yêu anh ta đến phát cuồng". Vì thế lần này, để chiếm được bà ông ta làm bộ giả tình giả ý khiến bà mất đi lý trí, hoa mắt. Bà không biết rằng mình đã giẫm phải vết xe đổ của Trương Chức Vân. Cuối cùng hai người đã kết hôn với nhau. Trên đường đời, lần thứ hai bà bước nhầm đường.

Sau khi kết hôn, Đường Lý San đã lộ nguyên hình là con sâu rọu. Mỗi lần say xỉn, hề không vừa ý một chút là ông ta chửi mắng ầm ĩ, thậm chí ông ta còn thương cẳng chân hạ cẳng tay. Nguyên Linh Ngọc không thể nhẫn nhục được nữa. Trước lúc tự sát bà đã bị Đường Lý San cho một cái bạt tai.

Cậy mình giàu có, Đường Lý San quen dùng tiền bạc chiếm đoạt các cô gái. Một lần ông ta cạo râu, mặc bộ comple màu xám mới mua lấm lét ra khỏi nhà, Nguyên Linh Ngọc tìm cách bám theo sau, cuối cùng bà đã tận mắt thấy ông ta cùng với cô gái nhả khoác tay kề vai sánh đôi bước vào căn hộ mới. Nhìn thấy cảnh tượng này tim Nguyên Linh Ngọc đập mạnh. Hai tay run lẩy bẩy, hai mắt tối sầm lại, bà dường như ngất xỉu. Từ đó bà suốt ngày u sầu, ảo não.

Chính vào lúc bà sắp bị ức hiếp làm nhục, Trương Đạt Dân đã từng huỷ bỏ hôn ước với bà, sai người đến mượn tiền của bà. Mượn tiền không được, ông ta lại tìm một luật sư tố cáo Đường Lý San trộm tài sản, chiếm đoạt quần áo, trang sức, trị giá hơn 30 triệu (nhân dân tệ).

Có hai nguyên nhân khiến Trương Đạt Dân làm như vậy: một là, ông ta nghĩ bà có rất nhiều tiền; hai là, ông ta nắm được nhược điểm yếu đuối và do dự của bà.

Giữa những năm 30, có một số phóng viên của tờ báo lá cải, quen dùng thủ đoạn bỉ ổi vừa đấm vừa xoa, uy hiếp và làm nhục các diễn viên nữ nhằm đạt mục đích cá nhân, đã cho bà xem những bài viết công kích bà. Nếu muốn họ không đăng bài bà phải cho họ tiền.

Nguyên Linh Ngọc vì không có quyền thế, mới đầu cũng thoả hiệp, nhưng về sau những người như thế ngày càng nhiều, ham muốn của họ càng lớn hơn. Bà đành phải từ chối yêu cầu vô lý của họ. Thế là "chuyện hôn nhân" của bà trở thành "chủ đề chính" cho họ say sưa kể lại và dùng nhiều lời lẽ ác độc để công kích bà. Bà vô cùng phẫn nộ, đau khổ. Chính nỗi bất hạnh trong hôn nhân, sự phỉ báng của xã hội, cuối cùng dồn mình tình điện ảnh tài hoa xuất chúng đi vào con đường chết. Bà uống ba lọ thuốc ngủ để kết thúc cuộc đời trẻ trung của mình.

Cái chết của bà đã để lại cho mọi người nỗi cảm thông sâu sắc. Nguyên nhân gây ra bi kịch của bà có nhân tố xã hội, nhưng nguyên nhân chủ yếu vẫn do tính cách mềm yếu do dự của bà quyết định.

4- Làm người yếu đuối, nước mất nhà tan

Từ xưa đến nay, những người có tính cách nhút nhát khó có được hành động vĩ đại oanh liệt. Cả cuộc đời họ bị bóng râm bao phủ, muốn tiến nhưng không dám tiến, muốn lùi lại không thể, cuộc đời đầy rẫy lúng túng. Cuộc đời của hậu thời Nam Đường - Lý Dục cũng như vậy.

Lý Dục dùng lời văn và nhạc ai oán ử ê, kể lại bi kịch lịch sử và bi kịch của riêng mình. Tính cách hèn yếu đã huỷ diệt cuộc đời ông, giang sơn của ông nhưng lại tạo dựng cho ông sự nghiệp thơ từ.

Sau khi kế ngôi vị Hoàng đế, Lý Dục ngày ngày viết lời ca ngâm, vui trong yến tiệc nhảy múa, sống nhàn rỗi. Trời có gió mây bất trắc, cảnh đẹp không được lâu, Tống Thái Tổ - Triệu Khuông Dã đã phá vỡ giấc mộng đẹp của ông.

Đạo đó, mấy chục vạn quân Tống công phá Kiến Khang. Lý Dục là vua một nước, lúc này không nghĩ cách triệu tập quần thần bàn bạc sách lược lại quay về hậu cung hỏi Hoàng hậu, ông không có chủ kiến của mình. Qua việc này có thể đoán được toàn bộ diện mạo của Lý Dục.

Giang sơn nguy nan, đáng lẽ lúc này vua Lý Dục phải lập tức quyết định: chết vì giang sơn hay đầu hàng? Bởi vì quân Tống tấn công ngày càng mãnh liệt, còn có ánh mắt của Tiểu Chu Hậu và đám người đẹp. Chính vào lúc này Lý Dục do dự không quyết, quân Tống đã tấn công vào cửa cung thứ nhất. Sự việc không thể thuận theo ông nữa, ông đành mặc áo trắng, đội mũ vải, lê những bước chân nặng trĩu dẫn Hoàng tộc và thuộc hạ ra khỏi cung dâng sớ đầu hàng. Tướng quân ở Bình Nam là Tào Bân, dẫn bộ hạ áp giải hơn 40 người cùng Lý Dục bị bắt làm tù binh, xuống thuyền, chạy theo đường thủy đến Biện Kinh - Thành đô của nước Đại Tống. Tào Bân từ lâu nghe tiếng vua Lý là một "Tù nhân" phong lưu, hào phóng, tài hoa nổi bật. Đến bây giờ ngồi trên cùng một con thuyền, ông ta chăm chú nhìn dung mạo tuấn tú của Lý Dục, quả nhiên thật phi phàm, nhưng lúc này gương mặt ấy lại lộ ra thần sắc buồn bã. Không nhìn được, ông ta cười khinh miệt Lý Dục: một vị vua hèn nhát như thế này, làm sao không mất nước diệt tộc.

Lúc này Lý Dục ngồi trong thuyền nhắm hai mắt, không nói năng gì, trong lòng dâng lên cơn sóng dữ dội cuộn cuộn. Theo sử sách Nam Đường, lập nước được 40 năm. Trước kia là của Nam Đường, bây giờ là vua của nước sa vào cảnh diệt vong... tất cả đều như nước chảy về đông, tất cả hối hận đều muộn. Ngâm ngùi mà cảm động và than thở: Thật hối hận, không nên cả tin những lời gièm pha, giết nhầm trung thần! Càng không nên mềm yếu do dự trước đại sự quốc gia.

Lúc Tống Thái Tổ tiến công Hậu Thục, Lý Dục sớm đã nhận thấy mối nguy hiểm với mình. Quân Hậu Tống trực tiếp giành lấy nước lân cận của Nam Đường (là Nam Hán), vua Lý bị thế lực của triều Tống dọa đến vỡ mật, lo sợ từng ngày, sống qua ngày lấy thơ và rượu làm bầu bạn.

Nhưng ông lại không nghĩ đến việc chống địch, bảo vệ cơ nghiệp của tổ tông, vẫn bỏ mặc buông xuôi, chịu khuất phục trước uy nghiêm của đại Tống.

Phàn Nhước Bạng vốn là dân thường của Nam Đường, sau đó chạy sang Biện Kinh, hiến mưu lược chiếm Nam Đường cho Tống Thái Tổ. Tống Thái Tổ lập tức giao phó trọng trách cho Phàn Nhước Bạng. Sau khi lên nhận chức, ông ta liền tấu trình Tống Thái Tổ: gia quyến của ông ta vẫn còn ở Giang Nam, để tránh bị vua Lý hãm hại, xin Tống Thái Tổ cho phép được đón họ về chỗ ở của ông ta. Tống Thái Tổ lập tức ra chiếu chỉ. Thực ra sau khi ông ta chạy đến Biện Kinh, Triều thần Nam Đường liên tiếp dâng sớ lên Lý Dục, yêu cầu xử phạt tội này, đòi giết gia quyến của ông ta để trừ bỏ mối họa về sau. Nhưng Lý Dục khẳng khẳng không dám làm. Sự việc đến lúc này càng khiến ông ta không dám chống lại tôn chỉ của Tống Thái Tổ, chỉ đành im hơi lặng tiếng cho người tiễn gia quyến của ông ta qua sông, bất chấp nghịch tặc của đất nước nhớn như ngoài vòng pháp luật.

Tống Thái Tổ trắng trợn, được đảng chân lân đảng đầu, uy hiếp, làm nhục Nam Đường. Triều thần có học vấn, rất lo lắng cho xã tắc, có người từng bẩm báo cho Lý Dục, Tống Thái Tổ đóng hàng nghìn chiếc tàu chiến Kinh Nam, ý đồ xâm chiếm Giang Nam. Các trí sĩ yêu nước của Nam Đường liên tiếp chủ động dâng tấu lên Lý Dục, xin được đến Kinh Nam bí mật đốt cháy những

chiếc tàu chiến này, phá vỡ kế hoạch xâm phạm nước Nam của triều Tống. Nhưng Lý Dục lại nhát gan, không dám phê chuẩn tấu.

Nam Đường không phải là không có trung thần tướng giỏi. Tiết độ sứ của quân Trấn Hải - Lâm Nhân Triều là một người văn võ song toàn; xả thân trong nhiều trận, nhiều lần lập chiến công, ngay cả Tống Thái Tổ cũng khâm phục tài năng quân sự của ông. Lâm Nhân Triều trung quân ái quốc, lúc nào cũng lo lắng cho xã tắc Nam Đường, vì sự vững bền của xã tắc, ông đích thân vào kinh thành tấu trình kế hoạch phòng ngự.

Tống Thái Tổ ngày ngày uy hiếp Giang Nam, vua Lý đã như chim sợ cành cong, chỉ mong có người cứu trợ, nghe nói triều thần đến hiến kế phòng ngự quân địch, vội vàng đến điện Quang Chính chờ.

Lâm Nhân Triều sẵn có chủ định hiến kế phòng ngự quân địch cho Lý Dục: "Quân ở Chuẩn Nam của triều Tống phòng thủ mỏng yếu mà nhiều năm liên tục xuất binh, diệt Tây Thục, bình định Kinh Hồ, bây giờ lại tấn công chiếm vùng Linh Biểu, đi lại mấy nghìn dặm, quân sĩ mỗi một, nhà binh gọi là thể có thể lợi dụng. Xin bệ hạ ban cho thần mượn mấy vạn quân tinh nhuệ, xuất quân ở Thọ Xuân, vượt qua sông Phì, Chuẩn Hà, chiếm Dương, dựa vào người dân vẫn hướng về tổ quốc và số lương thảo tích trữ nhiều năm, giành lại lãnh thổ ngày trước tất sẽ có thể mạnh như vũ bão. Ngày thần khởi binh, bệ hạ phái tốc quân báo cho triều Tống. Hãy nói thần một mình dẫn quân làm phản, việc này nếu thành công, sẽ có lợi cho ta nếu không thành, hãy giết gia tộc của thần, để chứng minh bệ hạ không tham gia việc này".

Vua Lý nghe xong kế phòng ngự của Lâm Nhân Triều, lập tức sợ hãi như hổ mất sắc, khua tay ngăn cản: "Kế của khanh tự lấy lửa thiêu thân mình, không dùng được, không dùng được". Nếu theo kế này khả năng có thể thực hiện được kế sách của mình. Nhưng vua Lý lại sợ đến nỗi không thể nghe tiếp được nữa. Sau đó, Lô Giáng - quan tuần sông cũng đến dâng kế sách cho Lý Dục: "Ngô, Việt thù địch nhau, như căn bệnh có hai vẩy. Ngày ngày họ dẫn quân lên phía Bắc để tấn công ta. Thần nhiều lần giao chiến với họ, biết dễ dàng tấn công, không bằng xuất quân trước, họ không ngờ đến lại bị diệt".

Vua Lý vô cùng lo sợ hỏi: "Nếu triều Tống đến đánh, thì làm thế nào?" Lô Giáng tự tin trả lời: "Thần giả bộ làm phản ở hai châu Tuyên và Hấp, bệ hạ có thể vừa rêu rao đánh phạt quân làm phản, vừa đem bảo bối hồi lộ cho nước Ngô, Việt, xin Ngô, Việt triển khai quân lính. Quân của Ngô, Việt bắt buộc phải xuất thế. Đợi quân Ngô, Việt đến lại đánh một đòn phủ đầu. Thần đánh úp phía sau, nhất định một nhát diệt được Ngô, Việt! Ngô Việt bị diệt, nước ta uy phong lẫm lừng quân Tống sẽ không dám làm bừa!"

Kế sách mạo hiểm chống địch này vua Lý không những không dám tiếp nhận, mà còn nhìn như một trận hồng thủy dữ dội, vội lệnh cho Lô Giáng rút lui. Có thể thấy, Nam Đường không phải không có người tài mà chính là vì tính mềm yếu của ông vua.

Đáng tiếc, vua Lý lại một lần mất đi cơ hội hiếm có trong việc phòng thủ quân Tống xâm lược nước Nam. Tống Thái Tổ mưu mô chiếm Nam Đường đã lâu, mắt long sông sọc, ép sát từng bước, làm vua Lý Dục sợ đến nỗi ăn không ngon, ngủ không yên. Vậy thì đứng trước thời cơ tốt hiếm có để chống lại quân địch, vì sao ông lại bỏ lỡ nhiều lần vậy? Chỉ vì một chữ "sợ"! Do tính cách mềm yếu ông đã để giang sơn gấm vóc của Nam Đường bị chôn vùi.

Vua Lý tính cách mềm yếu đến mức như vậy có thể dễ dàng lý giải là do hoàn cảnh sống của ông từ lúc còn là đứa trẻ đến khi lên ngôi vua:

Ông sinh ra trong cung cấm, ăn bằng thìa vàng. Phụ thân của ông - Lý Xán không được coi là vị vua có công lao, nhưng là "thi nhân" tài hoa. Lời của ông ta đẹp để uyển chuyển, ý nghĩa đẹp, hàm súc, tư chất đó cứ thấm dần và hàm súc tài năng của Lý Dục, giúp ông ngay từ nhỏ đã có được thiên phú trời cho và giúp ông có được những thành công trong sáng tác thơ mà trước đây chưa từng có.

Ông trưởng thành trong thâm cung Nam Đường vàng son lộng lẫy, cuộc sống phú quý xa xỉ hào hoa, thơ từ ca phú, chưa từng mặc áo giáp xông pha chiến trường. Sống lâu trong môi

trường như vậy hình thành tính cách mềm yếu cũng là chuyện thường tình.

Thậm chí trong quan hệ cư xử giữa anh em ruột ông cũng tỏ ra rất mềm yếu. Huynh trưởng của ông là Lý Hoảng rất tàn bạo, ông sợ huynh trưởng uy hiếp hãm hại nên tự xưng mình là "ẩn sĩ Trung Sơn", tự mình khắc trên những cái gậy như "ẩn sĩ Trung Sơn", "Trung Phong bạch liên cư sĩ", là dấu ấn ông ghi trong cuốn sách ở thư phòng và đề trên bức tranh. Cả ngày ông cúi đầu vào điền lời, thư pháp, hội họa hay trên gheo cung nữ, ẩn mình trong thâm cung, không hỏi han gì chuyện triều chính. Lý Dục sợ hãi sự căm hận của huynh trưởng, đã dùng cách này thực sự để bảo toàn tính mạng của mình.

Một lần, vua Lý ở trong phòng cung nữ, nghĩ ra một kế sách hay để đối phó với Tống Thái Tổ. Ông cho rằng Tống Thái Tổ uy hiếp các nước nhỏ, chẳng qua là muốn thống nhất thiên hạ, chỉ mình là nhất. Nếu thừa nhận Tống Thái Tổ làm đại Hoàng đế khắp thiên hạ, xưng thần cống nạp cho ông ta, cũng sẽ tránh được việc ông ta khởi binh đi khắp nơi chinh phạt. Thế là đảng hoàng là vua một nước Giang Nam - vua Lý nhẫn nhục nín nhịn, phái em thứ bảy của ông là Hàm Vương Lý Thung Thiện làm sứ giả, đem cống nộp cho Tống Thái Tổ và một bản sớ do chính ông viết.

Nhưng ông tính toán sai. Tình thế không tiến triển theo mong muốn của ông. Lý Thung Thiện làm sứ thần đến triều Tống một năm sau không quay trở lại.

Thì ra, Lý Thung Thiện - sứ thần của Giang Nam, em thứ bảy của vua Lý, được Tống Thái Tổ phong làm tiết độ sứ của quân Thái Ninh và thưởng cho ông ta một toà nhà lộng lẫy, giữ ông ta định cư ở Biện Lương. Tống Thái Tổ rất tâm mua chuộc nhưng Lý Thung Thiện cũng có một chút "vui mà quên trở về".

Một lần Tống Thái Tổ đích thân đi thăm toà nhà cực đẹp nọ. Lúc bước vào phòng khách nghỉ ngơi, ông ta nhìn thấy trên tường treo một bức chân dung thu hút người xem. Lý Thung Thiện nhìn chăm chú, đó là Lâm Nhân Thiện trấn giữ thành đô nước Nam của mình. Tống Thái Tổ chớp thời cơ tiết lộ cho Lý Thung Thiện: "Lâm Nhân Thiện sắp đến, hơn nữa, để lấy niềm tin ở ta, ông ta còn phái người đem tặng chân dung của mình" - Tống Thái Tổ nói ra vẻ đặc ý. Sau đó lại chỉ vào bức chân dung của Lâm Nhân Thiện nói: "Người thì vẫn chưa đến, nhưng bức chân dung của ông ta được treo ở đây trước, toà nhà này sẽ ban thưởng cho ông ta".

Thực ra, đây là âm mưu phản gián không được khôn khéo lắm. Nếu Lâm Nhân Thiện thực sự tư thông nói với Tống Thái Tổ, Tống Thái Tổ làm sao lại đem chuyện này nói cho Lý Thung Thiện biết.

Chính kế phản gián không cao kiến này làm Lý Dục sợ tái mét mặt, lập tức nghĩ lại Lâm Nhân Thiện đã từng mượn ông ta hàng vạn binh lính tinh nhuệ. Trong triều có kẻ mật tấu Lâm Nhân Thiện có dấu hiệu làm phản. Xem ra Lâm Nhân Thiện thực sự có mưu đồ làm phản, sớm đã cấu kết với Tống Thái Tổ. Nếu không giết ông ta, khó mà xoá được nỗi căm hận trong lòng. Thế là ngay đêm đó Lý Dục cho người xuống Nam đô, dùng rượu độc giết chết Lâm Nhân Thiện.

Quốc nạn ập tới, vua Lý nhẹ dạ cả tin lời gièm pha, giết chết tướng giỏi Lâm Nhân Thiện, thực sự đã giúp Tống Thái Tổ làm được một việc lớn. Từ đó Nam Đường lại bước tiếp vào con đường mất nước.

Khi Tống Thái Tổ âm mưu giành lấy Giang Nam, Phạm Hự, người trong thư xã ở Nam Đường liên tục dâng 6 bản tấu lên vua Lý Dục, bàn luận thế cục đất nước ngày càng yếu, chỉ trích tể tướng quan lại trong triều đình chỉ lo túi cơm giá áo, bỏ lỡ việc nước và đề ra những biện pháp cai trị đất nước. Nhưng bản tấu lại không được thi hành, thế là Phan Hự nói lời gay gắt cuối cùng chọc tức vua Lý. Từ Huyền ngồi trong một phòng thấy cơ hội có thể lợi dụng, nhặt lấy những lời có thể bôi nhọ Phan Hự, đổ tội trạng lên đầu ông ta, cộng thêm Trương Lệ chen lời. Hai vị triều thần này kẻ xướng người hoạ, nói Phan Hự - vị quan luôn trung thành thẳng thắn của triều đình mắc tội đáng chết muôn lần, chết vẫn còn chưa hết tội.

Lý Dục không có chủ kiến, nghe theo lời gièm pha của Trương Lệ và Từ Huyền về Phan Hự, bồng trở nên giận giữ, lập tức giáng chỉ, ban cái chết cho Phan Hự.

Đến lúc này, Nam Đường lại bước vào con đường mất nước.

Tổng Thái Tổ biết tin về hành động của Lý Dục, vui mừng khôn xiết cho rằng thời cơ giành chiếm Nam Đường đã đến, lẽ ra phải khởi binh chinh phạt Giang Nam. Nhưng trước khi xuất quân, ông ta thực hiện ngoại giao trước quân sự sau, để thực hiện sự khoan hồng: Lệnh cho thuộc hạ xây cho vua Lý một căn nhà kiểu vườn trồng hoa quả theo quy cách mà năm đó xây cho Mạnh Sưởng, quy mô chỉ xếp sau cung điện của mình. Ông ta còn đích thân đến chỉ đạo việc xây dựng. Sau khi xây xong căn nhà lộng lẫy, hoa mỹ này, ông triệu vua Lý dọn đến nhà mới, nhưng vua Lý từ chối không nhận.

Sau đó, Tổng Thái Tổ lại đặt vua Lý đứng trước một thách thức không nhỏ cũng không lớn, ông phái sứ giả nói với Lý Dục: "Triều đình phải sửa đổi đường kinh tuyến của thiên hạ, chỉ thiếu duy nhất bản đồ của Giang Nam". Lý Dục nhạy cảm tinh tế không thể không biết dụng ý của Tổng Thái Tổ, nhưng ông không dám kháng chỉ, bắt buộc phải miễn cưỡng lệnh cho người in ra một bản phụ. Là vua một nước, đem bản đồ nước mình giao cho vua của nước xâm chiếm, chẳng lẽ không phải là chuyện nực cười trong thiên hạ hay sao?

Tổng Thái Tổ vì thế nắm bắt được cự li đóng quân, số dân của 19 châu ở Giang Nam, sẵn có chủ định, khởi binh xâm chiếm Giang Nam. Lý Dục nghe nói Tổng Thái Tổ đã điều binh tiến vào nước Nam, mới cho người phi ngựa theo sau, vội vàng dâng biểu cầu xin tiếp nhận, sắc phong của Đại Tổng. Tổng Thái Tổ thấy Lý Dục rượu mời không uống lại uống rượu phạt bèn cười khinh miệt không thèm để ý đến. Đợi đến khi hàng vạn đại quân của triều Tống dẫn quân đến dưới thành, triều thần hầu hạ Lý Dục khẩn cấp leo lên thành quan sát, chỉ thấy bốn mặt đều là cờ của quân Tống tung bay trước gió, lều bạt dãi khắp nơi, đột nhiên ông hoa mày chóng mặt, chân tay mềm nhũn. Nội thị đỡ nhà vua xuống thành, lập tức truyền chỉ thị triệu kiến văn võ trung thần thương lượng kế sách chống địch. Sau một hồi thảo luận, Trương Lệ quý xuống bẩm thưa: "Viện trợ bên ngoài đã bị cắt đứt, thành Kiến Khang mỗi nguy trước mắt, nên nhanh chóng tổ chức đội cảm tử; ban đêm xuất thành, lẻn vào doanh trại quân Tống, đánh cho chúng trở tay không kịp".

Vua Lý lắc đầu không nói năng gì.

Trần Kiều lại tâu rằng: Từ xưa đều có nước mất nước. Hàng là tự chuốc lấy nỗi nhục, mà chưa chắc đã được vẹn toàn. Thần thỉnh cầu rời thành đánh một trận, cho dù thánh thượng hy sinh vì đất nước, chết cũng không hối tiếc!" Vua Lý nghe những lời hào hùng của Trần Kiều cũng không hăng hái hơn, lại xuống ghế rồng nắm lấy tay ông ta khóc nức nở. Cuối cùng không đủ dũng cảm tiếp nhận ý kiến của ông ta.

Cuối cùng Kiến Khang, thành đô nước Nam Đường thuộc Giang Nam bị Quân Tống tấn công. Tào Bân, đại tướng triều Tống áp giải Lý Dục - vua Nam Đường bị bắt làm tù binh, đến Biện Lương, giam giữ ở dưới lầu Minh Đức đợi nhà vua xử lý.

Ngày hôm sau, Lý Dục quỳ lạy ở dưới lầu Minh Đức, người run như cây sậy, nghe thái giám đọc thánh chỉ: "Ân đức của Hoàng thượng mệnh mông, phong Lý Dục làm vi mệnh hầu". Lý Dục thầm nghĩ, tạ ơn trời đất, tạ ơn vì không giết ta. Sau khi bị bắt làm tù binh, trái tim treo lơ lửng của ông cũng như đã rơi xuống.

Có thể nghĩ: "Vi mệnh hầu", rốt cuộc là danh hiệu gì? Ông cẩn thận suy đoán, điều đó có ý đã kích và sỉ nhục. Ông bỗng thấy khó chịu, nhưng cuối cùng ông vẫn không bị chết, cũng đã là tốt rồi.

Thái giám đọc xong thánh chỉ lại nói: "Thánh thượng không giết ngươi lại ban tặng một căn nhà hoa viên, ngươi không nhanh nhận thánh chỉ tạ ơn sao!" Lý Dục lúc này mới như chợt tỉnh lại vội vàng khấn lạy dập đầu tạ ơn ân đức của thái tổ, hầu hạ trông nom ở dưới lầu.

Sau khi Tổng Thái Tổ băng hà, ngự đệ là Tống Thái Tông kế vị, vợ của Lý Dục - Tiểu Chu Hậu thường xuyên bị triệu vào cung Tống, nói là hầu hạ yến tiệc cho Hoàng thượng.

Ngày nay nước mất nhà tan, làm tù nhân của thiên tử triều Tống, ngoài việc buồn rầu, đau

khổ, nước mắt chảy ngược vào trong, còn có thể nói gì nữa?

Vào ngày mây đen kéo kín trời, mưa dày hạt, căn nhà của tù nhân Lý Dục vang lên tiếng hát như vừa khóc vừa kể lể của người hầu gái chúc thọ ông. Đây là bài "Ngu mỹ nhân" mới được sáng tác thấm đầy máu và nước mắt.

Chính vào lúc Tiểu Chu Hậu và Hoàng Bảo Nghi dâng li chúc rượu ông, thì rượu ban thưởng của Tổng Thái Tông đến. Lý Dục đáng thương, uống xong hai ly trúng độc lẫn ra chết.

Thì ra, tiểu viện của tù nhân Lý Dục, suốt ngày đêm đều có tai mắt của Tổng Thái Tông rình rập, thập thò. Tiếng hát của các thị nữ của Lý Dục một khi vang lên, đã bị bọn tai mắt ghi lại lời, bẩm báo triều đình. Tổng Thái Tông dùng thủ đoạn không chính đáng, lại đạt được mục đích. Ông ta đưa Tiểu Chu Hậu vào cung, luôn muốn mưu hại Lý Dục. Ông mất lúc mới có 42 tuổi.

Lý Dục tính cách mềm yếu, cuối cùng rơi vào kết cục mất nước, bị giết chết.

5- Tính cách mềm yếu, hay sống dựa dẫm

Tính cách con người ảnh hưởng đến tư duy của người đó, vì thế mỗi người đều có cách sống của riêng mình, mỗi tính cách đều có sức mạnh độc đáo của nó. Franz kafka là một thiên tài được tạo ra bởi tính cách mềm yếu.

Tính cách của con người không phải do bẩm sinh. Âm thanh đầu tiên khi mỗi đứa trẻ ra đời đều là tiếng khóc.

Tính cách mềm yếu của Franz kafka do cuộc sống gia đình tạo nên, cũng có thể nói là bố mẹ tạo nên. Ông sinh ra trong một gia đình thương nhân người Do Thái ở Grahaa trực thuộc Austro-Hungari.

Cha ông rất nghèo khổ, lại là người Do Thái thông minh năng nổ, rời quê hương lên thành phố, mở cửa hàng, mặc dù tính toán kỹ càng, cũng chỉ có thể ăn bột sống qua ngày. Bởi thấu hiểu địa vị xã hội thấp kém, chịu nỗi khổ bị đè nén, cha ông luôn mong có một ngày đổi đời vượt hẳn người khác.

Hoàn cảnh sống của ông không ổn định và thiếu an toàn. Cửa hàng của cha ông lúc làm ăn được, lúc ế ẩm, luôn luôn có nguy cơ phá sản. Cha ông buộc phải cắt giảm chi tiêu, để giữ cho cửa hàng buôn bán bình thường. Franzkafka có thể chịu đựng cuộc sống gian khó, nhưng điều làm tâm hồn ngây thơ của ông mệt mỏi, đau khổ đến cuối đời khó có thể lành chính là sự thô bạo và độc đoán của người cha. Điều này, suốt đời ông không sao hiểu nổi, nhưng chỉ có thể chịu đựng. Ông trưởng thành trong lời kêu la như găm thét và lời sỉ vả thô bạo của người cha. Khi hiểu ra ông bắt đầu sống hết sức thận trọng dưới bóng dáng của người cha. An tượng nhiều năm cha ông để lại cho ông là vẻ mặt lo lắng cho công việc kinh doanh của mình, hay sự hò hét không dứt và đối xử vô tình với ông. Ông đã trưởng thành trong gia đình như vậy, chịu nhiều ức chế mạnh, hình thành nên tính cách mềm yếu hiếm thấy.

Từ nhỏ, ông chưa cảm nhận được tình cảm ấm áp của gia đình. Trong tâm hồn ngây thơ của ông, cha ông mãi mãi là người nghiêm khắc, thánh thiện. Nếu ông nhận được tình yêu thương của mẹ, có lẽ ông không đến nỗi yếu đuối như vậy. Mẹ ông thuộc loại phụ nữ truyền thống, chồng bảo sao thì nghe vậy. Mẹ vẫn là mẹ, cho dù nghe theo chồng như thế nào, cũng không thể hoàn toàn vứt bỏ con mình. Trong quá trình hình thành tính cách của ông, mẹ ông thỉnh thoảng giúp đỡ nhưng "giúp một lại hỏng mười". Có lúc, bà cảm thấy nên nói hộ con mấy câu, nhưng cuối cùng lại nhượng bộ. Bà chưa từng đứng về phía ông, giúp ông bảo vệ "chính nghĩa".

Tình thương yêu hay có thể nói sự bảo vệ của mẹ dành cho ông chỉ có hại không hề có lợi cho việc hình thành tính cách. Mẹ ông luôn giấu giếm bù đắp cho ông. Do sự giấu giếm khiến ông luôn có cảm giác vụng trộm lén lút. Mẹ ông có thiện ý bảo vệ và yêu thương ông nhưng kết quả lại rất tồi tệ. Xét về ý nghĩa nào đó, mẹ ông đang giúp đỡ người cha, chứ không phải là quan tâm đến sự trưởng thành của con trai.

Ông chưa từng nghĩ đến phản kháng, cũng không dám chống lại hành vi thô bạo của cha.

Tính cách mềm yếu, thiếu tự tin của ông, không chỉ do lời xỉ vả của cha mà còn quan hệ trực tiếp đến cách giáo dục không hợp lẽ làm người của cha đối với ông. Sự phẫn nộ và lời xỉ vả của người cha đã cho ông căng thẳng, ức chế, không an tâm, giống như con rắn độc đang nuốt chửng lòng tự tin của ông. Là một người Do Thái, ông lại phải chịu những kì thị và bài xích, điều này càng chọc sâu vào vết thương lòng của ông. Lớn lên theo cùng năm tháng, ông cảm giác không thể chống đỡ, không thể thay đổi tất cả mọi thứ xung quanh, mà chỉ có ở nơi sâu thẳm trong tâm hồn, trong thế giới mà ông tự tưởng tượng ra, ông mới tìm thấy một chút yên ổn và an ủi. Cứ như thế, ông thận trọng chống đỡ trên con đường chạy trốn, nhưng một khi bị tổn thương, ông lại dùng vẻ ngoài nhạy cảm để bảo vệ mình.

Hồi học tiểu học, tính cách mềm yếu dường như đã hình thành ở ông, không thay đổi chút nào. Trong mắt ông, thầy chủ nhiệm lớp giống như cha ông, thánh thiện, không thể xâm phạm giống cha ông. Vì thế ông không có chút dũng khí nào đứng trước thầy chủ nhiệm và các giáo viên. Đến nỗi thỉnh thoảng ông đi muộn hay hơi vi phạm quy định, kỉ luật trường học, ông đều có thể sợ rợn tóc gáy. Có lúc, ông cũng "thỉnh thoảng bộc lộ tài hoa", chỉ là cơ hội như thế quá ít. Sau giờ tan học, người hầu gái đến đón ông. Có một lần người hầu gái đến muộn một chút, ông đã chọn thẳng bé ngỗ ngược nhất lớp, đến ngõ nhỏ đánh nhau, để thể hiện mình là nam nhi, nhưng kết quả ông lại bị sưng cả mặt mũi, khóc lóc rồi về nhà. Từ đó, ông không còn dám đánh nhau. Nhìn thấy những đứa bạn đánh nhau, ông phải trốn nấp ở phía xa. Ông không chơi đùa với bất cứ đứa trẻ nào và thích chơi một mình. Mặc dù không phải là lìa đàn tan ghé, nhưng ông cũng không có bạn tri kỉ thân thiết.

Về đường đời, ông lựa chọn văn học và ông là một người dũng cảm trong vương quốc văn học, là một nhà văn khác thường có ảnh hưởng đến một thời đại. Những thành công của ông có được là do ông chạy trốn thế giới hiện thực. Nhưng trong cuộc sống thực tế, ông thực sự yếu đuối đến nỗi người khác không thể tác động được. Trong trường học, ông là học sinh tốt, nhưng vì thiếu tự tin nên học tập lại trở thành gánh nặng của ông. Thành tích học tập của ông không tồi, nhưng ông dường như cam chịu trốn tránh hiện thực, quay trở về vương quốc không nhìn thấy, sờ thấy mà ông tự tạo nên. Ở đó, ông được tự do, không bị người khác dạy bảo mắng nhiếc cũng ít đi những phiền não, ông có thể tự do phát huy mở rộng không gian mà mình tưởng tượng.

Sau khi tốt nghiệp tiểu học, ông học trung học khoa văn bằng tiếng Đức. Ở đây, ông tìm thấy niềm vui mà từ trước tới nay chưa từng có, đây chính là quan hệ tiếp xúc và tình yêu văn học tha thiết. Đây chính là thời kì quan trọng trong quá trình hình thành tính cách của ông cơ bản không thay đổi. Giữa các bạn học, cho dù nói chuyện với người khác, ông cũng giữ khoảng cách nhất định. Tính cách của ông lại phát triển theo chiều hướng nội, bảo thủ, dè dặt, ông vẫn như ngày trước, không tin tưởng vào thành công. Bản thân ông cho rằng, việc hình thành tính cách này có quan hệ mật thiết với "phương pháp giáo dục có hại" mà ông nhận được.

Cha ông vẫn không thay đổi, không cho phép có ý kiến bất đồng với ông ta. Cha ông vẫn thô bạo và không hiểu con trai. Franz kafka mềm yếu, không có chút dũng khí và sức mạnh để phản kháng, ông rất khó khăn dũng cảm đứng lên. Ông chỉ có thể ở một mình trong căn phòng nhỏ. Thời gian này, cha ông vẫn chưa chấm dứt "kiểu giáo dục" đối với ông. Ông càng tuyệt vọng, càng thiếu tự tin, cô đơn và yếu đuối. Tất cả những điều này đều hoà quyện vào trong sáng tác của ông, "Nhật ký biến hình" là minh chứng rõ nhất.

Bình thường, người có tính cách mềm yếu rất nhạy cảm. Tính hướng nội, cô độc và u sầu của ông khiến ông khó hoà mình với xã hội. Ông lựa chọn văn học, chỉ có văn học, mới là khu vườn vui vẻ của ông, chỉ có ở vương quốc văn học, mới có thể tìm thấy bóng dáng ông, chỉ ở đó ông mới có thể vứt bỏ vẻ yếu đuối, mới có dũng khí làm những việc mà mình muốn làm.

Ông thi đỗ vào Trường Đại học Grahaa, học chuyên ngành luật, ông vẫn tập trung tinh lực vào văn học. Một trường đại học suy cho cùng không giống với gia đình ông, không giống như trường trung học mà ông đã từng học tập. Tính cách của ông đã thay đổi, dường như không yếu đuối như ngày trước nữa. Ngày xưa, ông không có dũng khí chuyện trò với con gái, nhưng bây giờ, ông giao tiếp với các bạn nữ trong lớp nhiều hơn. Ông ra sức đọc nhiều tác phẩm văn học

nổi tiếng, tham gia một số hoạt động văn học, mở rộng tầm mắt của mình.

Franz kafka tính cách yếu đuối nhưng không phải là người lười cô độc. Sau khi giành được học vị tiến sĩ, hoạt động xã giao của ông cũng bắt đầu nhiều hơn. Nhưng con người ai cũng rất phức tạp, ông cũng không phải là ngoại lệ. Ông hy vọng có một nơi yên tĩnh, không bị ai quấy rầy, một mình du ngoạn trong vùng biển văn học. Tính cách của ông quyết định ông là người cô đơn giống như nhiều người. Ông muốn ở một mình, nhưng lại sợ cô đơn. Ở nơi sâu thẳm của tâm hồn ông, sự cô đơn và khao khát giao tiếp với mọi người luôn có mâu thuẫn gay gắt. Cô độc là địa giới mà người khác rất khó hiểu được, cũng thể hiện đầy đủ ở ông.

Ông chỉ sống được 41 mùa xuân. Cuộc đời ngắn ngủi của ông không có thay đổi lớn. Tính cách của ông cho dù không phải là trước sau như một, cũng không có sự thay đổi mang tính bản chất. Tính cách yếu đuối của ông không ảnh hưởng đến việc theo đuổi nghệ thuật văn học của ông. Trái lại, nó khiến ông lựa chọn con đường trốn tránh hiện thực, đây chính là văn học.

Nhà văn lớn trên thế gian này sinh ra làm một nam nhi, lại không có khí phách và tính tình của nam tử hán. Cuộc đời ngắn ngủi của ông không có tinh thần độc lập, luôn ỷ lại nhiều vào bố mẹ, vì thế đặc điểm tính cách nổi bật nhất ở ông là mềm yếu, là kiểu yếu đuối ít thấy ở đấng nam nhi.

Franz kafka bình thường, giản đơn và lịch lãm thực tế là một nhà văn yêu đời, muốn cống hiến cho nền văn học. Ông khắc khổ theo đuổi sự nghiệp văn học mà ông yêu mến. Các sáng tác văn học của ông có liên quan mật thiết tới sự từng trải và cái tôi cá nhân. Nhân vật chính trong tác phẩm của ông dường như đều là chính ông, và thông qua nhân vật chính ông bộc lộ thế giới nội tâm của mình. Ông luôn tìm kiếm cái tôi, chạy đến với cái tôi, khát vọng cô độc và tìm kiếm sự gắn kết, vượt ra khỏi cái tôi, vứt bỏ nỗi cô đơn mà đau khổ giằng giụa. Người hiện đại có thể ước đoán được thế giới nội tâm của mọi người thông qua tác phẩm của ông.

Tính mềm yếu đưa ông lựa chọn con đường văn học. Tư tưởng của ông có nhiều suy nghĩ lan man, vì thế sáng tác của ông gặt hái được nhiều thành công.

LÀM NGƯỜI CÓ TÍNH CÁCH XẢO TRÁ

Xảo trá là loại tính cách rất thâm hiểm. Nó không bị ràng buộc bởi các chuẩn mực đạo đức. Nó rất giỏi ngay trong những gì chủ nhân nó ham muốn. Nó lớn lên bởi được tâm địa mưu mô tính toán. Mọi sự đều xuất phát từ lợi ích cá nhân, thích đâm bị thóc chọc bị gạo, và thói lật lọng, nay thế này mai thế khác. Tất nhiên đây là kỹ xảo mà tầng lớp thống trị chuyên dùng, cũng là điều kiện sinh tồn cần thiết của họ.

Mọi người thường không tin những người xảo trá, vì tâm địa họ đại đa số là không lương thiện, rắp tâm hại người. Họ cũng không xứng giành được sự tín nhiệm chân thành của mọi người. Mọi người thường quý cái tài của bọn họ, còn tính cách của họ làm mọi người than thở.

1- Từ Hy mưu mô nham hiểm, hợm mình

Từ Hy là người nắm thực quyền thống trị cuối cùng của nhà Thanh. Bà có ảnh hưởng và làm thay đổi tiến trình lịch sử cận đại ở Trung Quốc.

Lúc mới vào cung, Từ Hy là một quý nhân nhỏ bé. Bà không cam chịu cảnh buồn tẻ nên chuyên tâm chờ đợi, nghĩ mọi cách để tiếp cận Hoàng đế, đồng thời hao tổn tâm trí để mua chuộc các thái giám. Dần dần thái giám An Đức Hải thân thiết với bà. "Nô tỳ chủ quý" (kẻ hầu phải phục tùng chủ cao quý), ông ta dốc sức giành lấy sự yêu mến của Từ Hy, đồng thời nghĩ mọi cách nghe ngóng hành tung và sở thích của Hoàng thượng, tạo thời cơ cho quý nhân được tắm lòng ân (ân sủng). Không lâu sau, họ có một cơ hội thực sự.

Hôm đó, Hoàng đế Hàm Phong dẫn theo mấy thái giám thân cận ra ngự hoa viên dạo chơi. Bỗng có một điệu hát Giang Nam du dương vui tai lúc ẩn lúc hiện, tiếng hát diu dàng êm ái như gió xuân của nước Nam phả lại, đủ làm lòng người phơi phới. Hàm Phong để không khỏi lâng lâng rung động, đuổi theo tiếng hát. Không cần nói cũng biết người hát chính là Lan quý nhân mới nhập cung. Lan quý nhân từ nhỏ đã theo cha đến Giang Nam, am hiểu âm vận đàn sáo của miền Nam, cô còn có chút toan tính nên dày công sắp đặt cuộc hội ngộ tình cờ lần này. Quả nhiên lần này có kết quả tốt đẹp, bóng hình Lan quý nhân đã in đậm vào trong tim vị Hoàng đế trẻ.

Không lâu sau Lan quý nhân sinh cho Hàm Phong một Hoàng tử tên Tái Thuần. Mẹ phú quý nhờ con, lại thêm dụng tâm của Từ Hy. Chỉ trong 6 năm, từ một cô gái đẹp bình thường bà trở thành Ý quý phi chỉ sau Hoàng hậu trong Hậu cung.

Từ Hy mưu mô không thoả mãn với việc hàng ngày chỉ quanh quẩn ở hậu cung liền chuyển mục tiêu sang việc quốc gia đại sự.

Sự suy đồi, chán ngán của Hoàng đế Hàm Phong tạo thời cơ cho Ý quý phi can dự vào việc triều chính. Đây là khoảng thời gian quý phi được ân sủng đặc biệt nhất. Ý quý phi vốn thông minh hơn người, có sự nhạy cảm khác thường về chính trị. Lúc đầu, bà thấy Hàm Phong Hoàng đế đau đầu nhức óc vì phải bận rộn phê duyệt sớ tấu. Bà có ý chăm sóc Hoàng thượng liền giúp ông khoanh vùng các sớ tấu của các đại thần để Hoàng thượng dễ dàng chú ý. Hoàng thượng không những không trách lại còn tán thưởng, dần dần bà càng bạo hơn, bắt đầu phê duyệt cả sớ tấu của triều thần, xét đoán đúng sai hay dở, thậm chí khi Hàm Phong để gặp chuyện lớn khó xét định bà cũng tham gia quyết sách, đề xuất ý kiến.

Không bao lâu, liên quân Anh Pháp tiến vào Bắc Kinh, Hàm Phong băng hà. Tái Thuần mới 6 tuổi lên kế vị. Tái Viên, Đoan Hoa, Cảnh Thọ, Túc Thuận, Mục Âm, Khuông Nguyên, Đỗ Hàn, Tiêu Hựu Doanh phò tá ấu để "Giúp đỡ mọi việc chính trị". Ban cho Hoàng hậu Nữ Hồ Lộc thị và Tái Thuần ấn "Ngự thưởng" và ấn "Đồng đạo đường" để đóng dấu khi truyền chỉ dụ, Ý quý phi với thân phận là mẹ đẻ Hoàng đế nắm giữ quyền hành của Tiểu Hoàng đế. Khi đó người ta gọi cục diện đại thần phò mệnh và hai cung Thái hậu, Hoàng Thái tử hãm chân nhau là "Thuyền để phụng chính, cái kiềng hữu chi" (phụ giúp Hoàng đế chuyện chính trị đồng thời mở rộng quyền hành).

Bố trí như vậy, Từ Hy vừa vui mừng vừa sợ hãi. Điều đáng mừng là trong tay mình nắm giữ "Đồng đạo đường" và Hoàng nhi Tái Thuần, lại được phong hiệu là Hoàng thái hậu, chưa đến nỗi rước họa sát thân ngay lập tức. Điều đáng sợ là 8 đại thần thừa mệnh do Túc Thuận đứng đầu dựa vào di chiếu của Tiên đế phò chính, bất cứ lúc nào cũng có thể nổi lên chống lại mẹ con bà. Đặc biệt là Túc Thuận luôn lộng quyền hoành hành ngang ngược, coi thường dân bà nhiếp chính, ra sức hạn chế phản đối bà, về sau e là vây cánh càng mạnh, khó lòng đối phó. Lúc này đã tâm của Từ Hy tăng vọt, bà không cam tâm giương mắt nhìn Túc Thuận, trở thành con cừu non để mặc người ta xâu xé. Bà muốn liều chết một phen, dựa vào chính biến để quét sạch mọi trở ngại trên con đường chính trị, nắm chắc chính biến Đại Thanh gọn trong tay mình, Trong tiếng bi thương của hoàng cung Nhiệt Hà đã phảng phất mùi sát khí. Đúng là: cơn giông trước lúc mưa nguồn.

Với dã tâm khá lớn, Từ Hy ngày càng mưu mô xảo quyết, sử dụng hàng ngàn thủ đoạn để bảo vệ lợi ích của mình.

Cuối cùng Từ Hy đã chiếm được sự ủng hộ của Cung Thân vương và Từ An thái hậu, phát động chính biến ở Bắc Kinh, trừ khử 8 vị đại thần do Túc Thuận đứng đầu, gạt bỏ những người chống đối mình. Bà càng lộ rõ bản chất tàn ác, nham hiểm, làm cho những người phản đối bà biến mất từng người một.

Sau chính biến ở Bắc Kinh, Từ Hy chín chắn hơn cả trên triều chính và trong việc làm người. Bà tiến tới buông rèm nhiếp chính, nắm chắc trong tay một nửa quốc gia, nửa kia tạm thời vẫn phải để trong tay Cung Thân vương, nhưng đó chỉ là Từ Hy xảo quyết để nhờ trong tay Cung Thân vương.

Bà không thêm để ý đến Đông cung thái hậu Từ An, người có danh phận cao hơn bà và vẫn đang cùng bà chấp chính. Từ An thái hậu tính tình hiền dịu, lương thiện, phúc hậu, không hứng thú lắm với việc triều chính nên cứ để Từ Hy tùy ý xử trí, luôn đối xử với Từ Hy như chị em của mình. Vì thế hồi đầu chấp chính, hai cung thái hậu tương đối êm ấm, mọi việc Từ Hy vẫn phải dựa vào thân phận tôn quý của Đông cung thái hậu.

Từ Hy nghiêng hơn về phía Cung Thân vương. Cung Thân vương rất có uy tín trong đám người Tây, lại giúp bà hoàn thành cuộc chính biến, bà rất có uy lực trong triều. Bên trong dựa vào thanh danh Thái hậu, bên ngoài nhờ sự giúp đỡ to lớn của người chú khôn ngoan, tài ba, bà bắt đầu báo thù chính trị cá nhân.

Hồi bà mới nắm chính quyền cai trị, trong triều đình không phải ai cũng thuận theo, không ít quan viên muốn chờ xem thủ đoạn của hai vị Thái hậu trẻ tuổi này. Lúc đó khởi nghĩa nông dân dấy lên khắp nơi, các quan tó trong triều đình thối nát cứ chùn bước. Để uy hiếp bách quan, răn đe lòng quân, tạo lập sự uy nghiêm đức độ, bà hạ lệnh lập tức chém đầu hai quan tổng đốc sông ngòi là Hà Quế và Thanh Cách; tiếp theo bà lại hạ lệnh bắt Tả thị Lang bộ binh, thống lĩnh quân hộ vệ Thăng Bảo vào kinh rồi xử tử với tội danh "cướp công đoạt lương, mưu lợi bất chính mà hại dân". Sau khi chém Hà và Thăng, quả thực đã có tác dụng "giết một người răn trăm họ". Các đại thần trong triều thấy uy nghi của Tây Thái hậu, không ai dám lơ là việc triều chính, trật tự thống trị bước đầu được khôi phục. Lúc này, Từ Hy trong lòng tràn đầy tham vọng quyền lực, chuyển tầm ngắm sang Cung Thân vương. Ban đầu bà trọng dụng Cung Thân vương là để ông ta thay bà mở đường trèo lên ngôi báu quyền lực; khi đã thực hiện được mục tiêu cả đời này, bà không thể nhẫn nhịn để người khác "chấm dứt" phạm vi thế lực của mình. Mâu thuẫn và xung đột giữa hai người càng làm quyết tâm của bà tăng mạnh.

Tháng 3 năm 1865 (Đồng Trị năm thứ tư), Ngự sử Thái Tho Kỳ Tham vạch trần tội tham ô buong thả của Cung Thân vương, lại thêm thái giám An Đức Hải - người được Từ Hy sủng tín - gièm pha bên cạnh, dụng chạm tới thù mới hận cũ của Từ Hy. Thế là bà đích thân thảo chỉ dụ quy Cung Thân vương vào tội "bàn về chính sự thì huênh hoang tự đắc, ngông nghênh ngạo mạn, cậy thế quyền cao chức trọng, không coi vua ra gì, coi trẫm như trẻ con, ra sức khống chế, luôn gây chia rẽ (tiến hành kế ly gián), không thể tra hỏi kỹ. Mỗi lần triều kiến, vênh vác hống hách, lời lẽ gian xảo, toàn nói lung tung, bậy bạ...". Căn cứ vào đây thì "Rõ ràng không cần Cung

Thân vương trong việc quân cơ chính sự, phải bãi hết các chức tước, không cho phép can dự vào việc công..." Người duy nhất có thể kìm hãm bà chuyên quyền độc tài đã bị đá sang một bên dễ như bốn.

Sự trừng trị kiểu "ngửa tay là mây, úp tay là mưa" của Từ Hy dành cho Cung Thân vương khiến không một ai trong triều còn dám đứng ra chống chọi Tây Thái hậu nữa. Bà trở thành người đàn bà tập quyền chễm chệ trên cao, tự cho là không ai bì kịp. Năm đó, bà mới 31 tuổi.

Quyền lực và sự xảo trá đã khiến bà chuyên quyền độc đoán, kể cả đối với con trai mình cũng không ngoại lệ. Năm Đồng Trị 17 tuổi, đã đến tuổi thành hôn, hai mẹ con nảy sinh xích mích, Từ Hy chọn Phú Sát Thị, còn Đồng Trị lại ngắm trúng cô gái A Lỗ Đặc Thị xinh đẹp, cứ chỉ đứng đần, khoan thai. Đến ngày sắc phong, Đồng Trị để vẫn trao tín vật ngọc Dương Chỉ tượng trưng thân phận Hoàng hậu cho A Lỗ Đặc Thị như ý mình. Sau lễ sắc phong, tình cảm giữa Đồng Trị và Hoàng hậu rất thắm thiết, tôn kính nhau như khách, thường lấy đối thơ làm vui. Hoàng hậu A Lỗ Đặc Thị sống kín đáo, thận trọng giúp vua, có uy tín cao trong hậu cung và trong mắt Đồng Trị. Thấy Đồng Trị và A Lỗ Đặc Thị sống rất hoà hợp, thấu hiểu nhau, Từ Hy Thái hậu nổi giận. Bà vô cớ trách móc A Lỗ Đặc Thị, ngầm ngầm làm sút mẻ quan hệ giữa Hoàng đế và Hoàng hậu. Thậm chí bà còn trực tiếp khuyên răn Đồng Trị để nên bớt thân mật với Hoàng hậu, sủng ái riêng Huệ Phi. Việc này khiến cho quan hệ mẹ chồng nàng dâu trở nên vô cùng căng thẳng. Trong tình hình đó, mỗi khi Đồng Trị gặp Hoàng hậu đều có tiểu thái giám do Tây Thái hậu phái đến lén lút theo dõi, họ bị hạn chế qua lại và ân ái. Đồng Trị để bất mãn với việc can thiệp quá sâu vào cuộc sống riêng tư của ông, liền sử dụng biện pháp phản kháng tiêu cực, giận dữ nhốt mình trong cung Càn Thanh, Hoàng hậu và các phi tần đều không đến an ủi, ông chỉ có nguồn vui từ các thái giám thân cận. Tình trạng này đã gieo mầm bi kịch cho cuộc đời sau này của ông: hành vi không mẫu mực, bệnh giang mai giày vò thân thể, cuối cùng là chết trẻ.

Khi phát bệnh giang mai, Đồng Trị tính khí hung hăng. Từ Hy nghĩ đến danh dự nên phái thái y đến chẩn đoán là bệnh đầu mùa. Tháng 4 năm 12 bệnh tình của Đồng Trị có chút ổn định, Hoàng hậu A Lỗ Đặc Thị đến thăm đúng lúc, vợ chồng gặp nhau, không tránh khỏi rung rung nước mắt, nắm tay nói lời tri kỷ. Hoàng hậu thấy Hoàng thượng bệnh nặng, nghĩ đến bản thân mình từ khi vào cung luôn bị Thái hậu hạch sách đủ điều mà đau đớn khóc lìm đi, kể với Hoàng đế những ảm ức đã phải chịu. Lúc hai người đang thăm thì chuyện riêng, không ngờ Tây Thái hậu cũng rón rén đứng ngoài cửa sổ nghe lén được lời lên án của Hoàng hậu. Bà nổi cơn thịnh nộ, xông thẳng vào cung, tóm chặt lấy Hoàng hậu rồi tát một cái. Hoàng hậu sau khi chịu nhục, để tự bảo vệ mình bèn to tiếng biện hộ: "Con đường đường là Hoàng hậu, được nhập cung từ cửa Đại Thanh, Người không thể đánh con như thế". Câu nói đã chạm đúng tới nỗi lòng tủi nhục vì địa vị thấp hèn ngày trước của bà, bà càng tức giận, vút phăng mọi đạo lý, lệnh cho quân lính mang gậy tới thi hành trượng hình với A Lỗ Đặc Thị. Thấy mâu thuẫn đánh Hoàng hậu tới tấp, Đồng Trị nằm trên giường bệnh lòng như lửa đốt, không kêu lên được một câu và liền bất tỉnh nhân sự. Đêm đó, bệnh tình của Đồng Trị để đột ngột thêm trầm trọng, ông gắng gượng được một ngày rồi băng hà.

Đồng Trị chết được 2 tháng rưỡi thì Hoàng hậu cũng tuyệt thực mà qua đời. Suy cho cùng họ đã chết dưới sự giày vò của Từ Hy.

Bà đã dùng các thủ đoạn bỉổi, thâm hiểm loại bỏ từng đối thủ nhưng bà vẫn không thoả mãn, lại vươn dài vuốt quẩy tới người chấp chính cùng mình - Đông Thái hậu Từ An.

Sự tồn tại của Từ An hoàn toàn không nguy hại gì cho bà nhưng rốt cuộc Từ An vẫn ngồi ngang hàng với bà, vẫn cùng toả sáng, quan trọng hơn là trong tay Từ An còn có bức chiếu thư quyết định số mệnh của bà.

Từ An biết được hành vi lộng quyền bạo ngược của Từ Hy, để khuyên bảo cô em tự do phóng khoáng này bà lấy ra di chiếu Tiên đế Hàm Phong để lại. Hàm Phong đã đoán trước được sau này Từ Hy nắm quyền sẽ hoành hành ngang ngược, khó có thể chế ngự nên đã để lại một bức di chiếu: "Tây cung phi cũng sinh quý tử phải được tôn làm Thái hậu, nhưng người đó tuyệt đối không thể tin cậy. Nếu không có chuyện gì xảy ra, hậu vẫn làm người đứng đầu. Quả thực người

kia biết an phận, trước sau phải tuân theo lễ nghi. Nếu rõ ràng là không chấp hành, hậu có thể triệu tập quần thần trong triều, công bố chỉ dụ này của trẫm, lập tức ban chết để diệt trừ hậu họa”.

Một hôm, Từ An phái người mời Từ Hy đến cung của mình đưa cho bà bức chiếu thư và nói: "Từ sau khi tiên đế băng hà, hai chị em ta cùng nhau phò trợ ấu đế, giữ gìn cơ nghiệp nhà Đại Thanh, không dám để xảy ra sai lầm nhỏ nào. Đến nay chúng ta đã nắm trong tay quyền lực tối cao, việc đối nhân xử thế phải suy nghĩ kỹ rồi mới làm. Bức di chiếu trong hộp gấm này vốn là do Tiên đế Văn Tông để lại cho ta, ta giữ lại bức chiếu thư này cũng chẳng để làm gì. Hôm nay ta đốt nó trước mặt em, hi vọng em đừng phụ lòng mong mỏi thiết tha của tiên đế đối với chúng ta! "Nói xong, Từ An Thái hậu chậm rãi, lấy lại bức chiếu thư, đưa lên lửa đốt. Qua việc này, bà Từ Hy còn căng thẳng hơn cả năm chính biến ở Bắc Kinh. Di chúc còn ngày nào, vòng kim cô trên đầu bà còn xiết chặt ngày ấy, sự lương thiện của Từ An Thái hậu vô tình giúp bà việc vô cùng lớn. Thế rồi bà vội vàng giả bộ hết sức đau lòng và hối hận, nước mắt rơi lã chã, cảm kích mãi không thôi. Từ An khuyên giải bà một lúc rồi sai người đưa bà về cung.

Từ Hy nghĩ đến một ngày trừ khử Từ An thì hậu họa khôn lường, rồi sai người đầu độc Từ An. Từ An chết đi, trong cung không còn ai có quyền thế ngang bà. Sự thống trị của bà chuyển sang thời kỳ chuyên chế cực độ rồi lụn bại.

Sau khi Từ Hy trấn áp cuộc vận động biến pháp duy tân (đổi mới phép nước), mâu thuẫn giữa bà và Hoàng đế Quang Tự phát triển đến mức "không đội trời chung". Vị Hoàng đế bà đã phải vất vả "nuôi dưỡng và giáo dục" 20 năm lại công khai làm trái ý chỉ của bà. Bà nổi trận lôi đình nghĩ rằng phải phế truất Quang Tự rồi lập một tiểu hoàng đế biết nghe lời lên kế vị. Nhưng việc bà cứ làm theo ý mình đã làm cho người Tây bất mãn. Theo kiến nghị của Vinh Lộc, vào ngày 24 tháng 12 năm 1899 (năm Quang Tự thứ 25) bà lập con của Đoan Quận Vương Tải Y làm đại a ca, là người thừa kế ngôi vị hoàng đế hợp pháp, chính thức đón cậu ta vào cung nuôi dưỡng.

Lúc này, khắp Trung Hoa rầm rộ dấy lên cuộc vận động Nghĩa hoà đoàn tiếng tăm lừng. Nghĩa hoà đoàn nổi lên từ Sơn Đông, thế lực nhanh chóng lan rộng tới vùng Trực Lệ, Bắc Kinh, Thiên Tân. Họ thiết lập "sàn đấu" ở khắp nơi, hết sức bất mãn với sự thống trị của chính phủ nhà Thanh, căm hận chủ nghĩa đế quốc hung hăng làm càn trên đất Trung Quốc, nên nhiều lần chỉ huy giáo dân thiêu cháy giáo đường. Mượn cớ này, công sứ các nước Anh, Pháp, Nga kết cấu với nhau, họ liên danh gửi thông điệp, người toàn quyền rêu rao: "Bình lính các nước hiện đã quyết định vào kinh, tôi chờ đợi đến lúc quý quốc không còn đủ sức ngăn chặn để tha cho quý quốc". Chiến tranh 8 nước liên quân xâm lược Trung Hoa bùng nổ tức thì. Nội bộ họp bàn, đấu tranh hay hoà hoãn với chủ nghĩa đế quốc. Từ Hy liên tiếp triệu tập ngự tiền hội nghị 4 lần; phái ngoại giao cố với đại diện là Tải Y, Cang Nghị và phái kháng chiến do Dịch Húc, Trương Chi Đông làm đại diện tranh cãi kịch liệt, gay gắt. Trong tình hình cấp bách ấy, Đoan vương Tải Y dày công bịa ra một thông điệp "Thái hậu lập tức chấm dứt can dự vào việc triều chính, tất cả chính quyền quy về cho Hoàng đế, khiến cho Từ Hy quyết tâm lợi dụng thế lực của Nghĩa hoà đoàn để chống chọi với sự xâm lược của Tây.

Đương nhiên việc này bà cũng nhằm một mục đích đen tối. Các nước mạnh phương Tây năm lần bảy lượt yêu cầu trả lại chính quyền cho Quang Tự làm bà căm phẫn cực độ, mặt khác, thanh thế lớn mạnh của Nghĩa hoà đoàn đe dọa sự thống trị của triều Thanh, bà muốn lợi dụng cơ hội này để "bắn một mũi tên trúng hai đích", bà ngồi không, làm ngư ông đắc lợi. Tính cách mưu mô xảo trá của bà lại được phát huy lần nữa.

Ngày 21 tháng 6 năm 1900 (năm Quang Tự thứ 26), Từ Hy lấy danh nghĩa của Quang Tự công bố chiếu thư tuyên chiến, chính thức khai chiến với liên quân 8 nước. Bà gọi Nghĩa hoà đoàn là "Nghĩa dân", lệnh cho Tổng đốc và tuần phủ các tỉnh triệu tập họ cùng tiêu diệt giặc ngoại xâm, từ truy kích chuyển sang chiêu hàng, gửi gắm hy vọng vào lực lượng Nghĩa hoà đoàn có thể đánh bại vũ lực của liên quân 8 nước. Triều đình nhà Thanh lúc này vừa không có vũ khí chống giặc vừa không có ý chí kiên quyết đấu tranh chống ngoại xâm; chỉ sau 4 ngày tuyên chiến, Từ Hy phải phái Vinh Lộc đi thăm hỏi sứ quán các nước biểu hiện mong muốn giải hoà. Chiến sự

ngày càng gay go, một mặt bà tiếp tục tuyên bố: Hiện tại Trung Quốc đã khai chiến với nước ngoài, không thể thi hành ngay thể giáng hoà được", yêu cầu các tướng quân tổng đốc và tuần phủ các tỉnh "trước tiên nhất thiết phải quét sạch chữ hoà trong lòng", bố trí cẩn mật công việc phòng thủ. Mặt khác, bà lại gửi ba bức thư khác nhau đến ba nước quân chủ Nga, Anh, Nhật, xin họ ra mặt chịu trách nhiệm "dàn xếp xích mích". Ban đầu bà chi ra 10 vạn lượng bạc trắng phát cho đội Nghĩa hoà đang tắm máu chiến đấu ở Thiên Tân để khen thưởng. Không lâu sau bà lại gửi hai bức thư khác nhau cho Tổng thống hai nước Đức và Mỹ, xin họ cách duy trì người đứng đầu để vót vát lại thời cuộc", đồng thời lệnh cho Vinh Lộc ngừng tấn công khu sứ quán, sai các quan viên quản lý nha môn dâng các tặng phẩm như dưa hấu, bột mì, rau xanh, hoa quả,... cho các sứ quân để bày tỏ sự khoan nhượng. Dưới sự chỉ đạo đầu hàng của Từ Hy, quân Thanh không chịu nổi một đòn Nghĩa hoà đoàn, tay không khó có thể chống cự lại công kích bằng đạn pháo, súng ống của người Tây. Trung tuần tháng 7, quân của liên quân 8 nước đã tiến sát thành Bắc Kinh, Ngày 20 tháng 7, Bắc Kinh bị chiếm đóng. Không còn cách nào khác, Từ Hy phải dẫn dắt Quang Tự đế, hoàng hậu, phi tần, đại a ca và 12,13 vương công đại thần hoảng hốt tháo chạy dưới sự hộ vệ của hơn 2000 binh sĩ, qua Xương Bình, ra khỏi Cư Dung quan, tiến vào Thái Nguyên tỉnh Sơn Tây, sau đó chuyển hướng đến Tây An.

Cùng lúc Từ Hy tháo chạy Lý Hồng Chương và Dịch Húc đã được cử làm đại diện toàn quyền, phụ trách đàm phán giáng hoà với liên quân 8 nước. Điều kiện trước hết để giáng hoà không ngoài việc bán rẻ chủ quyền quốc gia.

Ngày 25 tháng 7 năm 1901 (năm Quang Tự thứ 27), Lý Hồng Chương được Từ Hy món ý đã ký với các nước mạnh một điều ước bất bình đẳng nhất trong lịch sử Trung Quốc cận đại - "Điều ước Tân Sửu".

Đến tháng 9 cùng năm, Từ Hy Thái hậu tránh hoạ ở Tây An đã hơn một năm, thấy bên ngoài đã yên ổn, bà liền bố trí xe ngựa trở về kinh. Trên đường về bà vẫn không quên phô trương oai phong của Hoàng Thái hậu, sai người sửa sang lại các con đường, treo đèn kết hoa suốt dọc đường. Bà còn hạ lệnh cách tên hiệu của đại a ca rồi đưa đi đày; ban chết cho nhiều vi thần tích cực kháng chiến trong cuộc đấu tranh phản đế lần này, để lấy lòng người Tây, lệnh cho các nơi phải trấn áp gắt gao những ảnh hưởng còn lại của cuộc vận động Nghĩa hoà đoàn.

Lúc này triều Thanh đã tan vỡ. Đó chính là con đường huỷ diệt mà bản thân Từ Hy dâng tặng cho Đại Thanh.

Tất cả những kẻ thống trị tham lam, tàn bạo đều là những kẻ ngu muội. Lúc sinh thời họ theo đuổi cuộc sống giàu sang quyền thế, chết rồi vẫn còn mơ tưởng tới cuộc sống xa xỉ phè phỡn ở thế giới bên kia. Từ Hy cũng không ngoại lệ. Trước đó, phần mộ của bà được xây dựng trong hơn 20 năm, chỉ vì không hợp lý bà mà phải đập đi xây lại. Lăng mộ mới xây bên trong phô bày trình độ công nghệ cao siêu, vật liệu xây dựng rất tinh xảo cực kỳ lộng lẫy. Lễ tang của bà kéo dài gần một năm, tiêu tốn 127 vạn lượng bạc trắng. Vật phẩm chôn theo bà rất nhiều và vô cùng quý giá, khó có thể dùng lời miêu tả. Giữa năm Dân quốc, bọn quân phiệt do Tôn Diệp Anh chỉ huy khai quật lăng mộ này, trộm hết các vật báu quý giá giẫm đạp mộ của Tây Thái hậu thành đồng đổ nát, ngay cả thân xác bà cũng không được bảo toàn. Kết cục này có lẽ là thứ mà Từ Hy không bao giờ đoán được trong cả cuộc đời ngang ngược và phú quý.

Những mưu mô tính toán bám theo Từ Hy cả một đời để giúp bà ngồi yên ổn trên ngôi báu của Thái hậu. Bà gạt bỏ những người trái cánh, lợi dụng tất cả những người có thể lợi dụng, thậm chí bán nước cầu vinh mà không hề mảy may. Là người thống trị thực sự của một nước, bà không làm dân giàu nước mạnh, trái lại còn làm đất nước lụn bại, suy vong. Với vai trò một người mẹ, bà đã can thiệp quá mức vào chuyện hôn nhân của con trai, thô bạo vô lối, chuyên quyền độc đoán, gây nên bất hạnh cho biết bao người. Còn bản thân bà, tuy ở cao hơn vạn người, được nhiều kẻ bợ đỡ, cung phụng, cũng khó tránh khỏi cảnh trôi giạt không nơi nương tựa, phải chịu lang bạt.

2- Xảo trá giống như đối trá, chơi trò hai mặt

Ngô Tam Quế là một nhân vật gây được nhiều tranh cãi ở đời nhà Minh - Thanh, ông ta phải

chịu sự chửi rủa của vô vàn người vì tội đã nắm binh quyền mà dẫn Thanh phản Minh. Cũng có người nói ông ta đã biết xét thời cơ, tình hình bắt buộc phải đẩy nhanh sự nghiệp lớn thống nhất các dân tộc Trung Hoa. Nhưng sự thực lịch sử như thế nào có thể cho thấy tiến trình lịch sử như thế ấy. Tính cách con người cũng là nhân tố không thể lường được sử sách đã ghi lại tính cách của Ngô Tam Quế viết lại cách đối nhân xử thế của ông ta:

Ngô Tam Quế nguyên quán ở Giang Nam, sau đó lưu lạc đến miền Đông nước Liêu. Phụ thân ông ta là tiến sỹ quân sự Ngô Tương, vì có công giữ miền Đông nước Liêu nên được phong làm tổng binh. Đúng là "Hổ phụ sinh hổ tử". Ngô Tam Quế võ nghệ cao cường, trí dũng song toàn, lại thêm vẻ tuấn tú của người phương Nam, vẻ mặt tươi trẻ, rắn rỏi, dáng người không cao nhưng cân đối, trán cao, nhìn xa trông rộng, uy nghiêm như thần.

Ngô Tam Quế mưu lược song toàn, dũng mãnh thiện chiến. Một hôm Ngô Tương dẫn 500 quân đi tuần, bất ngờ gặp mấy vạn người ngựa của Hoàng Thái Cực. Hoàng Thái Cực thấy người của Ngô Tương ít liền vây kín đội quân Minh đói khát để bắt sống. Tổ Đại Thọ từ trên thành lầu nhìn thấy nhưng vì quân của mình ít nên không dám khinh suất xuất binh. Nghe tin cha bị vây hãm, đang xin quân cứu viện mà không được, Ngô Tam Quế liền tự dẫn hơn 20 gia đình xông vào vòng vây. Hoàng Thái Cực thấy quân tiếp viện ít, bèn mở rộng vây cho vào, dự định tiêu diệt một thể. Ngô Tam Quế và hơn 20 người kia xông vào trận địa hợp lại với cha, sau đó cùng phá vòng vây, khiến Hoàng Thái Cực trở tay không kịp. Hoàng Thái Cực dõi theo bóng của Ngô Tam Quế mà khen ngợi: "Nếu nước Ngô có hảo hán này, hà tất phải lo không được thiên hạ!"

Năm 1643, năm Sùng Trinh thứ 16, Ngô Tam Quế đã nhiều lần lập chiến công nên được triệu vào kinh yết kiến. Sùng Trinh mở yến tiệc lớn tại điện Võ Anh và sắp xếp cho Ngô Tam Quế ngồi ở ghế đầu. Ngô Tam Quế trở thành nhân vật được cả triều chú ý.

Lúc đó, quân nông dân của Lý Tự Thành ngày càng lớn mạnh, còn quân Minh thì không chịu nổi được một đòn, tin thất bại của quan quân phía trước truyền về đồn dập. Các chư thần ở kinh thành hết sức quan tâm đến sự phát triển của thời thế. Điền Quốc Trượng Hoàng Ngô cũng vậy, ông lo lắng nếu không bảo vệ được Bắc Kinh thì địa vị, tài sản của ông cũng mất hết trong khói lửa chiến tranh.

Trong phủ của Điền Quốc Trượng có một ca kỹ tên là Trần Viên Viên. Cô là ca kỹ nổi tiếng cuối Minh đầu Thanh, có tài nghệ tuyệt vời, vẻ mặt xinh đẹp không gì sánh kịp. Điền Quốc Trượng vốn định mang cô dâng lên Sùng Trinh hoàng đế, khổ nỗi Sùng Trinh lòng đang rối như tơ vò vì chuyện quốc sự nên không thềm đếm xỉa đến, vì vậy cô vẫn ở lại Điền phủ. Tuy là ca kỹ nhưng cô cũng là cô gái rất hiểu biết, cô luôn nghĩ Điền phủ xa hoa dâm dăng, là người không ở lâu được, Điền Quốc Trượng tự cao tự phụ cũng không là người cô có thể nương tựa, những câu thơ lỗ tục tẩn hàng ngày làm cô ghê tởm. Cô từng nghe nói rất nhiều tới tướng quân thiếu niên Ngô Tam Quế "Hiếu văn cứu biên, dũng quán tam quân" (Vô cùng hiếu thuận, dũng mạnh bậc nhất trong ba quân), trong lòng ngưỡng mộ nhưng chưa được gặp mặt.

Viên Viên thấy Điền công cả ngày sa sầm mặt mũi liền hiến kế: "Hiện tại thời thế đang loạn, ngài lại không có vây cánh, tất nhiên chỉ rước họa, tại sao ngài không kết giao với Ngô tướng quân để giải tỏa lo lắng trước mắt? Câu nói đánh trúng tâm khảm của Điền Hoàng Ngô, ông vốn là người theo dõi ăn tàn, thấy Sùng Trinh ngả hẳn vào Ngô Tam Quế sớm đã muốn kết nạp, bèn phái người đi mời.

Ngô Tam Quế cũng là người trong sạch ít dục vọng. Ông ta từng ngỏ lời: "Bất cứ quan nào có tiền của như Ngô, lấy vợ phải là người đàn bà lộng lẫy, tuyệt đẹp". Ông ta khinh rẻ Quốc Trượng vì phát lên toàn nhờ con gái, nhưng ông ta nghe đại danh Trần Viên Viên từ lâu mà chưa có cơ hội gặp gỡ nên đã nhận lời mời của Điền phủ.

Buổi tối trong Điền phủ, đèn thấp sáng trưng, yến tiệc linh đình... Ngô Tam Quế khăn mũ chỉnh tề oai phong lẫm liệt đến dự tiệc. Sơn hào hải vị có đủ cả, các mỹ nữ nhảy múa trong phòng tiệc. Ngô Tam Quế nhìn ngó quanh mà chưa thấy Viên Viên, không muốn nói chuyện với cả Điền Hoàng Ngô. Lúc này Điền Hoàng Ngô cũng thấp thỏm hồi hộp. Việc Trần Viên Viên chủ

động hiến kế sách đã chứng tỏ cô có tình ý với Ngô Tam Quế, còn dáng điệu nhấp nhóm của Ngô Tam Quế tỏ rõ đã nhớ nhung, ngưỡng mộ Viên Viên từ lâu. Viên Viên là ca kĩ được yêu thích nhất của Quốc Trương, nhưng nếu bây giờ Ngô Tam Quế mơ mộng muốn nói chuyện Viên Viên thì ông ta không dám không cho, nên Điền Quốc Trương xảo quyết đã giấu Viên Viên đi, không cho họ gặp nhau ngay.

Ngô Tam Quế sớm nắm được thóp của Quốc Trương nên nói rõ là muốn gặp Trần Viên Viên. Ông ta đành phải truyền Viên Viên ra. Cô bước đi thướt tha chậm rãi, liếc mắt nhìn trộm, chỉ thấy Ngô Tam Quế thanh tú, thư thái, khí phách hiên ngang. Từ xưa gái đẹp vốn ham anh hùng, Viên Viên chỉ cảm giác mặt mình đỏ lựng nóng ran lập tức hai mắt chăm chú, không dám nhìn chỗ khác. Ngô Tam Quế nhìn cô không chớp mắt, trông như bị tiên nữ bắt mất hồn, rồi chuyển sang liếc nhìn Điền Quốc Trương thấy mắt ông long sòng sọc, gân mặt giãn ra rồi, nhưng vẫn háo sắc như thiếu niên, trong lòng bắt đầu tiếc nuối.

Lúc này Viên Viên đã ôm cây đàn tì bà, giọng trong, cổ tay mềm mại, hát khúc "Phiêu linh oán".

Ngô Tam Quế say đắm trong tiếng hát trầm bổng thiết tha, nghe thấy cả những tình ý ẩn khuất. Quốc Trương tức giận nhưng không dám hé răng, Nhân lúc Ngô Tam Quế đang hứng khởi ông ta liền bày tỏ nỗi lòng: "Đến nay nước nhà gặp tai nạn, liệu tướng quân có thể giúp đỡ bảo vệ nước nhà hay không?" Ngô Tam Quế thông minh sớm đoán được mục đích đãi tiệc thực sự của Điền Hoảng Ngộ, nói không hề mập mờ: "Nếu ngài thực lòng tặng tôi Viên Viên, tôi sẽ bảo vệ Điền phủ trước tiên, sau đó mới bảo vệ quốc gia".

Điền Hoảng Ngộ thấy sự việc đã đến nước này, cũng đành nhẫn nhịn đau đớn, nhường lại.

Người có tình cuối cùng thành người nhà, vui mừng khôn xiết. Đang lúc Ngô Tam Quế và Trần Viên Viên quấn quýt bên nhau thì thánh chỉ của Sùng Trinh đế đến: "Ngô Tam Quế nhanh chóng ra quan ải". Hai người có tình đành phải nhấp chén rượu nồng sục sùi cáo biệt.

Năm Sùng Trinh thứ 17, đương lúc Ngô Tam Quế giao chiến với quân Thanh ở phía Bắc, quân nông dân của Lý Tự Thành tiến sát Bắc Kinh nhanh như chớp giạt. Ngô Tương đã hồi kinh dưỡng lão cũng bị buộc phải mặc áo giáp ra trận. Ngô Tam Quế ở nơi vô cùng xa xôi nghe tin Bắc Kinh thất thủ, thần sắc tái mét, ăn không ngon ngủ không yên, viết một bức thư cho cha: "Nghe tin thành Bắc Kinh không giữ được, chưa biết thực hư thế nào. Nếu quả thực phần lớn thành đã bị bao vây thì đi ẩn nấp không được mang nhiều đồ đạc, chôn cất là việc làm đúng. Xin cha cho Trần Viên Viên biết, thân con rất kiên cường, dặn cô hãy nhẫn nại".

Không đợi cha hồi âm, anh ta lại viết bức thư thứ hai: "Được biết kinh thành đã nguy trang, con dự định sẽ ở lại biên ải, nếu tình hình không như vậy, hãy tức tốc báo cho con,... Trần Viên Viên bình an không, nhớ nhung không nguôi".

Ngô Tương viết thư trả lời nói dối là Trần Viên Viên đã đến Liêu Đông. Ngô Tam Quế kĩ tính không tin tưởng, cha bảo cô ta cưỡi ngựa đến đoàn trại, sao vẫn chưa thấy có tung tích? Như vậy cô gái trẻ đâu có thể bỏ đi, phụ thân thất sách thế nào mà để ra nông nổi này?" Tình cảm sâu nặng của Ngô Tam Quế đối với Viên Viên thể hiện trên trang giấy. Nhưng anh ta đâu biết đến những biến cố cực lớn trong thành Bắc Kinh?

Khi nghĩa quân nông dân vào thành, Sùng Trinh thấy tình thế như vậy đã lên núi Cảnh Sơn thắt cổ tự tử. Chính quyền nhà Minh tuyên cáo diệt vong. Ngô Tương giữ thành cũng bất lực, để bảo toàn tính mệnh cho gia đình, đầu hàng Sấm vương. Sau khi nghĩa quân nông dân vào kinh, bộ phận tướng lĩnh say sưa trong chiến thắng ham mê rượu ngon đèn lồng. Lưu Tông Mẫn chiếm cứ Điền phủ, ra sức thu nợ của các ca kĩ ngày trước của Điền Hoảng Ngộ. Nghe nói cô ca kĩ nổi tiếng Giang Tô, Trần Viên Viên trước đây cũng ở Điền phủ, ông ta tra tấn dã man Ngô Tương bắt ông phải đưa Viên Viên ra. Ngô Tương nói dối rằng Viên Viên đã theo Ngô Tam Quế lên miền Bắc, vì không hợp khí hậu nên đã chết trên đường đi. Lưu Tông Mẫn không tin, lục soát nhà Ngô Tương, quả nhiên tìm thấy Trần Viên Viên.

Trần Viên Viên bị Lưu Tông Mẫn cưỡng bức, làm tổn thương sâu sắc lòng tự trọng của Ngô

Tam Quế. Nguyên khí của triều Minh vốn đã kiệt cùng, phụ thân lại đầu hàng Sấm vương, ông ta hoàn toàn cho rằng nghĩa quân sẽ đối xử tử tế với người trong gia đình. Nhưng tin tức đưa về lại là phụ thân bị tra tấn, người vợ thương yêu bị chiếm đoạt, làm sao ông ta không nổi trận lôi đình? Khi Lý Tự Thành sai sứ giả đi dụ hàng, Tam Quế bùng bùng tức giận: "Bọn nghịch tặc hỗn láo, Tam Quế ta đường đường là đại trượng phu, đâu có thể đầu hàng bọn nghịch tặc chúng bay để bị người đời phỉ nhổ?" Lý Bạch Thành cảm tức Ngô Tam Quế, lại dấy lên chiến sự, trong cơn thịnh nộ đã giết toàn bộ hơn 30 người nhà Ngô Tam Quế. Lúc sắp giết Viên Viên ông ta lại chần chừ, có thể do thương hại người đẹp, có thể do lời nói của Trần Viên Viên nhanh trí, tháo vát đã khiến ông ta động lòng: "Nếu quân Tam Quế bại trận, tôi có thể tự tìm nơi ở, sẽ không làm bẩn gươm báu của đại vương; nếu quân của đại vương có gì bất lợi, thần thiếp là người giúp sức".

Trong chiến dịch Sơn Hải quan, Ngô Tam Quế lệnh cho toàn quân mang theo đạo hiếu và lòng thương xót các chiến sĩ ra trận. Nghĩa quân nông dân đã thắng lợi, khí thế kinh người nhưng vẫn phải vội vã ứng chiến. Khi giao chiến với Ngô Tam Quế, kỵ binh của quân Thanh đột nhiên xông vào trận làm nghĩa quân nông dân đại loạn, tan vỡ như đê lở, hao binh tổn tướng, xác chết đầy đường. Thì ra, Ngô Tam Quế đã gửi thư cho Đa Nhĩ Cổn hẹn nhau cùng tấn công Lý Bạch Thành. Đa Nhĩ Cổn dòm ngó Trung Nguyên đã lâu, đang buồn rầu vì không có cách nào chiếm lĩnh Trung Nguyên, bây giờ Ngô Tam Quế lại hẹn xuất binh, tự nhiên có cơ hội tốt nghìn năm có một, thế là Đa Nhĩ Cổn lập mưu kế vào Trung Nguyên, không trấn giữ Sơn Hải quan. Một mặt Ngô Tam Quế nhanh chóng đuổi theo Lý Bạch Thành xuống phía Tây, một mặt truyền hịch kêu gọi kinh đô ủng hộ. Bát Thái tử của Sùng Trinh lên ngôi; quần thần cũ của triều Minh reo hò hưởng ứng. Nhưng đợi đến lúc Ngô Tam Quế đem quân hồi kinh thì Bắc Kinh đã bị Đa Nhĩ Cổn chiếm đóng. Việc này khiến ông ta vừa vô cùng phẫn nộ, vừa thấy lạ lùng. Dân chúng kinh thành bàn tán xôn xao nhưng trật tự xã hội tương đối ổn định. Thấy tình hình chung đã yên ổn, Ngô Tam Quế cũng đầu hàng Mãn Thanh, làm Bình Tây vương của triều Mãn Thanh.

Mối thù giết cha, nỗi hận đoạt vợ đáng lẽ đại trượng phu phải báo thù rửa hận, nhưng Ngô Tam Quế bản tính xảo quyệt, trí dũng tài cao, không thể co lại làm quân cơ trong tay người khác, hơn nữa triều Minh còn thoi thóp thở.

Trong đối nhân xử thế Ngô Tam Quế là kẻ thủ đoạn, lá mặt lá trái khi thất ý, ở vào thế cô lập thì cúi mình, xu nịnh để cầu viện, "ai cho bú thì coi là mẹ"; lúc đắc ý, lực lượng lớn mạnh thì vênh váo, hống hách, bất chấp mọi thủ đoạn để công kích người mà mình muốn hại, thậm chí dồn người ta vào chỗ chết mới vui lòng. Đây là tính hay lật lọng, trở mặt như trở bàn tay.

Sơn Hải quan là nơi phải tranh chấp, hơn nữa quân Thanh còn ví nó như "Cổ họng của quân Minh". Sùng Trinh đế đã giao điểm nút quan trọng có ý nghĩa chiến lược này cho Ngô Tam Quế trấn thủ, có thể thấy ông rất tín nhiệm và trọng dụng Ngô Tam Quế. Nhưng sau khi Ngô Tam Quế được nhận ý chỉ của triều đình, tuy tuân lệnh chỉ huy đoàn quân tinh nhuệ tiến về Sơn Hải quan nhưng hành quân cực kì chậm chạp. Ninh Viễn chỉ cách Sơn Hải quan 200 dặm, với đội quân thần tốc phải khẩn cấp bảo vệ Bắc Kinh. Nếu hành quân ngày đêm thì chỉ một ngày là đến nơi, vậy mà Ngô Tam Quế cho lính đi trong gần nửa tháng. Ngầm ý của ông ta là vừa đi vừa quan sát sự thay đổi cục diện chính trị để tìm thời cơ hành sự. Có thể thấy tính cách xảo quyệt của Ngô Tam Quế không nói cũng đủ hiểu, đồng thời nó cũng bộc lộ lòng dạ đen tối của ông ta đối với triều đình.

Ngô Tam Quế còn có dã tâm tự coi mình là Hoàng đế. Sau khi đầu hàng Mãn Thanh, Ngô Tam Quế, dẫn quân Thanh vào thống trị Trung Nguyên mở ra một trang người Mãn thống trị Trung Quốc. Sự khiếm khuyết lật lọng trong tính cách của Ngô Tam Quế khiến ông ta phản bội triều đình nhà Minh quy hàng triều Đại Thuận, trong chớp mắt lại phản bội triều Đại Thuận đầu hàng quân Thanh, đúng là lật lọng đến cực điểm.

Sau khi hàng Thanh, Ngô Tam Quế vẫn cứ: thân tại Tào doanh, tâm tại Hán "(ở trong doanh trại Táo Tháo mà lòng luôn hướng về nước Hán). Bên ngoài vẫn cúi đầu tuân lệnh triều Thanh, kỳ thực ông ta có dự tính riêng là tự phong mình làm Vương. Ông ta lao tâm khổ tứ cấu kết bè cánh với các đại thần trong triều, cất lực "tìm kiếm và thu mua" tâm phúc, cố ý lạm dụng công

quỹ để đầu cơ tích trữ ở Vân Nam, chiêu binh mã và chờ cơ tạo phản.

Khi Khang Hy lên ngôi, quân Tam Phiên do Ngô Tam Quế làm đại biểu thế lực rất mạnh. Khang Hy đau khổ vì triều đình không có sức đối phó, về sau, bà sắp xếp lại việc triều chính, tăng cường tích lũy ngân khố, nuôi ý định quét sạch quân Phiên. Thất vọng về tính nết của con trai mình Thượng Chi Tín, Thương Khả Hỷ dâng sớ xin đi dẹp Phiên, Khang Hy vui vẻ đồng ý.

Quyết định này khiến Tịnh Nam Vương, Cảnh Tinh Trung và Ngô Tam Quế ở Vân Nam bị chặn động và khủng hoảng mạnh. Vì vậy Ngô Tam Quế xảo trá lại giở thủ đoạn ra. Hắn biết tay Cảnh Tinh Trung giả vờ dâng sớ lên triều đình xin đi dẹp Phiên, trong sớ tấu có dùng những câu từ mà Hoàng thượng thích nghe "Ngẩng lên cầu khẩn Hoàng ân thu hồi lệnh cầu của bọn họ", lập tức hạ chiếu thư rồi phái sứ thần liên tục thúc giục nhanh chóng tiêu diệt quân Phiên.

Sau khi nhận được chiếu thư, Ngô Tam Quế biết mình đã chữa "lợn lành thành lợn què", vẫn đối mặt với sự đôn đốc, giám sát của sứ giả triều đình, vừa giả vờ nghiêm chỉnh tuân theo chiếu thư, tích cực dẹp Phiên, nịnh bợ sứ thần, vừa ngầm ngầm gấp rút lập kế sách phản Thanh. Sứ thần thấy Ngô Tam Quế mượn cớ kéo dài thời gian, không có hành động cụ thể để dẹp Phiên, thì muốn về triều bẩm báo. Ngô Tam Quế sợ mưu phản Thanh bại lộ, trước mắt lại không có kế sách hay nào cả để lung lạc sứ thần nên đã trừ khử luôn sứ thần triều đình và tuân phủ Vân Nam, quyết định lấy vũ lực chống đối triều đình để giữ thế lực vùng cát cứ của mình. Tiếp đó ông ta ngang nhiên dấy cờ làm phản, tự xưng là "Thiên hạ đều ủng hộ binh mã đại nguyên soái". Cảnh Tinh Trung, Thượng Chi Tín cũng theo đó tạo phản.

Năm 1678, Khang Hy khéo léo dùng binh và có những chính sách sáng suốt. Quân Thanh lần lượt khôi phục các vùng đất Lưu Dương bị quân phản loạn chiếm lĩnh. Ngô Tam Quế thấy tình thế bất ổn, xé bỏ ý đồ "phục Minh" nhanh chóng muốn làm Hoàng đế. Ngày 23 tháng 3, Hoàng Sơn Tế Thiên đã tự xưng làm Hoàng đế, sửa đổi Nguyên Chiêu Vũ, biến châu thành Định Thiên phủ, đến tháng 8 cùng năm thì chết vì bệnh.

Ngô Tam Quế chữa "lợn lành thành lợn què" làm mất cả tính mạng. Ông ta vốn là phản thần của triều Minh, sau khi hàng Thanh rất có khả năng trở thành công thần, làm thế không những có thể tẩy xoá ô danh của mình, còn có thể lưu danh muôn thuở. Nhưng ông ta lại lạm dụng binh quyền mạnh để giở trò "vô quýt dày có móng tay nhọn", cuối cùng ông ta đã bại trong tay Khang Hy lại còn bị người đời nguyên rủa mãi mãi.

3- Lật mềm buộc chặt, đuổi mẹ hại em.

Trên trường chính trị người biết dùng mưu quyền để lừa gạt người khác, kể cả anh em mình, chắc không ai có thể hơn Trịnh Trang Công thời Xuân Thu.

Trịnh Trang Công tên gọi là Ngô Sinh, người em trai tên là Đoạn. Để ra Ngô Sinh rất khó, điều này khiến bà mẹ là Khương Thị chịu một phen kinh hãi, từ đó bà không yêu quý Ngô Sinh, còn Đoạn thì thông minh, có vẻ một nhân tài nên Khương Thị vô cùng yêu quý cậu ta. Khương Thị lúc nào cũng khen con trai út trước mặt chồng là Trịnh Võ Công, hi vọng sau này ông sẽ truyền ngôi cho cậu. Cứ thế khoảng cách giữa Ngô Sinh và mẹ ngày càng giãn ra. Có điều Trịnh Võ Công luôn luôn biết rõ điều đó không đồng ý lời thỉnh cầu của Khương Thị cuối cùng vẫn truyền ngôi cho con trai lớn. Ngô Sinh lên ngôi chính là Trịnh Trang Công.

Khương Thị thấy con trai bé của mình không được làm vua một nước trong lòng rất khó chịu, liền đi đòi phong đất cho Đoạn. Khương Thị mưu mô, đòi Trang Công phong cho Đoạn quyền "cai quản" toà thành này. Nhưng do vị trí địa lý nên Trang Công không thể đồng ý. Thế là Khương Thị đòi phong cho Đoạn kinh thành. Kinh thành cũng là nơi trọng yếu, Trang Công đã do dự rất lâu, cuối cùng cũng chấp nhận.

Trang Công lúc này sớm đã có cách nghĩ về em trai, còn Đoạn thì nhất nhất nghe lời Khương Thị. Bà nói với Đoạn là Trang Công vốn không muốn phong đất cho cậu, bà đã phải yêu cầu nhiều lần thì cậu mới được phong kinh thành, tuy phong rồi nhưng sớm muộn sẽ xảy ra chuyện, nhất định phải thao luyện binh mã trước, chuẩn bị chu đáo để khi có thời cơ thì trong ứng ngoài hợp lật đổ Trang Công, đưa Đoạn lên kế vị.

Đoạn đến kinh thành, xưng làm Đại Thúc ở kinh thành. Đoạn được phong đến kinh thành, vốn là hạ thần của Trang Công nên hết sức lo lắng bất an, những hành vi Đoạn làm ở kinh thành làm người ta hoảng hốt. Đầu tiên Đoạn Đại Thúc gấp rút chiêu binh mã, mở rộng quân đội, huấn luyện gặt gao và thường xuyên hành quân đi săn. Tiếp theo là đại tu tường thành cho cao hơn, dày hơn. Một hôm, Tế Trọng-vị đại thần quan trọng nhất của Trịnh Trang Công nói với Trang Công: "Tường thành của thành lớn không vượt quá 1/3 tường thành Quốc đô, tường thành thành hạng vừa không cần vượt quá 1/5 tường thành Quốc đô, tường thành thành nhỏ không cần vượt quá 1/10 tường thành Quốc đô. Đây là quy tắc tổ tiên để lại. Nhưng hiện nay, Đại Thúc ở kinh thành mở rộng tường thành làm nó vượt quá giới hạn này, như thế rất khó khống chế, e rằng quốc vương không thể chịu đựng được". Trong lòng Trịnh Trang Công đã hiểu rõ nhưng miệng lại nói: "Đại Thúc thao luyện binh mã cho quốc gia, xây dựng công sự phòng ngự cho quốc gia, có gì không tốt? Huống hồ mẹ muốn hấn ta làm thế, mình có muốn quản cũng khó quản nổi".

Tuy các đại thần đều nói Trang Công rộng lượng, bản tính nhân hậu nhưng cũng thầm lo cho Trang Công. Họ liền đề cử Tế Túc đi khuyên nhủ Trang Công. Tế Túc nói với Trang Công: "Khương Thị đã tham quá mức rồi, thà ta sớm chú ý, sắp xếp tìm cho bà ta một chỗ nào đó thì tốt hơn. Không nên để cho thế lực của Đại Thúc tiếp tục phát triển. Nếu tiếp tục, e rằng khó mà thu phục: "Cổ đại lan tràn sẽ rất khó cắt bỏ". Trang Công cho rằng hiện tại Đoạn chưa đến mức quá đáng, đợi chừng cứ nhiều hơn trừng phạt anh ta cũng chưa muộn. Trang Công xảo quyết cuối cùng đã biết rõ mục đích của mẹ và Đoạn, còn Đoạn ngu xuẩn đang từng bước rơi vào cạm bẫy của Trang Công.

Không lâu sau, Đại Thúc Đoạn ngầm ngầm cai quản khu thành biên giới miền Bắc và miền Tây nhưng bề ngoài vẫn nghe theo sự quản thúc của Trịnh Trang Công. Công tử Lữ nghe được tin này, vội vã đến báo cho Trang Công: "Quốc gia không thể phân thành hai bộ phận, không thể có hai quân chủ, người dự định xử lý Đại Thúc như thế nào? Nếu người định nhường quốc gia cho Đại Thúc thì xin phép thần đi hầu hạ hấn ta, coi hấn là thần tử được rồi. Nếu người không muốn nhường lại quốc gia cho Đại Thúc thì hãy mau chóng trừ khử đi, chớ để lão bách tính có hai lòng. Nếu bách tính quy thuận Đại Thúc thì rất khó giải quyết. Trang Công lại hết sức nặng nề nói với Công Tử Lữ: "Ông không cần hao tổn tâm sức vì việc này, Đại Thúc Đoạn sẽ tự mình rước lấy phiền phức".

Một thời gian sau, Đại Thúc Đoạn dứt khoát trắng trợn tiếp quản hết biên giới phía Bắc và phía Tây, phạm vi thế lực mở rộng đến tận Lâm Diên. Tử Phong cảm thấy rất kinh hoàng, vội vã tới bẩm báo Trang Công: "Chúng ta có thể hành động rồi, nếu cứ để mặc hấn ta nuốt chửng trấn thành và đất đai thì sẽ chiếm cả thiên hạ, càng mở rộng thế lực sẽ rất khó đối phó". Trang Công vẫn ung dung, thản nhiên: "làm việc bất nghĩa, không thể được nhân dân ủng hộ, càng có đất rộng người đông càng đến chỗ diệt vong nhanh chóng".

Cuối cùng Đại Thúc Đoạn đã tu sửa xong thành quách, quy tụ được dân chúng, củng cố tốt các dụng cụ chiến tranh, chuẩn bị sẵn sàng bộ binh và xe pháo. Lúc này Trịnh Trang Công vẫn cứ đến chỗ Châu Thiên Tử làm việc, không ở đô thành của nước Trịnh - Khương Thị cho rằng đây là cơ hội tuyệt vời, liền viết thư bảo với Đại Thúc là bà sẽ lên mở cổng thành, làm nội ứng và hẹn định rõ ngày tháng. Đại Thúc nhận được thư của Khương Thị, một mặt viết thư hồi âm, một mặt nói với binh lính bộ hạ là phụng mệnh đến đô thành có việc rồi phát động xe cộ và bộ binh.

Kì thực, mọi việc Trịnh Trang Công đều đã chuẩn bị sẵn. Ông không đến chỗ của Châu Thiên Tử ở Lạc Dương, mà lên lên bách bộ dẫn theo 200 cỗ xe tiến thẳng tới kinh thành. Trang Công còn phái công tử Lữ mai phục trên con đường mà người đưa thư của Đại Thúc buộc phải đi qua, lấy được thư hồi âm Đại Thúc viết cho Khương Thị. Như thế Trang Công hoàn toàn nắm chắc quyền chủ động.

Đại Thúc vừa dẫn quân xuất phát được hai ngày, Trang Công và công tử Lữ đã tới bên ngoài kinh thành, công tử Lữ phái một số binh sĩ hoá trang thành người buôn bán trà trộn vào thành trước, nhằm chuẩn bị thời cơ phóng hoả bên cổng thành, công tử Lữ thấy ánh lửa sẽ lập tức

dẫn binh đánh vào thành. Một đòn tấn công chiếm luôn cả kinh thành.

Đại Thúc xuất binh chưa được hai ngày, nghe tin kinh thành thất thủ, vô cùng kinh hoàng, cả đêm quay trở về nhưng binh sĩ đã nghe nói Đại Thúc bắt họ tấn công quốc vương liền tháo chạy tán loạn gần một nửa. Đại Thúc thấy lòng người đã không thể dùng, kinh thành không có cách nào đoạt lại, đành chạy sang thành nhỏ nước Yên (nay là huyện Yên Căng tỉnh Hà Nam), ở đây lại bị bại trận, phải chạy sang Cộng thành nhỏ hơn nhiều. Trình Trang Công và công tử Lữ dẫn hai cánh quân kẹp chặt, chốt lát đã được Cộng thành. Đại Thúc bị dồn vào đường cùng phải tự sát. Trình Trang Công nghe tin em trai tự sát, lập tức chạy đến ôm thi thể khóc lóc thảm thiết, vừa khóc vừa nói em trai không nên tự sát, dù rằng có mắc lỗi to bằng trời thì người làm anh vẫn có thể lương thứ, người xung quanh đều vô cùng cảm động. Trình Trang Công lại một lần nữa lấy được lòng người, mọi người đều nói ông ta là một người anh tốt.

Trang Công tìm thấy bức thư Khương Thi viết trên người em trai, ông ta hết sức tức giận, liền phái Tế Túc gửi thư cho Khương Thi, bố trí cho Khương Thi đến Thành Dĩnh, còn thề: "không đến tuổi vàng, quyết không gặp mặt".

Trang Công bình định phản loạn, đánh đuổi mấu thân. Nhưng rốt cuộc Khương Thi vẫn là người sinh ra ông, không phụng dưỡng tức là vi phạm đạo hiếu làm người, đặc biệt ông là vua của một nước mà làm việc này sẽ gây ảnh hưởng xấu, mọi người sẽ lũ lượt bàn luận, trách mắng ông, ông sẽ rất khó chịu. Vì vậy ông muốn đón mẹ trở lại nhưng như thế lại phải phản bội lời thề của mình, sẽ không tránh được miệng của thiên hạ. Tình huống này khiến ông rất lúng túng, không biết làm thế nào cho phải.

Chính lúc đó, viên quan nhỏ quản lí biên giới Dĩnh Khảo Thúc đến dâng cho Trang Công một con chim. Trang Công hỏi ông ta đã dâng chim gì, ông ta nói là con cú mèo: "con chim này rất không tốt lành, ban ngày nó không thể nhìn thấy gì, nó chỉ hoạt động về đêm, bố mẹ vất vả nuôi nấng nó, lớn lên nó sẽ ăn luôn bố mẹ, loài chim bất nhân bất nghĩa này, xin Trang Công trừng phạt nó". Tuy Trang Công biết lời ông ta có ẩn ý nhưng vẫn rộng lượng, không nói gì. Vừa đến lúc ăn cơm, Dĩnh Khảo Thúc gấp thịt, rau sang một bên, ăn xong thì gói chặt cất đi. Trang Công thấy rất lạ lùng, liền hỏi ông ta vì duyên cớ gì. Dĩnh Khảo Thúc nói mẹ của ông cái gì cũng đã từng ăn nhưng chưa từng ăn đồ ăn của quốc vương ban cho, ông ta muốn cảm về cho mẹ ăn. Trang Công vô cùng xúc động nói: "người ta đều rất hiếu thuận với cha mẹ, tại sao chỉ có mình không hiếu thuận? Mình làm chư hầu, chẳng lẽ lại không thể hiếu thuận với cha mẹ như những người bình dân sao?" Dĩnh Khảo Thúc cố ý giả bộ khó hiểu: "Đại phu nhân cố gắng sống, tại sao không thể gắng hiếu thuận?" Trang Công đã bày mẹ đến Thành Dĩnh và chuyện thề nguyện ông chỉ nói có một lần. Dĩnh Khảo Thúc nói: "Ngài đã nghĩ đến mẹ chúng tỏ ngài rất có hiếu. Tuy ngài nói là "Gặp nhau ở tuổi vàng", không nhất định phải chết mới gặp. Nếu đào một đường hầm dưới đất, cứ đào tới nước suối cũng chính là tới tuổi vàng, gặp nhau dưới đường hầm, ai có thể nói ngài không có hiếu? Ai có thể nói ngài vi phạm lời thề? Trang Công nghĩ cách này có thể làm được nên phái ngay Dĩnh Khảo Thúc thực hiện.

Dĩnh Khảo Thúc sai 500 binh sĩ nhanh chóng đào đường hầm, mời Khương Thi vào một đầu, mời Trang Công vào đầu kia. Mẹ con gặp nhau, ôm nhau khóc nức nở, họ đã tha thứ cho nhau. Trong đường hầm, Trang Công làm thơ: "Trong đường hầm lớn, vui sướng biết bao!" Sau khi ra khỏi đường hầm, Khương Thi làm thơ: "Ngoài đường hầm lớn, vui sướng trào dâng!". Từ đó, mẹ con họ lại thương yêu hoà thuận như ngày xưa.

Vì vậy danh tiếng đẹp đẽ của Trang Công như gấm thêu thêm hoa. Trang Công chắc chắn là người thơ sảng xảo quyết nhất trong lịch sử. Thủ đoạn của ông rất cao minh, lạt mềm buộc chặt, việc cư xử với em trai đã thể hiện điều này. Trang Công biết mẹ và em trai ăn ở hai lòng, nhưng mình là con cả, anh cả hoàn toàn có thể sớm có biện pháp để khống chế, ngăn chặn, không phải dồn người ta vào chỗ chết. Có điều, Trang Công cũng hiểu rằng, ngày nào chưa trừ khử em trai, ngày đó trong lòng ông ta không yên, vì em trai ông sớm muộn cũng sẽ tạo phản, hơn nữa thường xuyên sử dụng biện pháp khắt khe sẽ làm mình mang tiếng bất nhân, chỉ bằng cứ nghĩ cách một lần diệt cỏ diệt tận gốc. Vì vậy, Trang Công từng bước dụ em trai tạo phản, và bị rơi hoàn toàn vào tay ông. Toàn bộ quá trình này, chứng tỏ ông cực kỳ "nhân hậu", thậm chí các

đại thần đều rất lo lắng cho ông.

Sự xảo trá, nham hiểm, thủ đoạn cay độc của Trịnh Trang Công khiến người ta kinh hoàng. Vì quyền lực ông bất chấp tình ruột thịt, bất chấp tình mẹ con. Nhất cử nhất động của ông đều vì danh tiếng và quyền lợi của bản thân, thâm hiểm mà vẫn bình thản nên người khác không thể chê cười được. Đạt được mục đích của mình mà không làm hỏng danh tiếng, đây là "cái tài" mà người đời sau khó ai có thể với tới được. Nhưng kiểu người như ông ta, chỉ có thể bịp bợm nhất thời chứ không thể giở trò được cả đời, bộ mặt thật sớm muộn cũng bị vạch trần trước thiên hạ.

NGƯỜI CÓ TÍNH CÁCH TỰ CƯỜNG KIÊN NGHỊ

Người có đặc trưng tính cách này cũng có khi không đạt được mục đích. Kiên nghị là tính cách bền bỉ không chịu lùi bước, đặc biệt là khi đối diện với khó khăn và thách thức, bao hàm trong đó là sự dũng cảm và ngoan cường, quyết đoán mà tự tin, thẳng thắn mà không tùy tiện, sáng ngời mà không chói lọi. Lấy những tư tưởng đó làm kim chỉ nam, họ tập hợp những mục tiêu của bản thân lại, chuyên chú làm việc, biến đức tin thành trách nhiệm để theo đuổi, để phát huy hết khả năng của bản thân mình, từ đó giúp cuộc sống của họ tràn đầy ý nghĩa nhân sinh, vượt ra khỏi những mục đích sống nhỏ bé, tầm thường khác.

1. Vì chính nghĩa quyết không khuất phục

Ngày 4 tháng 4 năm 1968, mục sư người da đen - Martin Luther King, của bang Tennessee nước Mỹ bị ám sát. Việc này khiến những người quan tâm đến nhân quyền rất bất bình, cả thế giới phải kinh ngạc.

Cách thời điểm mà Abraham Lincoln chính thức ký kết "Tuyên ngôn giải phóng nô lệ da đen" đã hơn 100 năm, thế nhưng người da đen vẫn chưa hoàn toàn được tự do, họ vẫn phải chịu nhiều sự kỳ thị, đối xử phân biệt, không được xã hội người da trắng thừa nhận. Martin Luther King đã vì điều này mà nỗ lực đấu tranh suốt cả cuộc đời, thậm chí cho đến hơi thở cuối cùng.

Martin Luther King sinh ra trong một gia đình người da đen tại thành phố Atlanta của bang Georgia State. ở những thành phố lớn của Mỹ, người da đen bị cấm đến những nơi cộng đồng do người da trắng xây dựng như: Công viên, quán ăn, (nhà hàng), rạp hát, trường học... Chính điều này đã phân ra người tốt, người xấu và hành vi kỳ thị người da đen ấy đã in đậm trong tâm hồn bé thơ của ông, ông nhen nhóm quyết tâm biến đổi hiện trạng đó ngay cả trong tiềm thức.

Martin Luther King thông minh hơn người, 15 tuổi đã vào đại học. Tốt nghiệp đại học, ông trở thành một mục sư, từ đó lại có được học vị tiến sĩ thần học tại Đại học Boston.

Năm 1954, giáo hội phái ông đến Montgomery nhận chức mục sư. Tối 1 tháng 12 năm 1955, một chiếc xe bus công cộng sau khi dừng lại ở một bến xe thuộc trung tâm thành phố, một nữ thợ may da đen, chị Parks, mang rất nhiều đồ đạc lên xe. Theo quy định của pháp luật vào thời điểm đó, chỗ ngồi ở hàng ghế trước dành cho khách da trắng, còn người da đen chỉ được đứng ở phía sau. Chị Parks lúc đó đã mệt lắm rồi, mà trên xe cũng chỉ có lác đác vài người khách vì thế chị Parks đành tạm gác quy định luật pháp ấy sang một bên.

Sau khi lên xe, chị đứng ở hàng ghế trước tìm một chỗ rồi ngồi xuống. Dừng lại ở bến tiếp sau, có một vài người da trắng lên xe, lái xe phùng mang trợn mắt lên quát "Mọi đen, còn không cút ra phía sau đi!". Những người da đen lùi dần về phía sau xe, nhưng chị đã quá mệt rồi nên ngồi im, không động đậy.

Người lái xe thô bạo nhìn thấy chị, không kìm được cơn nóng giận, lập tức gọi cảnh sát tới bắt người thợ may tội nghiệp vào nhà lao.

Trong số những người da đen ở thành phố này, chị Parks là người rất được tôn trọng, vì thường ngày chị giúp đỡ mọi người hết sức nhiệt tình. Sau khi tin chị bị bắt vào tù được lan truyền đi, cộng đồng người da đen đều rất bất bình.

Để lên tiếng ủng hộ cho Parks, những người da đen đã bầu chọn mục sư Martin Luther King 26 tuổi làm đại biểu, Martin Luther King mặc dù lúc đó còn rất trẻ nhưng là người dám làm, dám chịu, lại thêm khả năng diễn thuyết rung động lòng người. Khi mục sư Martin Luther King kêu gọi những người da đen trong toàn thành phố trong thời gian tòa án thụ lý vụ án của chị Parks, nhất định không đi xe bus công cộng, trừ khi những người lãnh đạo phải đảm bảo rằng người da đen có thể có sự đi lại bình đẳng như người da trắng khi lên xe bus.

Martin Luther King biết rằng muốn có sự bình đẳng đích thực, chân chính giữa người da đen

và người da trắng, chỉ có thể dựa vào sự phấn đấu của bản thân những người da đen, ông tin tưởng và kiên định với niềm tin này. Lúc đó, đại đa số người da đen đều không tin cuộc đấu tranh này giành được thắng lợi, nhưng sau khi nghe bài diễn thuyết của Martin Luther King, họ đều hưởng ứng một cách tích cực lời kêu gọi của ông. Một thời gian, tất cả người da đen, cho dù đi bộ mười mấy dặm đường tan ca, cũng không lên xe bus công cộng. Cuộc vận động này đã làm cho thu nhập của công ty xe bus giảm tới 65% trong một thời gian ngắn.

Sự nỗ lực bền bỉ không hề nản chí của Martin Luther King đã giúp ông trở thành vị lãnh tụ tinh thần của người da đen.

Cuộc vận động tẩy chay xe bus công cộng của người da đen vẫn còn đang tiếp tục diễn ra, nhưng thành phố Montgomery đã không có một giải pháp nào để đối phó. Sau 3 tháng Chính phủ đành phải lấy tội danh "tổ chức nhân dân tẩy chay xe bus công cộng phi pháp" để bắt mục sư Martin Luther King và những người bạn của ông.

Sau khi Martin Luther King bị bắt, những cuộc vận động của người da đen càng ngày càng mạnh mẽ, sau đó toà án tối cao Liên bang Mỹ chỉ có cách tuyên bố rằng thực hiện kỳ thị chủng tộc trên xe bus công cộng là làm trái với hiến pháp và phóng thích Martin Luther King.

Martin Luther King sau khi ra tù, tính cách của ông không để ông một phút được nghỉ ngơi. Ông lập tức đến các vùng miền của đất nước tổ chức, phát động người da đen và người da trắng cùng nhau phản đối pháp luật phân biệt chủng tộc. Nhưng ông chủ trương dùng phương thức hoà bình để tiến hành đấu tranh, không tán thành sử dụng bạo lực. Ông sáng suốt nhận ra rằng trong thời đại hoà bình, bạo lực về cơ bản không thể giải quyết được vấn đề.

Năm 1963, ông dẫn 25 vạn người da đen và người da trắng tiến vào Washington. Khi đội ngũ diễu hành đang tập trung trước sảnh đường kỉ niệm Abraham Lincoln, ông đọc bài diễn thuyết nổi tiếng "Tôi có một giấc mơ". Ông nói một cách khẳng khái, hùng hồn "Tôi vững tin rằng, cái chân lý này không cần phải chứng minh - Người người sinh ra đều bình đẳng". Ông dùng thực tế để biện bác, lên án gay gắt chính sách kỳ thị chủng tộc. Tháng 12 năm sau (năm 1964) ông đoạt giải Nobel về hoà bình.

Sau đó, vì quyền bầu cử của người da đen, ông chạy đôn đáo khắp nơi, với sự nỗ lực của ông, quốc hội đã thông qua bản dự thảo sửa đổi quy định quyền bầu cử mới. Ông đã tranh đấu để người da đen được quyền công dân. Nhưng tất cả những nỗ lực này của Martin Luther King lại gặp phải sự căm hận của những người theo chủ nghĩa chủng tộc, bọn chúng đã dùng nhiều thủ đoạn vô cùng xấu xa, bỉ ổi ám sát Martin Luther King.

Tên tuổi của Martin Luther King và bài diễn thuyết "Tôi có một giấc mơ" của ông đã gây ảnh hưởng lớn trên phạm vi toàn thế giới. Mọi người đều cảm động vì tinh thần ngoan cường của ông, mọi người đều ca ngợi lòng kiên cường không khuất phục của ông.

2- Napoleon bonaparte - độc lập nhưng có chủ quan.

Ngày 15 tháng 8 năm 1769 Napoleon ra đời tại Ajaccio - thủ phủ Corse. Tính cách cuồng nhiệt và tràn trề nhiệt huyết của ông thể hiện tính cách của người dân đảo Corse. Môi trường của đảo Corse cũng có ảnh hưởng và tác động đến sự hình thành những tính cách: buồn bã, sầu não, cô độc, kỳ quái, nghi kỵ, đa nghi, cực đoan, kiên cường, bất khuất của Napoleon.

Khi 8 tuổi, Napoleon được đưa đến trường để học tiếng Italia. Ông rất thích tính toán, thường tập trung chăm chú mấy tiếng đồng hồ giải các đề số học. 10 tuổi, ông theo học tại trường Quân sự Breme (Pháp). Trường học này cùng với 12 trường khác ở Pháp chỉ thu nhận những học sinh là con em quý tộc. Tại đây, Napoleon học tập 5 năm, rồi đưa ra quyết định cho cuộc đời mình - làm một người lính. Trong giai đoạn này, khả năng chỉ huy linh hoạt, phán đoán quả quyết, suy nghĩ tinh tế mà nhạy bén của ông đã được bộc lộ rõ ràng.

Tháng 10 năm 1784, Napoleon và 4 người bạn cùng học với ông được giới thiệu vào trường sỹ quan Pari. Trường sỹ quan Pari này là trường học chuyên đào tạo sỹ quan, lúc đó là trường học số một trong nước. Tại đây, Napoleon chuyên tâm nghiên cứu pháo binh. Cũng từ đó,

Napoleon có hứng thú với chuyên ngành pháo binh. Một năm sau ông dễ dàng vượt qua kỳ thi tốt nghiệp. Lúc 17 tuổi ông đã được phong quân hàm thiếu úy. Theo yêu cầu của Napoleon, ông được cử xuống phục vụ đoàn pháo binh của thành Valence ở phương Nam. Trong thời gian theo học, bố ông đã qua đời, gánh nặng gia đình được đặt trên vai ông. Ông đã vượt qua cuộc sống đơn sơ, đạm bạc, để có thể giúp đỡ gia đình khắc phục khó khăn.

Song, Napoleon cũng là một con người tham vọng, dựa vào tài trí và hoài bão lớn lao của mình. Ông tuyệt đối tin rằng với thực lực của mình ông có thể làm nên sự nghiệp, ông tích cực tạo điều kiện cho bản thân, chờ đợi thời cơ chín muồi.

Ngày 14 tháng 7 năm 1789, nước Pháp nổ ra cuộc cách mạng, Napoleon lúc đó đang phục vụ tại Onleans. Ông ủng hộ cách mạng và không lâu sau đó, ông đến Corse, tích cực hoạt động chính trị.

Ngày 9 tháng 8, nhân dân Pari tiến về trung tâm thành phố, đánh chiếm Hoàng cung, Quốc vương mang theo gia quyến chạy đến toà nhà Quốc hội xin được giúp đỡ. Chính thể quân chủ của Louis XVI bị lật đổ. Napoleon tham gia tác chiến với quân đội nước cộng hòa, đánh lại quân đội Anh. Lần đầu tiên tham gia chỉ huy, ông không những phán đoán chính xác mà còn xông pha trận mạc làm tấm gương cho chiến sỹ noi theo. Sau đó ông được đặc phái viên công chúng quốc dân ban thưởng quân hàm chuẩn tướng và được bổ nhiệm làm chỉ huy pháo binh của quân đoàn ở giáp nước Ý.

Sau ít lâu, thành viên phái Thermidor của phái phản đối cộng hoà phát động chính biến, Napoleon trấn áp những phần tử phản loạn giành thắng lợi. Nhờ những thành tích quân sự uy tín của Napoleon không chỉ lan truyền rộng khắp giới quân sự Pháp, mà còn có tiếng vang trong mọi tầng lớp xã hội. Người Pari xem ông như là một vị tướng quân có tài chỉ huy, tinh thần quả quyết và nghị lực kiên cường. Sau sự kiện này, những người cầm quyền trong chính phủ mới thành lập trong đó có Barras rất coi trọng vị tướng trẻ tuổi tài hoa hơn người này, quần chúng nhân dân cũng biểu hiện sự tôn kính đối với Napoleon và cho rằng sự nỗ lực phi thường của ông đã cứu được đất nước của họ. Ông được phong quân hàm Thiếu tướng, làm phó tư lệnh trấn giữ Pari, ông có nhiệm vụ dập tan sự xung đột và mối thù hận giữa các phần tử người của phái Thermidor và người của phái Giacobanh, lập lại trật tự xã hội.

Cũng trong thời gian này tại Salon, Napoleon quen biết một quả phụ tên là Josephine. Chồng của bà phạm tội phản quốc bị bắt và bị xử tử hình, để lại người vợ trẻ và hai đứa con nhỏ. Thế nhưng Josephine người phụ nữ rất được người khác chú ý. Napoleon đã yêu Josephine rất đắm thiết.

Một người độc lập, tự cường thường có chính kiến, mục đích của mình, không thể vứt bỏ bất cứ cái gì, cũng không bị ảnh hưởng bởi người khác.

Ngày 9 tháng 3 năm 1796, họ tổ chức lễ cưới không theo nghi thức tôn giáo. Trong cuốn sổ đăng ký kết hôn, Josephine khai thiếu 4 tuổi, còn Napoleon thêm 1 tuổi, thực tế Josephine hơn ông 6 tuổi. Trong cuộc đời mình Napoleon đã có tình cảm thân mật với không ít phụ nữ, nhưng bất luận là người vợ thứ nhất Josephine mà ông yêu sâu sắc, hay là người vợ thứ hai trẻ hơn ông rất nhiều - công chúa nước Áo Mary Louise, hay người tình nhân ông yêu cuồng nhiệt, phu nhân người Bala - người đã lặn lội đến tận đảo Elba Ý thăm ông khi ông bị đi đày, đều không có ảnh hưởng rõ rệt đến hoạt động quân sự, chính trị và tư tưởng của ông.

Sau đó, Napoleon lại được bổ nhiệm làm tổng tư lệnh quân đoàn. Napoleon rất có uy tín, ông lại có trong lòng người dân Pháp và Ý, lại có một quân đội lớn mạnh, điều này khiến ông trở thành người thống trị trên thực tế ở Ý.

Ngày 9 tháng 11 năm 1799 (tức ngày 18 tháng sương mù), Napoleon thấy thời cơ đã đến, ông không chần chừ phát động cuộc chính biến giành quyền. Đây là một cuộc chính biến không có máu chảy, vào cuộc chính biến này Napoleon đã đứng ở vị trí thống trị tối cao của nước Pháp trong 15 năm. Một buổi sáng sớm, Napoleon tập hợp rất nhiều sỹ quan Pháp, một Nghị sỹ đưa ra kiến nghị thông qua đề án tiến hành hội nghị lập pháp Virgin, bổ nhiệm Napoleon làm

tổng tư lệnh bộ đội vũ trang vùng ngoại ô và thủ đô. Đề án mau chóng được thông qua. Như vậy, Napoleon đã giành được quyền lực tối cao của nước Pháp một cách rất dễ dàng.

Năm 1800, một phần của bản dự thảo Hiến pháp do Napoleon sửa đổi được thông qua (do nhân dân bỏ phiếu biểu quyết), đây chính là Hiến pháp 8 năm của Cộng hoà Pháp. Napoleon đã nắm chắc quyền hành chính trong tay mình, đồng thời rất biết dùng những người có kinh nghiệm trị quốc.

Từ những năm 90 của thế kỷ XVIII đến đầu thế kỷ XIX nước Pháp tiến hành hàng loạt cuộc chiến tranh mang tính toàn cầu chống lại Đồng minh châu Âu. Những cuộc chiến tranh này kéo dài từ năm 1792 đến năm 1815 và đều là do Napoleon chỉ huy, được người châu Âu gọi là chiến tranh Napoleon. Sinh mạng của Napoleon phần lớn bị tiêu hao trong trận chiến này, ông đã đánh bại quân của những nước mạnh nhất châu Âu lúc bấy giờ như Áo, Nga Prussia.

Năm 1804, Thượng nghị viện thông qua nghị quyết, cuối cùng công dân Pháp bỏ phiếu ủng hộ Napoleon lên làm Hoàng đế. Ngày 2 tháng 12, lễ đăng quang lên ngôi được tiến hành tại vườn Thánh Mẫu ở Pari. Napoleon hi vọng, ngôi vị Hoàng đế của ông sẽ được truyền nối từ đời này sang đời khác. Nhưng Hoàng hậu Josephine đã không còn khả năng sinh nở, vì vậy ông quyết định ly hôn và lấy một vị công chúa xuất thân dòng dõi đế vương làm vợ. Hoàng đế nước Áo đã gả công chúa May Louise 18 tuổi của mình cho Napoleon.

Khuyết điểm của người quá độc lập, tự cường là luôn tự cho mình là đúng, độc đoán, thích làm việc lớn, thích có thành tích cao, Napoleon cũng không ngoại lệ.

Những thắng lợi huy hoàng của Napoleon trong lĩnh vực quân sự, sự khom lưng quỳ gối của tầng lớp quý tộc và những quan lại thuộc dòng dõi vương thất, sự thuận theo, sự kính yêu và tín nhiệm của nhân dân đối với Napoleon, tất cả đã làm cho hình tượng Napoleon trở nên thần thánh hoá, làm lòng tự tôn của ông được khuếch trương vô hạn và sự mưu cầu một không gian mới, quyền lực mới, vinh dự mới, chiến thắng đã trở thành những nhân tố không thể thiếu trong cuộc sống của Napoleon. Ông cho rằng, thế giới chẳng qua chỉ là nơi mà lòng tự tin của ông có thể trình diễn đầy đủ. Napoleon đang cảm thụ cảm giác ngây ngất sau khi thắng lợi ở Trung Âu, cho rằng chiến lược và mưu lược của mình hoàn chỉnh, không có khuyết điểm, ông tự mãn cho rằng ý chí của ông có thể quyết định tất cả, mà nước Pháp lại giao phó cho ông quyền lực. Như vậy, là ông đã sai lầm trong mưu lược và chiến lược, thậm chí là quyết định ngông cuồng, tự cao, tự đại của mình.

Năm 1806, chính lúc đại quân của Napoleon đang tung thành ở Prussia, không đội quân nào địch nổi thì ông ban lệnh phong toả đại lục, gây nên cuộc tác chiến giữa quân Anh và đại lục. Cũng chính quyết sách này dẫn đến trận chiến với Tây Ban Nha, sự tham chiến của Áo, do đó, Napoleon đứng trước cục diện hai chiến tuyến. Tiếp theo ông lại phát động chiến tranh xâm lược nước Nga với quy mô lớn kích động cả châu Âu đứng lên phản đối nước Pháp. Như vậy chiến dịch của Napoleon ở châu Âu đã liên tiếp bị thất bại, đế quốc Napoleon đang lung lay sắp đổ.

Ngày 12 tháng 4 năm 1815 Thượng nghị viện của Pháp quyết định phế truất Hoàng đế. Được sự đồng ý của Toà án, lập tức hai viện liên hợp với nhau và tuyên bố Napoleon thoái vị. Lúc đó, Napoleon 45 tuổi, nhưng ông biểu hiện một sức chịu đựng và sức sống làm người khác phải kinh ngạc. Ông đồng ý thoái vị, và định tự sát, nhưng thuốc độc đã không cho ông chết. Sau đó ông cũng từ bỏ ý định tự sát. Ngày 11 tháng 4, Napoleon cùng nước Áo và Prussia, Nga kí kết một điều ước. Theo điều ước này, Napoleon phải bỏ hết quyền lực của Pháp và đi đày ở đảo Elba.

Đây là một hòn đảo nhỏ nằm giữa đảo Corse và nước Ý. Nhưng tính cách cương nghị, không ngừng vươn lên của Napoleon lại một lần nữa làm ông tung hoành trên đại lục Á - Âu. Napoleon dẫn đầu một đội quân nhỏ dường như không có vũ trang, trốn khỏi hòn đảo nhỏ, đổ bộ lên đất Pháp. Trong vòng 3 tuần ngắn ngủi, ông không hề giết hại một người nào, lại một lần nữa trở thành Hoàng đế của Pháp. Kỳ tích này có được nhờ dũng khí và quyết tâm của Napoleon.

Sau khi vương triều Bourbons nghe tin Napoleon đổ bộ, bèn phái quân đội nhà vua đến trừ bỏ Napoleon. Khi cự ly bắn của súng trường tiếp cận hàng ngũ, Napoleon dùng tay ra lệnh cho binh sĩ của mình dừng lại, một mình ông tiến về phía trước, cởi bỏ áo ngoài, để lộ bộ ngực và nói với binh sĩ nhà vua: "Các anh em binh sĩ! Các bạn có nhận ra ta không?" Trong số các bạn lúc này ai muốn giết vị hoàng đế của mình? Ta sẵn sàng tiếp nhận viên đạn của các người".

Binh sĩ nhà vua đồng loạt hô to: "Hoàng đế vạn tuế", cả một đội quân lớn vây quanh Napoleon, tham gia vào đội quân của Napoleon.

Louis thứ XVIII kinh hoàng tháo chạy, Napoleon vào đến cung Duisburg và một lần nữa lên ngôi Hoàng đế.

Rất nhanh sau đó, các nước châu Âu liên kết thành Liên quân chống Pháp để đối phó với Napoleon. Trong trận chiến Waterloo, Napoleon thắng lợi lớn ở đầu chiến dịch, sau đó ông đã phạm sai lầm lớn trong việc cử chỉ huy quân sự, và bị tướng quân Blucher, đánh bại. Lần này, toà án và nghị viện lại phản bội Napoleon, cuối cùng ông phải chịu theo nghị quyết của Nghị viện và đây là lần thứ hai Napoleon thoái vị. Sau đó, Tổng tư lệnh nước Pháp, Louis Nicolas ký kết thư đầu hàng tại Pari. Louis XVIII dưới sự trợ giúp của quân đội nước ngoài một lần nữa đăng quang ngôi Hoàng đế.

Napoleon khôn khéo viết một bức thư cầu viện gửi tới quốc vương nước Anh. Theo quyết định của các nước đồng minh, Napoleon bị bắt làm tù binh, ngày 16 tháng 10, ông bị giam giữ tại đảo Saint Helena ở Đại Tây Dương.

Cả cuộc đời Napoleon đã có thói quen làm việc không biết mệt mỏi. Mỗi ngày ông làm việc 15 tiếng, thậm chí là 18 tiếng. Phần lớn cuộc sống của ông là cuộc chiến đấu khốc liệt trên chiến trường châu Âu, bây giờ phải chịu đựng cuộc sống tù đầy nhàn hạ, chúng ta có thể cảm nhận được đau khổ và sự giãy vò về tinh thần của ông. Phần lớn thời gian ông đọc sách, dường như mỗi ngày ông đều ôn lại lịch sử cuộc đời mình.

Chiều ngày 5 tháng 5 năm 1821, Napoleon nói những lời cuối cùng "Quân đội... nước Pháp... xông lên..." Sau đó ông từ giã cõi đời.

Cái vĩ đại nhất của Napoleon là ở chỗ, để đạt được những thành tích lớn lao, ông đã có một sức mạnh phi thường và vĩ đại. Ông được William Riedrich gọi là "linh hồn thế giới" trên lưng ngựa, cũng chính là sức mạnh tinh thần, trong hành động và trong thực tiễn. Trước sức mạnh tinh thần vĩ đại ấy, những con người tầm thường không có ý chí, thấy khó mà nản lòng, dè dặt, thiếu quyết đoán mới thấy mình nhỏ bé làm sao? Napoleon, một đấng anh hùng hào kiệt, một vĩ nhân của thế kỷ, người đã từng mang về cho tổ quốc những danh dự và cả tai họa lớn, trong thời gian bị cầm tù và sau khi qua đời, ông đã trở thành thần tượng của thế giới, khắp nơi đều lưu truyền thần thoại về Napoleon. Louis Philipp phái con trai mang chiến hạm quay trở lại đảo Saint Helena lấy di hài của Napoleon. Ngày hôm đó, người dân Pari đứng đông nghịt, mặc cho gió rét, sương tuyết, đưa tiễn linh cữu Napoleon qua Khải Hoàn Môn đến khu kiến trúc cổ ven sông Seine - sảnh đường đỉnh hình tròn dành cho quân nhân khi già yếu, cử hành nghi thức tang lễ hết sức long trọng. Napoleon được an táng trong một công trình kiến trúc to lớn được xây dựng 20 năm trước. Một con người cả cuộc đời luôn nỗ lực vươn lên, chiến đấu không mệt mỏi, cho đến một ngày cuối cùng đặt một dấu chấm tròn.

3- Hemingway - chàng trai kiên cường bất khuất, không chịu cúi đầu

Khi 14 tuổi, ông tham gia đấu quyền anh. Mặt ông đầy máu, nhưng ông không để mình ngã xuống. 19 tuổi ông bước ra chiến trường, hơn 200 mảnh đạn, đầu đạn trên thân thể, cũng không làm ông ngã gục! Vô số những khó khăn, thất bại không đánh gục được ông; hai lần máy bay có sự cố, ông đều đứng dậy từ trong lửa đạn. Cuối cùng, vì không muốn mình trở thành con người yếu đuối, vô dụng, ông đã dùng súng săn tự kết liễu cuộc đời mình. Ông chính là nhà tiểu thuyết kiệt xuất người Mỹ - người từng đạt giải Nobel văn học - ERNEST HEMINGWAY.

Hemingway không sợ khó khăn, gian khổ, không một sự gian nan, thử thách nào đánh gục được ông, tính cách luôn phấn đấu độc lập, ngoan cường ấy của ông đáng là tấm gương cho thế

hệ trẻ noi theo.

Ngày 21 tháng 7 năm 1899 Hemingway được sinh ra tại thị trấn vùng ngoại ô Chicagô, bang Illinois nước Mỹ. Bố của Hemingway là bác sĩ ngoại khoa có tiếng người bản địa. Thời gian rảnh rỗi ông thường thích một số hoạt động: câu cá, săn bắn, rất ít khi Hemingway lấy được súng săn và cần câu từ trong tay bố. Mẹ ông xuất thân trong một gia đình gia giáo, yêu thích nghệ thuật, nhiệt tình với các hoạt động tôn giáo. Mẹ Hemingway rất có ý thức bồi dưỡng tài năng âm nhạc cho ông, nhưng bản thân âm nhạc đã có sức hút mãnh liệt đối với Hemingway.

Khi 10 tuổi, Hemingway bắt đầu làm thơ, lúc 17 tuổi ông cho ra đời tiểu thuyết "Phán đoán của Manitoba". Trong thời gian học trung học, ông cũng công bố các tác phẩm của mình trên tuần san của trường. Khi 14 tuổi, ông đã học quyền anh. Buổi tập luyện đầu tiên, ông bị đánh đến mặt mày bê bết máu, nằm ngã trên mặt đất. Nhưng ngày thứ hai, ông vẫn xuất hiện với vết thương được băng bó. Sau 20 tháng, Hemingway trong lần đầu luyện tập bị đánh vào phần đầu, tổn thương mắt trái, thị lực của mắt sau đó không thể phục hồi.

Sau khi đại chiến thế giới lần I bùng nổ, Hemingway tốt nghiệp trung học. Ông không muốn học tiếp đại học nên ghi tên tòng quân, do thị lực của mắt trái kém, nên không đủ điều kiện nhập ngũ. Nhờ chú họ giới thiệu, Hemingway trở thành ký giả kiến tập của "Báo Ngôi sao", thành phố Kansas City. Tại đây, ông đã học được kỹ xảo viết văn sớm nhất. Báo có các mục: "phong cách đơn văn thể", như "dùng câu ngắn", "ngôn ngữ cuộc sống", "cách dùng động từ", "cắt giảm hình dung từ"... Hemingway rất nhanh chóng nắm được những kỹ xảo này và sớm hình thành phong cách viết văn của bản thân mình.

Tháng 5 năm 1918, Hemingway tự nguyện gia nhập đội cứu hộ hội chữ thập đỏ tại châu Âu, được phong quân hàm trung úy. Một đêm đầu tháng 7, tứ chi, ngực, phần đầu của Hemingway bị bom làm trọng thương. Người ta phải đưa ông tới bệnh viện dã chiến. Đầu gối của ông bị vỡ vụn, trên thân thể ông có đến 230 mảnh đạn pháo và đầu đạn. Ông phải làm 13 lần phẫu thuật, thay đổi một xương đầu gối làm bằng bạch kim, còn lại là những mảnh đạn không thể lấy ra, sẽ ở lại trong cơ thể ông suốt cuộc đời. Ông nằm viện hơn 3 tháng, thì nhận được huân chương Dũng cảm và huân chương Chữ thập đỏ do Chính phủ Italia ban tặng, năm đó Hemingway tròn 19 tuổi.

Sau khi về nước, Hemingway lên miền bắc Michigan, thuê một căn phòng nhỏ và bắt đầu chuyên tâm sáng tác, nhưng những tác phẩm đã gửi đi đều lần lượt bị trả lại, Hemingway rất khổ tâm nhưng không hề nản lòng.

Tại vườn cây cao su ở quê hương, Hemingway kết hôn với một cô gái hơn ông 8 tuổi. Sau đó, họ tới Pari, và ở đây ông quen biết được rất nhiều nhân vật có vai vế trong giới văn học. Họ đều rất coi trọng sự thông minh, cần mẫn, nhiệt tình và sáng tạo của Hemingway.

Năm 1926, tiểu thuyết dài: "Mặt trời cùng mọc lên" của Hemingway ra đời và giành được nhiều lời khen, được dịch ra nhiều thứ tiếng và trở thành tác phẩm mẫu mực, điển hình của những năm 20. Sau khi tiểu thuyết được bán rộng rãi, lớp thanh niên Anh - Mỹ đang lưu vong tại Pari trở nên buồn khổ, không còn niềm tin ở tương lai. Hemingway cũng đã từng có tâm trạng như vậy. Ông cũng đang tuyệt vọng, đang giãy giụa trong bối rối và hoang mang, nhưng ông khác họ ở chỗ, ông rất nhanh chóng thoát ra khỏi tâm trạng ấy, để sáng tác, để phấn đấu và lập chí.

Năm 1929, tiểu thuyết "Giã từ vũ khí" của Hemingway ra đời, tác phẩm này đạt được thành công lớn lao. Chỉ trong vòng 4 tháng, đã bán ra 8 vạn cuốn, sau đó tái bản liên tục.

Sau khi đã thành danh, thu nhập kinh tế ngày càng tăng, Hemingway cùng người vợ thứ hai của ông sống một cuộc sống rất hào phóng, xa xỉ. Họ quyết định đi du thuyền, bắt đầu những ngày mạo hiểm ở khắp nơi. Năm 1933, ông đi châu Phi để săn bắn, du lịch và cho xuất bản cuốn "Núi non châu Phi". Năm 1936, viết xong hai cuốn truyện ngắn "Tuyết ở vùng Kilimanjaro" và "Cuộc sống hạnh phúc tạm thời ở Call". Đây là những truyện ngắn thành công nhất của Hemingway, đều đã được chuyển thể thành kịch bản phim.

Năm 1936, Tây Ban Nha nổ ra nội chiến. Đầu năm thứ hai của cuộc nội chiến, với chức danh là một ký giả, Hemingway đến Tây Ban Nha. Ông cũng cầm vũ khí tham gia chiến đấu. Sau khi thủ đô Madrid bị chiếm đóng, Hemingway rời khỏi Tây Ban Nha.

Năm 1939, Hemingway hoàn thành tiểu thuyết dài ưu tú nhất: "Chuông nguyện hồn ai". Sau khi xuất bản, Hemingway ly dị người vợ thứ hai của mình. Không lâu sau, ông lại kết hôn với một tác giả nữ - Masa, họ cùng nhau tới Trung Quốc hưởng tuần trăng mật. ở đây, ông lại trở thành phóng viên chiến tranh, phỏng vấn cuộc chiến tranh kháng Nhật của nhân dân Trung Quốc.

Sau khi quân Nhật đánh úp vào Trân Châu cảng, Hemingway tham gia hải quân. Ông tham chiến với phương thức độc đáo của mình, ông cải trang du thuyền của mình, trang bị điện đài, súng và mấy trăm cân thuốc nổ. Ông lũng tìm tàu ngầm của quân Đức tại mặt biển phía bắc Cuba, nếu phát hiện ra, ông sẽ tiến nhanh lên phía trước, đánh vào thuyền địch. Hemingway chỉ huy các thủy thủ bám theo tàu ngầm Đức trên biển gần 2 năm, cuối cùng vẫn không tìm được cơ hội lao vào tàu địch.

Năm 1944 Hemingway theo quân đội Mỹ đổ bộ lên Noóc Măngđi- miền Bắc nước Pháp. Ông lại dẫn đội du kích Pháp tiến sâu vào khu vực địch chiếm đóng, thu được nhiều tin tức tình báo, vì thế ông được tặng huy chương đồng. Cũng trong năm này, ông và Masa ly hôn. Tháng 3 năm sau, ông kết hôn cùng Mary. Mary cũng là một nhà báo và đã cùng ông sống trọn 15 năm cuối cùng của cuộc đời.

Trong các tác phẩm của mình, Hemingway xây dựng một loạt nhân vật là những chàng trai kiên cường, bất khuất, không bao giờ bị đánh bại. Đây là cái vĩnh hằng mà Hemingway theo đuổi, đây cũng chính là con người có tính cách kiên nghị, tinh thần ngoan cường, ông khắc họa chính bản thân mình. Hai cuộc chiến tranh thế giới không làm tổn thương đến thân thể ông, cũng không làm tiêu hao nghị lực phi thường của ông. Trong những ngày tháng đầy mạo hiểm đó, rất nhiều lần sự cố xảy ra đã ảnh hưởng nghiêm trọng tới sức khỏe của ông. Trong đại chiến thế giới hai, Hemingway bị tai nạn xe cộ ở Luân Đôn và bị thương rất nặng ở đầu và người đến nổi máu tươi chảy ròng ròng; năm 1954, vợ chồng Hemingway đi châu Phi, cả hai lần đều có sự cố trên máy bay, đầu của ông lại lần nữa bị tổn thương nặng.

Hemingway gặp nhiều khó khăn phải chịu nhiều bất hạnh và tổn thương như vậy. Ông đã từng nói: "Tôi quả thật là đã bị vết thương đầy mình, nên mọi người gọi tôi là người điên ăn đạn", với trạng thái sinh lý và tâm lý của mình, Hemingway hiểu rất rõ như vậy. Sau khi bị tai nạn ở châu Phi, ông đã nói với bác sỹ rằng: "Một ngày nào đó tôi sẽ biến thành một cái xác chỉ đủ để ông nhìn". Tôi không thể sống quá 5 năm nữa, tôi phải nắm chắc lấy thời gian.

Nhưng tất cả những điều này cũng không làm Hemingway ngừng mạo hiểm khám phá, ngừng phấn đấu.

Hemingway động viên sức mạnh, làm cuộc xung kích cuối cùng. Năm 1952 sau khi công bố tiểu thuyết "Ông già và biển cả", tiểu thuyết này đã mang lại cho ông giải thưởng Nobel văn học. Ông lão trong "Ông già và biển cả" chính là hình tượng chàng trai kiên cường cuối cùng của Hemingway.

Sau khi nhận giải Nobel, Hemingway thật sự đã đến gần những năm tháng cuối cùng của cuộc đời, ông cũng không có thêm một tác phẩm nào nữa. Sức khỏe của ông mỗi ngày một yếu dần, viết càng ngày càng khó khăn. Một loạt các chứng bệnh ung thư da, rối loạn trao đổi chất, đái đường, cao huyết áp... của ông đã khiến ông hoàn toàn mất khả năng làm việc - ông không thể chấp nhận một thân thể như vậy. Ngày 2 tháng 7 năm 1961, ông lấy khẩu súng săn hai nòng yêu quý của mình, đặt vào trong miệng, rồi bóp cò. Hemingway đã rời bỏ cõi đời như vậy đó.

Hemingway còn được gọi là chàng trai kiên cường, bất khuất. Đặc trưng tính cách của ông đó là lòng rộng rãi, độ lượng, nhân từ, hoà nhã, dễ gần, nhưng không cây thế lấn át người. Ông có cái dũng khí của một con người thẳng tiến không lùi, không sợ chết chóc, đón đầu. Suy cho cùng, những phẩm chất: không chịu cúi đầu trước khó khăn, anh dũng, không biết sợ, luôn

phần đấu tranh giành vận mệnh là những nét tính cách có giá trị nhất trong phẩm cách của Hemingway.

4- Beethoven - người nắm chắc yết hầu của số phận

Beethoven là nhà soạn nhạc vĩ đại người Đức, những sáng tác tràn đầy bầu nhiệt huyết và phẩm chất khí khái anh hùng của ông có ảnh hưởng to lớn đến sự phát triển của nghệ thuật âm nhạc châu Âu. Cuộc đời ông gặp ghềnh, lật đật mà rực rỡ hào quang, nhân cách vĩ đại, nghị lực hơn người cùng với những tác phẩm âm nhạc của ông luôn dẫn dắt, gợi mở cho thế hệ sau. Roman, nhà văn học Pháp đã gọi ông là: “Đại sứ của sự chân thành và thẳng thắn”.

Cả đời Beethoven có vô vàn nỗi day dứt, dằn vặt và bất hạnh nhưng ông đều vượt qua tất cả nhờ ý chí ngoan cường.

Ngày 16 tháng 12 năm 1770 Beethoven được sinh trên căn gác xép của một ngôi nhà cũ nát ở vùng Cologne nước Đức. Bố ông là một ca sĩ có giọng nam cao, không thông minh lại nát rượu. Mẹ ông là một nô tỳ, một người đàn bà của bếp núc. Trong những ngày thơ bé ấy Beethoven chưa từng cảm nhận sự ấm áp của gia đình, bố ông muốn bồi dưỡng khả năng thiên bẩm về âm nhạc của ông, bắt ông toả sáng như một thần đồng. Khi lên 4 tuổi, ông cả ngày phải luyện tập phím đàn.

Năm 11 tuổi ông tham gia đội nhạc của một rạp hát, 13 tuổi ông là một người chơi phong cầm nổi tiếng, khi 17 tuổi ông mất đi người mẹ yêu quý. Sau khi mẹ mất ông bắt đầu gánh trách nhiệm nuôi dưỡng, giáo dục hai em trai.

Năm 1789 Beethoven vào đại học, học văn học Đức. Sau 3 năm, chiến sự tràn đến vùng đất này, ông lại rời xa quê hương, đến thủ đô âm nhạc của nước Đức - Vienna và được tình cảm ái quốc cổ vũ, ông biên soạn những bài thơ về cuộc chiến tranh đó thành âm nhạc. Cuộc cách mạng đã chinh phục toàn thế giới, chinh phục cả Beethoven. Mặc dù, quan hệ giữa Pháp và Áo rất căng thẳng nhưng Beethoven và người Pháp vẫn duy trì mối quan hệ thân thiết, tình cảm ủng hộ cộng hoà của ông càng thêm kiên định, điều này cũng ảnh hưởng đến cuộc sống của ông về sau.

Trong thời gian này, ông trưởng thành về tài năng âm nhạc do sự hướng dẫn của người thầy giỏi. Ngày 20 tháng 3 năm 1795, ông tổ chức buổi diễn tấu piano đầu tiên tại Vienna. Buổi diễn tấu thành công rực rỡ khiến ông tràn đầy lòng tự tin đối với bản thân. Năm 1795 ông viết trong hồi ký của mình "Tài năng của tôi cuối cùng cũng dành được thắng lợi... 25 tuổi! Chẳng phải đã sắp đến hay sao?" Có người nói ông rất kiêu ngạo, cử chỉ thô lỗ, thái độ trầm cảm, lại mang một âm giọng nội địa điển hình, nhưng trong ông tiềm ẩn lòng từ bi, độ lượng giấu dưới cái vỏ ngoài vụng về, kiêu ngạo, mà chỉ có vài người bạn thân thiết biết được. Khi ông viết thư cho người bạn thân là bác sĩ để thông báo thành công của mình, ý nghĩ đầu tiên là: "Chẳng hạn như tôi gặp một người bạn đang trong tình cảnh quẫn bách, giả như khi đó túi tiền của tôi không đủ để giúp đỡ anh ta, tôi chỉ cần ngồi vào bàn làm việc, trong khoảnh khắc là có thể giải quyết khó khăn của anh ta...".

Thế nhưng, đau khổ cũng đã đến gõ cửa. Trong những năm 1796 đến 1800, tai ông ngày đêm có âm vang bên trong, ông đang phải chịu sự giày vò, đau đớn ghê gớm. Trong những năm lâm bệnh ông giấu mọi người, đến những người bạn thân thiết nhất ông cũng không nói, ông tránh gặp người ngoài, ít người biết ông có bệnh, ông giữ kín cái bí mật đáng sợ này. Về sau không thể im lặng được nữa, ông báo cho hai người bạn của mình - là bác sĩ và mục sư.

Một phần đáng quý nhất của tôi, thính giác của tôi, đã sắp hỏng rồi, khi chúng ta cùng ở bên nhau, tôi đã cảm nhận rất nhiều dấu hiệu của bệnh, tôi đã giấu đi; nhưng từ lúc đó bệnh càng ngày càng tồi tệ.. có thể khỏi được không? Đương nhiên tôi rất hi vọng nhưng điều này thật mù mịt; căn bệnh này không có thuốc điều trị. Tôi đã phải chịu cuộc sống thê lương, lẩn tránh tất cả những người tôi yêu quý, và trở thành một con người đáng thương như vậy trong thế giới này!... Tôi đành phải tìm nơi trú ngụ trong nỗi đau thương ngấm ngấm!".

Trên nỗi đau đớn về thể xác, lại chồng chất thêm một nỗi đau khác- sự thất bại trong tình

yêu. Ông có một quan điểm rất khoan dung, rộng rãi đối với sự thiêng liêng của tình yêu, nhưng cả đời ông lại chỉ là vật hy sinh cho tình yêu, ông không ngừng mộng tưởng hạnh phúc nhưng mộng tưởng cứ tiêu tan, để lại nỗi giày vò đau khổ. Năm 1801 có một cô gái bước chân vào cuộc đời ông, đây chính là Xitniaith, đã được Beethoven nhắc đến trong lời đề tặng của bản hoà tấu "ánh trắng" nổi tiếng. Họ yêu nhau tha thiết nhưng mối tình của họ đã khiến cho ông Beethoven phải trả giá quá cao. Tình yêu làm cho ông cảm thấy sự tàn phế của bản thân và sự trớ trêu của hoàn cảnh, dẫn đến ông không thể lấy được người phụ nữ ông yêu mà Xitniaith lại có tính lẳng lơ, trẻ con ích kỷ làm cho ông càng thêm buồn khổ. Năm sau, bà được gả cho một vị bá tước. Đòn đánh này huỷ hoại tâm hồn ông, đặc biệt là lúc bệnh tật càng làm tâm hồn ông trở nên yếu đuối. Đời ông có một lần, dường như đã đến ranh giới của sự điên loạn. Ông viết di chúc để lại cho anh em Cater và Giôn: "Đợi sau khi tôi chết mới mở ra", Beethoven đã kết thúc cuộc đời mình như vậy.

Nhưng Beethoven không chịu khuất phục, ông sống một cách ngoan cường, bản tính cương nghị của ông không khuất phục trước gian nan. Ông nói: "Tôi phải nắm giữ vận mệnh của mình, nó quyết không thể khuất phục. Aha, con người có thể sống 100 lần, thì thật tuyệt vời!" Tình yêu, nỗi đau, ý chí và cả những tình cảm vui buồn, kiêu gạo hay khi hư hỏng, sa đà của ông đều được phản ánh trong các tác phẩm của ông, có bản "hoà tấu đau thương" có khúc hoà tấu tiến hành tang lễ, có cả bản hùng ca tôn giáo bi tráng thảm thương... Nhưng tâm hồn Beethoven thì không hoàn toàn sầu khổ, các tác phẩm được sáng tác trong thời kỳ ông đau khổ vẫn có những khúc nhạc vui tươi, phản ánh tình yêu nhiệt thành, trong sáng của người thanh niên trẻ - con người luôn khao khát tình yêu và hạnh phúc.

Trong các tác phẩm của Beethoven có hành khúc tiết tấu nhanh, mạnh. Khi đại quân của Napoleon sắp chiếm giữ thành Vienna nơi Beethoven cư trú, ông viết "bản giao hưởng anh hùng", trong bản đầu tiên đề mục "Donapante", ông gọi Napoleon là thiên tài cách mạng trong lý tưởng; khi nghe tin Napoleon xưng đế, ông nói "ông ta chẳng qua cũng chỉ là một con người phàm phu tục tử".

Năm 1806, Beethoven viết "Bản giao hưởng số 4" một đôi tai tinh tế chứa đựng bao hương hoa của những ngày bình yên trong cuộc đời ông. Vào tháng 5 năm 1806, ông đính hôn cùng Salantô, em họ của Xitriaith. Khi còn là một cô bé, Salantô đã cùng Beethoven học Piano. Tình yêu của họ mãnh liệt mà rung động lòng người nhưng kết cục cuối cùng hôn ước của hai người bị huỷ bỏ.

Mười năm sau, Beethoven còn nói "khi tôi nhớ đến cô ấy, tim tôi muốn nhảy ra khỏi lồng ngực, như ngày đầu tiên tôi nhìn thấy cô ấy". Những năm cuối đời, một người bạn học vô tình gặp Beethoven đang ôm bức chân dung của Salantô vừa tự khóc vừa tự nói với mình "Em đẹp như thế này, vĩ đại như thế này, giống như vị thiên sứ vậy?" Năm 1814 là đỉnh cao vinh quang của Beethoven. Trong hội nghị tại Vienna, ông được coi là niềm vinh dự của châu Âu. Trong tiệc chúc mừng, ông rất sôi nổi, những người thân vây quanh chúc mừng ông.

Tiếp sau những vinh quang này, là thời gian bi thảm nhất. Tai của Beethoven bị điếc hoàn toàn. Từ mùa đông năm 1815 ông chỉ có thể giao tiếp, nói chuyện với mọi người trên giấy. Năm 1822, Beethoven muốn tự mình chỉ huy buổi hoà tấu cuối cùng, mọi thứ đều rõ ràng nhưng ông hoàn toàn không nghe thấy lời hát trên sân khấu, ông kéo dài khúc nhạc ra rất nhiều. Khi đội nhạc theo gậy chỉ huy của ông, ca sĩ trên khán đài tự mình tiến về phía trước, kết quả là mọi thứ bị xáo trộn. Không có người nào nhần tâm nói ra sự thật đó với Beethoven, mọi người đều lẳng lơ không to tiếng. Người bạn của ông trong cuốn sổ tay đàm thoại đã viết: "Xin ông đừng tiếp tục, sau khi trở về tôi sẽ nói với ông lý do".

Ông chạy thẳng về nhà, nằm vật vã đến tận giờ ăn cơm tối. Khi ăn cơm, ông không nói một lời nào, giữ khư khư tâm sự đau khổ trong lòng.

Nhưng sự ngoan cường của Beethoven lại không hề bị khuất phục. Trong sâu thẳm của nỗi đau đớn, Beethoven vẫn ẩn giấu một niềm vui và ông đã đem những nốt nhạc vui ấy vào trong tác phẩm của mình, ngay cả trong những ngày cuối cùng của cuộc đời mình, trong "bản giao

hưởng số 9" cuối cùng ông mới hoàn thành tâm nguyện. Trong những âm điệu (chương nhạc) sôi nổi đó, chúng ta có thể nghe thấy hơi thở của Beethoven, tiếng ông gào thét, thấy những ngày tháng ông chạy băng băng trên cánh đồng, như say như loạn, tình cảm kích động, dường như cả loài người đều hướng lên bầu trời mà giang rộng cánh tay.

Ngày 26 tháng 3 năm 1827, Beethoven mãi mãi từ biệt thế giới này trong một buổi chiều mưa to gió lớn, sấm chớp rền vang.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>